

LÊ DUY KỲ
1766-1793
ĐÁNG THƯƠNG HAY ĐÁNG TRÁCH?
Nguyễn Duy Chính

*A historian who swears to tell nothing but the whole truth,
would thereby take a vow of eternal silence.*

Một sử gia thề rằng mình chỉ nói hoàn toàn sự thật
thì cũng chẳng khác gì tuyên thệ giữ yên lặng suốt đời.

David Hackett Fischer

Historians' Fallacies:

Toward a Logic of Historical Thought

New York and Evanston: Harper & Row, Publishers, 1970

Tr. 66

LỜI NÓI ĐẦU

Nói tên Lê Duy Kỳ có thể ít người biết nhưng nếu nói đến vua Chiêu Thống thì phần lớn chúng ta hình dung ra một ông vua nhiều tội lỗi, đáng nguyên rủa. Vua Chiêu Thống [dưới triều Nguyễn được đặt tên thụy là Mẫn Đế nghĩa là ông vua đáng thương] là vua cuối cùng của triều Lê, trị vì chỉ một thời gian rất ngắn. Người lãnh đạo sau cùng của triều đại thường được ghi nhận một cách thiếu thiện cảm – kẻ thất bại bao giờ cũng có lỗi và đáng trách nhiều hơn đáng khen – từ Bảo Đại nhà Nguyễn, Phổ Nghi nhà Thanh, hay Sùng Trinh nhà Minh. Tuy nhiên, không phải lịch sử mãi mãi đều lập lại một quan điểm, nhiều giai đoạn, nhiều nhân vật đã được đánh giá lại cho chính xác.

Cuối thế kỷ XVIII nước ta đầy biến động. Cuộc nổi dậy của anh em Tây Sơn không những chấm dứt vương quyền chúa Nguyễn ở Nam Hà mà còn diệt luôn chúa Trịnh ở miền Bắc đưa đến sự sụp đổ nhà Lê, triều đình chính thống của Việt Nam trong gần 400 năm.

Tuy nhiên Tây Sơn cũng không giữ nước được lâu và chỉ chưa đầy 20 năm thì chính họ cũng bị tiêu diệt. Sự thay đổi nhiều thế lực, nhiều vương quyền quá nhanh trong một thời gian ngắn khiến cho sử sách viết về thời kỳ này bao gồm đủ loại khuynh hướng, nếu chỉ nhìn một phía chắc chắn chúng ta sẽ vừa thiếu sót, vừa thiên vị. Một triều đại qua đi, những người hoài vọng thường có khuynh hướng đề cao người đi trước và trút trách nhiệm cho người không may mắn phải ở vào vị trí sau cùng.

Trong vài chục năm qua, không ít những tác phẩm miêu tả một thời kỳ cũ bằng lăng kính chính trị mới. Khi cần đề cao tinh thần chống xâm lăng - dù là từ phương Bắc hay từ phương Tây - người ta thích huyền thoại hoá nhân vật Nguyễn Huệ, và lẽ dĩ nhiên để làm nổi bật một cá nhân ở phía này thì cũng phải hạ thấp một đối tượng ở phía khác. Chính vì thế, Nguyễn Ánh cũng như Lê Duy Kỳ đều bị miêu tả dưới những tội danh “*bán nước*”. Những bản án nặng nề đó chưa hẳn đã vì tội trạng của đương sự mà chỉ để làm sáng tỏ chính nghĩa trong công tác động viên quần chúng đánh đuổi ngoại xâm.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng không thể bỏ qua chủ tâm nguyên thủy của chính triều Nguyễn đã cố ý viết sai lạc về đối phương. Giai đoạn cuối triều Lê và suốt thời kỳ Tây Sơn được viết nhằm trám vào một khoảng trống của lịch sử chứ chưa hẳn đã là trình bày sự thật khách quan về những gì đã xảy ra tại miền bắc. Để bảo vệ và đề cao vai trò của mình, triều Nguyễn không chỉ bôi đen anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ mà còn nỗ lực xoá nốt tính chất chính thống của vua Lê. Với nhà Tây Sơn, vua Gia Long đuổi tận giết tuyệt nhưng lòng người không oán thán nhiều vì anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ lên ngôi chưa lâu, ơn đức chưa đủ thấm vào quần chúng. Trái lại, nhà Lê mấy trăm năm qua tuy không có thực quyền, ngôi vua chỉ là hư vị nhưng công lao của nhiều đời nên tuy đã diệt vong mà tâm tình “*hoài Lê*” vẫn còn âm ỷ và day dứt, một mạch nước ngầm chảy trong huyết quản của người dân Bắc Hà. Tới hậu bán thế kỷ XIX, khôi phục Lê triều vẫn còn được sử dụng như một chiêu bài trong những cuộc nổi dậy.

Vào những năm cuối của triều đại Tây Sơn, không hiếm cự thần nhà Lê vẫn tưởng Nguyễn Ánh đang đóng vai “*phục quốc*”, thành công rồi sẽ lại tôn Lê như bao nhiêu đời chúa trước. Trên giấy tờ, Nguyễn Ánh vẫn dùng niên hiệu Cảnh Hưng. Chúa Nguyễn cũng đã cho người liên lạc với con cháu và cự thần tiền triều [kể cả việc sai người sang Trung Hoa tìm Lê Chiêu Thống] để ước hẹn khởi binh và một nhà nho đã “*bịa ra lời của Nguyễn công [tức chúa Nguyễn] làm bài*

*hịch Dụ Bắc thành trung nghĩa hào kiệt gửi cho người quen mọi nơi, tỏ ý đang đem quân ra Bắc diệt giặc phù Lê, và bảo những người trung nghĩa với Lê cất quân đánh giặc*¹. Chính vì thế, tuy Nguyễn Huệ xử với cựu triều không đến nỗi nghiệt ngã [ngoại trừ những người nổi lên chống lại triều đình] sĩ phu Bắc Hà vẫn coi ông như một “ông Ấc”, ngược lại chúa Nguyễn được miêu tả như một “ông Thiện”. Câu hát “*lạy trời cho cả gió nổi, cho thuyền chúa Nguyễn giông buồm thẳng ra*” là một thí dụ điển hình về cuộc chiến tranh tâm lý cuối thời Tây Sơn.

Đến khi sắp sửa thành công, Nguyễn Ánh không còn phải tiếp tục tôn phò nên dứt khoát dùng niên hiệu Gia Long, xác định là một vị hoàng đế mới. Triều đình chính thức và hợp pháp của An Nam lúc đó là nhà Tây Sơn không còn được Trung Hoa yểm trợ - vì quan điểm đối với An Nam của vua Nhân Tông [Gia Khánh] khác hẳn vua cha Cao Tông [Cần Long] - nên chúa Nguyễn không phải chuẩn bị một cuộc chiến đối đầu với Trung Hoa như Nguyễn Quang Bình [Nguyễn Huệ] đã làm mà còn được nhà Thanh ám trợ đẩy anh em Nguyễn Quang Toàn vào tuyệt lộ.

Nhằm thực hiện công việc một nả bắn hai chim, triều Nguyễn dùng ngay hào quang chống xâm lăng của Tây Sơn [nay đã bị diệt] để truất đi cái mệnh trời của Lê triều đã kéo dài gần 400 năm. Không thể tru di tông thất nhà Lê giống như nhà Trần với nhà Lý, nhà Hồ với nhà Trần, tân triều nhấn mạnh vào sự bạc nhược vô dụng [và phản quốc] của ông vua đã thất thế. Song song với việc tiêu trừ dư đảng Tây Sơn, những cuộc truy quét qui mô để xoá bỏ những giấy tờ, tài liệu, ấn tín... liên quan đến cựu triều cũng được nhà Nguyễn tiến hành qua nhiều đợt khác nhau.

Cảm thấy sự thờ ơ của triều đình đối với miền Bắc – mà người ngoại quốc cũng nhận ra rằng nhà Nguyễn coi như một thuộc địa – và e rằng nhiều sự thật rồi đây cũng sẽ mai một không bao giờ được biết tới, một số sĩ phu Bắc Hà tự làm công việc sưu tầm, ghi chép những gì xảy ra vài chục năm trước, trong đó có hai tác phẩm với nhiều tài liệu giá trị còn tồn tại được đến ngày nay là *Lịch Triều Tạp Ký* (Ngô Cao Lãng)² và *Quốc Sử Di Biên* (Phan Thúc Trục)³.

Tuy nhiên, những tác phẩm đó cũng chỉ được giới nghiên cứu coi như tài liệu bổ di, không được dùng để thay thế các bộ sử do sử quán triều đình biên soạn. Để trả lại công bằng, thiết tưởng chúng ta cũng cần phải cải chính một số chi tiết và đánh giá lại một số nhân vật mà tiểu sử, hành vi vốn đã trở thành kinh điển vì rập theo hai bộ sử cơ bản do triều đình [thời Nguyễn] soạn ra là *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* hay *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* [chi tiết trong hai bộ sử này khi được soạn thảo vào cuối thế kỷ XIX có lẽ cũng chỉ rút ra từ một số ký sự lưu truyền thời bấy giờ như *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (Ngô Gia Văn Phái), *Lê Quý Ký Sự* (Nguyễn Thu), *Lê Quý Dật Sử* (khuyết danh)...]

Tại sao cần đánh giá lại vua Chiêu Thống?

¹ Hoàng Xuân Hãn, “Phe chống đảng Tây Sơn ở Bắc với tập Lữ Trung Ngâm”. Saigon: Tập san Sử-Địa 21 (1-3, 1971), tr. 15

² Ngô Cao Lãng [hoặc Lê Cao Lãng], tự Lệnh Phủ, hiệu Viên Trai, quê ở Thanh Hóa, đỗ hương cống năm Đinh Mão (1807) làm đến tri phủ. *Lịch Triều Tạp Ký* một bộ 6 quyển, nay chỉ còn I, II, III, IV và VI [thiếu quyển V]. Những quyển này đã được Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu dịch (Hà Nội: KHXH, 1995)

³ Phan Thúc Trục [1808-1852] hiệu Dưỡng Hạo, người Nghệ An đỗ Thám Hoa năm Thiệu Trị thứ 7 [1847], làm quan trong Nội Các rồi sang Tập Hiền Viện thị giảng, sung Kinh Diên khởi cư chú [ghi chép những việc thường ngày của vua]. *Quốc Sử Di Biên* gồm 3 tập: thượng, trung, hạ chép ba đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị. Hiện nay có hai bản dịch đã ấn hành, Hồng Liên Lê Xuân Giáo [mới chỉ có quyển thượng, các quyển sau chưa in] (Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1973) và Đỗ Mộng Khương, Viện Sử Học Hà Nội (Hà Nội: VHTT, 2009).

Tháng 12 năm 1924, trên tạp chí Nam Phong số 90, phần Hán Văn có khởi đầu một biên khảo đăng 5 kỳ [chấm dứt ở Nam Phong số 95, 1925] nhan đề *Tang Thương Lệ Sử* [桑滄淚史] do Hàm Giang Đinh Lệnh Uy [邯江丁令威] biên soạn, Sở Cuồng Lê Dư viết tựa. Đây là một tập tài liệu khá đầy đủ viết về cuộc đời và thân phận lưu vong của vua Chiêu Thống mặc dầu chủ yếu vẫn dựa theo tài liệu triều Nguyễn và *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*.

Hai mươi năm sau, một tác phẩm khác bằng quốc ngữ nhan đề *Bánh Xe Khử Quốc* do Phan Trần Chúc soạn, được nhà xuất bản Đời Mới ấn hành ở Hà Nội⁴. Tuy chưa phải là những tài liệu biên khảo qui mô, hai tác phẩm này cũng nói lên phần nào cảnh ngộ bi phần của một ông vua vong quốc mà hoàn cảnh trở trêu đã trở thành miệng tiếng của người sau.

Lê Duy Kỳ sinh ra và lớn lên phải chịu những lưỡi gươm treo lơ lửng trên đầu trong nhiều năm. Ông không phải là một hoàng tôn sống trong nhung lụa mà là một trẻ mồ côi đầy bất hạnh, sống chết trong tay người, có thể táng mạng vì một lý do thật nhỏ nhặt. Ông chìm vào quên lãng và chỉ được lôi ra từ nhà ngục vì một duyên may khi kẻ thù của gia đình ông [họ Trịnh] đang tan rã nên các phe phái tranh giành cần một biểu tượng cho hoàng gia. Thành thử khi nắm quyền nếu quả ông có một chút khắc bạc hơn bình thường cũng không phải là điều đáng ngạc nhiên. Đó là lý do sâu xa khi ông ra lệnh đốt và phá huỷ một số cung điện của chúa Trịnh mà Hoa Bằng cho rằng “*nhỏ nhen hẹp hòi*”⁵ hay mỗi cảm tức ngấm ngấm khi thấy anh em Tây Sơn cũng lại đi vào con đường lần lượt của một thứ chúa mới.⁶

Trong suốt cuộc đời 28 năm, Lê Duy Kỳ hầu như chỉ được làm vua trên danh nghĩa, luôn luôn bị những thế lực khác cầm quyền thay. Mà thời gian ông còn được gọi là vua ấy cũng rất ngắn bao gồm ba giai đoạn:

Giai đoạn I: (21 tuổi) Từ khi lên ngôi tháng Bảy năm Bính Ngọ (1786) đến lúc xuất biên tháng Chạp năm Đinh Mùi (1787) tính ra khoảng 16 tháng trong một thời kỳ rối mù, loạn lạc khắp nơi.

Giai đoạn II: (22 tuổi) Từ tháng Chạp năm Đinh Mùi (1787) đến tháng Một năm Mậu Thân (1788), trong khoảng một năm ông bốn ba chạy từ nơi này sang nơi khác qua lại không dưới mười chỗ ở khác nhau, nhiều lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Tuy danh nghĩa là vua nhưng nhiều kẻ lại coi ông là một món hàng, để lợi dụng cũng như để buôn bán.

⁴ *Bánh Xe Khử Quốc* (Hà Nội: Đời Mới, 1945), (Saigon: Chính Ký, 1952) và được tái bản dưới tựa đề “*Cuộc Đời Trôi Nổi và Đau Thương của vua Lê Chiêu Thống*” (Hà Nội: VHTT, 2000)

⁵ “Lời người dịch” của Hoa Bằng trong Ngô Cao Lãng, *Lịch Triều Tạp Ký* (1995), tr. 13. Thực ra việc vua Chiêu Thống cho phá huỷ cung điện của họ Trịnh là để dứt khoát không cho một quyền thần nào khác có cơ hội dựng lại phủ Chúa [mặc dù sau đó lại bị một số lãnh chúa mới ép ông phải tái lập họ Trịnh]. Tuy nhiên, vì thói quen trong nhiều trăm năm, người nào nắm đại quyền đều muốn biến mình thành một thứ Chúa mới, dù là Nguyễn Huệ, Nguyễn Hữu Chỉnh hay Đinh Tích Nhưỡng... Đó cũng là một trong những lý do mà nhiều người đã chạy theo Tây Sơn rất sớm mà không một chút mặc cảm là phản bội nhà Lê.

⁶ Khi vua Lê Hiển Tông sắp mất có trời lại là “*Sau khi ta nhắm mắt rồi, truyền nói là việc trọng đại, cháu [Lê Duy Kỳ] nên nhất nhất bẩm báo để Nguyễn Văn Huệ biết...*” Thế nhưng khi vua Hiển Tông qua đời, Lê Duy Kỳ tự phát tang rồi nối ngôi sau mới báo cho Nguyễn Huệ biết. Ông còn nói: “*Lên ngôi ngay ở trước linh cữu là theo lễ đấy*”. Xem *Lịch Triều Tạp Ký*, q. IV (1995), tr. 581 và *Lê Quý Kỳ Sự* (1974), tr. 41. Thực ra việc này không có gì sai trái vì Nguyễn Huệ là người ngoài, không thể can thiệp vào những việc của triều đình miền Bắc.

Giai đoạn III: (23 tuổi) Từ cuối tháng Một năm Mậu Thân (1788) đến đầu tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), khoảng chừng 1 tháng trong vai bù nhìn, dưới quyền bảo hộ của quân Thanh.

Khi Tôn Sĩ Nghị bại trận, ông chạy theo sang Trung Hoa, chấm dứt sự nghiệp làm vua để sống nhờ nơi đất khách từ tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789) đến tháng Mười năm Quý Sửu (1793) khi ông qua đời (từ năm 23-27 tuổi). Những năm làm vua đã khôn khổ, đến lúc xuất bôn – dù ở trong nước hay ở ngoài nước - thì cũng chỉ toàn những cảnh ngộ éo le, đầy nước mắt.

Đánh giá kỹ, cuộc đời ông chỉ được hơn hai năm gọi là yên ổn – từ tháng Giêng năm Cảnh Hưng 44 (Quý Mão, 1783) khi được thả ra khỏi ngục sống bên cạnh ông nội là vua Hiến Tông trong vai hoàng thái tôn để chuẩn bị nối ngôi thay người cha bất hạnh là thái tử Duy Vĩ. Dù ngôi vua của nhà Lê chỉ là hư vị và luôn luôn bị đe dọa bởi phủ Chúa, ông sống tương đối yên lành đến khi quân Tây Sơn ra Bắc diệt họ Trịnh năm Bính Ngọ (1786) tắt cả chừng 2 năm rưỡi. Có lẽ đây là thời gian duy nhất ông được học hành, dạy bảo lễ nghi để chuẩn bị đóng giữ vai quốc trưởng. Số thơ văn ít ỏi ông để lại và hành trạng làm vua cho thấy tư chất ông không đến nỗi tầm thường.

Cũng trong thời gian này, ông lập gia thất với bà Nguyễn Thị Kim⁷, hơn ông một tuổi, dường như là cháu họ của mẹ ông, người vẫn bị sử sách gọi là thái hậu với nhiều ác ý. Hai người vừa có được con trai đầu lòng [đặt tên Lê Duy Thuyên] thì một lần nữa kinh đô bị xâm phạm nên tan tác chồng một nơi, vợ một nẻo.

Những đề cập về Lê Duy Kỳ trong sách vở đều cho rằng ông hèn yếu, kém khả năng tương như khi làm vua ông vẫn được hành động hoàn toàn tự do theo chủ kiến và ý thích riêng của mình. Thực tế cho thấy mỗi quyết định, mỗi biến chuyển đều có những nguyên nhân rất xa không dễ dàng phát hiện. Cuộc đời vua Chiêu Thống – cũng như chiếc ngai vàng của nhà Lê những năm sau cùng - chỉ là một chiếc lá giữa dòng, mặc cho nước cuốn tới đâu thì cuốn, không thể nào cưỡng lại được.

Để nhận định về vua Chiêu Thống cho được công bằng, chúng ta cần nhìn lại con người trong thời buổi mà ông sống, không thể chỉ dựa vào yêu ghét qua “*tin đồn*”. Ông chỉ là một con chim trong lồng, một bóng mờ chính trị, một người bị rơi vào giữa một đám đông xô đẩy, mọi vấn đề đều do những sắp xếp ngoài tầm tay. Ngay cả những chi tiết mà người tôn phò nhà Lê thuật lại lắm khi cũng chỉ là “*ảo giác chính trị*” khi thất thế.

⁷ Xin xem thêm “Liệt Phi Nguyễn Thị Kim, người đàn bà bất hạnh”, biên khảo của NDC.

PHẦN I

ĐÀNG NGOÀI CUỐI THẾ KỶ XVIII

Từ khi nước ta chia ra thành hai phần - Đàng Ngoài và Đàng Trong - tuy trên danh nghĩa cùng thần phục nhà Lê nhưng miền bắc thì chúa Trịnh nắm giữ quyền hành, miền nam chúa Nguyễn làm chủ. Vì vị trí khuất nẻo nên miền bắc khó thông thương với bên ngoài, thuyền buôn ngoại quốc phần lớn chỉ ghé các bến đỗ ở Đàng Trong tuy các nhà truyền giáo vẫn tiếp tục ra vào Đàng Ngoài để thi hành các sứ mạng của họ. Hoàn cảnh địa lý đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình nước ta và nhiều biến cố trọng đại ít nhiều bị ảnh hưởng.⁸

Việc thiếu thông thương đó đưa đến hậu quả là tin tức về miền bắc cũng trở nên hiếm hoi hơn, ít được người ngoại quốc đề cập đến so với tài liệu về Đàng Trong. Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, các cuộc nội chiến giữa Lê – Trịnh và Mạc, hay Trịnh và Nguyễn xảy ra liên tục nên các thương gia cũng không mấy ai muốn mạo hiểm để vào buôn bán. Người Anh và người Hoà Lan thiết lập cơ xưởng sản xuất cũng chỉ tồn tại một thời gian rồi phải đóng cửa.

Chính sách về ngoại thương là độc quyền của triều đình, mua hay bán sản phẩm đều bị kiểm soát nghiêm ngặt. Người Hoà Lan từ Macao sang miền bắc chỉ đặc biệt chú trọng đến tơ lụa cốt để đem sang Nhật Bản bán lấy lời và thương vụ chủ yếu của người Nhật đến Đông Nam Á cũng là tơ lụa chưa chế biến (raw silk).⁹

Tuy ít được người nước ngoài biết đến, Thăng Long – thường được gọi dưới tên Đông Kinh hay Kẻ Chợ – ở thế kỷ XVII là một thị trấn lớn so với những thành phố khác ở Á Châu. Nhiều giáo sĩ đến nước ta thời đó cho biết kinh đô Thăng Long có đến hơn 20,000 nóc gia, tính ra dân số khoảng 100,000 người. Con số này có lẽ được phóng đại vì nhu cầu truyền giáo hơn là thực tế. Theo Baron trong *A Description of the Kingdom of Tonqueen* viết cuối thế kỷ XVII thì cung điện vua Lê có tường gạch bao quanh còn dinh chúa Trịnh thì làm bằng gỗ.¹⁰

Về sau, ngôi vua của nhà Lê chỉ còn là hư vị nên cung điện hư nát nhiều mà không có tiền tu sửa. Sau những năm chiến tranh, đến cuối thế kỷ XVIII thì Thăng Long gần như hoang phế, mùa màng thất bát, đói kém xảy ra ở khắp nơi, không còn là nơi đô hội như trước nữa. Năm Mậu Tuất (1778) thóc lúa dân tích trữ không còn gì, giá gạo cao vọt, chỗ nào cũng có người chết đói.¹¹

Khi quân tam phủ nổi loạn, nhiều dinh thự đền đài bị đốt phá nên kinh thành lại càng xơ xác. Nguyễn Huệ cũng ra lệnh phá hủy nhiều công trình kiến trúc để lấy vật liệu về xây kinh đô mới ở Nghệ An. Khi quân Tây Sơn rút ra khỏi kinh thành, các thổ hào từ mạn ngược vào chiếm Thăng Long, cũng đốt phá sạch trước khi bỏ đi.

1.1. GIA VONG

1.1.1. SỰ LÔNG QUYỀN CỦA HO TRINH

⁸ Đáng để ý là những bản đồ cũ của người Tây phương vẽ về Việt Nam, vịnh Bắc Việt thường là một tam giác đến tận gần Thăng Long. Dường như chỉ vài thế kỷ trước, khu vực duyên hải còn là biển vào sâu trong đất liền.

⁹ Alastair Lamb, *The Mandarin Road to Old Hué* (1970), tr. 20

¹⁰ Samuel Baron, 'A Description of the Kingdom of Tonqueen' [vol 6 trong bộ *A Collection of Voyages and Travels* (6 vols.)] Churchill, (London: 1746), trích lại theo Alastair Lamb (1970), tr. 32. Tôn Sĩ Nghị khi vào thành Thăng Long miêu tả cung điện vua Lê không lấy gì làm khang trang, chỉ là những căn nhà gỗ lợp ngói.

¹¹ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLV, tr. 3, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 735 chép tháng Tư năm Đinh Dậu (1777) thời Trịnh Sâm "... luôn mấy năm, trấn Nghệ An mất mùa đói kém, thầy chết đói nối liền với nhau."

Năm Giáp Thìn (1664), Tây Vương Trịnh Tạc yêu cầu vua Lê Huyền Tông (mới có 10 tuổi) ban cho mình điển lễ đặc biệt “vào châu vua không phải lạy, tờ chương tấu không phải xưng tên, khi lâm triều ngồi bên tả chỗ ngồi của vua” mà sử thần đã phê là đến như “*Đổng Trác, Tào Tháo nhà Hán, Lưu Dụ nhà Tấn chưa từng làm mà Tạc dám làm*”.¹² Năm Mậu Thân (1668), Trịnh Tạc lại nhân chiến công đánh họ Mạc tự gia phong là Đại Nguyên Soái Thượng Sư Thái Phụ Tây Vương. Dân gian vì thế gọi các chúa là Thượng Sư [kể cả chúa Nguyễn ở Nam Hà cũng bắt chước] nên người ngoại quốc thường nhắc đến dưới cái tên “Ong Chiang Su” [Ông Thượng Sư].

Vua Lê được hưởng thực ấp một nghìn xã, còn chúa Trịnh chủ động mọi việc hành chánh quân sự, kể cả phế vua nọ lập vua kia để dễ bề thao túng. Trịnh Tạc lại phong cho con là Trịnh Căn làm nguyên soái, văn thư phủ chúa ban ra tiếm xưng “*lệnh dụ*”. Đến đời các chúa Trịnh Cương (Nhân Vương), Trịnh Giang (Thuận Vương) lại càng quá quắt. Trịnh Giang là người “*ngu tối, uơu hèn*”¹³, tự phong làm Nguyên Soái, Thống Quốc Chính, Uy Nam Vương, vu cho vua Vĩnh Khánh (Lê Duy Phường) tội thông gian với vợ Trịnh Cương để phế đi, lập Lê Duy Tường lên ngôi, niên hiệu Long Đức.

Năm Kỷ Mùi (1739), Trịnh Giang giả thác là sứ thần nhà Thanh phong cho làm An Nam Thượng Vương, có ý muốn cướp ngôi nhà Lê. Năm sau, Trịnh Doanh (Ân Vương) lên ngôi vương, tôn Trịnh Giang làm Thái Thượng Vương. Từ đó trở về sau, vua Lê hầu như không còn quyền hành gì nữa. Để che đậy cảm xúc, vua Hiến Tông phải tiêu khiển hưởng nhàn nên ông làm vua rất bèn (47 năm), qua mấy đời chúa Trịnh. Lê Hiến Tông chính là ông nội của Lê Duy Kỳ, người sau này lên ngôi niên hiệu Chiêu Thống.

Phạm Đình Hồ thuật lại trong *Vũ Trung Tùy Bút* như sau:

Bùi công Huy Bích 裴輝璧 có nói rằng: Họ Trịnh từ đời Nhân-vương (Trịnh Cương) trở về trước, còn giữ thần lễ [lễ bầy tôi với vua]. Các quan liêu-thuộc trong phủ chúa Trịnh, mới đặt có Hộ-phiên, Binh-phiên, Thủy-sư-phiên và Lịnh-sử-phiên mà thôi, trong triều vua Lê lục-bộ còn chưa đến nỗi thất-chức.

Trăm quan vào tâu việc đối với chúa Trịnh thì xưng mình là “ngu”. Chúa Trịnh có ra phủ-đường coi chính sự, thì bách quan đội mũ bình-đỉnh, mặc áo thanh-cát vào tham bái đứng hầu. Quan đại-thần ở phủ bộ vào bái-yết xong thì lên chỗ ngồi, đó là theo cái lễ vào tham-yết ở chốn tướng phủ. Khi nào nhà chúa khai-các ra tiếp-kiến tân-khách, thì bách quan đội khăn lương, khăn yếm-vĩ, mặc áo thanh-cát, vào bái yết xong rồi thì cứ theo thứ tự mà ngồi, khoản tiếp phù-trà¹⁴ tử tế, đó là theo cái lễ tướng phủ ra tiếp khách.

Khi ấy nhà chúa có vào châu vua Lê, theo lệ tuy đã miễn-bái, nhưng khi chúa Trịnh nào mới được thụ sắc-phong ra thân chính thì cũng phải thân-hành vào triều-bái vua Lê. Đời vua Lê Hi-tôn lên thượng-thọ tám mươi, chúa Trịnh Nhân-vương cũng mặc áo triều-phục vào đứng ở bên hữu long-trì, thân ra đón-dã trăm quan vào lạy mừng. Vua Lê sai giải chiếu thất-trùng ở nơi bái-vị của chúa Trịnh để tiêu-biểu ra cho khác.

Đến khi Trịnh Thuận-vương (Trịnh Cường) (sic) [tức Trịnh Giang] nối ngôi, mới đặt ra Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công sáu phiên, cướp mất cả quyền quan Lục-bộ, lấy chức

¹² *Khâm Định Việt Sử*, quyển XXXIII, tr. 9, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 305

¹³ Theo mật khẩu của Nguyễn Công Hãng là thầy dạy của Trịnh Giang

¹⁴ Trà và trầu

chưởng-thự tham-bồi làm quan chính-phủ đại-thần, từ bảy giờ chốn triều-đường vua Lê chỉ là hư-thiết mà thôi. Các quan vào tâu chúa Trịnh thì đổi chữ “ngu” xưng là “thần”. Chúa Trịnh ra thân-chính ở phủ-đường thì gọi là “thị triều 視朝”, khi nào ra tiếp khách ở ngoài các thì gọi là “khách triều 客朝”. Quan đại thần ở chốn phủ-bộ phải đợi chỉ nhà chúa cho ngồi mới được ngồi, thì gọi là “tọa đường 坐堂”. Còn cái lễ nhà chúa vào triều-bái trong nội điện vua Lê thì bỏ đi không hỏi đến nữa.

Nhà chúa có truyền chỉ ra thì trước kia vẫn gọi là lệnh-chỉ, sau này quyền-chính đều về nhà chúa, đệ-niên cứ đầu xuân ngày khai tử-ấn thời yết tờ lệnh-chỉ mới ra ngoài phủ-đường hoặc ngoài cửa các. Các quan võ-giai xuất thân và chức câu-kê trong sáu cung đều phải có lệnh-chỉ ban cho cả, còn các việc khác mà do nhà chúa truyền ra thì xưng là chỉ-truyền hay là chỉ-dụ, hoặc xưng là ngự là thánh cũng không khác gì như trong nội-điện vua Lê vậy.¹⁵

¹⁵ Phạm Đình Hổ, *Vũ Trung Tùy Bút*, “Thần lễ” (Đông Châu dịch), tạp chí Nam Phong số 128 Avril, 1928, tr. 391

1. 1. 2. THÁI TỬ BI HAI

Khâm Định Việt Sử chép:

Tháng 3 (năm Kỷ Sửu, 1769). Sâm (chúa Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm) truất ngôi hoàng thái tử Duy Vĩ, rồi bắt giam vào ngục.

Thái tử lúc còn nhỏ, thông minh, nhanh nhẹn, xem rộng sách Kinh, sách Sử, đối với sĩ phu rất có lễ độ; thần dân không ai là không mến yêu thái độ, dung nghi. Trịnh Doanh rất trọng tài của thái tử, nên đem con gái trưởng là Tiên Dung quận chúa gả cho¹⁶. Thái tử vẫn bức tức về nỗi nhà Lê mất quyền bính, khẳng khái có chí thu nắm lấy quyền cương. Trịnh Sâm lúc lớn lên làm thế tử, đối với thái tử, hẳn vẫn ghen ghét về địa vị, tài năng. Một hôm, thái tử và Sâm cùng ở phủ đường được chúa Trịnh ban cho ăn cơm và bảo cùng ngồi một mâm, lúc ấy vợ Trịnh Doanh là Nguyễn Thị ngăn đi và nói: “Thế tử và thái tử có danh phận vua tôi, lẽ nào được ngồi cùng mâm? Nên phân biệt ngôi làm hai chiếu”. Sâm đổi nét mặt, bước ra về, nói với người ngoài rằng: “Ta với Duy Vĩ hai người, phải một chết một sống, quyết không song song cùng đứng với nhau được”.

Kịp khi Sâm nối ngôi, bàn vụng với hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đình định mưu truất thái tử, nhưng không có lẽ gì buộc tội, bèn vu cho thái tử tư thông với người phủ thiếp của Trịnh Doanh, rồi đem tội trạng ấy tâu bày với nhà vua bắt thái tử giam vào ngục.

Trước đây, trong giếng Tam Sơn ở sau cung điện, bỗng nhiên có tiếng như sấm, thái tử e rằng tất xảy ra tai nạn, nói để nhà vua biết; nhà vua thường cầu đảo cho thái tử được thoát nạn. Đến nay, thái tử biết tin tai nạn phát sinh, vào ở tắm điện của nhà vua. Huy Đình trước hết vào tìm khắp trong đông cung, nhưng không thấy, bèn vào thẳng điện đình kể tội trạng thái tử và nói với nhà vua rằng: “Tôi nghe biết thái tử ẩn nấp trong tắm điện của bệ hạ, xin bắt giao cho tôi”. Nhà vua ôm mãi lấy thái tử, không nỡ ly biệt. Huy Đình cứ quỳ mãi ở dưới sân. Thái tử tự nghĩ không thể nào thoát nạn được, vừa khóc vừa lay trước mặt nhà vua, rồi rảo chân bước ra chịu trời. Khi đưa về phủ chúa Trịnh, Huy Đình bắt thái tử trút mũ ra để nhận tội, thái tử không chịu, nói: “Bỏ vua này, lập vua khác, bạo nghịch giết vua, là việc làm đã quen của nhà bay, chứ ta có tội gì đâu? Việc này đã có sử xanh chép để ngàn đời!” Trịnh Sâm giả thác mệnh lệnh của nhà vua, truất thái tử làm thứ nhân, rồi giam vào ngục.¹⁷

Thái tử Lê Duy Vĩ là con trưởng vua Hiến Tông, có ba người con trai (theo lời khai của các bày tôi nhà Lê khi chạy sang Quảng Tây thì họ không cùng mẹ nhưng rất thương yêu nhau¹⁸). Người

¹⁶ Tiên Dung quận chúa Trịnh thị mất sớm, các con của thái tử Vĩ sau này là của người vợ họ Nguyễn [khai với nhà Thanh là Ngọc Tố], khi Lê Duy Kỳ lên ngôi tấn phong mẹ làm thái hậu. Nếu như vậy, đúng ra Duy Vĩ là anh rể của Trịnh Sâm.

¹⁷ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLIII, tr. 23-4, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 686-7

¹⁸ *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển II, tr. 6.

lớn nhất là Lê Duy Kỳ (sau lên ngôi niên hiệu Chiêu Thống), người kế tiếp là Lê Duy Lứu [hay Trứ] (Điền Quận Công)¹⁹, sau nữa là Lê Duy Chi (Lạn Quận Công)²⁰.

Khi Duy Vĩ bị tội oan, các con đều còn nhỏ. Theo *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* thì vợ thái tử là Nguyễn thị đem con chạy trốn nhưng bị chúa Trịnh bắt lại đem giam vào ngục. Vụ án không ngừng lại ở việc truất ngôi thái tử của Lê Duy Vĩ. *Khâm Định Việt Sử* quyển XLIII, trang 36-7 chép:

... Tháng 12 (năm Canh Dần 1770). Sâm giết thái tử cũ là Duy Vĩ và điện tiền hiệu điểm Nguyễn Lệ.²¹

*Sau khi thái tử đã bị giam, Sâm muốn giết đi, nhưng chưa tìm được chỗ sơ hở. Đến nay, Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đình nhờ người khác tố cáo vu ra rằng “bọn Trần Trọng Lâm và Nguyễn Hữu Kỳ cùng với bọn gia khách của thái tử là cống sĩ Vũ Bá Xưởng và tự thừa Lương Giản định mưu dấy quân, để cướp lấy thái tử ra khỏi ngục”. Rồi Huy Đình đem việc ấy nói cho Sâm biết. Sâm hạ lệnh bắt đem trị tội. Lương Giản trốn. Bá Xưởng bị bắt, tra tấn nghiêm ngặt, lời cung của Bá Xưởng liên can cả đến Nguyễn Lệ. Lệ nói: “Thái tử là người sẽ nối ngôi vua sau này của một nước, nay không có tội gì mà bị giam cầm nhục nhã, thì định mưu cướp lấy thái tử đem ra là một việc nghĩa, nhưng thực tình tôi không được dự biết việc ấy. Nay nếu bức bách về sự khảo đả mà thú phục xằng, thì không phải là người có dũng khí, việc không mà nói có, thì không phải là người có nghĩa. Và lại việc này bảo là Lệ này tự định mưu, họa chẳng còn có lý, chứ thái tử ở trong nhà giam, đến vợ con cũng không được ra vào, thì Lệ này từ đâu để yết kiến thái tử mà cùng nhau mưu tính được? Bây giờ chỉ có việc chết mà thôi, chứ Lệ này chả biết nói gì cả!” Nguyễn Lệ bị khảo đả, nát hết da thịt mà vẫn không thay đổi lời khai. Huy Đình tự dựng thành bản án dâng lên. Sâm sai Huy Đình thắt cổ giết thái tử, lại giết cả bọn Nguyễn Lệ và Bá Xưởng nữa. Sau hạ lệnh thu lấy sắc mệnh của Trần thị là hoàng hậu đã mất và là mẹ đẻ của thái tử; các con thái tử là Khiêm, Trù và Chi đều bắt đem giam cầm ở ngục Đê Lân.*²²

Ba đứa trẻ và mẹ bị giam trong ngục tới năm Nhâm Dần (1782), quân Tam Phủ đứng lên truất phế Trịnh Cán để lập Trịnh Khải, đầu năm Quý Mão (1783) mới được thả ra. Theo tuổi, khi bị giam thì Lê Duy Kỳ mới lên năm, hai người em chắc phải nhỏ hơn. Khi ra khỏi nhà lao, ông đã 16 tuổi, tính ra mẹ con ông bị cầm tù 11 năm. Tuy nhiên, theo lẽ thường thì ngay từ khi cha bị bắt, cuộc đời của những đứa trẻ này đã đi vào một ngõ cụt và chắc chắn cũng không vui sướng gì, tiếng là 11 năm nhưng đại hạn đã đến từ năm Kỷ Sửu (1769), tính ra hơn một giáp (1769-1783). Ba anh em tuy là con của thái tử, cháu nội vua Lê nhưng những ngày thơ ấu thật không bằng trẻ con nhà dân dã. Sử không chép rõ gia đình ông được ở chung với nhau trong ngục hay bị nhốt riêng nhưng suốt thời gian đó ắt hẳn không được học hành gì cả.

¹⁹ 璠郡公黎維袖. Chữ Điền bộ ngọc 玉, chữ Lạn cũng bộ ngọc, chữ Lứu [袖] bộ kỳ 衤, có sách dịch là Trứ. Chữ lứu một bên bộ kỳ (衤), một bên chữ do (由), các sách nhà Thanh như *Thánh Vũ Ký*, *Thanh Đại Thông Sử*, *Khâm Định An Nam Ký Lược* chép nhầm thành tụ 袖 (bộ y nghĩa là tay áo). Theo GS Hoàng Xuân Hãn chữ này phải đọc là Lứu.

²⁰ 璠郡公黎維祗.

²¹ Người Thái Bình

²² *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLIII, tr. 37, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 699-700

Theo *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng*, quyển XVI thì ngoài hai người em trai, Lê Duy Kỳ còn ba cô em gái mà khi ông lưu lạc sang Tàu thì còn lẫn trốn ở trong nước. Theo chỉ thị của vua Càn Long, Nguyễn Quang Bình đã tìm được một trong những người em gái đó đưa sang Bắc Kinh để đoàn tụ với mẹ và anh. Việc tìm và đưa sang Trung Hoa thân quyến của vua Chiêu Thống được ghi chép khá đầy đủ trong *Dụ Am Văn Tập*²³ của Phan Huy Ích.

Trong khi anh em Lê Duy Kỳ bị giam trong ngục, chúa Trịnh không chỉ lần lượt vua Lê mà còn có ý định cướp ngôi. Theo *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLV trang 7, tháng Chạp năm Đinh Dậu, Cảnh Hưng 38 (1777), nhân kỳ tuế cống, Trịnh Sâm sai tả thị lang Vũ Trần Thiệu cầm đầu sứ bộ sang nhà Thanh. Sâm làm tờ mật biểu dận họ Vũ tâu lên vua Càn Long rằng “*nhà Lê không có người con cháu nào hiền tài*”, đồng thời cho người đút lót để xin phong tước cho mình. Khi đi đến hồ Động Đình, Trần Thiệu giả vờ có bệnh, đang đem tờ biểu đốt đi rồi uống thuốc độc tự tử.²⁵

Chúa Trịnh cũng âm mưu sang đoạt, đem chiếc ấn An Nam Quốc Vương của nhà Thanh ban cho họ Lê dấu đi nên khi lên ngôi, Lê Duy Kỳ phải dâng biểu gửi tổng đốc Lương Quảng để nhờ xin lại chiếc ấn khác [để gửi văn thư cầu phong] nhưng việc chưa xong thì hoàng tộc đã phải xuất biên.²⁶ Trong một hoàn cảnh mà chúa Trịnh chỉ muốn tông tộc nhà Lê bớt người nào hay người ấy, không nói gì đến con cháu vua Hiến Tông đang bị giam cầm, ngay cả tôn thất đang ở kinh thành cũng thấy tính mạng như treo trên sợi tóc.

Cuộc đời ba anh em Lê Duy Kỳ chỉ được tạm yên trong ba năm (1783-1786) khi phủ chúa bận tranh chấp quyền hành và đối phó với quân Tam Phủ, tạm quên gia đình vua Lê. Từ đầu năm 1783 đến giữa năm 1786 có lẽ là quãng thời gian thoải mái nhất trong suốt 27 năm tại thế. Tuy vậy không phải là không có những lúc sống chết trong đường tơ kẽ tóc, nguy hiểm không phải đâu xa mà chính ngay từ người trong nhà.

Khi Lê Duy Kỳ được tha ra, miền Bắc vẫn còn có cả vua lẫn chúa. Đương kim hoàng đế Lê Hiến Tông là ông nội của ông còn chúa Trịnh khi đó là Đoan Nam Vương Trịnh Khải. *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVI trang 1 chép:

... Trước đây, Duy Cận (con thứ tư vua Hiến Tông) được lập làm hoàng thái tử, chính là do Trịnh thái phi Nguyễn thị tán thành. Đến nay thấy thái tôn (tức Lê Duy Kỳ) trở về, Nguyễn thị sợ Duy Cận mất ngôi thái tử, bèn sai hoạn quan là Liêm Tăng (sót họ) đến bắt ép thái tôn sang châu, để toan bí mật giết đi. Thái tôn từ chối không được, sa nước

²³ Số hiệu A 604/2 [quyển III] của Viện Hán Nôm Hà Nội.

²⁴ chi tiết duy nhất về thân quyến của vua Lê ở Trung Hoa theo tờ bẩm của Lê Quýnh viết gửi vua Thanh khi nghe tin Nguyễn Ánh đã chiến thắng nhà Tây Sơn để xin về nước năm Quý Hợi (1803) có câu “蓋因等四人帶罪以來，故主既亡，狐丘望斷，而所遺一女，付托無人”(cái Quýnh đẳng tứ nhân đái tội dĩ lai, cố chủ ký vong, hồ khâu vọng đoạn, nhi sở di nhất nữ, phó thác vô nhân) [Bắc Hành Tùng Ký] mà cụ Hoàng Xuân Hãn đã dịch là “...Thật vậy từ khi bốn người bọn Quýnh mang tội đến nay, chúa cũ [chỉ Lê Duy Kỳ] đã mất, hi vọng cáo về gò đã dứt, mà con gái chúa (?) để lại, phó thác không ai...”. Nguyên văn là nhất nữ, hiểu theo nghĩa thường là con gái vua Lê nhưng phải hiểu là tông tộc không còn con trai [ba anh em Lê Duy Kỳ đều đã chết], chỉ còn một người đàn bà, đó là một người em gái của vua Lê còn đang ở Trung Hoa. Khi đưa hải cốt vua Lê về nước, vương phi Nguyễn Thị Kim cũng có gặp lại bà công chúa này.

²⁵ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLV, tr. 7, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 739

²⁶ Khi Tôn Sĩ Nghị trình lên việc Lê Duy Kỳ xin ấn mới, vua Càn Long trả lời rằng xin ấn mới xong sẽ lại xin cầu phong như vậy sẽ phải đi hai phái bộ vậy nên gộp làm một, vừa xin ấn vừa cầu phong cho tiện. Tuy nhiên văn thư trả lời chưa sang đến nước ta. *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng* [XIV, 10-11] tr. 3

mắt khóc mà ra đi; khi đi đường bị quân tuần sát ngăn lại. Vì thế các quân lính đức lác ầm ỉ, yêu cầu tra cứu cho ra người lập mưu làm hại Thái tôn, họ lùng kiếm Liêm Tăng không được, ngờ là Duy Cận chủ mưu. Lúc ấy, Duy Cận đương châu Trịnh thái phi, nghi trượng để ngoài cửa phủ đường, quân sĩ liền đập phá tan nát. Duy Cận sợ, phải thay đổi quần áo đi lên về cung.

Trịnh Khải biết việc này là do thái phi gây ra, nhân dịp đỗ quân sĩ chớ làm huyên náo, rồi lập tức hạ lệnh cho bầy tôi trong triều xin nhà vua lập Duy Khiêm (tức Lê Duy Kỳ) làm hoàng thái tôn. Lúc ấy Duy Khiêm 18 tuổi. Lại bắt Duy Cận làm tỳ biểu nhường ngôi thái tử. Duy Cận bị truất làm Sùng Nhượng công.²⁷

Nếu quả thực Lê Duy Cận có âm mưu hại cháu như thế thì phải nói rằng vua Chiêu Thống cũng còn nhiều nhân tình vì sau này khi Tôn Sĩ Nghị đòi đưa Duy Cận sang an táp ở Trung Hoa, chính Lê Duy Kỳ đã xin cho Duy Cận được ở lại để mình lo liệu với lý do Duy Cận là người “si ngốc” không đáng lo vì biết rằng một khi bị đày sang Trung Hoa sẽ không còn bao giờ trở lại quê hương được nữa.

1.1.3. LÊ DUY KỲ ĐƯỢC PHONG HOÀNG THÁI TÔN

Lê Quý Dật Sử [nhiều phần tác giả là Bùi Dương Lịch] chép như sau:

Khi đó, quân sĩ đã tôn lập ngôi chúa, lại thả con cố thái tử [Lê Duy Vĩ] bị giam là Duy Khiêm, Duy Tự, Duy Chi rước về nội điện. [Quân lính] lại đến cửa khuyết xin lập hoàng thái tôn. Vua ban sắc thưởng cho quân sĩ hai nghìn lạng bạc và ban cho mỗi người thêm một bậc chức tước và cho phép nhường cho họ hàng quen biết để lấy đó làm ơn, giáng hoàng tử thứ tư trước đây được lập để nối dòng, làm Sùng Nhượng công, ra sức [sắc ?] chỉ lập Duy Khiêm làm Hoàng Thái tôn. Lời văn của sắc chỉ:

Kính nghĩ:

Hoàng tôn là giòng cháu đích, tuổi đã trưởng thành. Ta nhờ tự vương [tức chúa mới Trịnh Khải] mở rộng được mưu lớn, xoay chuyển càn khôn được đúng đắn, người là đích tôn, noi theo đức xưa giữ đồ thờ cúng.²⁸

Việc Trịnh Sâm bỏ trưởng lập ấu đã đưa đến loạn kiêu binh, nay Trịnh Khải trở lại làm chúa lại nảy sinh ra mâu thuẫn giữa chúa Trịnh và binh lính. Chúa Trịnh sợ binh sĩ tôn phò hoàng thái tôn, một mai khi Lê Duy Kỳ làm vua thì cơ nghiệp nhà Lê có cơ khôi phục, quyền hành nhà chúa sẽ bị bớt đi nên lại có ý muốn trấn áp quân tam phủ. Trịnh Khải lại tin dùng bọn Mai Doãn Khuê, Nguyễn Lê²⁹, Nguyễn Triêm... sai họ dẹp kiêu binh đồng thời giám sát hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ.

Bọn Nguyễn Lê, Nguyễn Triêm trừ được một số lính tam phủ nhưng sau đó quân sĩ nổi lên, Nguyễn Triêm bị giết, chúa Trịnh phải cách chức Nguyễn Lê. *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVI, trang 7 chép:

²⁷ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVI, tr. 1-2, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 767-8

²⁸ *Lê Quý Dật Sử* (1987), tr. 51

²⁹ Con Nguyễn Nghiễm, người Hà Tĩnh

... Từ đấy, quân sĩ mỗi khi ra ngoài kéo từng đàn hàng trăm hàng ngàn người, tung hoành nơi thôn xóm, tự ý cướp bóc thả cửa. Quân sĩ nào đi đường một mình, thường bị dân quê đón đường giết chết. Quân và dân coi nhau không khác gì giặc cướp thù hằn.³⁰

Lịch Triều Tạp Ký viết:

... Bởi vậy hễ lính Thanh Nghệ nào lệ thuộc ở các trấn mà trốn đi, khi đi qua các xóm làng không dám cất tiếng nói, có kẻ nào lỡ mồm nói tiếng Thanh Nghệ mọi người nghe biết thì giết liền. Chúng thường phải giả câm, ăn xin ở dọc đường để lén vào kinh đô, đồn đại lên rằng chẳng mấy ngày nữa, bốn phương [sẽ kéo quân] đến tập hợp ở dưới chân thành. Các quân Thanh Nghệ đóng ở kinh đô bèn họp nhau lại, bàn mưu chống cự, chia đường kéo ra các mặt Đại Phụng và Vĩnh Kiều đều bị thổ hào đánh bại, chúng phải quăng bỏ áo giáp đeo vết thương mà về. Kinh đô rung động. Những người ở phố phường chợ búa đều dắt díu nhau chạy ra khỏi thành. Chư quân vừa sợ vừa giận, gọi Tông là “chúa giặc”.³¹

Những xung đột nội bộ của miền Bắc đã khiến cho hệ thống chính trị và quân sự Đàng Ngoài suy yếu đưa tới việc Nguyễn Huệ đem quân ra mà không gặp một lực lượng kháng cự nào đáng kể. Năm ấy là năm Bính Ngọ (1786), Lê Duy Kỳ được 19 tuổi.

1. 2. QUỐC PHÁ

1.2.1. TÂY SƠN RA BẮC

1.2.1.1. CHIÊU BÀI PHÙ LÊ DIỆT TRINH

Khi Nguyễn Huệ ra bắc, ông nghe theo lời khuyên của Nguyễn Hữu Chỉnh, nêu cao danh nghĩa “Phù Lê Diệt Trịnh” để thu phục lòng người. Chính chiêu bài này đã khiến cho quân chúa Trịnh buông giáo đầu hàng rất nhanh. Thành Thăng Long hỗn loạn:

Những người tránh “giặc” chạy ra ngoài thành đều bị dân phụ cận cướp bóc. Quân sĩ bại trận kết bầy hàng trăm hàng ngàn tay cầm gươm giáo, nhưng chỉ mới trông thấy vài ba trẻ chăn trâu đi qua là đã hoảng hốt bỏ tay, vứt hết mọi thứ trong người mà chạy. Các làng xã gần nhau thì cướp bóc lẫn nhau, đón đường chặn khách bộ hành lột quần áo, nên đường sá vắng tanh.³²

Trịnh Khải bỏ chạy, chung quanh chỉ còn vài người nên đã bị “phản” trong một tình thế rất hi hữu.

Đoan vương chạy đến [làng] Hạ Lôi thuộc Văn Lãng. Trần Quán [Lý] sai học trò của mình người làng Vân Diêm đến đón. Quân Tây Sơn đuổi kịp. Dân có kẻ tên là Tuần Trang phản chúa, người Vân Diêm biết sự tình không thể làm gì được, tranh nhau với Tuần Trang, bức chúa dâng cho Tây Sơn để lấy công.³³

Thấy thế cùng Đoan Nam Vương tự tử. Quân Tây Sơn vào thành, dùng phủ chúa làm quân doanh nhưng đốt hết nhà cửa chung quanh. Nguyễn Huệ cho đem xác Trịnh Khải về kinh. Bọn

³⁰ Khâm Định Việt Sử, quyển XLVI, tr. 7, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 773

³¹ Lịch Triều Tạp Ký, quyển IV (1995), tr. 535

³² Bùi Dương Lịch, Nghệ An Ký (1993), tr. 321

³³ Lê Quý Dật Sử (1987), tr. 69

tên Trang và Ba [người Vân Điem] đều tự cho mình là người có công bắt được Trịnh Khải nên tranh nhau vào lãnh thưởng.

Huệ hỏi Ba rằng: “Có đúng là chúa Trịnh không?” Ba thưa: “Chính phải”. Huệ lại hỏi: “Nhà ngươi làm sao lại biết?”. Ba thưa: “Tôi đã từng là gia thần [của chúa]. Huệ nói: “Là kẻ bầy tôi mà bắt vua thì tội đáng xử chém”. Bèn sai kéo Ba ra chém.³⁴

Theo những nhân chứng sống còn ở kinh thành, lính Tây Sơn chia nhau đóng ở mọi nơi công thự, quần áo hỗn tạp không thống nhất. Người miền Bắc coi họ là “*man binh*” [蠻兵] ý nói họ là những kẻ mọi rợ từ phương nam tiến lên. Trong văn chương ta thấy các nhà nho gọi Nguyễn Huệ là “*cuồng Chiêm*” [狂占], “*hắc tử*” [黑子] với hàm ý khinh miệt. Tuy nhiên, người ta vẫn phải công nhận rằng “*quân lệnh của Tây Sơn rất nghiêm, không ai dám lấy một mảy của dân*”.³⁵

Ngay lúc đầu, Nguyễn Huệ đã thấy không vừa ý khi ông được phong tước công:

... Ngày mùng 8 [tháng Bảy năm Bính Ngọ, 1786]. Vua Lê đặc cách sai triều thần bưng tờ chiếu sắc sang bên phủ [phủ chúa Trịnh, nơi Nguyễn Huệ đóng quân] tuyên phong Nguyễn Văn Huệ nguyên súy Phù chính đức vũ Uy quốc công. Huệ chịu phong xong, sai người kính dâng lễ tạ, cực kỳ chu tất. Rồi bảo riêng Nguyễn Hữu Chỉnh rằng: “Ta đem vài vạn quân ra đây, chỉ một trận là dẹp yên Bắc Hà, một tác đất, một người dân, gì mà chẳng phải của ta cả. Ví bằng ta muốn xưng đế, xưng vương, có gì là chẳng được, sở dĩ nhường nhịn mà không làm, chỉ là hậu đãi nhà Lê đó thôi.³⁶

Để lấy lòng, Nguyễn Hữu Chỉnh phải giả thác là vua Lê muốn kết thân, và làm mai để vua Hiến Tông gả công chúa Ngọc Hân cho Nguyễn Huệ. Tổng kết nhiều tài liệu khác nhau, ta thấy quả thực triều đình vua Lê hết sức cùng kiệt. Trong nhiều năm, vua Lê và tông tộc chỉ lo việc lễ nghi, ăn thực ấp còn tài sản, tiền bạc ở miền Bắc đều ở trong tay chúa Trịnh và giới quý tộc, quan lại dưới quyền phủ chúa.

Khi Nguyễn Huệ ra bắc có lẽ cũng chỉ tính ở đây một giai đoạn nên vàng bạc, châu báu thu vét cả. Hôn lễ của công chúa cũng là dịp triều đình lấy lại chút uy tín vì có một số sính lễ của người con rể mới:

... Ngày 11, Nguyên soái Nguyễn Huệ đưa ra 200 lạng vàng, 2000 lạng bạc và 20 tấm gấm để làm sính nghi, sai bọn thân thuộc dâng tờ biểu cầu hôn và lễ vật đến điện Vạn Thọ, có nghị trượng nhà binh và tàn tán cờ xí dẫn đầu hoặc rước theo sau. Vào tới trong điện, đợi đến dâng tiến. Vua Lê sai hoàng tử Sùng Nhượng công Lê Duy Cận tiếp nhận lễ vật đem cáo nhà Thái miếu. Qua bữa sau làm lễ cưới. Khi công chúa Ngọc Hân vu qui, từ cửa đền vua đến cửa phủ quân thứ, đều được Huệ cho dàn bày khí giới và nghị trượng một cách oai nghiêm rực rỡ. Người xem đều cho là một việc hiếm thấy xưa nay. Lại có kẻ hơi tỏ ý chê cười khinh bỉ. Xe Ngọc Hân đến cửa phủ, Huệ đi kiệu rồng vàng ra đón làm đúng như lễ cưới mọi đám khác. Các hoàng thân, các bà phi, các bà chúa và văn võ bách quan sau khi dự yến xong rồi, Huệ liền đưa ra 200 lạng bạc chi tiền mọi người đi đưa dâu. Huệ còn đi tiễn ra gần cửa phủ, mới trở về.³⁷

³⁴ Bùi Dương Lịch, *Nghệ An Ký* (1993), tr. 322

³⁵ Bùi Dương Lịch, *Nghệ An Ký* (1993), tr. 323

³⁶ *Lịch Triều Tạp Ký*, q. IV (1995), tr. 576-7

³⁷ *Lịch Triều Tạp Ký*, q. IV (1995) 578-9

Trong di văn của Lê Duy Đản có thêm một số chi tiết:

Năm Bính Ngọ, Nguyễn Huệ xâm chiếm kinh thành, giả danh tôn phù. Vua Cảnh Hưng gả công chúa cho. Quốc lão Nguyễn Viện³⁸ [阮院] và Tham Tụng Trần Công Xán [陳攻燦], Bồi Tụng Ưông Sĩ Lãng [汪士朗], Nguyễn Duy Hợp [阮惟洽] cùng hạ liêu vài ba người đưa dâu. Nguyễn Huệ thưởng cho 100 lạng bạc. Người ta chê cười rằng có vậy mà cũng tranh nhau kẻ nhiều người ít.³⁹

1.2.1.2. CHIÊU THỐNG LÊN NGÔI

Sau khi công chúa thành hôn được vài ngày thì vua Hiến Tông mất, thọ 70 tuổi. Lê Duy Kỳ lên nối ngôi, niên hiệu Chiêu Thống. Khi vua Hiến Tông mất, ông dặn cháu rằng:

- Sớm hôm ta sẽ cất được gánh nặng, nỗi lo âu sẽ trút vào thân cháu. Cháu phải nhớ lấy. Sau khi ta nhắm mắt rồi, truyền nói là việc trọng đại, cháu nên nhất nhất bẩm báo để Nguyễn Văn Huệ biết. Phải thận trọng, đừng có khinh suất.⁴⁰

Tuy nhiên, Lê Duy Kỳ cũng muốn dần dần tự lập, thoát khỏi cái cảnh đã có vua lại có chúa mà nhà vua chỉ ngồi làm vì như ông nội mình đã chịu đựng mấy mươi năm qua, con bị giết cũng đành chịu không dám than thở. Vì thế, ông tự mình lo việc tang ma và lên ngôi, không muốn Nguyễn Huệ tham dự vào việc triều đình một cách thái quá. Chính việc dừng dừng đó đã đưa tới sự bất mãn khiến Nguyễn Huệ sau này có bụng muốn cướp ngôi nhà Lê và khi bắt đắc dĩ thì cũng chỉ lập Lê Duy Cận là người đối lập với vua Chiêu Thống.

Những người có đôi chút thế lực – dù là tướng lĩnh Tây Sơn, thổ hào hay cả những người được hưởng tước vị triều đình - cũng chẳng có ai thực tâm phù Lê, không làm được điều gì tích cực để ổn định Bắc Hà. Tình hình rối ren của miền Bắc đã tạo một khoảng trống trong hệ thống quyền lực.

1.2.2. TỔ CHỨC HÀNH CHÁNH

Hãy thử kiểm điểm lại ba lãnh vực chính yếu: quân đội, nhân sự, tài chánh để đánh giá di sản mà Lê Duy Kỳ có được cũng như nỗ lực của ông và bầy tôi trong vài tháng ngắn ngủi của triều đình miền Bắc.

1.2.2.1. QUÂN ĐỘI

Đến đời Lê, tổ chức hành chánh và quân sự của Đàng Ngoài đã đến mức khá hoàn chỉnh. Năm 1724, chúa Trịnh Cương mở khoa thi võ đầu tiên để tuyển mộ võ quan gọi là bác cử (博舉) và sở cử (所舉). Trước đó, từ năm 1721, triều đình đã mở trường võ học để huấn luyện về quân sự cho con cháu các nhà quyền quý ở kinh đô. Khoa thi bác cử mở vào những năm thìn, tuất, sửu, mùi còn sở cử vào những năm tí, ngọ, mão, dậu. Thi võ gồm ba kỳ, kỳ thứ nhất hỏi về binh thư Tôn Tử, kỳ thứ nhì thi tài cưỡi ngựa, đấu côn, kiếm và múa đao. Những ai qua được hai kỳ này được gọi là sinh viên (生員)⁴¹. Kỳ thứ ba là kỳ sát hạch về chiến lược, nếu thi đỗ thì gọi là học sinh

³⁸ *Lịch Triều Tụ Ký* và *Khâm Định Việt Sử* thì viết là Nguyễn Hoàn. Nguyễn Hoàn, người Nông Cống làm đến quốc lão trí sĩ, được vời ra làm tham tụng.

³⁹ *Lê Duy Đản thi tập* [bản chép tay BEFEO, A.2821], tr. 26

⁴⁰ *Lịch Triều Tụ Ký*, q. IV (1995), tr. 581

⁴¹ Nếu là con quan thì được gọi là biền sinh (弁生)

(學生) hay biên sinh hợp thức và có thể thi tiếp kỳ thi bác cử. Những ai đỗ kỳ thi bác cử được gọi là tạo sĩ (造士) tức là tiến sĩ võ. Qua năm 1731, chúa Trịnh Giang cải tổ lại các kỳ thi võ giống như của Trung Hoa, hai kỳ đầu chỉ thi kỹ thuật và thể lực, kỳ thứ ba mới thi binh thư. Chúa Trịnh Giang cũng mở thêm những kỳ thi đặc biệt cho những người đang ở trong quân ngũ muốn thăng tiến trong binh nghiệp gọi là hoành tuyển (宏選).

Ở miền bắc, quân đội hiện dịch vào khoảng từ 6 đến 7 vạn người, chia ra làm 12 doanh (營), 58 cơ (奇), 285 đội (隊) và 62 thuyền (船). Mỗi doanh có từ 160 đến 800 người, mỗi cơ từ 200 đến 500, mỗi đội từ 15 đến 275 và mỗi thuyền từ 20 đến 86 người.⁴² Xem như vậy, quân số nhiều ít không nhất định và tùy theo từng đơn vị, từng địa phương. Các doanh, cơ, đội cũng thường đi theo các chữ tả, hữu, tiền, hậu, trung là cơ chế ngũ quân ảnh hưởng của Trung Hoa.

Tổ chức quân sự của miền Bắc cũng còn theo phương hướng đông tây nam bắc để chia thành năm vùng gọi là Ngũ Phủ (五府) bao gồm:

- Trung quân phủ lấy binh lính từ Thanh Hoá, Nghệ An vốn dĩ là nơi xuất phát của Lê triều và chúa Trịnh, còn được gọi là ưu binh (優兵).⁴³
- Đông quân phủ bao gồm binh lính từ Hải Dương, An Quảng
- Nam quân phủ là lính ở Sơn Nam
- Tây quân phủ là lính thuộc Hưng Hoá
- Bắc quân phủ là lính của Kinh Bắc

Mỗi phủ dưới quyền chỉ huy của hai đô đốc (都督), một tả một hữu, một đồng tri (同知) và một thêm sự (添事). Thời bình, quân trực thuộc phủ Chúa là trung quân, tức ưu binh Tam Phủ nên khi đạo quân này tan rã rồi, dưới tay vua Lê hầu như không còn quân đội nào cả.

Cứ như sách vở thuật lại, khi Tây Sơn rút đi, triều đình nhìn quanh cũng chỉ có vài viên quan văn, quân sĩ thì hầu như không có ai nên vua Chiêu Thống đành phải truyền hịch cho các gia đình có thể lực các nơi về bảo vệ hoàng gia. Một số hào kiệt các nơi như Lê Quýnh⁴⁴, Vũ Trinh hưởng ứng. Hai vị hoàng đệ, các hoàng thân cũng gây được vài nghìn quân túc vệ.

1.2.2.2. NHÂN SỰ

Tuy trên danh nghĩa Đảng Ngoài là đất thuộc nhà Lê nhưng trên thực tế, mọi quyền hành trong hơn hai trăm năm qua đều ở trong tay họ Trịnh. Khi Nguyễn Huệ “*giao trả nước*” cho nhà Lê, thực lực vẫn ở trong tay các sứ quân, mỗi người chiếm cứ một vùng. Tuy những lãnh chúa đó mang tước hiệu công hầu nhưng họ đều là những thế lực riêng rẽ, không dưới quyền điều động của ai, nếu vua Lê muốn nhờ họ làm một việc gì thì chỉ là một sự trao đổi, gần như thuê. Tình hình đó khiến họ thay đổi lập trường như chong chóng và không một khu vực nào còn trung thành với triều đình để có thể sử dụng làm bàn đạp giúp vua Lê quật khởi, nếu có cần vương thì chưa được việc đã đòi hỏi còn quá thời chúa Trịnh khi trước.

⁴² Đặng Phương Nghi, *Les Institutions Publiques du Viet-Nam au XVIII^e Siècle* (1969), tr. 125

⁴³ khi quân tam phủ nổi loạn dân chúng gọi họ là *kiêu binh*

⁴⁴ Người xã Đại Mão, huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh

Cái chết thảm khốc của thái tử Duy Vĩ và kinh nghiệm 11 năm tù đầy của ba đứa trẻ cho họ một kinh nghiệm sâu sắc. Đó là bằng mọi giá phải cố gắng tự lập để khôi phục lại quyền hành, không thể để cho một “chúa” khác nắm quyền sinh sát. Vậy thì trung thành với nhà Lê còn lại những ai?

Chung quanh vua Lê khi đó chỉ còn một số các bậc khoa bảng, được đào tạo trong cửa Khổng sân Trình nêu cao tấm lòng trung nghĩa một cách sách vở. Những nho sĩ đó không có thực lực, cũng không đủ uy tín và luôn luôn phải đi tìm một sứ quân để theo phò. Những sứ quân đó dễ thay lòng đổi dạ một khi yếu thế nên thường tạo ra những tai họa bất ngờ. Ngay cả những thổ hào hay viên chức nhỏ ở hương thôn cũng mua vua, bán chúa nếu có cơ hội.

Ở thời kỳ đó, chính tà chân nguy không có ranh giới rõ rệt, nhiều người hết làm quan cho nhà Lê lại làm quan cho Tây Sơn, sau đến khi Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà thì lại làm quan cho triều Nguyễn.⁴⁵ Người ngoài bắc vì thế mới có thơ rằng:

黎朝進士二十四

八真八偽八真偽

如今脫劫纏頭巾

未覽誰非又誰是

(Lê triều tiến sĩ nhị thập tứ,

Bát chân, bát nguy bát chân nguy.

Như kim thoát kiếp triền đầu cân,

Vì lâm thủy phi hựu thủy thị)

Hai mươi bốn ông Tiến Sĩ triều Lê,

Tám thật, tám giả, tám giả thật.

Nếu như bỏ khăn bịt đầu xuống,

Chẳng biết ai là đúng ai là sai.⁴⁶

Trong khi vua Lê cố gắng củng cố quyền hành thì giới quan lại vẫn theo thói cũ, kẻ thì đi tìm dòng dõi họ Trịnh để phò tá, lần lượt triều đình, người thì thấy gió đã xoay chiều, mắt trước mắt sau liên lạc để ngả theo Tây Sơn mưu cầu công danh. Có người trên danh nghĩa làm quan với nhà Lê nhưng lại ngầm ngầm phản bội, sẵn sàng truất phế chúa cũ để suy tôn chúa mới. Chính vì

⁴⁵ Phan Thúc Trực (潘叔直) chép: Trong số quan lại có cả văn võ nhà Lê, hàng thần nhà Ngụy Tây đều đến bái yết (vua Gia Long), tùy theo tài từng người mà bổ nhiệm, trong đó có tiến sĩ Bùi Huy Bích, Nhữ Công Chấn, Phạm Quý Thích, Lê Huy Du, Lê Huy Trâm, Nguyễn Huy Lý, Nguyễn Bá Lãm, Nguyễn Cát, Lê Đình Hiến, Nguyễn Trọng Tông, Lê Trọng Thê, Lê Duy Thân, Nguyễn Thời Ban, Ngô Thế Lịch, Nguyễn Du, Nguyễn Trung Càn, Nguyễn Đăng Sờ, cùng các quận công Cát Đằng, Thân Đầu, Thanh Nê, Bảo Từ, Nhân Tuy, La Mỗ, Bình Vọng, tất cả đều chờ cho xa giá nhà vua đến để chúc mừng... Trong số đó Huy Bích, Công Chấn từ chối trở về quê, Quý Thích làm trợ giáo Bắc Thành, Huy Du làm đốc học Bắc Thành, Huy Trâm làm đốc học Kinh Bắc, Huy Lý, Bá Lãm, Trọng Thê, Đình Hiến cũng kế tiếp làm đốc học, Trọng Tông là hiệp trấn Kinh Bắc, Duy Thân làm hiệp trấn Lạng Sơn. *Quốc Sử Di Biên* (國史遺編) [bản chữ Hán] (Hương Cảng: Trung Văn đại học Tân Á nghiên cứu sở, 1965), tr. 13-4 (NDC dịch)

⁴⁶ *Quốc Sử Di Biên*, (1965), tr. 14 (NDC dịch)

thế, tuy Lê Duy Kỳ cố gắng cải thiện tình hình nhưng vì thiếu tiền bạc và nhân sự nên không mấy sáng sủa.

1.2.2.3. TÀI CHÁNH

Khi quyền hành còn trong tay chúa Trịnh, tuy mang tiếng là vua nhưng chỉ được hưởng thực ấp một nghìn xã, một thứ quan lại ăn lương để trông coi các việc lễ nghi tế tự. Vua Lê không có ngân sách, cũng không có những nguồn lợi nào cụ thể để chi phí khi cần. Khi Nguyễn Huệ ra Bắc, ông thu thập tất cả các kho tàng của chúa Trịnh đem về nam, để lại một đất nước rỗng không như vua Lê phải thú nhận. Chỉ trong hai năm, hết quân Tây Sơn đến các thổ hào, kinh thành Thăng Long bị cướp phá không biết bao nhiêu lần nên về sau chỉ là một nơi hoang tàn, đổ nát không còn gì nữa. *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVI, tr. 29 chép:

Sau khi quân giặc [Tây Sơn] đã rút đi, nhà vua lập tức triệu bầy tôi trong triều bàn luận rằng: “Giặc để lại cho ta một nước trống rỗng, nếu có sự nguy cấp, thì chống đỡ bằng cách nào?” Bèn viết thư triệu hết những người thế gia và bầy tôi cũ dấy quân vào bảo vệ hoàng thành. Vì thế, hào mục các nơi chiếm giữ châu quận, chiêu tập binh mã, đều mượn danh nghĩa “bảo vệ”. Những hạng vô lại đánh giết lẫn nhau, trong nước thành ra rối loạn.⁴⁷

Khi Nguyễn Hữu Chỉnh ra bắc, kho tàng rỗng tuếch, không thu được đồng ở các mỏ thượng du nên phải thu vét đồ đồng ở đền chùa đúc tiền Chiêu Thống thông bảo.⁴⁸

1.2.2.4. VĂN HỌC

Vua Lê tuy còn trẻ, khi lên ngôi mới 20 tuổi nhưng đã chuộng văn học. Ngay tháng ba năm Chiêu Thống nguyên niên (Đinh Mùi, 1787) đã mở thi chế khoa. Lối thi này là lối thi mới gồm 10 khoa, phỏng theo cách thức của Tư Mã Quang nhà Tống kén chọn nhân tài dựa trên đức độ, tiết tháo, mưu trí và sức khỏe, thông minh, công bằng, tinh thông kinh sử, bác học, văn tài, khéo xét xử, giỏi tài chính, thuế khóa, hiểu biết pháp luật.

Khoa này lấy Bùi Dương Lịch và Trần Bá Lãm ngang với tiến sĩ. Ngoài ra còn có Nguyễn Huy Túc và Nhữ Công Vũ được cất nhắc lên bậc tiến triều, những người khác có tài thì cho làm viên ngoại lang, tri châu, tri huyện. Những người có thực tài, thực dụng đều được bổ dụng.⁴⁹

Đến tháng mười cùng năm, lại mở khoa thi hội cho các cống sĩ, tổng cộng có đến 1212 người dự thi, lấy 14 tiến sĩ, Bùi Dương Lịch đỗ đầu (thám hoa). Theo *Nghệ An Ký* thì:

Tháng 3 năm Chiêu Thống thứ 1 (1787), Vua xuống chiếu tiến cử các kẻ sĩ hiền lương phương chính. Vua cho Lịch tới [Bùi Dương Lịch] sung chức cung phụng sứ ở Viện Nội hàn. Vua ham học kinh sách, quan kinh diên cử 6 ngày đến giảng một lần, còn trong Viện Nội hàn mỗi ngày giảng một lần. Lịch tới còn được ân sủng vào thẳng điện Tập Hiền, để sẵn sàng khi vua hỏi. Mỗi khi được vào hầu vua thì vua thường khăn áo chỉnh tề, cho ngồi bàn trà, quyền chúc hợp ca [?]. Em thứ hai vua Hoàng Nhị Đệ là Hiền [Điền] quận

⁴⁷ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVI, tr. 29, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 794

⁴⁸ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, tr. 4-5, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 809

⁴⁹ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, tr. 4, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 808

công [Lê Duy Trù]⁵⁰ cũng rất yêu kính, mỗi khi tôi vào hầu vua trở ra, đều mời về nhà riêng để giảng nghĩa kinh.⁵¹

⁵⁰ Tức Duy Lứu

⁵¹ Bùi Dương Lịch, *Nghệ An Ký* (1993), tr. 330

PHẦN II

TÂY SƠN CHIẾM MIỀN BẮC, VUA LÊ XUẤT BÔN

2.1. TÂY SƠN CHIẾM ĐẤT BẮC

2.1.1. TRỊNH BÔNG

Tuy tài liệu về thời kỳ vua Chiêu Thống nhà Lê cai trị miền bắc chỉ có rất ít, xen lẫn trong những biến cố dồn dập của một triều đại đã suy tàn, chúng ta cũng tìm được một số điểm đáng ghi nhận.

Nguyên khi vua Chiêu Thống lên nối ngôi, tuy họ Trịnh không còn làm chúa nữa nhưng thực tế dư đảng vẫn còn nhiều. Trong khi Nguyễn Nhạc muốn dứt khoát không can thiệp vào việc của miền Bắc, chỉ “*ước hẹn đời đời làm láng giềng giao hiếu với nhau*”⁵² thì Nguyễn Huệ vẫn có tham vọng nắm giữ quyền hành ở miền Bắc. Khi Tây Sơn bỏ đi, các hoàng thân quốc thích chỉ chiêu mộ được vài nghìn binh sĩ chia ra giữ bốn phía hoàng thành nên vua Lê phải viết thư triệu các thế gia và bày tôi cũ dấy binh bảo vệ kinh đô. Nhân cơ hội đó, thổ hào mỗi người chiếm cứ một phương, đánh giết lẫn nhau.⁵³

Nhân dịp này, Trịnh Lê [em Trịnh Sâm] ở Văn Giang cùng hai cựu thần là Trương Tuân (張詢), Dương Trọng Tế (楊仲濟) trở về chiếm lại phủ chúa định lên ngôi. Một người họ Trịnh khác là Trịnh Bồng (鄭逢) cũng quay lại tranh quyền với Trịnh Lê khiến vua Lê bất đắc dĩ phải phong cho Bồng làm Tiết Chế Thủy Bộ Chư Quân, Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự, Thái Úy Côn Quốc Công [Lê Quý Kỷ Sự (1974) trang 49 viết là Côn Quận Công].

Vua Lê vốn không muốn họ Trịnh trở lại nên cấp cho Bồng 3000 lính, 5000 mẫu ruộng và 200 xã giữ việc thờ cúng họ Trịnh, lại làm sắc dụ nói rõ đây chỉ là tước Công thế tập. Dư đảng họ Trịnh là Đinh Tích Nhưỡng và một số cựu thần xu thời lại nài ép vua Lê phong vương cho Trịnh Bồng. Vua Lê nói:

*Ngày trước nhà ta suy vì, nhờ được họ Trịnh khuông phù, rồi quyền bính về họ Trịnh, việc tế lễ vì [về] ta. Đó là một thời. Nay mệnh trời đã đổi, tổ tông thiên hạ ở cả một mình ta, một nước hai vua hà nên lấy đó làm lệ. Và lại họ Trịnh đã được rồi, họ Trịnh lại tự để mất đi, chứ nào ta có phụ gì họ Trịnh?*⁵⁴

Được mấy ngày, Đinh Tích Nhưỡng đem quân vây điện, cầm súng tuốt gươm. Các tôn thất và quan đại thần sợ sinh biến, khóc lóc, khuyên van mãi vua mới bất đắc dĩ phong Bồng làm Yên Đô Vương [tức trở lại thời vua Lê chúa Trịnh].⁵⁵ Họ Trịnh lấy lại ngôi chúa rồi, thủ hạ cày công cướp bóc nhân dân.

2.1.2. NGUYỄN HỮU CHÍNH

Thấy ngôi vua lại có cơ trở thành hư vị như các đời trước, vua Chiêu Thống đành bí mật vời Nguyễn Hữu Chính từ Nghệ An ra giúp. Việc nhờ vả Nguyễn Hữu Chính hẳn là rất miễn cưỡng vì Chính hiện đang đóng một vai trò mập mờ. Tuy Bằng Quận Công vốn là bày tôi nhà Lê nhưng đã chạy theo anh em Nguyễn Nhạc, nay đang trấn thủ một khu vực vốn đã bị nhường cho Tây

⁵² *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVI, tr. 29, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 793

⁵³ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVI, tr. 29, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 794

⁵⁴ Bùi Dương Lịch, *Nghệ An Ký* (1993), tr. 326

⁵⁵ *Lê Quý Kỷ Sự* (1974), tr. 49, *Nghệ An Ký* (1993), tr. 326

Sơn [để trả công phù Lê cho Nguyễn Huệ] và triều đình đang tìm cách chuộc lại nên việc nhờ cậy Nguyễn Hữu Chỉnh đã tạo nên một mối lo tâm phúc cho Nguyễn Huệ [khi đó đang vương mắc vào tranh chấp với vua Thái Đức Nguyễn Nhạc], vốn e ngại một sự ly khai của Bắc Hà.

Nguyễn Hữu Chỉnh kéo quân ra, đánh bại Trịnh Bồng ở sông Thanh Quyết khiến tất cả kinh thành kinh hoàng. Yên Đô Vương chạy sang Dương Xá, rồi lại chạy sang Quế Ô [桂塢]. Vua Chiêu Thống sợ họ Trịnh quay trở lại, quần thần bàn nên đốt vương phủ để triệt đường về. Vua Lê nghe theo. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân tới, vua Lê cho bách quan nghênh tiếp vào ở cung Tây Long và phong cho Chỉnh tước Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự, Đại Tư Đồ, Bạng Quốc Công, binh lính thì cho đóng ở bờ sông bên ngoài kinh thành.

Dur đảng họ Trịnh lại nổi lên, Nguyễn Hữu Chỉnh sai Nguyễn Như Thái và Hoàng Viêt Tuyền đem quân đánh dẹp bắt được Dương Trọng Tế đem về kinh đô xử tử. Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây tiến đánh kinh đô bị bộ tướng của Chỉnh là Lê Duật đánh tan, phải uống thuốc độc chết.

Nguyễn Hữu Chỉnh cũng bí mật liên lạc với trấn thủ Nghệ An [người của Tây Sơn] là Nguyễn Văn Duệ mưu phản Nguyễn Huệ, cốt biến vùng Thanh Nghệ thành một trái độn để chia bớt thế lực. Cùng lúc đó, vua Lê lại sai Trần Công Xán làm chánh sứ vào tận Phú Xuân để thương lượng đòi đất Nghệ An nhưng Bình Vương Nguyễn Huệ không bằng lòng, sai người tìm cách đục thuyền giết toàn bộ phái đoàn ở cửa Đồn Nhai. Thấy Bắc Hà có nguy cơ đối đầu với mình, Nguyễn Huệ vội vàng sai Vũ Văn Nhậm đem quân ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh. Một trong những lý do Chỉnh không hết lòng cũng vì vợ con Chỉnh còn đang ở Phú Xuân, nên không dám vọng động tấn công trước.

Khi Vũ Văn Nhậm ra Bắc Hà, hai tướng của Nguyễn Hữu Chỉnh là Nguyễn Như Thái, Hoàng Viêt Tuyền chia binh chống cự nhưng vì bố của Tuyền đang bị Vũ Văn Nhậm bắt nên Tuyền có ý muốn hàng, dừng quân không chịu tiến lên. Khi quân của Nhậm tới, Tuyền trở tay không kịp.

Ngày 25 tháng Một, Nguyễn Hữu Chỉnh đem đại quân chặn địch ở Sinh Quyết [Thanh Quyết]. Ngày 30, Nhậm sai người lặn xuống sông dùng thùng buộc vào thuyền của Chỉnh kéo về bờ phía nam, quân Chỉnh tan vỡ. Quân Tây Sơn tiến đến sát kinh thành.

Đêm hôm đó, Chỉnh trở về. Vua Chiêu Thống cho vời mấy lần, Chỉnh không vào, chỉ cho Tham tri chính sự Nguyễn Như Khuê tâu vua xin chạy về phía bắc nương nhờ Nguyễn Cảnh Thước. Theo *Lê Quý Dật Sử* thì:

Vua nghe theo, đợi trời sáng, vua ngự ra điện Vạn Thọ, bọn thị vệ dần dần bỏ trốn, vua triệu các quan sảnh đường để xét hỏi, thì họ đã ngầm trốn đi từ trước, không còn một người nào trực cả. Bọn nội thị ai về nhà nấy thu xếp hành lý. Trong điện chỉ còn Hoàng thân thứ hai, cai quản vệ Hồ bên Đạp quận hầu [Lê Duy Đạt], người vừa mới được tiến triều là Nguyễn Khải người Hương Cẩn, huyện Kỳ Hoa, người họ ngoại là Tích Xuyên hầu cùng hoàng giáp Bùi Dương Lịch bưng khăn đứng hầu mà thôi.

Khi sắp đi, vua trước hết đến nhà tắm miếu tiên để bái khốc. Bọn thị vệ lại lén bỏ đi. Vua tôi chỉ đưa mắt nhìn nhau, không biết làm thế nào. Bùi Dương Lịch đến trước vua tâu rằng: “Nay Chỉnh dẫu thua trận rút lui, nhưng thủ hạ của Chỉnh còn nhiều, lòng người còn biết sợ Chỉnh, xin nhà vua truyền dụ đi đến nhà Chỉnh, sai Chỉnh đi theo hộ giá, chắc được, như thế có sự ràng buộc”.⁵⁶

⁵⁶ *Lê Quý Dật Sử* (1987), tr. 80-1

Vua Chiêu Thống cưỡi voi đến nhà Chinh bàn tính chuyện chạy lên Kinh Bắc. Tuy nhiên, trấn thủ Nguyễn Cảnh Thước làm phản, mật sai người xin đầu hàng Vũ Văn Nhậm, cướp hết voi, ngựa, hành lý của nhà vua. Chinh vội vàng đưa vua Lê lên Yên Thế nương nhờ thổ hào ở đó là Dương [Đình] Tuấn.

2.2. NHÀ LÊ THẤT QUỐC

Ngày mồng 4 [tháng Chạp] quân Tây Sơn kéo đến, vua Lê sai hoàng đệ đem hoàng thái hậu, vương phi và nguyên tử theo đường phía bắc chạy lên Lạng Sơn, còn nhà vua mặc áo giáp, cưỡi ngựa đi đầu có ý đích thân chống giặc. Các bề tôi, nội thị can ngăn, vua mắng là hèn nhát. Bùi Dương Lịch nắm cương ngựa can rằng:

- Việc binh chiến không thể lường được, xin bệ hạ hãy lấy xã tắc làm trọng, chớ có khinh địch.

Vua miễn cưỡng nghe theo, cho ngựa đứng sau trận khoảng 3 dặm. Dương Tuấn đem quân giữ bên phải, Nguyễn Hữu Chinh đem quân giữ núi bên trái.⁵⁷ Quân Tây Sơn dàn hàng ngang tiến lên, Nguyễn Hữu Du [con Chinh, *Nghệ An Ký* viết là Hoảng] bị giết, hai con và cháu của Dương Tuấn cũng tử trận. Nguyễn Hữu Chinh bị bắt giải về Thăng Long xé xác, bêu ở cửa thành. Vua Lê chạy sang Bảo Lộc, các bề tôi mỗi người một ngả. Đầu năm sau, thổ hào ở Hải Dương đón Lê Duy Kỳ về Giáp Sơn.

2.2.1. VUA LÊ CHẠY TRỐN

Sau khi Vũ Văn Nhậm chiếm được kinh thành, vua Lê chạy trốn, tình cảnh hết sức long đong vất vả. *Lê Quý Kỷ Sự* chép:

*Tự hoàng tử sau trận thua ở Mục-thị, lật đặt long đong, nay đông mai bắc, đến đâu cũng được nghĩa binh hào mục ở đó theo về như chợ, nhưng quân lính không quen trận chiến, gặp “giặc” liền thua.*⁵⁸

Về phần Vũ Văn Nhậm, từ khi chiếm được Thăng Long làm nhiều điều đắc chí khiến Nguyễn Huệ cũng sinh nghi, sai Ngô Văn Sở ra Bắc để kiểm chế Nhậm. Nhậm cũng không ưa Ngô Văn Sở nên cho lên đóng ở Phú Xuyên nhưng bắt phải tự túc về lương thực, tiền bạc. Ngô Văn Sở hết sức căm tức, chờ dịp báo thù. Theo *Lê Quý Kỷ Sự* thì “khi đi, Nhậm che sáu lọng, khi ngồi Nhậm dùng sập thếp vàng. Lại tự tiện đúc ấn chương và khi cho tướng dưới quyền dùng tiếng nói với Nhậm trong những dịp trình bày việc công”.⁵⁹ Ngô Văn Sở báo cho Nguyễn Huệ biết, tố cáo Nhậm làm phản. Nguyễn Huệ liền kéo quân ra thẳng Thăng Long, bắt Nhậm giết đi.

Khi Nguyễn Huệ giết được Vũ Văn Nhậm rồi, lại một lần nữa bách quan văn võ lục tục “ra hàng” nghĩa là chịu làm việc với triều đình mới. Khi Lê Duy Đản sang Quảng Tây có đọc được tờ biểu mà đình thần gửi sang để xin Thanh triều chấp nhận cho Nguyễn Quang Bình [Nguyễn Huệ] lên làm vua thay Lê Duy Kỳ. Theo một bài thơ của Lê Duy Đản thì tờ biểu này có 75 chữ ký, bao gồm ba quan văn.⁶⁰

⁵⁷ *Nghệ An Ký* (1993), tr. 336

⁵⁸ *Lê Quý Dật Sử* (1987), tr. 99

⁵⁹ *Lê Quý Dật Sử* (1987), tr. 100

⁶⁰ ...留名不覺汗青史，忍恥還甘戴赤巾。無論武夫焉識義，儒冠三十有三人。

2.2.2. HOÀNG TỘC CHẠY SANG ĐẤT THANH

Về nguyên nhân nhà Thanh đem quân sang nước ta, Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện chép:

*Khi kinh thành Thăng Long vừa mất, vua Chiêu Thống sai thị thần là Lê Quýnh cùng mấy chục người tôn thất bảo hộ quốc mẫu họ Nguyễn chạy lên Cao Bình (Bắc) dựa vào đốc trấn Nguyễn Công Túc, gửi thư sang Long Bằng cầu xin tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị đem binh cứu viện...*⁶¹

Cũng việc đó, Khâm Định Việt Sử quyển XLVII, tr. 32 chép dài hơn:

Trước kia, thái hậu đến Cao Bằng, các phiên tù đều đem quân đi phòng thủ, chẹn đánh. Phiên mục Bé Nguyễn Trừ dẫn tướng giặc là bọn Cúc, Hoán đến đánh úp trấn doanh. Bọn đốc đồng Nguyễn Huy Túc, phiên thần Dịch quân công Hoàng Ích Hiếu, tụng thần Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống bảo vệ thái hậu và nguyên tử do cửa ải Thuỷ khẩu chạy sang Long Châu nhà Thanh. Quan châu là Trần Tốt đem việc này đề đạt lên tổng đốc và tuần phủ.

*Lưỡng Quảng tổng đốc Tôn Sĩ Nghị và Quảng Tây tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh hội họp ở Nam Ninh. Thái hậu đưa nguyên tử đến yết kiến ở trong sân, gào khóc xin cứu viện. Bọn Sĩ Nghị tâu với vua Thanh rằng Tự hoàng nhà Lê đương phải bốn ba, đối với đại nghĩa, ta nên cứu viện. Và lại, An Nam là đất cũ của Trung Quốc, sau khi khôi phục nhà Lê, ta nhân đó, đặt lính thú để đóng giữ. Thế là vừa làm cho nhà Lê được tồn tại, vừa chiếm lấy được An Nam: thật là làm một chuyện mà được hai lợi.*⁶²

Từ hai nguồn này, các sử gia đều dựa vào đây để khẳng định là gia quyền và bầy tôi nhà Lê chủ động trong việc sang Trung Hoa cầu viện, thái hậu họ Nguyễn - mẹ Lê Duy Kỳ - van xin thống thiết và dựa vào đó Tôn Sĩ Nghị trình bày lên vua Càn Long xin cử binh sang đánh nước Nam.

Với lối trình bày đơn giản có dụng ý, chúng ta tưởng như đây là một phái đoàn chính thức tiền hô hậu ủng đi qua cửa ải đến tận dinh tổng đốc nhà Thanh xin đem quân cứu viện. Sai lầm này khiến người đọc sử có ác cảm với mẹ con vua Lê và đám bồi thần chỉ vì quyền lợi bản thân nên manh tâm nhờ cậy người ngoài, bất kể đến quyền lợi quốc gia dân tộc.⁶³

Lưu danh bất giác ô thanh sử, Nhẫn si hoàn cam đái xích cân. Vô luận võ phu yên thức nghĩa, Nho quan tam thập hữu tam nhân.

Để tên chỉ làm cho sử xanh như bản, Lẽ nào lại không biết then mà đội khăn đỏ ư ? [khăn đỏ là quân Tây Sơn]. Kẻ võ phu không biết nghĩa lý thì chẳng nói gì. Đến quan văn ba mươi người mà cũng có ba người ký tên. (Lê Duy Đàm thi tập – BEFEO A.2821)

⁶¹ 初昇隆失守昭統帝遣侍臣黎固與尊室數十人扈國母阮氏及宮眷如高平依督鎮阮公宿通書龍憑營求兩廣總督孫士毅提兵赴援... (Sơ Thăng Long thất thủ, Chiêu Thống để khiến thị thần Lê Quýnh dẫn tôn thất số thập nhân hộ quốc mẫu Nguyễn thị cập cung quyền như Cao Bình y đốc trấn Nguyễn Công Túc, thông thư Long Bằng doanh cầu Lưỡng Quảng Tổng Đốc Tôn Sĩ Nghị đề binh phó viện...) *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện*, quyển XXX, tr. 29a

⁶² *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, tr. 32, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 837

⁶³ Dựa theo những chi tiết vẫn được coi là “chính sử” nêu trên, nhiều bộ sử khá qui mô do những học giả ngoại quốc danh tiếng viết cũng khẳng định chính Lê Duy Kỳ chạy sang Trung Hoa cầu cứu nhà Thanh. Xin kể sơ qua vài tác phẩm nhiều người biết:

1. ...*Trong lần thứ hai quân Tây Sơn ra Đàng Ngoài năm 1787, vua Lê bỏ kinh đô tìm đường chạy sang Trung Hoa, ở đó ông ta xin vua Thanh giúp đỡ lấy lại ngai vàng. (... Having fled his capital during the second Tây Sơn invasion of Đàng Ngoài in 1787, the Lê emperor eventually made his way to China, where he appealed to the Qing emperor for assistance in reclaiming his throne.)* George Dutton, *The Tây Sơn Uprising* (2006), tr. 48

Thế nhưng tài liệu của nhà Thanh không những khác hẳn mà nội dung lại mang dụng ý rõ rệt, một mặt che dấu việc tuần phòng biên giới chênh mảng, mặt khác nhấn mạnh vào nghĩa vụ nước lớn để chính danh hoá việc đem quân sang nước ta. Bên cạnh đó, động cơ ngầm của vấn đề chính là mục tiêu cá nhân của Tôn Sĩ Nghị với tham vọng nếu không chiếm nước ta thành quận huyện thì cũng là một cơ hội tốt để ông ta thăng quan tiến chức.

Và nói chung, mọi sách vở tài liệu dựa trên hai nguồn: 1/ chính sử Việt Nam qua Khâm Định Việt Sử hay Liệt Truyện 2/ chính sử Trung Hoa qua Thanh Thực Lục, Thanh Sử Cảo đều qui tội cầu viện Trung Hoa vào tông thất nhà Lê.⁶⁴

Thực tế như thế nào? Chúng ta cần xem xét vấn đề này với những chi tiết cụ thể hơn.

Trong tấu thư của Tôn Sĩ Nghị đề ngày 26 tháng Sáu năm Càn Long thứ 53 (Mậu Thân) (tức 29-7-1788) có thuật lại lời khai của Nguyễn Huy Túc [quan nhà Lê hộ tống thái hậu, vương phi, vương tử chạy sang đất Thanh] thì:

Ngày 26 tháng Sáu năm Càn Long 51 (Bính Ngọ) (tức ngày 21-7-1786), Nguyễn Huệ là em của thổ tù Nguyễn Nhạc đem binh tấn công Lê thành (tức Thăng Long). Ngày 29 tháng Bảy (21-9-1786)⁶⁵ thì Nguyễn Nhạc cũng tới nơi. Thần dân các nơi chạy đến cứu viện, anh em Nguyễn Nhạc ngày mồng 7 tháng Tám (28-9-1786) thì ra khỏi nước.

Quốc vương Lê Duy Đoan 黎維端 (tức vua Hiến Tông) làm mất quốc ấn, sau lại bệnh mà chết. Vì con trưởng chết sớm, cháu nội là Lê Duy Kỳ theo thứ tự được thừa tập, đã viết văn thư xin được (nhà Thanh) cấp cho ấn triện. Sau đó tự tôn nhận được hịch dụ của tổng đốc Lưỡng Quảng cho hay là không hợp thể chế, sắp sửa sai sứ thần dâng biểu cáo ai để xin được sắc phong làm An Nam quốc vương và cấp cho ấn khác.

2. Vua Lê băng hà. Người cháu nội và cũng người kế vị, được một số tôn thất hộ tống chạy sang Quảng Tây. Nơi đây ông ta kêu gọi nhà Thanh can thiệp để đưa ông trở lại ngai vàng. (... The Le emperor died. His grandson and successor, accompanied by members of the Le royal house, fled to Kwangsi. There he pleaded for Ch'ing intervention to restore him...) Alexander Woodside, Chapter 5: "The Ch'ien-Lung Reign", Willard J. Peterson (chủ biên) *The Cambridge History of China: The Ch'ing Dynasty to 1800* [Vol 9, part One], tr. 277

3. Năm 1788, vua Việt Nam của triều Lê cùng gia đình chạy trốn kẻ nổi dậy là gia đình họ Nguyễn, khi đó chiếm Hà Nội. Đào tị tại Quảng Tây, ông ta [tức Lê Duy Kỳ] nài nỉ xin nhà Thanh che chở. Vua Càn Long đáp ứng nhanh chóng, sai ba đạo quân tấn công vào Việt Nam mà một đội từ Quảng Tây xuống phía nam do tướng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy, một đội từ Vân Nam ở phía đông nam, và một đạo thứ ba theo đường biển từ Quảng Đông... (In 1788 the ruler of Vietnam's Le dynasty fled with his family from the usurping Nguyen family, who had seized Hanoi. Taking refuge in Guangxi province, he begged for Qing protection. Qianlong responded swiftly, ordering a three-pronged attack on Vietnam, with one army marching south from Guangxi under General Sun Shiyi, a second southeast from Yunnan, and a third transported by sea from Guangdong...) Jonathan D. Spence, *The Search for Modern China* (1990), tr. 111

4.nhưng Lê Duy-Kỳ đã vượt biên giới chạy sang Trung Hoa và cầu khẩn hoàng đế [nhà Thanh] giúp ông lấy lại vương quốc (... Mais Lê Duy-kí avait pu passer la frontière et s'était rendu en Chine. Il implora l'empereur pour qu'il l'aiderait à reconquérir son royaume...) Charles B. Maybon, *Histoire Moderne du Pays d'Annam 1592-1820* (1920), tr. 297

⁶⁴ Tệ hơn nữa, nhiều nghiên cứu lại dựa trên cuốn tiểu thuyết *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* để khẳng định về tội danh này.

⁶⁵ năm này tháng Bảy âm lịch nhuận nên ngày Nguyễn Nhạc ra Thăng Long phải là tháng Bảy thứ hai vì sử Việt chép rằng Nguyễn Nhạc chỉ ở lại độ mười ngày rồi quay về.

Ngờ đâu ngày mồng 1 tháng Chạp năm đó (tức ngày 19-1-1787), nguy tướng của Nguyễn Nhạc là Nguyễn Nhậm (tức Võ Văn Nhậm) đem mấy vạn quân công phá kinh thành, tự tôn [tức vua Lê Chiêu Thống nhưng ở đây không dám gọi là vua vì chưa được sắc phong của nhà Thanh nên chỉ gọi là tự tôn nghĩa là cháu nội được chỉ định nối ngôi] phải bỏ chạy. Bọn chúng tôi (tức bọn Nguyễn Huy Túc) đưa vương mẫu (tức thái hậu), vương tử (tức Lê Duy Thuý, con trai của Lê Duy Kỳ) lánh nạn tại xã Bắc Sơn, huyện Võ Nhại. Còn tự tôn thì ngày 25 tháng Giêng năm nay (Mậu Thân) (tức ngày 2-3-1788) đến vùng Sơn Nam để điều binh đánh giặc.

Ngày mồng 6 tháng Tư (11-5-1788), Nguyễn Huệ quay trở lại quốc thành (Thăng Long), có thổ dân ở Lạng Sơn là Quyển Trâm (卷簪) cùng phiên mục Cao Bằng Bế Nguyễn Trù (閉阮儔) lẫn vào Lạng Sơn, chiêu tập được một số đông quân giặc định cướp vương quyền làm con tin để ngăn trở nghĩa binh. Chúng tôi liền cùng gia đình đưa lên Cao Bằng. Bọn chúng lại đuổi tới Cao Bằng. Chúng tôi chỉ còn cách lên thuyền chạy cho xa.

Ngày mồng 4 tháng Năm vừa qua (7-6-1788), tới Bắc Niệm, truy binh càng lúc càng gần. Ngày 12 tháng Năm (15-6-1788) thì chạy được tới bờ sông. Bọn giặc ước chừng ba, bốn trăm tên đuổi tới nơi, không còn đường nào thoát mới kháo đầu qua phía bờ bên kia để xin thiên triều cứu giúp. Thế nhưng tặc binh đã tới nơi, đành liều mạng mang vương mẫu, vương phi, thế tử và thân thuộc, vượt sông lên bờ. Những ai không kịp qua sông đều bị giết cả...⁶⁶

Đây là lời khai của vong thân nhà Lê để Tôn Sĩ Nghị lấy cớ tâu lên vua Càn Long nhấn mạnh vào việc quân Thanh có mặt khi đoàn người tị nạn vượt biên giới. Sự việc ít nhiều đã được mớm lời để khai cho phù hợp với ý nguyện của họ Tôn dọn đường cho những toan tính của ông ta sau này và nhất là đẹp lòng vua Cao Tông. Tuy nhiên, thực sự xảy ra có điều khác hẳn. Theo lời thuật lại của chính Lê Quýnh thì đám tòng vong nhà Lê sau khi qua được con suối thì lên một đỉnh núi, do thổ dân đưa đường sống tạm trong một cái hang phải đi hái rế cây, ăn quả rừng sống tạm mấy ngày. Mãi đến khi tin đưa tới quan quân nhà Thanh thì thông phán Trần Tùng mới tới gặp.

... Khi ấy quốc mẫu, cung phi và nguyên tử thì đều ở tại Thái Nguyên, nhà vua sai Quýnh lên bảo hộ. Tháng Tư năm đó, đến Thái Nguyên thấy quân ít ỏi, thế cấp bách nên đưa thái hậu qua ở trấn Mục Mã [牧馬], thuộc Cao Bình [高平].

Sang tháng Năm, binh Tây Sơn bắt ngờ ập đến, đốc đồng Nguyễn Huy Túc [阮輝宿] sai phiên mục Cao Bình là Hoàng Ích Hiểu [黃益曉] đem thương thuyền đưa quốc mẫu và mọi người xuôi dòng đến Thủy Khẩu quan [水口關], tạm trú ở thôn Phát Mê [弗迷] bên cạnh cửa ải.

Ngày mồng 9 [tháng Năm], quân Tây Sơn kéo róc đến, Lê Quýnh và Hoàng Ích Hiểu lui về giữ một cái gò nhỏ giữa sông ở Phát Mê. Quân địch vây ở phía tây nam còn phía đông bắc thì quân giữ ải của nội địa [tức Trung Hoa] trấn giữ, tiến thoái đều không được, chỉ còn nước đánh đến chết.

⁶⁶ Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển I, tr. 12-3

Đến chiều hôm đó trời mưa lớn lại có gió mạnh, trời tối đen nên nương theo ánh chớp mà qua sông, tìm được một con đường mòn đi vào trong núi sâu⁶⁷ ở phía bắc Đẩu Áo [斗澳] thuộc về nội địa. Gia đình chỉ còn được 7 người.⁶⁸

Đến khi trời sáng, tìm thấy quốc mẫu và những người khác ở trong một cái hang núi. Lương thực hết, tìm được vài bắp ngô dâng lên.⁶⁹ Số 60 người còn lại thì ăn rễ cốt tủy bổ [骨碎補]⁷⁰ tươi cùng các loại quả dại cho khỏi đói ...⁷¹

Về việc này Hoàng Xuân Hãn cũng dẫn bài “Tháng 5 hộ Từ-giá qua bến Phát-mê” mà ông dịch ra như sau:

Thình lình trong chốc lát cờ giặc đầy núi. Xách gươm theo kiệu ra đến bờ sông. Một bè kết bằng năm cây tre chở quốc quyền. Một dây giăng qua sông giúp các quan lợi theo... Mưa lớn suốt đêm, rét thấu xương. Sáng dậy nhìn sông nước chảy như bay.⁷²

Những chi tiết đó cũng được nhắc lại để xác định rằng đoàn người tị nạn phải chia làm hai, một phần chạy trước để lại bảy người đoạn hậu. Họ sợ dĩ không bị quân Tây Sơn tiêu diệt cũng nhờ đêm tối, mưa to gió lớn khiến giòng nước chảy xiết nên mới lợi qua sông thoát được sang đất Trung Hoa. Sau đó, họ tìm thấy nhau đang ở trong hang núi [chưa gặp quan quân mà chỉ có một vài thổ dân giúp đỡ]. Trong “Tiêu Cung Tuấn Tiết Hành”, một bài thơ dài của Nguyễn Huy Túc thuật về cuộc đời của hoàng phi Nguyễn Thị Kim cũng miêu tả như sau:

*... Năm Đinh Vị Tây Sơn khởi biến,
Cảnh phong trần chột đến khôn lường.
Ngoài thành rong ruổi xe hương,
Quân Hầu tan tác, bàng hoàng bên sông.
Vó ngựa lạc văn phong mây độ,
Theo từ vi đến Võ Nhai sơn.
Quần hồng lặn đận núi ngàn,*

⁶⁷ HVTT Đồ Sơn [涂山]

⁶⁸ Đoạn này các tài liệu khác có nhiều chi tiết hơn.

VHN ...Quỳnh và Hoàng Ích Hiểu chia binh chống giữ, còn đốc đồng Cao Bình Nguyễn Huy Túc, Phụng Thái Hầu Nguyễn Quốc Đống, Trường Sa Hầu Phạm Đình Quyền đưa quốc mẫu qua sông, đi theo bên cạnh ải Đẩu Áo mà vào nội địa.

HVTT ...Quỳnh và Ích Hiểu chia ra hai đầu chống giữ, đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Phụng Thái Hầu Nguyễn Quốc Đống, Trường Thu Lệnh Phạm Đình Quyền đưa thái hậu qua sông, theo Đẩu Áo vào nội địa.

Nói tóm lại, hai tài liệu đều nói rõ thêm gia đình vua Lê đã được hộ tống theo đường mòn qua Trung Hoa trước còn Lê Quỳnh và Hoàng Ích Hiểu ở lại chống giặc, đến tối nhờ ánh chớp mà vượt sông nên cũng vào trong núi là khu vực thuộc nhà Thanh.

⁶⁹ NP 尋得玉燭米數包以進. HVTT 尋得玉燭黍數包以進 VHN 尋得玉燭米數包以進

Theo chúng tôi hiểu, bao không phải là một túi mà là bắp ngô sống chưa lột vỏ ngoài. Trong khung cảnh rừng sâu không người, khó có thể tìm ra vài bao ngô như bản dịch của GS Hoàng Xuân Hãn.

⁷⁰ Rhizoma Drynariae là một loại củ dùng trong thuốc bắc, vị đắng, tính ôn để chữa bệnh đòn xương

⁷¹ Lê Quỳnh: Bắc Hành Lược Ký (bản dịch NDC)

⁷² Hoàng Xuân Hãn, “Bắc Hành Tùng Ký”. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, (1998) tr. 876-7

Liều bỏ phải chịu muôn vàn long đong.
 Xa trông đợi tin rồng vắng bật,
 Chốn nhàn đình nước mắt chứa chan.
 Bỗng đâu tiếng trống nổi ran,
 Tướng Cao Bằng rước xe loan lên đường.
 Tới Mục Mã vội vàng nghỉ lại,
 Thuyền vua giong lên ải Phất Mê.
 Địch nghe tin kịp đuổi kè,
 Tên bay đạn lạc bốn bề rơi ren.
 Bè một mảng qua phen kinh hãi,
 Bao hiểm nghèo rồi lại bình yên,
 Vịn cây dầm đá trèo lên,
 Mưa mù lam chướng đầy trên một trời.
 Dân sở tại chào mời đưa dất,
 Gập ghềnh theo lối tắt đường ngang.
 Hết đường tới núi vào hang,
 Giếng thơm trong suốt, nước đang dạt dào...⁷³

Tất cả bọn lưu vong nhà Lê chỉ còn 62 người sống sót, trong đó có mẹ Lê Duy Kỳ [thái hậu] là Nguyễn (thị) Ngọc Tố (阮玉素) và vợ [vương phi] là Nguyễn (thị) Ngọc Đoan (阮玉端)⁷⁴, con trai [vương tử] là Lê Duy Thuyên (黎維詮)⁷⁵. Nhóm người tị nạn đó may sao kiếm được mấy bắp ngô chia cho hai người đàn bà và đứa trẻ, còn đàn ông thì phải tìm các loại rễ cây, quả dại.

⁷³ Ngô Gia Văn Phái, *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, (2002), tr. 425-26

⁷⁴ Tên thực là Nguyễn thị Kim, GS Hoàng Xuân Hãn viết là Nguyễn thị Ngọc Thụy, theo tờ trình của Nguyễn Huy Túc thì là Ngọc Đoan. Hai chữ Thụy (瑞) và Đoan (端) rất giống nhau. Nhà Thanh chép lại theo tờ biểu của nhà Lê nên chắc không sai.

⁷⁵ Cung Trung Đáng (宮中檔), hòm số 2727, bao số 218: Theo tờ trình của Tôn Vĩnh Thanh đề ngày 1 tháng Sáu năm Càn Long thứ 53 (1788), số hiệu 54179 và tờ trình của Tôn Sĩ Nghị ngày mồng 4 tháng Sáu năm Càn Long thứ 53, số hiệu 54199, tờ trình của Tôn Vĩnh Thanh ngày 13 tháng Sáu, số hiệu 54285 Trang Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiênn Cứu* (清高宗十全武功研究). (1982), tr. 359

PHẦN III

NHÀ THANH CỨU VIÊN

3.1. PHẢN ỨNG CỦA THANH TRIỀU

3.1.1. NHÀ LÊ CẦU CỨU

Sự việc đến đây cũng chưa phải là hết. Những người trốn qua biên giới đều phải đối diện với một vấn đề luật pháp rất phức tạp. Đó là làm sao để được nhà Thanh chấp thuận cho hưởng qui chế “tị nạn” mà không bị trả về cho quan quân Tây Sơn. Việc kiểm soát qua lại biên giới của nhà Thanh rất chặt chẽ, muốn ra ngoài buôn bán phải có phép của triều đình. Những ai bỏ nước ra đi, nếu không có lý do chính đáng khi trở về nội địa đều bị trọng hình nên đã đi rồi bắt buộc phải tha hương lập nghiệp.

Khi nhà Thanh mới chiếm được trung nguyên, một số đông người Trung Hoa không tuân lệnh giốc tóc đuôi sam [theo kiểu người Mãn] nên bỏ quê hương, trốn xuống vùng Đông Nam Á, tạo thành một tầng lớp Hoa kiều gọi là Minh hương [người gốc nhà Minh]. Họ cũng tập hợp thành những tổ chức, bang hội để chống lại nhà Thanh (phản Thanh phục Minh) nên việc người trong nước giao dịch với bên ngoài càng bị giám sát kỹ lưỡng để đề phòng thông đồng nổi loạn.

Tại những quốc gia lân cận, không hiếm những biến động chính trị mà Hoa kiều bị tàn sát nhưng nhà Thanh không những không can thiệp mà còn thông mạ coi như đáng đời cho những kẻ phản quốc. Riêng tại nước ta, vào cuối đời Lê, ở những khu vực tiếp giáp với Vân Nam, Quảng Tây của Trung Quốc, nhiều người Hoa trốn sang làm phu mỏ ở vùng Tuyên Quang, Thái Nguyên [sử nhà Thanh gọi là xưởng dân]. Nhân dịp quân Thanh tiến sang, những thợ thuyền này đã tập hợp thành hàng ngũ để theo vào Thăng Long, gây ra lăm cảnh những nhiễu. Sau khi thua trận và bị truy sát, một số phải liều mạng chạy qua các cửa ải và nhờ lời tàu của Tôn Sĩ Nghị nên họ được vua Cần Long ân xá.⁷⁶

Người đi ra đã vậy, người nước ngoài vượt biên vào Trung Hoa còn gay go hơn và đây chính là một vấn đề sinh tử của thân quyến và tông vong nhà Lê. Để tránh bị xử theo luật nhập cư bất hợp pháp, các quan nhà Lê cố chứng minh về hoàn cảnh của mình để xin được hưởng một đặc ân. Sau đây là tờ trình của Nguyễn Huy Túc còn lưu giữ trong văn khố nhà Thanh:

Nguyên văn

安南國高平府督同阮輝宿，長派侯黎囧，迪郡公黃益曉等奉本國王嗣孫母阮氏玉素命謹薰沐頓肅東於天朝廣西龍州分府陳，龍憑營都閫府陳，上堂會照。

由於上年十二月初二日，本國適有廣南西山土酋阮岳，一名文平，偽泰德十一年，這係別阮姓，非輔政阮姓者，彼弟阮惠，偽稱上公，差偽節制阮任領兵數萬，直犯京城，本國王嗣孫領各道兵馬會勦，敵眾數敗。

本年三月，阮惠畢眾赴援，國王避於山南下路。職等奉王母，王子，王妃避居高平之那侶。

⁷⁶ Một số đông dân phu chạy vào các làng mạc bị giết chết nâng cao tổng số thiệt hại về số lượng mà sử nước ta ghi nhận nhưng lại không được báo cáo trong các tổn thất chính thức của Trung Hoa.

五月初九日，蠻兵突來刼寨，追剝甚迫，無處奔逃，奉王嗣孫母命，走依貴轄。竊思本國黎王累世臣事天朝，仰蒙聖天子柔懷涵育。今遭此變，故越壤投生，統祈列台上堂垂顧，轉呈上憲，以事題奏，仰惟天覆地載，非所不容，軫及南服，國王臣黎維祁一門母子，均在矜恤，庶得穿喫有依，偷生歲月，待國王憑仗天朝威德，幸克旋京，仍修禮祈請奉迎還國，恢恢蕩蕩難名天皇帝至仁盛德，亦由列台厚鄰憫窮之賜也，今肅東。

乾隆五十三年五月十二日，這來只用白單，因督鎮印章被追兵搶掠，無憑蓋印，督同阮輝宿肅上，武神衛長派侯黎囧肅上，勇一號正首號迪郡公黃益曉肅上。⁷⁷

Dịch âm

An Nam quốc, Cao Bình phủ đốc đồng Nguyễn Huy Túc, Trường Phái Hâu Lê Quýnh, Định Quận Công Hoàng Ích Hiếu dâng phụng bản quốc vương tự tôn mẫu Nguyễn thị Ngọc Tố mệnh, cần huân mộc đồn túc giản ư thiên triều Quảng Tây Long Châu phân phủ Trần, Long Bằng doanh Đô Khôn phủ Trần, thượng đường hội chiếu.

Do ư thượng niên thập nhị nguyệt sơ nhị nhật, bản quốc thích hữu Quảng Nam Tây Sơn thổ tù Nguyễn Nhạc, nhất danh Văn Bình, nguy Thái Đức thập nhất niên, giá hệ biệt Nguyễn tính, phi phụ chính Nguyễn tính giả, bỉ đệ Nguyễn Huệ, nguy xưng thượng công, sai nguy tiết chế Nguyễn Nhậm lãnh binh sở vạn, trực xâm kinh thành, bản quốc vương tự tôn lãnh các đạo binh mã hội tiễu, địch chúng sở bại.

Bản niên tam nguyệt, Nguyễn Huệ tất chúng phó viện, quốc vương tị ư Sơn Nam hạ lộ. Chức dâng phụng vương mẫu, vương tử, vương phi tị cư Cao Bằng chi Na Lữ.

Ngũ nguyệt sơ cửu nhật, man binh đột lai kiếp trại, truy sát thậm bách, vô xứ bồn đào, phụng vương tự tôn mẫu mệnh, tẩu y quý hạt. Thiết tư bản quốc Lê vương lũy thể thần sự thiên triều, ngưỡng mong thánh thiên tử nhu hoài hàm dục. Kim tao thử biến, cổ viết nhượng đầu sinh, thông kỳ liệt đài thượng đường thúy cổ, chuyển trình thượng hiến, dĩ sự đề tấu, ngưỡng duy thiên phúc địa tải, phi sở bất dung, chấn cập nam phục, quốc vương thần Lê Duy Kỳ nhất môn mẫu tử, quân tại căng đất, thứ đặc xuyên khiết hữu y, thân sinh tuế nguyệt, đài quốc vương bằng trượng thiên triều uy đức, hạnh khắc toàn kinh, nhưng tu lễ kỳ thỉnh phụng nghinh hoàn quốc, khôi khôi đăng đăng nan danh thiên hoàng đế chí nhân thịnh đức, diệc do liệt đài hậu lân mẫn cùng chi tứ dã, kim túc giản.

Cần Long ngũ thập tam niên ngũ nguyệt thập nhị nhật.

Giá lai chỉ dụng bạch đơn, nhân đốc trấn ấn chương bị truy binh sang lược, vô bằng cái ấn.

Đốc đồng Nguyễn Huy Túc túc thượng,

Võ thần vệ Trường Phái Hâu Lê Quýnh túc thượng,

Dũng nhất hiệu chính thủ hiệu Định Quận Công Hoàng Ích Hiếu túc thượng.

⁷⁷ Quân Cơ Xứ, Nguyệt Triếp Bao, hòm số 2778, bao 163, số hiệu 39031, bản sao tờ trình của di mục nước An Nam đề ngày 12 tháng Năm năm Cần Long 53 (1788) (Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (1982), tr. 345-6

Dịch nghĩa

Đốc đồng phủ Cao Bằng nước An Nam là Nguyễn Huy Túc, cùng với Trường Phái Hầu Lê Quýnh, Địch Quận Công Hoàng Ích Hiểu phụng mệnh thân mẫu của quốc vương là Nguyễn thị Ngọc Tổ kính cần trình lên phân phủ họ Trần đất Long Châu, đồ khốn phủ họ Trần đất Long Bằng, Quảng Tây, cùng xem xét:

Nguyên ngày mồng hai tháng Chạp năm ngoái, thổ tù đất Quảng Nam Nguyễn Nhạc là bên ngoại (nguyên văn thích là người liên quan vì hôn nhân chứ không phải do máu huyết) của nước chúng tôi, còn có tên là Văn Bình (ở đây nhằm Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc), năm ngụy Thái Đức thứ 11, bọn chúng vốn không phải họ Nguyễn, cũng không phải họ Nguyễn phụ chính (tức chúa Nguyễn trong Nam), em của y là Nguyễn Huệ, ngụy xưng là Thượng Công, sai ngụy tiết chế là Nguyễn Nhậm (tức Vũ Văn Nhậm) đem mấy vạn quân thẳng đến kinh thành, quốc vương nước tôi lãnh binh các đạo chống giữ đánh thắng được địch mấy lần.

Tháng Ba năm nay, Nguyễn Huệ đem quân đến tiếp viện, quốc vương phải lánh nạn ở hạ lộ Sơn Nam. Bọn chúng tôi đưa vương mẫu, vương tử, vương phi đến trốn tránh ở Na Lữ, đất Cao Bằng.

Ngày mồng chín tháng Năm, man binh bất ngờ đến cướp trại, truy sát rất gấp, không nơi chạy trốn, bọn chúng tôi phụng mệnh mẹ của tự tôn (tức Lê Duy Kỳ) chạy đến quý hạt. Trộm nghĩ vua Lê nước tôi nhiều đời phụng sự thiên triều, vẫn mong được thánh thiên tử chăm lo dạy dỗ. Nay gặp phải biến cố này nên cố bỏ đất mà chạy đến đây, mong được quý đài chiếu cố, trình lên thượng hiến, tâu lên mọi việc, cũng mong trời che đất chở không gì là không dung chứa, đoái hoài đến cả kẻ ở phương nam là mẹ con của quốc vương chúng tôi Lê Duy Kỳ đều được thương xót, có nơi nương tựa, sống nốt tháng ngày, đợi khi quốc vương nhờ uy đức thiên triều lại trở về được kinh đô, khi đó đón trở về nước, dương danh chí nhân thịnh đức của thiên hoàng để thì cũng là do quý liệt đài thương xót mà ban cho, nay trình lên.

Càn Long năm thứ 53, ngày 12 tháng Năm.

Ở đây chỉ viết đơn không vì ấn chương đốc trấn đã bị truy binh cướp mất, không thể đóng dấu được.

Đốc đồng Nguyễn Huy Túc cúi lạy,

Võ thần vệ Trường Phái Hầu Lê Quýnh cúi lạy,

Chính thủ hiệu Địch Quận Công Hoàng Ích Hiểu cúi lạy.

Tờ biểu này cho chúng ta biết thêm một số chi tiết: đoàn người bị lạc và tạm trú trong hang động khoảng 3 ngày (mồng 9 đến 12) thì gặp quan quân nhà Thanh. Đây cũng chỉ là một tờ trình cho quan lại địa phương (thông phán Trần Tùng) cấp bậc tương đối thấp [phủ huyện], với mục đích xin tị nạn tạm một thời gian. Đối chiếu với lời tâu của Tôn Sĩ Nghị ở trên, rõ ràng họ Tôn đã dấu đi chuyện nhóm nhà Lê sang Trung Hoa từ mồng 9 đến 12 (khi quan nhà Thanh hay biết) mà nói rằng ngày 12 mới bị đuổi tới bờ sông, có quân Thanh đến cứu.

Những văn quan nhà Lê cũng hiểu rằng tuy nói thế nhưng thực tế không đơn giản, việc sống chết chưa biết ra sao nói gì đến việc lấy lại nước. Tình hình trong hai năm qua cho thấy những nhóm thổ hào Bắc Hà sau khi chúa Trịnh đổ, không ai có thể là đối thủ của Tây Sơn, về lực lượng cũng

như về tài trí. Các viên chức địa phương của nhà Thanh cũng không biết nội vụ thực hư thế nào nên chỉ tạm thời cho 62 người “tị nạn An Nam” một chỗ ăn ở và lập tức báo cáo lên tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh để ở đây lại báo lên tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị.

Chỉ đến khi việc tạm trú được chấp thuận rồi và cũng đã hoàn hồn, một kế hoạch mới nảy sinh: đó là xin được can thiệp để có một mảnh đất dung thân tương tự như trước đây nhà Minh ép nhà Lê cắt đất Cao Bằng cho họ Mạc. Hoàng Xuân Hãn khi dịch Bắc Hành Tùng Ký cũng có phụ chú như sau:

Nguyễn Huy-Túc, chủ động trong các việc đón đưa Thái-hậu có để lại một số thơ làm ta biết thêm một vài điều. Quê xã Kim-lũ, huyện Thanh-trì, Huy-Túc là con tiến sĩ Công Án. Năm Đinh-mùi (1787) được cử làm đốc-đổng Cao-bằng. Mấy tháng sau đốc-trấn Nguyễn Đình-Tổ mất. Huy-Túc nối chức. Tháng Chạp được tin Lạng-sơn báo việc Tây-sơn chiếm Thăng-long và Chiêu-thống chạy lên Bắc. Huy-Túc định đón vua Lê lên giữ Cao-bằng làm căn cứ để phục hưng. Tháng Giêng năm sau (1788) đem quân tới Thái-Nguyên tìm vua, và định tựa vào Thanh mà giữ vùng Bắc. Tháng Tư, mới rõ chỉ có cung quyền chạy lên Thái-nguyên và còn trú ở Vũ-nhai, tại Vung-mỗ. Huy-Túc tới đem cung-quyền lên Cao-bằng. Trong tập thơ ký sự, có ba bài nói rõ những ý ấy: “Nghe tin vua bỏ Kinh mà sợ, Xin theo người xưa giữ đất Bắc. Bốn châu liên nhau đều đất hiểm. Ai bảo rằng từ xưa nay không thể dấy nên vua ở đó. Trung quốc đồng lòng với ta thì ắt ta còn. Đánh từ phía bắc đó là bốn-phận tôi để báo ơn vua một phần nào... Trộm nghĩ rằng Vũ-nhai gần nơi khói lửa. Chẳng bằng trấn Cao-bằng địa-hình xa sâu...”⁷⁸

Bốn châu liên nhau có lẽ để chỉ bốn châu ở Cao Bằng xưa kia nhà Thanh ép nhà Lê giao cho Mạc Kính Vũ.

Thế nhưng ý này có lẽ cũng không phải là nguyên uỷ của sự việc. Như chúng tôi đã nhấn mạnh, khi chạy sang Trung Hoa, đoàn người chỉ nhằm mục tiêu trước mắt là sao cho khỏi chết. Đêm dài lăm mòng, thơ văn thời xưa thường thi vị hoá một số sự kiện và sử dụng những sáo ngữ như xe loan, xe hương, quốc mẫu... khiến người đọc khó hình dung ra được sự thực như thế nào? Tuy nhiên chúng ta có thể đoán chừng ước vọng “nhất khoảnh giang sơn” chỉ có về sau khi được quan lại nhà Thanh vừa mớm lời, vừa hứa hẹn còn thực tế lúc đó chỉ là một đoàn người lồi thoi lếch thếch, hồn bất phụ thể, vừa đói vừa rét xin được dung thân, nhất là đừng bị giao trả qua biên giới.

3.1.2. THANH TRIỀU ĐÁP ỨNG

Một điều di thần nhà Lê không ngờ được là tình hình nước ta đều được tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh và Lương Quảng tổng đốc Tôn Sĩ Nghị dò xét tương đối đầy đủ và họ cũng có dự trù một kế hoạch để hợp thức hoá việc can thiệp vào nước ta. Chính vì thế, khi được báo cáo là một nhóm hoàng tộc nhà Lê chạy sang Long Bằng, Tôn Sĩ Nghị lập tức tâu lên vua Càn Long với nhiều chi tiết thuận theo chiều hướng ông ta đang theo đuổi:

Thần tra xét quốc chính nước An Nam lâu nay vẫn do hai họ Nguyễn Trịnh nắm quyền, mấy chục năm qua vua Lê chỉ giữ nước mà không phải làm gì cả, một mực cung thuận thiên triều. Hai họ Trịnh Nguyễn có điều e ngại nên không dám làm chuyện soán đoạt. Nay Nguyễn Nhạc chiếm luôn quyền của họ Trịnh, đoạt lấy quốc đồ, tàn sát quyền thuộc

⁷⁸ Lê Quýnh “Bắc Hành Tùng Ký”, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II (1998), tr. 876

họ Lê, lại dụ dỗ những vùng phụ cận như Cao Bình, Lạng Sơn theo giặc, phòng bị thiên triều hưng binh vắn tội, tình hình đã rõ ràng. Thành ra nếu như nội địa chúng ta ở bên cạnh chỉ lặng thinh không động tĩnh gì, thì họ sẽ nghĩ rằng thiên triều không lý gì đến chuyện của ngoại di càng thêm can rờ giết hại tự tôn để cho quân chúng không còn tưởng vọng gì nữa mà các trấn mục vốn có lòng với họ Lê, thấy tự tôn bị diệt rồi, không còn chỗ nào quay về.

Ngoài ra con cháu họ Lê những ai chưa nổi dậy thì thế cũng không phản chấn lên được, ắt cũng không hết sức mà cam tâm theo giặc. Khi đó đảng tập đã vững chắc, thế giặc lên cao, có muốn làm gì cũng khó. Vậy lúc này nhân thuộc quốc có loạn, nội địa nên hao phí binh mã tiền lương ngay, nhưng thần, hiểu biết nông cạn, không dám đảm trách biện lý chuyện này.

Tra xét phủ Thái Bình tỉnh Quảng Tây và phủ Liêm Châu tỉnh Quảng Đông, hai phủ Khai Hoá, Lâm An tỉnh Vân Nam đều tiếp giáp với đất An Nam, vậy có nên trước lên tiếng sau làm thực [tiên thanh hậu thực - 先聲後寔], xin thỉnh hoàng thượng ban sắc chỉ ra lệnh cho Tả Giang trấn, Cao Liêm trấn cùng Khai Hoá, Lâm An hai trấn nơi nơi chuẩn bị binh mã thuyền bè, thao luyện dương oai, đánh tiếng sắp sửa chia ra tiến đánh. Lại cho các nơi truyền hịch dụ cho trấn mục đến đầu thuận, hiệp lực giết giặc, hộ tống tự tôn trở về, lại ra lệnh cho trối Nguyễn Nhạc lại giải giao cho thiên triều, như thế thanh uy rất lớn làm cho thế giặc suy giảm.

Nếu tính theo toàn lực đất An Nam mà luận, thật không thể nào đương cự nổi bốn lộ quân của ba tỉnh chúng ta, thần ngu si cho rằng những tin tức như vậy truyền đến An Nam, những kẻ chưa theo giặc kiên định tâm chí ắt sẽ ra sức đi trước, còn kẻ đã theo giặc rồi nghe tiếng chấn động ắt sẽ trở giáo mà theo về.

Nếu Lê Duy Kỳ hiện nay vẫn còn sống, thần nghĩ rằng nghịch phi chắc không dám làm hại để chọc giận thiên triều. Tự tôn nếu còn ắt lòng người đi theo, phục quốc thật dễ dàng. Xin khẩn cầu hoàng thượng đặc biệt phái đại thần, thống lĩnh quan binh, hộ tống quyền thuộc nước kia xuất quan, ra lệnh cho tự tôn đích thân đến biên giới đón mẹ về.⁷⁹

3.1.2.1. CHIÊU BÀI HƯNG DIỆT KẾ TUYẾT, TỰ TIỂU TÒN VONG

(興滅繼絕，字小存亡)

Các bộ sử Trung Hoa khi đề cập đến chiến dịch Thanh – Việt đều nhấn mạnh vào nguyên nhân chính đáng của việc Tôn Sĩ Nghị đem quân sang nước ta. Đó là mục tiêu “*hưng diệt kế tuyết, tự tiểu tồn vong*” đối với họ Lê, một nghĩa vụ thiên triều nước lớn bắt buộc phải làm cho một nước nhỏ vốn là phiên thuộc của họ.

Trong bất cứ một can thiệp quân sự nào liên quan đến bên ngoài, nhất là khi tấn công một quốc gia hay dân tộc gần bên, sử Trung Hoa đều nêu lên một lý do chính đáng mà không bao giờ thú nhận những âm mưu đen tối của họ. Hệ thống tư tưởng nhân trị, phân biệt chiến tranh công chính với không công chính đã khiến họ hết sức nhấn mạnh đến vai trò “*điều dân phạt tội*”, mặc dù thực chất chỉ là một cuộc xâm lăng, giành dân cướp đất.

⁷⁹ Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển II, tr. 1-4

3.1.2.2. TRUY TÌM VUA LÊ

Trong nhiều thế kỷ, người nước ta luôn luôn chỉ coi những việc tranh chấp nội bộ, dù là Trịnh – Nguyễn phân tranh hay những cuộc nổi dậy trên một địa bàn lớn và kéo dài nhiều năm, là việc của riêng mình, mượn tay Thanh triều để lấy lại nước cho mình là điều ngoài sở liệu.

Như trên đã trình bày, ngay cả khi thân quyền và tùy tùng nhà Lê chạy được sang đất Thanh, họ chỉ xin được tị nạn một thời gian để chờ tự tôn khôi phục được nước sẽ sang đón về. Việc nương nhờ đó không nằm trong ý định cầu viện mà vì luật pháp của nhà Thanh rất nghiêm ngặt với những ai vượt biên giới vào sống bất hợp pháp ở “*nội địa*” [đất Trung Hoa]. Gay go hơn cả, tất cả 62 người chạy được qua đất Tàu đều không có giấy tờ chứng minh thân phận hay xuất xứ, còn những người tự nhận là quan nhà Lê với tước hầu, tước bá lại không ai có ấn tín làm bằng. Đối với những người này, việc người Thanh dung chứa không trị tội hay đuổi về cũng đã là một đặc ân, nói gì được cung cấp nơi ăn chốn ở và giúp đỡ để lấy lại nước.

Thế nhưng có biết đâu một số quan lại nhà Thanh lại coi đây là cơ hội bằng vàng để lập chiến công ngỗ hầu thăng quan tiến tước, lại rửa được cái nhục bại trận ở Miến Điện là vết thương lòng lúc nào cũng ray rứt vua Càn Long. Một lần nữa, chiêu bài “*hung diệt kẻ tuyệt, tự tiểu tồn vong*” [dấy lên kẻ đã bị diệt, nổi lại dòng đã bị đứt, nuôi nấng kẻ nhỏ làm cho mất rồi lại còn] lại được đưa ra để can thiệp vào nước nhỏ.

Để việc đem quân sang Đại Việt có chính danh, Tôn Sĩ Nghị phải có được một lá thư chính thức của Lê Duy Kỳ – người nhà Lê được coi như kế thừa đích thực – lên tiếng cầu viện. Theo kế hoạch “*đập cỏ tìm rắn*”, nhà Thanh trước hết nhân danh thiên triều bảo vệ nước nhỏ gửi sang nước ta một bố cáo để đe dọa đối phương, khuyến dụ thổ mục nhưng mục đích chính là để vua Lê tự xuất hiện.

Tờ hịch đó nội dung như sau:

Nguyên văn

諭知該國，以阮岳，阮惠，退出黎城。仍回伊等故土。是其心不敢干犯天朝法紀。尚可不事苛求。

至爾鎮目人等。理應即日迎還故主。仍就藩封。倘竟彼此觀望遷延。暗為阮姓守土。不肯迎請嗣王。則是爾國綱紀蕩然。全不知君臣大義。且爾等身係安南職官。轉不如爾國百姓。

倘能依戀黎王舊德。紛紛向關呈請。願効前驅。爾等清夜問心。置身何地。此番出示之後。爾等立即擁戴黎氏。迎請反正。則前此從逆與否。概置不問。

如仍執迷不悟。更無効順之心。即當一面奏聞大皇帝。一面親統大兵。尅期進剿。諒爾一隅。豈能抗我王師。勢將咸就誅夷。為爾國永垂炯戒等因。愷切曉諭。⁸⁰

Dịch âm

Dụ tri cai quốc, dĩ Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ thoát xuất Lê thành. Nhưng hồi ý đảng cố thổ. Thị dĩ tâm bất cảm can phạm thiên triều pháp kỷ. Thượng khả bất sự hà cầu.

⁸⁰ *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển III, tr. 9-10

Chí nhĩ trần mục nhân đẳng. Lý ứng tức nhật nghinh hoàn cố chủ. Nhưng tự phiên phong. Thảng cánh bị thử quan vọng thiên diên. Ám vi Nguyễn tính thủ thổ. Bất khảng nghinh thỉnh tự vương. Tắc thị nhĩ quốc cương kỷ đẳng nhiên. Toàn bất tri quân thần đại nghĩa. Thả nhĩ đẳng thân hệ An Nam chức quan. Chuyên bất như nhĩ quốc bách tính.

Thảng năng y luyện Lê vương cự đức. Phân phân hướng quan trình thỉnh. Nguyễn hiệu tiền khu. Nhĩ đẳng thanh dạ vấn tâm. Trí thân hà địa. Thử phiên xuất thị chi hậu. Nhĩ đẳng lập tức ủng đãi Lê thị. Nghinh thỉnh phản chính. Tắc tiền thử tông nghịch dữ phủ. Khái trí bất vấn.

Như nhưng chấp mê bất ngộ. Cánh vô hiệu thuận chi tâm. Tức đương nhất diện tấu văn đại hoàng đế. Nhất diện thân thống đại binh. Khắc kỷ tiến tiểu. Lượng tối nhĩ nhất ngưng. Khái năng kháng ngã vương sư. Thế tương hàm tự tru di. Vi nhĩ quốc vĩnh thừa quýnh giới đẳng nhân. Khái thiết hiểu dụ.

Dịch nghĩa

Dụ cho [người] nước kia được biết:

Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ rút khỏi Lê thành trở về đất cũ của chúng, ấy là trong bụng không dám phạm vào pháp kỷ của thiên triều nên chẳng dám quấy nhiễu nữa.

Trần mục các người đáng ra phải lập tức đón chủ cũ về để được phiên phong⁸¹. Còn như lần khần người nọ trông người kia, lén giữ đất cho họ Nguyễn, không chịu nghinh tiếp tự vương, vậy là nước các người cương kỷ lỏng lẻo chẳng biết chỉ là đại nghĩa quân thần. Quan chức An Nam như các người hoá ra lại không bằng thường dân bách tính.

Vậy nếu còn nhớ đến đức cũ của vua Lê thì các người phải rầm rộ chạy đến cửa quan tình nguyện ra sức đi đầu, sáng tối tự hỏi nên để thân ở chỗ nào?

Sau khi cáo thị này gửi ra rồi, các người phải lập tức ủng hộ nghinh đón họ Lê, quay đầu về nẻo chính, trước đây lỡ theo giặc, phạm sai lầm cũng bỏ qua không hỏi đến.

Còn như vẫn còn chấp mê không tỉnh, ấy là không biết hướng về chỗ thuận thì ta sẽ vừa tâu lên đại hoàng đế, vừa đích thân thống lĩnh đại binh, định ngày tiến tiểu, dero đất cón con của các người có thể chống với vương sư hay sẽ bị giết sạch?

Vì chúng muốn nước các người được thiên triều soi chiếu mãi mãi nên ta thiết tha hiểu dụ.

Những tờ hịch đó được người còn hoài Lê bí mật đem đến cho vua Chiêu Thống đang lẩn trốn ở Hải Dương và ông lập tức viết một lá thư cầu cứu. Lá thư đầu tiên của Lê Duy Kỳ gửi Tôn Sĩ Nghị còn tàng trữ trong văn khố Trung Hoa⁸² dịch ra như sau:

Tự tôn An Nam Quốc Vương là Lê Duy Kỳ cùng các quan văn võ cung kính dâng thư lên Thiên Triều Thái Tử Thái Bảo Bình Bộ Thượng Thư kiêm Đô Sát Viện Hữu Đô Ngự Sử Tổng đốc Quảng Đông Quảng Tây Các Địa Phương Quân Vụ Thế Tập Nhất Đẳng Khinh Xa Đô Úy (họ) Tôn, (cùng) Bình Bộ Thị Lang kiêm Đô Sát Viện Hữu Phó Đô Ngự Sử

⁸¹ phong làm phiên thuộc

⁸² Cung Trung Đẳng, hòm 2778, bao 163, số hiệu 39024, Lê Duy Kỳ gửi văn đề ngày 24 tháng Tám năm Càn Long thứ 53. Trang Cát Phát, *Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (1982), tr. 356-7.

Tuần Vũ Quảng Tây Đề Đốc Quân Vụ các xứ kiêm trông coi lương hướng Tôn Đường Viện hai vị đại nhân:

Kỳ tôi vốn còn trẻ tuổi, gặp lúc nhà nhiều tai nạn. Tháng Sáu năm Bính Ngọ (1786), giặc Quảng Nam trong nước là Nguyễn Văn Nhạc lấy danh nghĩa đánh họ Trịnh, sai em là Nguyễn Văn Bình xua quân nhập khẩu, nhân vì ông của thần đang bệnh nặng nên việc phòng ngự lỏng lẻo, (thành ra) phủ thành không giữ được, ông của Kỳ chẳng may lìa đời, y mới hiếp chế, may nhờ lòng người chưa quên, khắp nơi nổi dậy tấn công, y đành phải vợ vét đồ dùng khí dụng, luôn cả quốc ấn đem đi.

Người dân để cho Kỳ tôi nắm quyền chủ nước cho đến tháng Chạp năm Đinh Mùi (1787) thì Nguyễn Văn Bình phản lại anh, chiếm lấy thành Thuận Hóa, rồi quay lại cướp bóc. Khi đó nước mới kiến tạo, tài lực hai đảng đều cạn kiệt, không thể bảo vệ cương vực, khiến y tiến thẳng đến kinh thành, rồi xưng thiên hoàng đế, kỷ nguyên Thái Đức, sưu cao thuế nặng, thật là làm than. Dân chúng vì sợ uy lệnh nên đành phải miễn cưỡng tuân theo, Kỳ tôi phải chạy ra ngoài, cùng thần dân tính chuyện khôi phục, nhưng đại thế đã mất, ít không chống được với đông người, đỡ đông chạy tây rồi cũng phải tan.

Đến tháng Tư năm nay (1788), thân mẫu của Kỳ tôi cùng quyến thuộc đem thân qua quý hạt, mong được đề tấu, may được hai vị đại nhân dung nạp, xem xét rõ sự tình, yết dụ cáo tri đại nghĩa, bản hịch tới tay, Kỳ tôi cùng văn võ quan viên đọc đi đọc lại, thực cảm kích không đầu cho hết, thâm kiến hai vị đại nhân trên thì tỏ lòng nhân đức trời cao, dưới biểu lộ chỗ tình cận kề, thương cho lòng thành của kẻ thế cô bị cướp mất cơ nghiệp, nên tỏ ra thành lời.

Người dân trong nước nghe được cũng bị phấn động lên, ai nấy tự sắm sửa giáp binh, công phá thành ấp, ngày ngày mong đợi vương sư kéo đến, riêng Kỳ tôi nay chỉ còn chút hơi tàn, không tự mình nổi lên được, lòng chỉ muốn đem thân gửi nơi nội địa (chỉ Trung Quốc), dựa vào oai linh của thiên triều, nhưng vì đường xá gian nan trở ngại, mỗi cử động đều bị dòm ngó, quốc ấn lại luân lạc mất rồi, nên không dám mạo muội ra mặt, e thất lễ của kẻ bấy tôi, nghĩ lại tổ tông của Kỳ này, đời đời ở cõi Nam, luôn giữ phận triều cống, nay không giữ được nước để đến nỗi lang thang hèn hạ, trên thì mất chức phiên phong, dưới thì đắc tội với dân chúng, làm phiền nhiễu cả uy phong khiến cho vương sư mất công từ xa kéo đến, Kỳ tôi thực hết sức hoảng hốt, nay không còn đất để dung thân, chỉ mong thánh đức thể niệm cho nội ngoại ai chẳng là kẻ vương thân, cúi mong hai vị đại nhân nghĩ tình ngày trước mà đề đạt lên cho thiên tử, thương xót cho kẻ cô nguy nơi hoang viễn, sinh linh đồ thán, cứu kẻ đang ở nơi nước lửa, trái rợ đức chí nhân.

Cứ trộm nghĩ theo hình thế bản quốc, phía đông, phía nam là biển cả, phương tây phương bắc tiếp giáp nội địa (Trung Quốc), bọn giặc thắng thế quen mùi trở nên kiêu ngạo, phòng thủ lơ là, trong thành cùng ngoài các đạo cự binh chưa đầy 6 vạn, quá nửa là quốc dân bị bức bách, không có lòng chiến đấu. Nay truyền cho nghe rằng quân thiên triều đã tới nơi, nếu như không biết hối tội, thì thế ắt sẽ mỗi người dân đều là một người lính, mọi nhà đều là chỗ cung cấp lương ăn, đem tính mạng ra chiến đấu, để thử xem mũi nhọn thế nào, chỉ trong sớm tối hai bề thủy lục cùng tiến, bốn mặt giáp công. Thế bên kia chia rẽ, sức yếu, không cứu ứng được nhau, thần dân bản quốc tình nguyện ứng nghĩa mà xông lên trước, tặc đồ không đánh cũng tan.

Kỳ tôi trốn ở nơi xa xôi hẻo lánh, thực trông mong hết sức, cảm ơn tái tạo của thiên hoàng đế, lại do hai vị đại nhân hết sức giúp đỡ, cũng may nhờ vào ân đức tổ tiên, không uổng công bôn tẩu nên được bề trên chấp thuận, Kỳ tôi cùng các bầy tôi vẫn võ, nguyện ghi khắc trong lòng, nên hôm nay cung kính dâng thư này.

Ngày 24 tháng Tám, Càn Long năm thứ 53 (1788)

3.2.1. QUÂN THANH ĐÁP LỜI CẦU VIỆN

Trước đó, Tôn Sĩ Nghị đã cho thám tử đi dò xét, đặt nhiều trạm tin tức nhưng chỉ thu lượm được những tin tức không rõ rệt về Lê Duy Kỳ. Vì thế nhà Thanh phải đưa hai “phái đoàn”, một đoàn theo đường thủy Quảng Đông [Lê Quýnh], một đoàn theo đường Vân Nam [Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Đình Mai] về kiểm vua Lê đồng thời phát hịch hăm dọa và kêu gọi các thổ mục, quan lại dọc theo biên giới nổi lên chống lại Tây Sơn để giúp Lê Duy Kỳ lấy lại nước.

Tháng Tám năm Mậu Thân [1788], khi Lê Duy Đản⁸³ còn đang ẩn trốn thì nhận được chỉ của vua Lê sai Lan Trì Bá Vũ Trình⁸⁴ cho vời gặp, đồng thời ban cho 4 chữ ngự bút “Tiết Khí Khả Gia” [節氣可嘉]⁸⁵. Ông lên gặp vua Lê, đường sá lầy lội vì mưa dầm, đi theo chỉ có một người đầy tớ, thật là gian khổ. Cũng thời gian đó, phái đoàn Lê Quýnh đi từ Khâm Châu ngày mùng 4 tháng Tám, theo đường thủy đến được Tứ Kỳ (Hải Dương) ngày mùng 8 tháng chín gặp vua Lê đang trốn tránh ở thôn Ngọc Lâu [玉樓], Cẩm Giang [錦江].

Để cho xứng với một sứ bộ triều đình, vua Chiêu Thống phong cho Lê Duy Đản lên tước bá [Hương Phái Bá - 香派伯], cầm quốc thư sang Trung Hoa. Phái đoàn gồm hai người, Hương Phái Bá Lê Duy Đản làm chánh sứ, Định Nhạc Bá Trần Danh Án⁸⁶ làm phó sứ. Người thứ ba đi cùng là Lê Quýnh không đóng vai trò sứ thần mà làm hướng đạo và liên lạc viên.

Sắp xếp lại theo thời gian, khoảng tháng Bảy thì nhà Thanh phát hịch, đầu tháng Tám vua Lê biết tin nên một mặt cho người đi kiểm Lê Duy Đản một mặt viết thư [ngày 24 tháng Tám] cho người đem sang Trung Hoa. Cùng lúc đó, Tôn Sĩ Nghị sai Lê Quýnh [theo đường biển Quảng Đông] và Nguyễn Quốc Đống [theo đường bộ Vân Nam] về kiểm vua Lê. Đến mùng 8 tháng Chín, Lê Quýnh về gặp vua Lê trình bày mọi việc, thấy rằng một lá thư tay gửi Tôn Sĩ Nghị chưa đủ lễ nghi mà phải cử một phái bộ chính thức mang quốc thư sang cầu viện, nhất là không có quốc ấn [tức ấn An Nam quốc vương mà nhà Thanh ban cho họ Lê đã bị thất lạc] nên cần cần những người có vai vế đem đi. Vua Lê cử ngay Trần Danh Án, thêm ông chú họ là Lê Duy Đản, đều là tiền sĩ xuất thân. Trần Danh Án vốn là cận thần ở cùng với vua Lê lâu nay, còn Lê Duy Đản là đồng tộc nên việc đi sứ cũng đồng thời đem tin nhà vì biết rằng nhà Thanh sẽ cho gặp thái hậu, vương phi để nhận diện hầu bảo đảm rằng đúng là người của vua Lê gửi sang thật.

⁸³ Sinh năm 1743, người làng Hương La, huyện An Phong, tỉnh Bắc Ninh, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (Cảnh Hưng 36, 1775).

⁸⁴ Tự Duy Chu, hiệu Lai Sơn biệt hiệu Lan Trì ngư giả, người Lang Tài, Bắc Ninh. Trần Văn Giáp, *Tìm Hiểu Kho Sách Hán Nôm* (tập II) (Hà Nội: KHXH, 1990) tr. 149

⁸⁵ tiết khí đáng khen

⁸⁶ Người xã Bảo Triện, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Đinh Mùi (Chiêu Thống thứ 2, 1787).

Ngày 15 tháng Chín năm đó, Lê Quýnh đưa Lê Duy Đản và Trần Danh Ấn lên đường sang Trung Hoa. Lá thư chính thức cầu viện do sứ thần mang theo như sau:⁸⁷

Nguyên văn

安南國王嗣孫黎維祁謹申

天朝太子太保兵部尚書兼都察院右都御史世襲一等輕車都尉總督廣東廣西等處地方軍務兼理糧餉部堂大人行台前。

伏見大皇帝

丕圖蕩蕩，冠皇王帝宿之成攻。

仁道肫肫，以天地父母而為量。

威加有截，德溥無邊。

祁家祖宗

茅土久輯共球，逮祁撫馭乖方。

致淪黎社，微軀躲避於窮簷，骨肉投生於天界錦稻。

六十餘口老小，均霑筮簞，夏秋及冬幘幘彌至。

曠前編而未有沐天渥以忘亡。

雖祁哀未達於微忱，而卹愚先恢於宸斷。

立啟旌鉞，調五省數十萬之貔貅，並集艘艦，運幾路億萬千之銀米。

點齊王旅，正使天時。

更念祁身處憂危，令探行止。

優錫陪臣歸訪之驢，荷天貺而銘心，鄭重母氏回國之憑，仰聖廩而墜淚。

撫上德哀矜不置，知下郊恢復有期。

蠢爾阮渠，未知悔罪。

括本國二百年之積，植基洞海富春。

握夷落五六萬之兵，詫威國城列鎮。

到處伏奔，列象陣於江邊敢抗顏行。

效蚩張於霧裏，螳螂何能當轍。

燕雀空自處堂行見天網四張，豺狼不漏。

聖人一怒，玉石俱焚。

⁸⁷ Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, hòm 2778, bao 163, số 39026. Tờ trình của Lê Duy Kỳ đề ngày 15 tháng Chín năm Càn Long 53 (1788). Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (1982), tr. 352.

伸大義於普天，扶綱[常]於屬國。

祁幸得苟延殘喘，竄伏草間。

惟皇聖德如下。

立予存亡繼絕，傾聽王師入境，親携簞食壺漿。

祁雖糜身粉骨，不足以仰報天朝大造之恩。

第國印淪逸，不敢上千天聽，恭祈代為轉奏，叩謝皇恩，祁不勝激切危慄之至。

謹申。

乾隆五十三年九月十五日。

Dịch âm

An Nam quốc vương tự tôn Lê Duy Kỳ cẩn thân

Thiên triều Thái Tử Thái Bảo Bình Bộ Thượng Thư kiêm Đô Sát Viện Hữu Đô Ngự Sử
Thế tập Nhất Đẳng Khinh Xa Đô Úy Tổng Đốc Quảng Đông Quảng Tây đẳng xứ địa
phương quân vụ kiêm lý lương hướng bộ đường đại nhân hành đài tiền:

Phục kiến đại hoàng đế

Phi đồ đẳng đẳng, quán hoàng vương đế túc chi thành công,

Nhân đạo truân truân, dĩ thiên địa phụ mẫu nhi vi lượng.

Uy gia hữu tiết, Đức phổ vô biên.

Kỳ gia tổ tông

Mao thổ cửu tập cộng cầu, Đãi kỳ phủ ngự quai phương.

Trí luân lê xã, vi khu đóa tị vu cùng diêm, Cốt nhục đầu sinh, vu thiên giới cấm đạo.

Lục thập dư khẩu lão tiểu, Quân triêm quân diêm, Hạ thu cập đông. Bình mông di chí

Khoảng tiền biên nhi vị hữu, Mộc thiên ác dĩ vong vong,

Tuy Kỳ ai vị đạt vu vi thâm, Nhi tuất ngu tiên khôi vu thần đoạn.

Lập khai tinh việt, điều ngũ tinh sở thập vạn chi tì hư, Tịnh tập suru lô, vận kỷ lộ ức vạn
thiên chi ngân mễ.

Điểm tề vương lữ, Chánh sử thiên thời.

Cánh niệm Kỳ thân xử ưu nguy, lệnh thám hành chỉ.

Ưu tích bồi thần quy phòng chi tẫn, hà thiên huống nhi minh tâm, Trịnh trọng mẫu thị hồi
quốc chi bằng, ngưỡng thánh cần nhi trụ lệ.

Phủ thượng đức ai căng bất trí, Tri hạ giao khôi phục hữu kỳ.

Xuẩn nhĩ Nguyễn cừ, Vị tri hồi tội.

Quát bốn quốc nhị bách niên chi tích, thực cơ Động Hải Phú Xuân.

Ác di lạc ngũ lục vạn chi binh, sá uy quốc thành liệt trấn.

Đáo xứ phục dịch, liệt tượng trận vu giang biên cảm kháng nhan hành. Hiệu xi trương vu vụ lý, đường lang hà năng đương triệt, yển tước không tự xử đường hành kiến.

Thiên vông tứ trưng, Sài lang bất lậu.

Thánh nhân nhất nộ, Ngọc thạch câu phần.

Thân đại nghĩa vu phổ thiên, Phù cương [thường] vu chúc quốc.

Kỳ hạnh đắc cầu duyên tàn suyễn, thoán phục thảo gian.

Duy hoàng thánh đức như hạ, lập dư tồn vong kế tuyệt,

Khuynh thánh vương sư nhập cảnh, thân huê đan thực hồ tương.

Kỳ tuy mi thân phần cốt, bất túc dĩ ngưỡng báo thiên triều đại tạo chi ân.

Đệ quốc ấn luân dật, bất cảm thượng kiền thiên thánh, Cung kỳ đại vi chuyển tấu.

Khẩu tạ hoàng ân, Kỳ bất thắng kích thiết nguy lật chi chí.

Cẩn thân.

Cần Long ngũ thập tam niên cửu nguyệt thập ngũ nhật.

Dịch nghĩa

Tự tôn nước An Nam là Lê Duy Kỳ kính cẩn trình lên trước đài của bộ đường đại nhân thiên triều Thái Tử Thái Bảo Bình Bộ Thượng Thư kiêm Đô Sát Viện Hữu Đô Ngự Sử thế tập Nhất Đẳng Khinh Xa Đô Úy tổng đốc Quảng Đông, Quảng Tây kiêm lo việc lương hướng, phục vụ đại hoàng đế đường bay rong ruổi, thành công đắc lực của bậc đế vương, lòng nhân rộng rãi, lượng rộng như trời đất cha mẹ, uy quyền thêm đầy đủ, đức không bến bờ:

Nhà Kỳ tôi tổ tông lâu đời làm chủ đất nước, võ về chặn dất nhân dân, chẳng may mất nghiệp, bản thân mình phải trốn lánh nơi sơn cùng thủy tận, người thân phải tìm đường sống nơi đất thiên triều, hơn sáu mươi người già trẻ được giúp cho nơi ăn chốn ở

Đại hoàng đế trước nay thương xót đến cả những kẻ xa xôi, cả những kẻ chưa từng thần phục, nay giương cao tinh việt, điều động mấy chục vạn quân tinh nhuệ, tụ tập chiến thuyền, chuyển vận vài lộ ức vạn thiên tiền gạo, điểm binh lữ, vừa thuận thiên thời, lại lo đến Kỳ tôi đang lúc nguy cơ nên sai bồi thần về kiểm tung tích, ơn bao la ấy phải ghi khắc trong tim, lại mang theo bằng chứng của mẫu thân về nước, nghĩ đến sự lo toan của thánh thượng mà rơi lệ, thấy bề trên không gì không nghĩ tới, biết rằng ngày giờ khôi phục đã đến nơi.

Bọn Nguyễn tặc ngu xuẩn kia chưa biết hối tội, đem hai trăm năm của bản quốc, vốn vẹn cơ nghiệp Động Hải, Phú Xuân, dẫm sáu vạn quân man mợi, khoe vài cái thành con, mỗi nơi mai phục vài tên thảo mãng, dàn trận voi ở bờ sông, ngây ngô học đòi kháng cự binh thiên triều.

Thế nhưng bộ ngựa làm sao chống nổi xe, chim sẽ biết đâu lưới đã giăng tứ phía, chồn cáo không qua, bậc thánh nhân một khi nổi giận, ngọc đá đều tan, trải đại nghĩa khắp thiên hạ, giữ mỗi giềng cho thuộc quốc. Kỳ may mắn còn chút hơi tàn, ẩn nơi lều cỏ,

*mong thánh đức ban xuống để cho mất rồi lại còn, đứt rồi lại nối, đợi khi bình thiên triều
nhập cảnh, nguyện đích thân bầu nước gió com, dù có tan thân nát thịt cũng không đủ
báo đáp cái ơn tái tạo của thiên triều.*

*Vì quốc ấn đã bị thất lạc, không dám trình lên thiên tử, cung kính mong đại nhân thay
mặt chuyển tấu, khấu tạ hoàng ân, Kỳ không khỏi xúc động, run lấy bấy, kính cẩn trình
lên.*

Ngày 15 tháng Chín, năm Càn Long thứ 53,

Chuyến đi này được miêu tả mỗi nơi một khác nhưng truy ra đều không sát với sự thật. Đối chiếu tài liệu của chính người trong cuộc với lời tâu của quan nhà Thanh, chúng ta có được những chi tiết khá rõ ràng, khác hẳn với lời tường thuật của sách vở cũ.

Chính Lê Quýnh miêu tả tương đối ngắn gọn về chuyến đi này:

*Tháng Tám, Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống [anh của hoàng phi Nguyễn Thị Kim] đi
theo đường biển từ Quảng Đông về nước. Tháng Chín, gặp tư tôn ở Tứ Kỳ [四岐] xứ Hải
Dương. Lê Quýnh phụng mệnh cùng với Hàn Lâm Thị Độc Hương Phái Bá Lê Đản, Hàn
Lâm Hiệu Lý Định Nhạc Bá Trần Danh Án đi theo đường mòn sang nội địa để báo tin và
tạ ơn.⁸⁸*

Một chi tiết chắc chắn, Lê Duy Kỳ gửi thư cầu viện sau khi ông nghe tin quân Thanh chuẩn bị động binh chứ không phải chính ông toan tính việc này từ trước như một số tài liệu Việt Nam miêu tả.

Thế nhưng có một uẩn tình cần nêu lên như một giả thiết về những bất tương hợp của vua Lê và bầy tôi. Như trên đã nói, thân quyến vua Lê và những người chạy được sang Trung Hoa lúc đầu chỉ xin nhà Thanh cho tạm trú để chờ khi vua Chiêu Thống khôi phục lại nước sẽ cho người sang đón về. Khi nhà Thanh đưa ra ý kiến động binh giúp đỡ, thần tử nhà Lê cũng chỉ xin “*áp cảnh thanh viện*” [đem binh đến biên giới gây sức ép] để Tây Sơn trả lại đất cho nhà Lê nếu không được toàn cõi thì cũng ít nhiều một mảnh đất ở vùng biên giới làm chỗ dung thân như ngày xưa nhà Lê cho nhà Mạc được tự trị.

Nói chung, theo quan điểm của họ thì vua Lê và hào kiệt miền bắc vẫn đảm trách vai trò chính để đánh đuổi Tây Sơn mặc dù vẫn phải tựa lưng vào nhà Thanh để có được một khu vực hậu phương làm căn cứ. Những tính toán đó xem ra khá thực tế vì miền Bắc có rất đông các sắc dân thiểu số sống rải rác ở thượng du và núi rừng còn lưu luyến nhà Lê. Trong cả những lời khai, thư trát còn lưu lại hay hồi ký của những người tham dự, chúng ta chưa thấy một chứng cứ nào nói rằng thái hậu hay cựu thân đã thúc đẩy hay cầu khẩn việc quân Thanh sang nước ta.

Về phía nhà Thanh, Tôn Sĩ Nghị rất chủ quan và cho rằng Nguyễn Huệ vừa nghe tin hăm dọa thì đã vội vàng “*trốn về Quảng Nam*” chỉ để lại một tì tướng giữ miền Bắc. Nếu quân Thanh tiến sang, các trấn mục sẽ nổi lên thu phục đất đai và thành công rất dễ dàng. Đây là một cơ hội rất tốt để họ Tôn lập công với vua Càn Long làm bàn đạp tiến xa hơn trên đường hoạn lộ. Biết tính

⁸⁸ Nguyên văn:

八月。黎罔與阮國棟從廣東海路回國。九月見王嗣孫于海陽處之四岐。黎罔奉命與翰林侍讀香派伯黎亶。翰林校理定岳伯陳名案。從徑路往內地報信并謝恩。*Bắc Hành Lược Ký*. Nam Phong tạp chí số 125 [phần Hán Văn] (1928) tr. 2. Đoạn này có một chỗ sai hoặc thiếu vì Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống đi hai đường khác nhau, không cùng theo lối Quảng Đông. (Ghi chú của người viết)

vua Càn Long thích phô trương, Tôn Sĩ Nghị ra quân rầm rộ và định dùng chiến công này làm món quà sinh nhật 80 để ông rửa mặt về thất bại ở Miến Điện, góp thêm một chiến thắng vào 10 võ công dự tính để hoàn thành danh hiệu “Thập Toàn lão nhân”.

Vua Chiêu Thống xem ra cũng biểu đồng tình với kế hoạch này nên triệt để tán thành việc động binh, lại nghĩ rằng nếu hai mặt thủy lục của họ hợp với các cuộc nổi dậy từ bên trong thì giặc không đánh cũng tan như lá thư đã dẫn.

Ngược lại, các bầy tôi chỉ xin đem quân áp cạnh làm thế thanh viện – nghĩa là đóng binh ở gần địa giới hai nước rồi lên tiếng dọa nạt. Quan điểm đó đã được đề cập đến trong lá thư của Nguyễn Huy Túc gửi Tôn Sĩ Nghị và cũng được nhắc lại trong chính những văn thư của nhà Thanh rằng người nước ta không có ý muốn nhờ họ đem quân sang mà chỉ cần lên tiếng yêu cầu Nguyễn Huệ phải giao lại toàn phần hay một phần lãnh thổ cho họ Lê làm chỗ dung thân, thờ phụng tông miếu.

Việc Lê Duy Kỳ công khai yêu cầu quân Thanh sang nước ta trong hai lá thư nêu trên – tuy thực chất chỉ là hợp thức hóa việc Tôn Sĩ Nghị đã và sắp làm [và rất có thể theo yêu cầu của Tôn Sĩ Nghị như nhiều trường hợp khác nhà Thanh muốn nước ta tự ý thỉnh cầu để họ dựa vào đó mà tiến hành cuộc viễn chinh cho danh chính ngôn thuận] - trở thành một bản án khó gỡ, và có lẽ cũng là mối ray rứt của ông sau này về việc đã quá tin vào quân Thanh.

Tuy nhiên, trong số người ủng hộ nhà Lê không phải không có những cảnh giác về mối họa Bắc xâm. Chúng ta thấy có một tiếng nói khá quyết liệt từ người sau này nổi tiếng với câu nói “*đầu có thể chặt nhưng tóc không thể cắt, da có thể lột nhưng áo không thể đổi*”. Đó là Trường Phái Hầu Lê Quýnh.

Theo tài liệu còn lưu lại trong văn khố nhà Thanh, Lê Quýnh đã gửi kèm theo bức thư “trần tình” của vua Lê một lá thư do chính tay ông viết như sau:

Nguyên văn

安南有國以來，惟黎氏得國為正，其恩惠足以維兆庶之心，其禮義足以結士夫之志。故中間莫氏僭位，六十餘年，而戴舊之心未改。迨中興二百年餘載，有鄭氏輔正，權在世臣，吾王雖為下國之主，而南則阮輔政，專其地，北則鄭輔政，攬其兵權，迄於今。鄭與阮俱為阮岳所逐，當時人心，以其國為去疾，遂不之拒。自夫阮賊心跡以露，猖狂滋甚。初則見於私下紀年，阮賊自號國曰泰德。今復見於竊國犯上，於是耨耰棘矜起於兵，咸稱黎氏恩澤在人，不謀同辭，固知仁則民歸之義，阮賊雖強，亦不能強使順從。如蒙天朝垂字小之仁，施恤窮之德，偏師壓境，即可以為下國之聲援，而國人聞得消息，便能內攻，必不煩天朝兵力之加，而阮岳，阮惠之頭可立致矣。⁸⁹

Dịch âm

An Nam hữu quốc dĩ lai, duy Lê thị đắc quốc vi chiùnh, kỳ ân huệ túc dĩ duy triệu thứ chi tâm, kỳ lễ nghĩa túc dĩ kết sĩ phu chi chí.

Cổ trung gian Mạc thị tiêm vị, lục thập dư niên, nhi đái cự chi tâm vị cải. Đãi trung hưng nhị bách niên dư tải, hữu Trịnh thị phụ chính, quyền tại thế thân. Ngô vương tuy vi

⁸⁹ Trang Cát Phát, *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (1982), tr. 353

hạ quốc chi chủ, nhi nam tặc Nguyễn phụ chính, chuyên kỳ địa, bắc tặc Trịnh phụ chính, lâm kỳ binh quyền, ngật ư kim.

Trịnh dữ Nguyễn câu vi Nguyễn Nhạc sở trực, đương thời nhân tâm, dĩ kỳ quốc vi khứ tặc, toại bất chi cự. Tự phù Nguyễn tặc tâm tích dĩ lộ, xương cuồng tư thậm. Sơ tặc kiến ư tư hạ kỷ niên, Nguyễn tặc tự hiệu quốc viết Thái Đức. Kim phục kiến ư thiết quốc phạm thượng, ư thị ưu sù cức căng khởi ư binh, hàm xưng

Lê thị ân trạch tại nhân, bất mưu đồng tử, cố tri nhân tặc dân quy chi nghĩa, Nguyễn tặc tuy cường, diệc bất năng cưỡng sử thuận tòng.

Như mộng thiên triều thù tự tiểu chi nhân, thi tuất cùng chi đức, thiên sư áp cảnh, tức khả dĩ vi hạ quốc chi thanh viên, nhi quốc nhân văn đắc tiêu tức, tiện năng nội công, tất bất phiên thiên triều binh lực chi gia, nhi Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ chi đầu khả lập chí hĩ.

Dịch nghĩa

Từ khi An Nam lập quốc đến nay thì chỉ có họ Lê được nước một cách chính đáng, ân huệ đủ để lòng người hướng về, lễ nghĩa đủ cho sĩ phu đi theo.

Tuy ở giữa thời có họ Mạc tiếm vị hơn sáu mươi năm nhưng lòng người vẫn mến cũ không đổi. Sau đó lại trung hưng hơn hai trăm năm qua, có họ Trịnh phụ chính, là bấy tôi nắm quyền đời nọ sang đời kia. Vua nước tôi tuy làm chủ một nước nhưng phương nam thì có họ Nguyễn phụ chính trông coi đất đai, còn phương bắc thì họ Trịnh phụ chính, nắm giữ binh quyền cho đến tận ngày nay.

Cả họ Trịnh lẫn họ Nguyễn đều bị Nguyễn Nhạc đánh đuổi, khi đó lòng người nghĩ rằng y muốn trừ nạn cho nước nên không ai chống lại. Đến khi tâm tích của giặc Nguyễn lộ ra, hết sức hung bạo. Đầu tiên là cách đây một kỷ, Nguyễn tặc tự đặt niên hiệu là Thái Đức. Nay y định chiếm nước phạm thượng thì cày bừa cũng thành guom giáo, vì chưng họ Lê ân thâm đến người, ấy là vì nhân nên đạo nghĩa dân quay về, giặc Nguyễn tuy mạnh nhưng không thể cưỡng bức người ta theo được.

Nếu được thiên triều vì lòng nuôi kẻ nhỏ mà ngó xuống, giúp kẻ khôn cùng, đem binh đến sát với biên cảnh thì có thể thanh viên cho hạ quốc, dân trong nước nghe tin này ắt sẽ nổi lên chống lại, chẳng phải phiên binh lực thiên triều trợ giúp mà lập tức đầu Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ sẽ đến ngay.

Tuy không được liệt vào một nhân vật chính thức trong phái đoàn sứ thần của vua Lê, Lê Quýnh đã khẳng định quan điểm của mình khác với Lê Duy Kỳ và có thể vì thế sau này ông đã không vừa ý khi thấy Tôn Sĩ Nghị lấn lướt, vua Lê cũng lệ thuộc quá nhiều vào quân Thanh, không giao cho ông nhiệm vụ xây dựng một lực lượng tự cường để hành xử một cách độc lập.

Có lẽ đó cũng là lý do Lê Quýnh chép rất sơ sài về việc sang Trung Hoa lần thứ hai đi cùng sứ bộ cầu viện, rồi cả những chi tiết ở Thăng Long khi cùng với quân Thanh trở về như để gián tiếp minh xác rằng ông chỉ đóng vai bàng quan không trực tiếp liên quan đến những diễn biến này. Chính những bỏ sót cố ý khiến cho nhiều việc bị đứt quãng khiến cho giáo sư Hoàng Xuân Hãn khi dịch *Bắc Hành Tùng Ký* phải thắc mắc và đưa ra nhiều phỏng đoán.

3.2.2. SỨ BỘ ÁO RÁCH NÓN MÊ

萬古應傳奇絕事

敝衫殘笠使臣裝

Vạn cổ ung truyền kỳ tuyệt sự

Tê sam tàn lạp sứ thần trang

Trần Danh Ấn

Xưa nay chuyện lạ chưa từng có,

Sứ thần áo rách nón mê sang.

Trở lại với phái đoàn mang thư của vua Lê sang Trung Hoa gồm có ba người đi theo đường mòn qua núi để lên Cao Bằng rồi sang Trung Hoa. Theo di văn, chúng ta biết được vua Chiêu Thống có làm một bài thơ tiễn biệt Trần Danh Ấn, trích dịch ra sau đây:⁹⁰

Lê Duy Kỳ

Nguyên văn

海天一別思悠然，鳳隱龍潛各一天。

社稷有懷常鬱結，江湖抱苦歷流連。

思賢似我聲容近，戀室何人枕席牽。

在此與君相咫尺，莫妨一見話前緣。

Dịch âm

Hải thiên nhất biệt tứ du nhiên,

Phượng ẩn long tiềm các nhất thiên.

Xã tắc hữu hoài thường uất kết,

Giang hồ bão khổ lịch lưu liên.

Tư hiền tự ngã thanh dung cận,

Luyến thất hà nhân chẩm tịch khiên.

Tại thử dữ quân tương chỉ xích,

Mạc phương nhất kiến thoại tiền duyên.

Dịch thơ

Bể trời xa cách luống bùi ngùi

Ròng chìm phượng ẩn đã bao ngày

Lòng sầu non nước càng u uất

⁹⁰ Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San, (1986), quyển VI: Nam Thiên Trung Nghĩa Thực Lục, tr. 69

*Lưu lạc sông hồ đã bấy nay
Mong hiền nhưng có người bên cạnh
Thương nhà khắc khoải ở đâu đây
Bên nhau nay được kẻ gang tấc
Há chẳng duyên trời gặp vận may*

Trần Danh Ấn (họa lại)

Nguyên văn

莊誦宸翰淚潸然，孤臣心事付蒼天。
苟生縱負文丞相，潔死無慚魯仲連。
報國未酬臣子責，無家敢為女兒牽。
尋常自不關隆替，結證今生邂逅緣。

Dịch âm

Trang tụng thần hàn lệ sán nhiên,
Cô thần tâm sự phó thương thiên.
Cẩu sinh túng phụ Văn thừa tướng,⁹¹
Khiết tử vô tâm Lỗ Trọng Liên.⁹²
Báo quốc vị thù thần tử trách,
Vô gia cảm vị nữ nhi khiên.
Tâm thường tự bất quan long thể,
Kết chứng kim sinh giải cầu duyên.

Dịch thơ

*Cầm lên nâng đọc lệ tuôn rơi
Tâm sự cô thần phó mặc trời
Dù Văn thừa tướng không theo kịp
Đành Lỗ Trọng Liên há thẹn thôi
Làm tôi chưa kịp đến non nước
Đâu để chuyện nhà lại kéo lôi
Lên xuống chẳng qua thời vận thế
Duyên nay gặp gỡ đã may rồi*

⁹¹ Văn Thiên Tường đời Tống bị quân Nguyên bắt, trước khi chết có làm bài Chính Khí Ca.

⁹² Danh sĩ nước Tề thời Chiến Quốc, thà ở ẩn không chịu làm quan.

Chuyến đi không dễ dàng. Để tránh tai mắt và những trạm kiểm soát của Tây Sơn, họ phải lẩn theo đường rừng, trèo non vượt biển, giả dạng làm khách thương qua các thôn xóm người thiểu số. Chuyến đi lịch sử này được ghi lại qua một số thơ văn còn lưu truyền của Trần Danh Ấn và Lê Duy Đản.

Trần Danh Ấn

過古拋城

古拋城上莫城荒，回首微茫是故鄉。
處世可無奇舉動，謀家何必重思量。
但言宇宙皆吾分，不許江山屬彼強。
萬古應傳奇絕事，敝衫殘笠使臣裝。

Dịch âm

Quá Cổ Phao thành

Cổ Phao thành thượng Mạc thành hoang,
Hồi thủ vi mang thị cổ hương.
Xử thế khả vô kỳ cử động,
Mưu gia hà tất trọng tư lương.
Đã ngôn vũ trụ giai ngô phận,
Bất hứa giang sơn thuộc bỉ cường.
Vạn cổ ưng truyền kỳ tuyệt sự,
Tệ sam tàn lập sứ thần trang.

Dịch thơ

*Cổ Phao họ Mạc một thành hoang,
Nhìn lại quê hương dạ xốn xang.
Xử thế vốn không mưu chuyện lạ,
Lo nhà hà tất bận tư lương.
Phận trai không thể không lo việc,
Dẫu mạnh đâu đành cướp nước ngang.
Xưa nay chuyện lạ chưa từng có,
Sứ thần áo rách nón mê sang.*

諒山道中二首

Lạng Sơn đạo trung [nhị thủ]

Bài 1

別時天語記叮嚀，社稷存亡係此行。
花草對人如話怨，江山似客不知名。
三千征路嵐烟老，一片孤忠日月明。
跋涉勤勞臣子分，國家恩重故身輕。

Dịch âm

Biệt thời thiên ngữ ký đình ninh,
Xã tắc tồn vong hệ thử hành.
Hoa thảo đối nhân như thoại oán,
Giang sơn tự khách bất tri danh.
Tam thiên chinh lộ lam yên lão,
Nhất phiến cô trung nhật nguyệt minh.
Bạt thiệp cần lao thần tử phận,
Quốc gia ân trọng cố thân khinh.

Dịch nghĩa

Trên đường Lạng Sơn (hai bài)

Khi từ biệt nhà vua đã dặn đi dặn lại,
Việc mất còn của xã tắc cũng ở chuyến này.
Hoa cỏ dường như cũng muốn cho người biết rằng chúng oán giận,
Giang sơn của mình mà tưởng như là khách vì chẳng biết tên gọi là gì.
Ba nghìn con đường thấy khói lam cũng đã già,
Một tấm lòng trung đơn lẻ sáng như nhật nguyệt.
Làm bấy tôi thì phải khó nhọc lận lộn đường xa,
Ơn quốc gia nặng nề nên thân mình thành ra nhẹ.

Dịch thơ

*Dặn đi dặn lại lúc chia tay,
Xã tắc tồn vong một chuyến này.
Hoa cỏ ngậm hờn còn tỏ lộ,
Giang sơn một giải lạ lòng thay.
Khói lam tỏa kín ba nghìn dặm,
Trăng sao soi sáng một lòng ngay.*

*Phận tôi đâu dám nề gian khổ,
Vì nước ơn dày dẫu bỏ thầy.*

Bài 2

瑟瑟寒風送晚秋，溪頭纔過又山頭。
人心可恃猶思漢，天命應知未絕周。
暝草自含興廢恨，流泉如咽別離愁。
江山信美無佳句，行客何堪寫勝遊。

Dịch âm

Sắt sắt hàn phong tống vãn thu,
Khê đầu tài quá hựu sơn đầu.
Nhân tâm khả thị do tư Hán,
Thiên mệnh ưng tri vị tuyệt Chu.
Minh thảo tự hàm hưng phế hận,
Lưu tuyến như yết biệt ly sầu.
Giang sơn tín mỹ vô giai cú,
Hành khách hà kham tả thắng du.

Dịch nghĩa

Gió lạnh vi vút đưa thu muộn đi rồi,
Vừa qua khe nước thì đã đến đầu núi.
Lòng người vẫn còn tựa vào vì nhớ đến nhà Hán,
Mệnh trời mới biết rằng chưa nở dứt nhà Chu.
Cỏ âm u dường như cũng ngậm nỗi hận hưng phế.
Suối róc rách như than cho sầu ly biệt.
Không có được câu thơ hay để nhắn nhủ với giang sơn,
Khách đi đường làm thế nào có thể xem chuyến đi là thắng lợi.

Dịch thơ

*Hàn phong hắt hiu báo tàn thu,
Trèo núi vượt khe vẫn mịt mù.
Lòng người còn tựa nên phò Hán,
Mệnh trời chưa nở tuyệt dòng Chu.*

*Cỏ úa cũng sầu đời hưng phế,
Suối than kẻ ở khóc người đi.
Thơ hay chẳng có trao sông núi,
Liệu việc chuyển này có được ru?*

PHẦN IV

TRỞ LẠI THĂNG LONG

4.1. TRỞ VỀ

Việc quân Thanh kéo sang nước ta xảy ra thật ngoài dự liệu nên hầu hết các cánh quân “*cần vương*” không nổi lên hưởng ứng như Tôn Sĩ Nghị trông đợi. Chính vua Lê đang tại đào cũng không dám vọng động vì không biết tình hình thực ra sao – và ở nơi hẻo lánh ông cũng khó có điều kiện để thu lượm tin tức và e ngại những lực lượng địa phương bắt nạt cho Tây Sơn như trường hợp của chúa Trịnh ngày trước.

Theo lời tường thuật của người đem tin qua Trung Hoa, vua Lê khi đó chỉ có vài ba người tùy tùng, lang thang từ làng này sang làng khác, mỗi nơi ở vài ngày để tránh sự nhòm ngó nên nếu xảy thì chỉ cần vài tuần đình cũng có thể bắt giữ dễ dàng. Nếu đúng như thế, sau khi Trần Danh Ấn đi khỏi, vua Lê xem ra không còn ai ở bên cạnh, nên khi Lê Quýnh trở lại kiểm thì chỉ có hai người ra gặp Tôn Sĩ Nghị ở bờ bắc sông Nhĩ Hà. Sự việc đó cũng phủ nhận những miêu tả hư cấu viết về một “*triều đình lưu vong*” đem trâu bò, rượu thịt ra đón quân Thanh mà người ta vẽ ra trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* hay *Khâm Định Việt Sử*.

Về việc Tôn Sĩ Nghị chiếm kinh đô, sử nước ta đồng nhất là Ngô Văn Sở đã rút đi từ trước, quân Thanh không gặp kháng cự nào cả nhưng để cho ra vẻ ác liệt, tổng đốc Lưỡng Quảng đã tưởng tượng và báo cáo rất hùng tráng như sau:

Sáng sớm ngày 19 tháng Một (11AL) đến sông Phú Lương thấy bên kia sông quân giặc đông như kiến, thuyền bè lớn bé, hoặc ở giữa sông hoặc ở bờ sông, quan binh thế khó mà vượt qua được. Quân giặc ở trên sông bắn đại pháo liên miên bất tuyệt, quân ta ở bờ sông bên này nấu dưới các bức tường khiến cho pháo của địch không hiệu quả.

Xem chừng quân địch tuy đông nhưng thế rất lộn xộn, biết rằng không có bụng dạ nào mà chiến đấu. Thần vội cho tìm vài chiếc thuyền nhỏ của nhà nông, vài chiếc bè tre chở được chừng hơn trăm quan binh, tiểu trù quân giặc ở trên sông trước.

Quân giặc thấy binh của ta tập trung tiến lên nên súng lớn súng nhỏ bắn ra, quân ta gắng sức xông tới, đoạt được của giặc một chiếc thuyền, một con dấu [戰翻 – trạc phiên]. Đám giặc còn lại liền lùi về, một số ít lại xông lên, hôm đó đánh nhau ở trên sông đến 5, 6 lần, giết giặc một trăm mấy chục đứa, bắt sống 17 tên, lập tức chém ngay. Bọn giặc mất vía không dám xông lên nữa. Quân ta vì thuyền bè không có nhiều nên không tiện đuổi sang tận bờ bên kia e có thể bị thất thế.

Xem tình hình giặc tựa hồ hoảng loạn, nếu như quân ta lấy được thuyền thì có thể thừa cơ tiêu sát nhưng đi tìm khắp nơi không thấy, còn tre nứa trên bờ sông thì đã bị giặc chặt hết rồi không thể nào làm nhiều bè được.

Thần ruột như lửa đốt, nghĩ rằng tình hình giặc đã loạn, trời tối không thể biết được chúng đông hay ít, đem gom hết thuyền bè lại cũng chỉ đưa được chừng hơn hai trăm người sang sông. Đề đốc Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Triều Long, Thượng Dục Thăng, phó tướng Khánh Thành, tham tướng Dương Hưng Long, du kích Trương Thuần đốc suất quan binh hơn hai trăm người lúc canh năm ngày 20 tiến thẳng sang bờ bên kia.

Quân giặc lúc đầu bắn pháo chống giữ nhưng khi quân ta sang được bờ rồi thì đâm ra quần bách không biết phải làm gì, kẻ thì xuống thuyền chạy trốn, kẻ thì bỏ chạy. Quân ta chém giết thoả thuê, bắt sống 46 đứa, lấy được hơn ba chục thuyền nhỏ đưa trở về đưa được hơn 2000 quân qua sông.

Đến khi trời sáng, chia binh truy sát, quân giặc bị thương và chết không biết bao nhiêu, lại bắt sống thêm 187 tên, lại thấy hơn một chục thuyền giặc chờ khoảng 3, 400 tên xuôi giong chạy trốn, du kích Trương Thuần liền dẫn hơn ba mươi thuyền nhỏ, sắp đặt súng ống nhanh chóng ra chặn. Quân giặc tự thị thuyền to, quay lại nghênh địch, quân ta thương pháo mãnh liệt, lại ném hoả cầu, vây thuyền giặc lại đánh chìm xuống sông.

Thần và Hứa Thế Hanh đứng nhìn thấy vài trăm tên giặc không đứa nào thoát, trong đó có hai chiếc chưa chìm nên kéo vào bờ thấy trong thuyền quân giặc đều đã bị trúng đạn chết. Thu được hộp ấn trong đó có chứa các con dấu bằng đồng, bằng ngà, bằng gỗ các loại. Xem kỹ các triện văn, một chiếc của trấn Hưng Hoá, một chiếc của Long Phổ Hầu [龍普侯], một chiếc của chỉ huy Cao Thái [高寨] đều là để giặc dùng tại Lê thành. Trong số hơn 10 chiếc thuyền giặc thấy số có chức vụ khá đông.⁹³

4.1.1. VUA LÊ XUẤT HIỆN

Sử nước ta còn ghi chép nhiều về việc vua Lê ra đón quân Thanh khi đến Kinh Bắc.

4.1.1.1. Khâm Định Việt Sử

Khâm Định Việt Sử viết:

... Bấy giờ nhà vua từ Phượng Nhãn đi Gia Lâm, sắm đủ trâu bò và rượu để khao quân Thanh. Ngày hôm sau, nhà vua vào kinh đô.

4.1.1.2. Liệt Truyện

Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện (Nguy Tây) quyển 30, trang 31b thì:

... Tôn Sĩ Nghị đã đến Kinh-bắc. Vua Chiêu-thống ra đón tiếp quân Thanh rồi cùng một đường khởi hành đến thẳng bến sông Nhị-hà.

Quân của Tôn Sĩ Nghị, trong những đôi cát bờ phía nam làm cầu nổi để thông việc qua lại.

Hôm sau Tôn Sĩ Nghị tuyên phong cho vua Chiêu-thống làm An-nam Quốc vương. Lúc ấy là ngày 21 tháng Một năm mậu-thân (1788).⁹⁴

4.1.1.3. Hoàng Lê Nhất Thống Chí

Hoàng Lê Nhất Thống Chí miêu tả chi tiết hơn:

... Rồi đó, vua sai Lê Duy Đản đem thư lên ải để yết kiến Tôn Sĩ Nghị, bẩm rõ tình hình trong nước với Nghị và nói rằng:

- Tự quân vừa bị cảm hàn, không thể đi đường, xin chờ đón ở trấn thành Lạng Sơn.

⁹³ Tấu thư của Tôn Sĩ Nghị ngày Bính Thân, mùng 9 tháng Chạp năm Mậu Thân. *Khâm Định An Nam Kỳ Lược*, quyển IX, tr. 1-3

⁹⁴ *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện*, quyển XXX (bản dịch Tạ Quang Phát) (1970), tr. 129-31

Đến khi nghe tin quân Tây Sơn rút lui, vua mới truyền cho các đạo quân cần vương đến nơi hành tại; rồi kén lấy hạng khoẻ mạnh một ngàn người sung làm quân túc vệ ở doanh vua, còn bao nhiêu thì giao cho các tướng lập thành đội ngũ, ai đem bộ thuộc của người nấy chia giữ các trấn. Trần Quang Châu lĩnh trấn Kinh Bắc, Nguyễn Đạo lĩnh trấn Hải Dương, Hoàng Tố Nghĩa lĩnh trấn Sơn Nam, Hoàng Phùng Tử lĩnh trấn Sơn Tây. Mọi người đều vâng mệnh đi tới lỵ sở. Riêng Trần Quang Châu thì ở lại thành doanh bảo vệ xa giá.

Châu xin dời xe vua về trấn Kinh Bắc, sửa sang thành lũy, xây dựng nhà cửa để chờ quân Thanh. Vua nghe lời.

Đoạn nhà vua lại sai bọn Bình chương Phạm Đình Dữ, Tham tri Vũ Trinh đem thiệp thỉnh an lên đất Hoà Lạc gặp Tôn Sĩ Nghị, nói rõ:

- Hiện đã phái quân chia đi kinh lược bốn trấn ở ngoài đô thành, lòng bắt bọn giặc lên trốn ở các nơi. Xin đưa một số thổ sản nhỏ mọn là mười con trâu, một trăm vỏ rượu, làm lễ khao quân, ngược trông thu nhận cho.

Vua lại truyền phải sức cho các kỳ lão và các xã dân mấy huyện ven đường sửa soạn đón rước quân Thanh.

Đại quân của Sĩ Nghị đi sang phương Nam, dọc đường đều thuận lợi thông suốt... Mới thấy Vũ Trinh, y liền nói:

- Lúc đại binh qua cửa ải, trước hết đã có đưa hịch sang bá cáo, quân giặc sợ hãi đã ôm đầu chạy trốn. Nghĩ rằng thần dân bên ấy, ai lại không phấn chấn nổi dậy? Dựa vào oai trời mà lo giết giặc nước, chẳng mấy chốc sẽ có thể thành công, sao cứ một mực nhu nhược để chúng được chạy trốn một cách rảnh rang?

... Lúc Nghị tới trấn Kinh Bắc, vua Lê tự đem các quan đến chào. Nghị yên ủi rằng:

- Quý tự mắc phải nạn lớn đã nhiều năm, nhờ đức Đại Hoàng đế thương xót, sai bản chức đem quân hộ tống mẹ và vợ ngài về trước. Chuyến này sang đây, giúp việc kinh lý, trước hết cần bắt cho hết đảng giặc, rồi sau chinh đồn qui mô, làm kẻ lâu dài. Bao người mọi việc đều muôn ngàn lần ổn thoả rồi, bấy giờ mới rút quân, xin chớ lo gì về việc nước nữa.

Vua Lê nói:

- Đội ơn Đại Hoàng đế đức cả như trời, không sao hình dung được cho hết. Lại nhờ cù lớn hạ mình tới đây, khiến cho nước chúng tôi được thấy ánh sáng của áo cừu, đai ngọc, được thoả lòng ngửa trông sao Bắc Đẩu, núi Thái Sơn. Mỗi tình vui mừng, kính mến, không sao kể xiết!

Rồi nhà vua mời Nghị vào dinh nghỉ tạm. Nghị nói:

- Đây cách quốc thành không xa, cần đi ngay, không nên dùng dằng.

Nghị liền sai bắn chín phát súng và nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi.

Chập tối, đến bờ bắc sông Nhĩ Hà, vua Lê xin qua sông vào Kinh thành trước, rồi sai sắm sửa giường màn ở điện Kính Thiên, mời Nghị vào ở. Nghị không ưng nói:

- *Chỗ ấy không phải là hoành danh (doanh?) của Đại tướng, đối với việc quân có nhiều (nhiều?) điều bất tiện.*

Đoạn Nghị truyền lệnh chia quân đóng ở nơi quang đãng trong hai bãi cát phía bờ nam và bờ bắc sông Nhữ Hà, lại sai bắc cầu phao trên mặt sông để tiện đi lại. Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng Chạp năm Mậu Thân (1788).

Hôm sau, vua thân hành đến chờ đón ở doanh của Nghị.

Nghị sai người bày biện nghi trượng rất long trọng ở điện Kính Thiên, rồi truyền cho trăm quan tới hầu. Vua Lê đội mũ miện, mặc áo cổn quì ở giữa sân. Nghị dẫn bọn liêu thuộc đến, rồi tuyên đọc tờ sắc của Hoàng đế nhà Thanh phong cho vua Lê làm An Nam quốc vương. Trong tờ chế phong vương, đại lược nói rằng:

“Chia ra cõi bờ mười ba đạo, không phải tham gì đất đai này; đã lo chức cống ba trăm năm, há chẳng nghĩ đến tổ tông trước?”...

Xong lễ thụ phong, vua bèn theo lệ thảo tờ biểu tạ ơn, xa trông cửa khuyết mà lạy tạ, rồi nhờ Nghị cho đệ tờ biểu đi. Nghị nhận lời.

Tuy vua Lê đã được phong Vương, nhưng giấy tờ đưa đi các nơi, đều dùng niên hiệu Càn Long. Vì có Nghị ở đây nên không dám dùng niên hiệu Chiêu Thống. Ngày ngày sau các buổi chầu, vua lại tới chờ ở doanh của Nghị để nghe truyền việc quân, việc nước. Vua cười ngửa đi trước, Lê Quýnh cười ngửa đi sau, quân lính hộ vệ chỉ vài chục người. Người trong Kinh có kẻ không biết là vua, hoặc có người biết thì họ nói riêng với nhau rằng:

- Nước Nam ta từ khi có đế, có vương tới nay, chưa thấy bao giờ có ông vua luôn cúi đê hèn như thế. Tiếng là làm vua nhưng niên hiệu thì viết là Càn Long, việc gì cũng do viên Tổng đốc, có khác gì phụ thuộc vào Trung quốc?⁹⁵

Đối chiếu chi tiết theo sử triều Nguyễn và *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* chúng ta thấy dường như nếu không chép của nhau thì hai bên cũng ảnh hưởng qua lại rất nhiều. Điều đáng nói là những chi tiết đó lại không chính xác và là đầu mối mà các sử gia dựa vào để phê phán thái độ của Lê Duy Kỳ. Cứ như những đoạn sử vừa nêu, người ta có cảm tưởng rằng vua Lê khi ấy đã có sẵn một triều đình với đầy đủ nghi vệ chuẩn bị sẵn sàng trâu bò, rượu thịt ra thiết đãi tiếp đón đoàn quân viễn chinh rồi ung dung vào “*tiếp thu*” kinh đô. Sự việc xảy ra không đúng như vậy, nếu không nói rằng hoàn toàn khác hẳn.

4.1.2. THỰC TẾ THEO CÁC NHÂN CHỨNG

Khi quân Thanh tiến sang nước ta, các cánh quân của Tây Sơn trấn đóng dọc từ Lạng Sơn xuống Thăng Long chỉ kháng cự rất yếu, một phần lực lượng đồn trú tại những vị trí nút chặn không đông, phần vì Ngô Văn Sở không muốn dốc toàn lực quân của miền Bắc lên nghênh địch, e ngại sẽ bị tấn công từ phía nam, cắt đứt đường về rất nguy hiểm. Chính vì thế, các tướng Tây Sơn chủ trương rút lui bảo tồn lực lượng để chờ quyết định của Nguyễn Huệ. Việc rút lui đó rất êm thấm như thói quen của họ, bỏ lại kinh đô Thăng Long triều đình ọp ẹp do Lê Duy Cận “*giám quốc*”. Triều đình này chỉ bao gồm một số quan văn cựu trào và các tông thất, chẳng có quân đội kho

⁹⁵ Ngô Gia Văn Phái, *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch) (2002), tr. 356-60

đụn nên khi quân Thanh đến, ngoảnh lại thì quân Tây Sơn đã bỏ đi họ chỉ còn nước mở cửa thành “*ra hàng*” gánh chịu sự xỉ mạ và trừng phạt.

Còn vua Chiêu Thống, cho đến khi Tôn Sĩ Nghị đã sắp sửa vào đến Thăng Long cũng chưa ai biết ông đang ở đâu. Khi khởi đầu âm mưu can thiệp vào nước ta, Tôn Sĩ Nghị đã mập mờ tâu lên vua Càn Long về công tác chính yếu của việc xuất quân là đánh đuổi một đám cường khấu từ Quảng Nam ra chiếm An Nam để đưa Lê Duy Kỳ phục vị. Với tình thế đáng lạc quan [phần lớn đất đai còn chưa theo giặc, các lộ cần vương đang ở khắp nơi, đầu mục Tây Sơn đang có tranh chấp chỉ để lại miền Bắc một lực lượng nhỏ...] vua Cao Tông cũng tin rằng kế hoạch có thể thực hiện dễ dàng và một khi quân Thanh sang khỏi Nam Quan thì vua Lê sẽ xuất hiện để cùng về Thăng Long.

Chỉ đến khi thực tế không đáng phấn khởi như dự tính, vua Lê vẫn thất tung thì Tôn Sĩ Nghị mới chột dạ, sai các cựu thần đi tìm để việc lấy lại kinh đô danh chính ngôn thuận. Chính vì không có vua Lê trong đoàn quân viễn chinh nên các nơi đều án binh bất động, không một lực lượng người Việt nào lên tiếng ủng hộ, ngoài một số thôn xã dân tộc thiểu số dọc theo đường đi và những nơi hẻo lánh gần biên giới.⁹⁶

Cũng may là quân Tây Sơn không luyện chiến nên chỉ phòng thủ cầm chừng, vừa đánh vừa rút để cho đại quân ở Thăng Long có thì giờ chuẩn bị. Do đó, quân Thanh tiến đến đâu thắng lợi tới đó, mỗi ngày trung bình đi được hơn 30 dặm, có thể nói là không gặp kháng cự nào và những miêu tả, báo cáo về những trận Tam Dị, Trại Hữu... chỉ là ngoa ngôn, phóng đại. Chỉ có trận Thị Cầu tương đối ác liệt một chút nhưng cũng không đáng kể.

4.1.2.1 Tôn Sĩ Nghị

Các chi tiết của chính tổng đốc Tôn Sĩ Nghị báo cáo về triều đình phải được xem là chính xác mặc dù có thể ông ta thay đổi một số chi tiết để cho hợp ý vua Càn Long. Điều quan trọng nhất, khi đến Thăng Long, trong tay họ Tôn đã cầm sẵn sắc thư và quả ấn An Nam Quốc Vương nên rất nóng ruột khi Lê Quýnh đi tìm vua Lê mà chưa thấy quay về.

Ngày 20 tháng Một [17-12-1788], Tôn Sĩ Nghị báo cáo lên vua Thanh về chiến công chiếm được Thăng Long và vào thành tiếp thu các dinh thự, truyền hịch cho dân chúng như sau:⁹⁷

Nguyên văn

爾等久為賊匪毒害。今大兵進剿。除臨陣誅戮外。逃匿必多。若令官兵分赴各鄉搜捕。不免藉端滋擾。不如各村寨自行挨查縛獻。既洩爾等忿恨。且可免諱匿包庇之罪。

Dịch âm

Nhĩ đẳng cửu vi tặc phi độc hại. Kim đại binh tiến tiễu. Trừ lâm trận tru lục ngoại. Đào nặc tất đa. Nhược lệnh quan binh phân phó các hương sưu bộ. Bất miễn tịch đoàn tư nhiễn. Bất như các thôn trại tự hành挨查縛獻. Ký tiết nhĩ đẳng phần hận. Thả khả miễn huý nặc bao tí chi tội.

⁹⁶ Những người này về sau được giao cho vua Lê và tông thân chỉ huy cho ra về bề thế, không đến nỗi lèo tèo vài người lính túc vệ.

⁹⁷ *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển IX, tr. 5

Dịch nghĩa

Các người bị tặc phỉ làm hại đã lâu, nay đại binh tiến tiểu, ngoài số bị giết khi lâm trận, chạy trốn chắc là đông. Nếu ta ra lệnh cho quan binh đến các làng xóm tìm bắt, không khỏi gây chuyện phiền nhiễu. Chỉ bằng các thôn trại tự tra xét trời chúng đem trình ra, vừa để các người hả lòng phần hận, vừa được miễn tội bao che, dấu diếm.

Vì tình hình chưa biết thế nào, họ Tôn ngại việc đóng quân trong thành có thể bị tập kích hay bao vây nên sau khi thám sát, y ra lệnh cho quân Thanh đóng ở bờ sông và cồn cát bên ngoài. Đến tối hôm đó, lúc canh hai, Lê Quýnh và Lê Duy Kỳ mới đến được quân doanh vào yết kiến Tôn Sĩ Nghị.⁹⁸

4.1.2.2 Lê Duy Đản

Theo *Sứ Điều Hành Trạng* là tập thơ Lê Duy Đản ghi lại chuyến đi sứ sang Trung Hoa cầu viện⁹⁹ thì khi quân Thanh đến bờ phía bắc sông Phú Lương¹⁰⁰, quân Tây Sơn đã bỏ đi nên Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh vào thu phục kinh thành. Kế đó, [Lê Duy Đản] *theo hầu nhà vua đến điện Vạn Thọ làm lễ sách phong*.¹⁰¹ Ông không nói rõ vua Lê đến lúc nào nhưng ngay trước đó khi quân Thanh qua sông Thị Cầu thì chưa nói tới tự hoàng nên chúng ta có thể biết được vua Lê gặp Tôn Sĩ Nghị khi quân Thanh đã lấy được Thăng Long đúng như lời kể của Lê Quýnh.

4.1.2.3. Lê Quýnh

Theo *Bắc Hành Lược Ký* là tài liệu do chính Lê Quýnh kể lại về cuộc đời lưu lạc của mình chép:

... Khi đại quân đến núi Tam Tầng [三層], Lê Đản đưa kẻ đó lên, Tôn đại nhân nghe theo, ngày 20 tiến quân phá được doanh Thị Cầu, đuổi theo đến tận phía bắc sông Phú Lương [富梁]¹⁰², quân Tây Sơn bỏ thành mà chạy.

*Ngày 21, vương tự tôn yết kiến Tôn đại nhân ở bờ sông phía bắc. Ngày 22, lấy lại được Lê thành. Nghe tin báo thắng trận, tháng Chạp Thanh triều ban xuống sắc ấn phong tư tôn làm An Nam quốc vương ban cho Lê Quýnh chòm mũ và đại chức tổng binh.*¹⁰³
Tháng đó, Lê vương ra lệnh cho Lê Quýnh lo việc binh hướng để đến hạn kỳ thì đuổi theo tiểu giặc. Thế nhưng Tôn đại nhân [Tôn Sĩ Nghị] ngả theo lời bàn kêu gọi địch trở về¹⁰⁴ ép quốc vương đuổi theo thu lại kiểm ấn và đổi thành chức bình chương sự.

*Vừa khi đó, Lê Quýnh bị sốt rét nặng [瘧疾] nên xin nghỉ về nhà chữa bệnh....*¹⁰⁵

⁹⁸ *Khâm Định An Nam Kỳ Lược*, quyển IX, tr. 7

⁹⁹ Hai sứ thần Trần Danh Ấn và Lê Duy Đản phải ăn mặc rách rưới để len lỏi núi rừng sang Trung Hoa.

¹⁰⁰ trong bản sách chép tay viết nhầm là Phú Thần, hai chữ thần 辰 và lương 良 hơi giống nhau

¹⁰¹ Nguyên văn 天兵下寨富辰江北賊渠悉眾宵遁進復京城奉駕御萬壽殿行冊封禮 (thiên binh hạ trại Phú Thần giang bắc, tặc cừ tất chúng tiêu độn, tiến phục kinh thành, phụng giá ngự Vạn Thọ điện hành sách phong lễ). Lê Duy Đản: *Sứ Điều Hành Trạng*. *Việt Nam Hán Văn Yên Hành Văn Hiến Tập Thành*, quyển VI (2010), tr. 180

¹⁰² Tức Nhĩ Hà

¹⁰³ *Bắc Hành Tùng Ký* trong VHTT VI có thêm một câu “Phan Khải Đức được ban chòm mũ và đại chức đô ti”

¹⁰⁴ Chi tiết này trùng với lời kết án của Lê Duy Đản là Tôn Sĩ Nghị nghe lời Phan Khải Đức kêu gọi địch về hàng. Thực ra, việc Tôn Sĩ Nghị dùng danh vì quân Thanh bị khó khăn về đài trạm và nhân công và vua Càn Long ra lệnh rút về.

¹⁰⁵ Lê Quýnh, *Bắc Hành Lược Ký* (bản dịch NDC)

Tuy không nhiều chi tiết nhưng những miêu tả của Lê Quýnh tương đối ăn khớp với những báo cáo của Tôn Sĩ Nghị về diễn tiến của chiến dịch. Lê Quýnh đã xác nhận là Lê Duy Kỳ chỉ ra gặp Tôn Sĩ Nghị khi quân Thanh đã tới Thăng Long. Tuy có một chút chênh lệch về thời gian nhưng chúng ta tin rằng ngày tháng trên các tờ biểu của Tôn Sĩ Nghị chắc phải chính xác vì được viết ra ngay khi mặt trận còn đang tiếp diễn, không có lý do gì để phải điều chỉnh còn những điều Lê Quýnh viết là hồi ức sau khi ông đã lui về sống ẩn dật lúc cuối cuộc đời. Đối chiếu hai loại tài liệu thì việc Hoàng Lê Nhất Thống Chí miêu tả việc triều đình Lê Chiêu Thống đón rước, phục vụ và lệ thuộc vào Tôn Sĩ Nghị khi viên tổng đốc Lưỡng Quảng từ Kinh Bắc tới Thăng Long là hoàn toàn tương tượng. Chính vì thế, chúng ta có thể loại trừ tất cả những chi tiết về phân bố lực lượng, bài trí nghi vệ, khao thưởng quân Thanh... như cuốn tiểu thuyết lịch sử này đã miêu tả.

Một cách sơ lược, khi quân Thanh tới bờ phía bắc sông Nhĩ Hà thì quân Tây Sơn đã bỏ đi để lại một thành trống với triều đình Lê Duy Cận. Sáng ngày 20 tháng Một, Tôn Sĩ Nghị tiếp thu kinh thành, rồi cho đóng quân ở hai bên bờ sông. Canh hai tối 20 tháng Một, Lê Duy Kỳ và Lê Quýnh đến gặp Tôn Sĩ Nghị tại quân doanh.¹⁰⁶

4.2. TRIỀU ĐÌNH NHÀ LÊ TẠI THĂNG LONG

4.2.1. PHONG VƯƠNG

Ngày hôm sau 21 tháng Một, vua Lê vào nhận lại kinh thành rồi cả ngày hôm đó triều đình bận rộn việc sắp xếp lễ nghi, chuẩn bị điện Vạn Thọ là cung cũ của vua Hiến Tông để hôm sau, ngày 22 tháng Một năm Mậu Thân (1788), Tôn Sĩ Nghị vào làm lễ phong vương, tuyên đọc tờ sắc sau đây:

Nguyên văn

奉天承運皇帝制曰:

朕惟撫馭中外，綏靖遐邇，義莫大于治亂持危，道莫隆於興滅繼絕，其有夙共朝命，久列世封，遭家國之多難，屬臣民之不靖，則必去其蠹賊，拯厥顛際，俾還鍾簴之觀，以肅屏藩之制。

爾安南國嗣孫黎維祁，化沐炎馭，序承家嗣，當爾祖奄逝之日，正阮逆構亂之時，肇釁蕭牆，失守符印，孑身播越，闔室遷移，棄彼故都，依於上國。

溯百五十年之職貢，能不念其祖宗，披一十六道之輿圖，原非利其土地，且柔遠人所以大無外，討亂賊所以儆不虔，是用輯爾室家，克完居處，勵爾臣庶，共復仇讐。

特敕大吏以濯征，爰董王師而迅剿，先聲所警，巨憝奚逃，內難斯寧，群情更附，釋其瑣尾流離之困，加以生死骨肉之恩，舊服式循，新綸允賁，茲封爾為安南國王，錫之新印。

王其慎修綱紀，祇奉威靈，戢和民人，保守疆土，勿怠荒而廢事，勿懷安以敗名。

庶荷天朝再造之仁，益迓國祚重延之福。

¹⁰⁶ Ngày 20 tháng Một thần thống lĩnh quan binh khắc phục Lê thành. Canh hai đêm hôm đó, An Nam tự tôn Lê Duy Kỳ đến quân doanh cùng thần gặp mặt, vọng về hướng bắc khấu đầu tạ ơn hoàng thượng tái tạo. Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển IX tr. 10 (bản dịch Nguyễn Duy Chính)

欽哉！

毋替朕命。¹⁰⁷

Dịch âm

Phụng thiên thừa vận hoàng đế chế viết:

Trẫm duy phủ ngự trung ngoại, tuy tĩnh hà nhĩ, nghĩa mạc đại vu trị loạn trì nguy, đạo mạc long ư hưng diệt kế tuyệt, kỳ hữu túc cộng triều mệnh, cửu liệt thể phong, cấu gia quốc chi đa nạn, thuộc thần dân chi bất tĩnh, tắc tất khứ kỳ mâu tặc, chứng quyết diên tế, tỉ hoàn chung cự chi quan, dĩ túc bình phiên chi chế.

Nhĩ An Nam quốc tự tôn Lê Duy Kỳ, hoá mộc viêm tu, tự thừa gia tự, đương nhĩ tổ yêm thệ chi nhật, chính Nguyễn nghịch cấu loạn chi thời, triệu hân tiêu tường, thất thủ phù ấn, kiết thân bá việt, hạp thất thiên di, khí bị cố đô, y ư thượng quốc.

Tổ bách ngũ thập niên chi chức công, năng bắt niệm kỳ tổ tông, phi nhất thập lục đạo chi dư đồ, nguyên phi lợi kỳ thổ địa.¹⁰⁸ thả nhu viễn nhân sở dĩ đại vô ngoại, thảo loạn tặc sở dĩ cảnh bất kiên, thị dụng tập nhĩ thất gia, khắc hoàn cư xứ, lệ nhĩ thần thứ, cộng phục cừu thù.

Đặc sắc đại lại dĩ trạc chinh, viên đồng vương sư nhi tấn tiếu, tiên thanh sở triếp, cự đối hệ đào, nội nan tư ninh, quần tình cánh phụ. Thích kỳ toả vĩ lưu ly chi khốn, gia dĩ sinh tử cốt nhục chi ân, cữu phục thức tuần, tân luân doãn bí, tư phong nhĩ vi An Nam quốc vương, tích chi tân ấn.

Vương kỳ thận tu cương kỷ, chi phụng uy linh, tập hoà dân nhân, bảo thủ cương thổ, vật đãi hoang nhĩ phế sự, vật hoài an dĩ bại danh.

Thứ hà thiên triều tái tạo chi nhân, ích nhạ quốc tộ trùng diên chi phúc.

Khâm tai!

Vô thể trẫm mệnh.

Dịch nghĩa

Phụng mệnh trời, tuân theo vận nước, hoàng đế xuống chế rằng:

Trẫm chỉ vỗ về để dẫn dắt trong ngoài, khiến cho nơi xa xôi cũng phục, dùng nghĩa lớn để trị việc loạn giúp kẻ nguy, đạo được lớn để hưng diệt kẻ tuyệt. Những người trước nay theo phò, đòi đòi phong tước, một khi quốc gia gặp nạn, thần dân không yên, phải làm

¹⁰⁷ Thượng Dụ Đáng, phương bản, Càn Long năm thứ 53, Đông Quý Đáng, trang 259. Ở *Minh Thanh sử liệu* (明清史料) Canh biên, bản 2, trang 103 đã ghi nhầm là Lê Duy Kỳ được sách phong ngày 20 tháng Một. Sách phong này cũng được chép trong *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển VI, tr. 2-3

¹⁰⁸ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, tr. 36, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 841 có chép:

Phi thập hữu nhất đạo chi đề phong, nguyên phi lợi phù thổ địa

Tổ bách ngũ thập niên chi chức công, năng bắt niệm kỳ tổ tông

Nghĩa là “đối với sự mở mang bờ cõi gồm mười một đạo, vốn không phải vì ta có lợi tâm muốn chiếm lấy đất đai; suốt từ một trăm năm mươi năm lại đây (nhà Lê) lúc nào cũng giữ chức phận, làm lễ tuế cống, thì sao lại không nghĩ đến tổ tông của tự tôn được”. Nhà vua cảm động và tin tưởng một cách sâu sắc vào những lời đó. Hai câu này có vài chữ sai với nguyên văn, có lẽ vì tam sao thất bản.

sao đỏi được giặc, cứu vớt kẻ lao đao, đem lại mối rường cho nước, tỏ lộ cái lòng che chở cho phiên thuộc.

Người tự tôn nước An Nam Lê Duy Kỳ, ở nơi phương nam nóng nực, kế thừa dòng dõi. Gặp lúc ông người vừa mất, nhân thời giặc Nguyễn dấy loạn, trong triều gặp chuyện rối ren, mất cả ấn tín, gia đình tan tác phải bỏ kinh đô mà chạy tứ phương, nương tựa vào thượng quốc.

Trong một trăm rưỡi năm qua không quên triều cống, nên [trẫm] phải nghĩ đến tổ tông, còn đối với dư đồ mười sáu đạo kia, [trẫm] không màng đến việc lấy đất, đạo nhu viễn không ngoài như thế. Trừ loạn tặc sở dĩ cũng là để răn đe, cốt lấy lại cho gia tộc người trở về nơi cũ, khuyến khích cho dân chúng bầy tôi, cùng trả được mối thù.

Nay ta đặc biệt sai kẻ đại lại cất binh chinh phạt, đem vương sư chinh tiêu, trước lên tiếng dọa cho chúng sợ tội mà chạy đi, để đem các người về cho mỗi giếng trở lại, người ly tán nay đoàn viên ấy là cái ơn chết đi sống lại, cốt nhục nối liền. Y phục cũ nay trở lại, giày thao mới nay rực rỡ, phong cho người làm An Nam quốc vương, ban cho ấn mới.

Hãy cố gắng mà tu sửa kỷ cương, vâng mệnh uy linh, hoà thuận với nhân dân, giữ gìn cương thổ, chớ có bê trễ mà bỏ phế việc, đừng cầu an mà mang tiếng. Hãy nhớ đến cái đức nhân tái tạo của thiên triều, hãy nghĩ đến cái phúc vận nước được nối dài trở lại.

Kính thay!

Chớ bỏ qua lệnh của trẫm.

4.2.2. TỔ CHỨC VÀ CẠI TRI

4.2.2.1. XỬ SỰ CỦA LÊ DUY KỲ

Khi quân Tây Sơn ra chiếm Thăng Long, vì chưa đủ điều kiện để phế bỏ triều đình vua Lê, họ vẫn giữ trên hình thức một tổ chức hành chánh rập theo khuôn khổ của miền Bắc. Một số chức vụ được điền khuyết, có lẽ chỉ để làm việc như một công chức [nếu không nói quá một chút là một người chạy việc], thực sự quyền hành, tiền bạc, kho lẫm... vẫn nằm trong tay của các tướng lãnh – Tây Sơn cũng có mà thổ hào cũng có. Những danh vị khá kêu như công, hầu, thượng thư... thực chất chỉ là những danh hàm, không có thực quyền – và có thể cũng chẳng có lương bổng. Triều đình hữu danh vô thực này đã run sợ ra hàng ngay khi quân Thanh kéo đến, tạo ảo tưởng cho Tôn Sĩ Nghị và quân Thanh về sức mạnh của họ.

Sau đó tùy theo tội danh “*cộng tác với địch*”, những người giữ chức vụ trong hệ thống hành chánh “*ảo*” này phải chịu sự xử phạt của Lê Duy Kỳ khi ông trở về. Việc ra oai không khỏi gây hoang mang nhất là nhiều kẻ mượn gió bẻ măng, lợi dụng thời cơ để đền ơn trả oán.

... Nhà vua đã khôi phục được nước, bèn hạ lệnh thăng chức cho bầy tôi đi hộ giá:

o Phạm Đình Dữ lên bình chương sự, thượng thư bộ Lại.

o Lê Duy Đản và Vũ Trinh lên tham tri chính sự.

o Nguyễn Đình Giản lên thượng thư bộ Binh, tri Xu mật viện sự.

o Trần Danh Án, lên phó đô ngự sử.

o Lê Quýnh lên Trung quân đô đốc, tước Trường phái hầu. Ngoài ra đều được thăng chức có cao thấp khác nhau.

Liền đổ nhà vua sai trị tội những người hàng giặc:

o Ngô (Thì) Nhậm và Phan Huy Ích đều truất về làm dân.

o Nguyễn Hoãn bị bãi mất tước Quận công.

o Phan Lê Phiên bị giáng xuống Đông Các học sĩ.

o Mai Thế Uông bị giáng xuống Tư huấn.¹⁰⁹

Xét những hình thức trừng phạt này [ngoại trừ việc bắt và giết những kẻ đã trực tiếp nhúng tay vào việc truy sát hoàng đế Lê Duy Lứu và đuổi bắt vua Lê là Phạm Như Tụy và Dương Bành] thật không có gì tàn nhẫn. Còn việc ba hoàng thân nhà Lê bị giết bỏ xuống giếng thì là một biến cố xảy ra khi có sự tranh giành quyền bính thời Nguyễn Hữu Chỉnh [giữa năm Đinh Mùi, 1787], không ai biết rõ như thế nào.

Ba nhà khoa bảng cựu triều bị phạt nặng hơn cả là Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích và Nguyễn Hoãn thì có lẽ vì đã cùng đứng tên với 72 người khác [trong danh sách 75 người] ký tên suy tôn Nguyễn Huệ [Quang Bình] lên làm vua mà Lê Duy Đản khi sang sứ đã đọc và sao lại.¹¹⁰ Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích bị truất về làm dân đồng nghĩa với việc bị tước danh tiến sĩ, còn Nguyễn Hoãn [có lẽ vì làm quan lâu năm, mang danh quốc lão] chỉ bị cách chức mà thôi.

Riêng Lê Duy Cận bị quản thúc và Tôn Sĩ Nghị có ý định đày biệt xứ về Trung Hoa nhưng vua Chiêu Thống cố xin cho ở lại, lấy cớ ông ta là người đàn độn chẳng có gì đáng ngại.

4.2.2.2. VAI TRÒ CỦA LÊ QUÝNH

Vai trò của Lê Quýnh trong suốt giai đoạn từ khi theo chân quân Thanh trở về cho đến khi vua Lê phải chạy sang Tàu nương náu chính là chìa khoá để gỡ tất cả mọi oan khiên cho ông vua cuối cùng của nhà Lê. Một điều đáng nói, những gì Lê Quýnh kể lại hoàn toàn khác với miêu tả trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*. Vì ông không có mặt trong những biến cố ấy thành thử những sự việc *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* viết về Lê Quýnh chỉ là bịa đặt, có thể mới được thêm vào sau này để câu chuyện thêm mặn mòi. Từ chuyện nọ suy sang chuyện kia, chúng ta cũng thấy rằng những việc khác cũng chẳng có cơ sở nào cả.

Khi thấy rằng thực lực của vua Lê chỉ là một con số không – chẳng phải vì Lê Duy Kỳ bắt tài nhưng vì tình thế tạo nên – Tôn Sĩ Nghị phải mập mờ phô trương bằng cách giao cho hoàng đế Lê Duy Chi chỉ huy những thổ binh ở biên giới đi theo quân Thanh. Ông ta cũng đem một số khí giới thu được của Tây Sơn trang bị cho họ nhưng triều đình vua Lê phải đảm trách việc nuôi đoàn quân này. Việc nuôi ăn và bố trí hàng nghìn người ở một thành phố hoang tàn không phải dễ, đưa đến việc dân chúng ta thán về việc thu góp lương thực để cho giặc, nhất là miền bắc mấy năm trước bị hạn hán mùa màng thất bát, đói khổ.¹¹¹ Thực ra quân Thanh có hệ thống tiếp vận

¹⁰⁹ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII tr. 35-36, bản dịch Viện Sử Học (1998), tr. 839-840

¹¹⁰ *Lê Duy Đản thi tập* A.2821 (BEFEO)

¹¹¹ Theo báo cáo của Tôn Sĩ Nghị, vì vua Lê không có ngân khoản nên ông ta phải xuất tiền cho triều đình để mua gạo nuôi quân. Việc sử dụng loại tiền “*Cần Long thông bảo*” [mặt kia có hai chữ An Nam] hẳn sẽ đem lại những thắc mắc và nghi ngại của dân chúng nhất là quân đội mà Lê Duy Chi chỉ huy lại là các thổ binh vùng biên giới, không phải người Việt.

riêng, không đến nỗi phải trông vào vua Lê như chúng ta thường nghĩ và nếu có những thúc ép để cung ứng thóc gạo thì để cho chính triều đình nhà Lê. Ghi nhận của một số giáo sĩ Tây phương có mặt tại Bắc Hà thời đó cũng minh xác điểm này.

Ở bên ngoài, các cánh quân địa phương vẫn hoạt động hoàn toàn độc lập, tiếng là quân công, hầu hết nhưng chỉ là danh hàm, vua Lê không có thực quyền điều động, ra lệnh cũng chẳng ai nghe. Khi cần một số nhân sự, tài vật dùng vào những công tác trước mắt, vua Chiêu Thống đành bó tay. Ông không có người để đóng chiến thuyền hay có tiền để mua các loại vật liệu, trang bị theo đòi hỏi của Tôn Sĩ Nghị.

Một chi tiết cũng đáng chú ý là sự bất đồng giữa các lực lượng thân nhà Lê và Tôn Sĩ Nghị được ghi lại trong nhiều tài liệu. Trong khi nhóm cần vương muốn thừa thế tiến lên khôi phục những vùng đất cũ thì họ Tôn lại thờ ơ [lấy cớ là sắp Tết cần cho binh sĩ nghỉ ngơi], tạo cơ hội cho Nguyễn Huệ kéo quân ra tấn công trong dịp đầu năm.

Thực ra, vua tôi Lê Duy Kỳ đã không biết một biến chuyển quan trọng. Sau khi nghe báo cáo về những khó khăn thực tế và tính toán chi phí cho việc chuyển quân từ Thăng Long đến Phú Xuân, vua Càn Long thấy rằng kế hoạch đánh vào Thuận Hoá để bắt sống Nguyễn Huệ sẽ rất tốn kém và dễ dàng bị sa lầy như đã điều binh tiến sâu vào Miền Điện trước đây. Ông ra lệnh cho Tôn Sĩ Nghị triệt thoái lấy cớ là mục tiêu đưa Lê Duy Kỳ trở lại ngai vàng đã hoàn tất.

Lệnh triệt binh đó không những đi ngược với mong đợi của vua Lê mà cũng làm hỏng chủ đích của Tôn Sĩ Nghị muốn lập đại công, dùng chiến dịch Việt – Thanh như một nấc thang để thăng tiến trên hoạn lộ. Họ Tôn cũng biết rằng Lê Duy Kỳ và triều đình nhà Lê không có thực lực, nếu rút quân về sẽ lại để trống miền Bắc cho đối phương và công lao của ông ta trong mấy tháng qua trở thành vô ích.

Do đó, Tôn Sĩ Nghị muốn tìm một giải pháp trung dung để có lý do đóng quân thêm một thời gian. Lấy cớ cho binh sĩ ăn Tết, họ Tôn đã truyền hịch đe dọa ra Giêng sẽ đánh vào Thuận Hóa “*đảo huyết cầm cự*” [đánh vào sào huyết để bắt đầu sỏ] mong Nguyễn Huệ run sợ mà dâng biểu xin hàng. Trong khi chờ đợi kết quả, Tôn Sĩ Nghị tìm cách kiềm chế các lực lượng cần vương đưa đến việc yêu cầu vua Lê thu hồi chiếc ấn của Lê Quýnh, không còn lo việc binh lương mà làm bình chương sự lo việc bộ hộ, bộ binh.¹¹²

Cũng vì quá khinh địch, khi Nguyễn Huệ gửi mấy tờ biểu giả vờ xin hàng để ngụy trang cho việc kéo quân ra bắc, Tôn Sĩ Nghị tưởng là Huệ sợ mình thật nên đã âm ọe trả lời bảo “*Huệ phải rút quân về Thuận Hóa để chờ nghe xét xử, không được liều lĩnh làm càn mà chuốc lấy tội*”.¹¹³ Sự thay đổi trong kế hoạch của nhà Thanh khiến Lê Quýnh nghĩ rằng nhà vua không còn tin dùng ông nữa còn người ngoài thì tưởng rằng Lê Duy Kỳ chỉ lo “*đền ơn báo oán*”, không lo đến chuyện đại sự.

Theo lời tâu của Tôn Sĩ Nghị ngày mùng 3 tháng Giêng năm Càn Long thứ 55 (1790) [lúc này ông ta đã đổi sang làm tổng đốc Tứ Xuyên] thì:

Năm trước, Lê Quýnh đưa mẹ và vợ Lê Duy Kỳ đến gõ cửa quan cầu cứu. Thần [Tôn Sĩ Nghị tự xưng] đến biên ải Việt Tây [tức biên giới tỉnh Quảng Tây] xem xét cựu thần nhà

¹¹² Lê Quýnh “Bắc Hành Tùng Ký”. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II (1998), tr. 880

¹¹³ Ngô Cao Lãng. *Lịch Triều Tạp Ký* (1995), tr. 586

Lê, chỉ thấy Lê Quýnh ngôn từ, cử động có vẻ khí khái, xem ra nhanh nhẹn tháo vát nên đã sai đi theo đường Quảng Đông về nước tìm chủ.

Thần cũng tuân theo thánh ân cấp cho Lê Quýnh tiền bạc phí tổn nên khi gặp Lê Duy Kỳ rồi trở qua báo tin liền cho y theo làm hướng đạo. Về sau không thấy Lê Duy Kỳ đâu nên thần đã sai y đi tìm, mãi đến khi thần tiểu sát qua sông, khắc phục Lê thành [tức thành Thăng Long] rồi, Lê Quýnh lúc bấy giờ mới cùng Lê Duy Kỳ đến quân doanh.

Nguyên do là vì bọn họ dò thám thấy quân địch đóng ở các sông Thọ Xương, Thị Cầu, Phú Lương thế mạnh, nghĩ rằng quan binh không thể thắng nổi nên không dám ra. Thần biết ngay bọn Lê Quýnh trước đây qua cửa ải, nói khoác rằng ở xứ này nghĩa sĩ tụ tập, một khi đại binh đến nơi sẽ đứng lên tiếp tay đánh giặc là điều không thực.

Thần đóng binh ở bờ sông Lê thành, Lê Quýnh lúc đầu có đi theo Lê Duy Kỳ đến yết kiến mấy lần, sau đó mất tăm không thấy nữa. Thần mới hỏi Lê Duy Kỳ thì nghe nói Lê Quýnh bị sốt rét nặng, hiện đang ngoa bệnh. Thần nghĩ lúc này Lê thành mới khôi phục, quân giặc chưa trừ xong, đâu phải là lúc lạng thình chữa trị, nên mới truyền cho y đến bờ sông, trách mắng các người khi còn ở nội địa [tức ở Trung Hoa] từng bầm là một khi đại binh xuất quan, người trong nước sẽ vâng tập hưởng ứng, thế mà mấy lần cùng giặc huyết chiến, nào có thấy các người tụ tập nghĩa dũng, để trợ thanh uy đâu?

Đến bây giờ lại cáo ốm không ra, đủ biết các người không chút thiên lương, phụ lòng đại hoàng đế giúp cho sự mất còn của kẻ yếu. Thần nặng lời mắng mỏ, Lê Quýnh phục xuống đất dạ dạ, khăng khăng nói là quả thực bị bệnh. Thần lại gắng hỏi kỹ càng, Lê Quýnh [người] tuy có ốm thật nhưng [có phải] vì khi Lê Duy Kỳ được nước rồi, lại không hết lòng uỷ nhiệm nên mới thoái thác?

Thần xem y tính khí không biết đại thể, lòng dạ bạc bẽo. Lại nghe Lê Duy Kỳ ở kinh thành, tru lục mấy kẻ bạn thần là do mấy kẻ tùy tòng như bọn Lê Quýnh ở bên cạnh xúi bỉnh nên lập tức ngăn Lê Duy Kỳ không cho làm nữa. Lại viết một bài dụ mấy trăm câu, chỉ cho y biết lúc này cần phải đối xử khoan dung, thu phục nhân tâm để an lòng kẻ phản trắc, tuyệt đối không được toan tính chuyện trả thù khiến cho lòng dân phản bạn, thân thích chia lìa.

Lê Duy Kỳ vâng lời, cầm tờ dụ của thần viết đi ra.¹¹⁴

Những lời trên đây của Tôn Sĩ Nghị được viết ra hơn một năm sau, tuy có thể phần nào sự thực nhưng vào lúc Tôn Sĩ Nghị và Phúc Khang An đang xúc xiêm hạ uy tín của Lê Quýnh. Ở thời điểm đó, Lê Quýnh là người cương quyết không chịu khuất phục, gióc tóc thay áo theo ý vua quan nhà Thanh, Nguyễn Huệ [Quang Bình] lại đang trên đường tới kinh đô triều cận nên hai người tìm cách xúi giục vua Càn Long ghét bỏ mà đem Lê Quýnh đi an trí thật xa.¹¹⁵

Một điều chắc chắn là khi vua Lê ở Thăng Long, Lê Quýnh bị sốt rét chữa mãi không khỏi nên về quê dưỡng bệnh. Khi kinh đô thất thủ, Tôn Sĩ Nghị chạy về Tàu, vua Lê và một số tùy tòng

¹¹⁴ Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển XXVI, tr. 1-3

¹¹⁵ Trước đây, vua Càn Long đã ra lệnh cho Phúc Khang An đưa Lê Quýnh lên cho ông gặp nên khi Lê Quýnh không chịu cắt tóc, nhất định đòi về nước họ Phúc sợ rằng Lê Quýnh nếu được diện kiến vua Càn Long sẽ nói những điều mà Phúc Khang An muốn dấu [chẳng hạn việc y cho người về gọi nhóm Lê Quýnh sang Quảng Tây mà vua Càn Long vẫn tưởng rằng do Lê Quýnh tự ý chạy sang]. Phúc Khang An đã tâu lên xin dầy Lê Quýnh đi Tân Cương. Việc này ắt có sự thông đồng của Tôn Sĩ Nghị nên y đã tâu lên như trên.

chạy theo thì không có mặt Lê Quýnh. Về việc này, giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã nhận xét như sau:

... Hoàng Lê Nhất Thống Chí lại chép rằng sau khi Sĩ-Nghị chạy, “Vua Chiêu-thống đương ở trong điện, tiếp được tin báo, ngài kíp cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến rước Thái-hậu chạy. Trưa ngày mồng 6, vua Chiêu-thống đến núi Tam-tàng... Vua và Thái-hậu cùng đi, đến đồn Hoà-lạc, vừa gặp một người thổ hào... Người ấy bèn đi giết gà làm cơm thết đãi. Vua mời Thái-hậu và bảo bọn Quýnh cùng ăn... Vừa tối thì đến ải. Sĩ-Nghị cũng đã đóng quân ở đó... Vua cũng để bọn Quýnh ở lại, bảo họ lên về trong nước chiêu dụ những người trung nghĩa...” Theo lời chép ấy, thì Quýnh cùng chạy với vua và Thái-hậu; từ cung ở Thăng-long cho đến Nam-quan khi nào cũng không rời. Nếu thật thì không lẽ gì Quýnh lại không chép sự ấy, nhất là chuyện vua bảo trở lại mang trọng trách chiêu dụ hào kiệt. Trái lại sau đây ta sẽ thấy Quýnh chép rằng khi Thăng-long mất, Quýnh nằm bệnh ở quê nhà cho nên không biết chuyện ấy liền. Ai chép đúng sự thật? Điểm này theo lý thì chắc rằng Quýnh, vì đang thời nhiều người còn biết chuyện mình rõ ràng, không lẽ Quýnh nhớ sai hoặc cố ý chép sai một việc quan trọng như vậy, nhất là cái việc ấy không làm tổn danh giá mình.¹¹⁶

4.2.3. XUẤT BÔN SANG TRUNG HOA

Trong ngày Tết năm Kỷ Dậu [1789], vua Quang Trung tiến quân ra Bắc đánh tan đoàn quân ngoại nhập, Tôn Sĩ Nghị phải vượt sông chạy về Quảng Tây. Các tướng Hứa Thế Hanh, Thượng Duy Thăng, Trương Triều Long... đều tử trận. [Xem chi tiết trong “Việt Thanh chiến dịch”, biên khảo của NDC]

Theo tấu thư của Tôn Sĩ Nghị, ngày mồng 9 tháng Giêng ông ta chạy được đến Nam Quan nhưng chưa thấy Lê Duy Kỳ đâu cả, chứng tỏ vua Lê thấy Tôn Sĩ Nghị bỏ chạy nên cũng vội vã thu xếp chạy theo nhưng không đi cùng với họ Tôn. *Lịch Triều Tạp Ký* chép:

...Trước đó, quân của Sĩ Nghị thua trận, vội vã tháo chạy, vua Chiêu Thống cũng cười ngửa vượt sông và chạy về Bắc với Sĩ Nghị. Bề tôi của vua chỉ có Nguyễn Viết Triệu¹¹⁷ cầm cương theo hầu. Còn thì đều ở lại bờ sông. Vua Chiêu Thống ngấm sai bề tôi tin cậy là Hoàng Ích Hiếu cấp tốc quay về trong điện, cùng với hoàng đệ Lê Duy Chi [Chi] đưa mẹ con và phi tần của vua ra sông Nhị Hà, vội vàng vượt sông, tìm đường đi gấp để đuổi kịp vua. Nhưng cầu phao bắc qua sông Nhị Hà đã bị đứt, không ai qua được sông. Chi liền trốn lên miền Tây.¹¹⁸

Theo báo cáo của tuần phủ Quảng Tây Tôn Vĩnh Thanh:

Ngày mồng bảy tháng Giêng, lúc giờ thân, đồng tri Minh Giang, uỷ viên Trấn Nam Quan là Phan Chung Liêm khai rằng: Bên ngoài cửa quan có An Nam quốc vương Lê Duy Kỳ gõ cửa xin được thâm nạp. Thân liền ra lệnh cho mở cửa quan để tiếp kiến. Cứ như lời dịch của thông sự, Lê Duy Kỳ được hưởng thiên ân, lấy lại nước, được kế thừa ngôi vua và phong hiệu, thật chẳng khác gì tái tạo. Thế nhưng Nguyễn Huệ ôm hận rất sâu, ắt là sẽ giết để báo thù, tuy quan binh hiện đang hết sức tiểu trừ, bọn chúng chưa thể tiến vào

¹¹⁶ Lê Quýnh “Bắc Hành Tùng Ký”. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II (1998) tr 881-2

¹¹⁷ Người xã Thanh Thủy [tên cũ Thanh Tuyên], Nộn Liễu, Nam Đường, tỉnh Nghệ An làm chức phó đề lĩnh.

¹¹⁸ *Lịch Triều Tạp Ký* (1995), tr. 588-9

kinh thành được nhưng trong bụng hết sức sợ hãi, nên đã dắt mẹ, vợ con chạy trước, trên đường bên tầu, lại lạc mất mẹ và vợ, nay xin được thu nhập vào quan ải.¹¹⁹

Về thời điểm, tài liệu của Thanh triều không ăn khớp với nhau. Sau khi qua khỏi Nam Quan trở về Quảng Tây ngày mồng 9 tháng Giêng, Tôn Sĩ Nghị báo cáo là cho người đi kiếm Lê Duy Kỳ:

Còn như Lê Duy Kỳ thật là vô năng, có mất cũng không có gì đáng tiếc. Có điều y đã được hưởng ân huệ của hoàng thượng, không nên để cho Nguyễn Huệ bắt cho thỏa dạ. Thần đã sai người đến các vùng Lạng Sơn, Nam Quan, tìm hỏi xem mẹ con Lê Duy Kỳ hiện như thế nào, tạm thời đưa về Trung Hoa cho khỏi chết.¹²⁰

Như vậy, ít ra đến ngày mồng 9 tháng Giêng, Tôn Sĩ Nghị vẫn chưa biết Lê Duy Kỳ có chạy được hay không?

Mấy hôm sau, Tôn Vĩnh Thanh [tuần phủ Quảng Tây] lại báo cáo là Lê Duy Kỳ đã nhập quan ngày mồng 7 tháng Giêng, rõ ràng có điều man trá sau khi đã hội ý với Tôn Sĩ Nghị, cố tình ngụy tạo chi tiết để nói dối vua Thanh. Tôn Vĩnh Thanh là thuộc cấp của Tôn Sĩ Nghị, lẽ nào việc Lê Duy Kỳ đã chạy sang Trung Hoa lại không báo cáo lên cho thượng cấp? Và lại nếu như Lê Duy Kỳ chạy sang từ mồng 7 thì quân giữ ải biết ông là ai mà cho ông qua?

Xem lại, chính Tôn Sĩ Nghị và Tôn Vĩnh Thanh đã đồng mưu để vu cáo rằng Lê Duy Kỳ sợ bị Nguyễn Huệ giết, nên bỏ chạy trước làm loạn lòng quân khiến cho thất trận ngũ hầu làm nhẹ tội cho mình. Các chi tiết này cho đến nay vẫn được các sách vở Trung Hoa lập lại một cách máy móc còn quan nhà Thanh thì mập mờ nói rằng vua Lê chạy từ ngày mồng 4 tháng Giêng¹²¹ [nghĩa là trước khi quân Tây Sơn kéo đến] cho phù hợp với những chi tiết khác mà họ ngụy tạo ra.

Sử nước ta chép rằng khi vua Lê gặp Tôn Sĩ Nghị, ông nói:

Tôi làm mất xã tắc, nhục nhã nhờ Tôn đại nhân sang cứu; xiết bao cảm kích. Nay ngài bỏ đi, không dám nài xin nữa. Cúi xin trở về triều được mọi điều may mắn. Tôi xin trở lại đất nước tôi, thu thập dân, lính để lo một phen nữa. Nếu may mà thành công được thì đó là do quan thượng hiển giúp cho, nếu chẳng thành công, thì lại theo xe thượng hiển để chờ xin che chở.¹²²

Lê Quý Dật Sử chép:

Vua Chiêu Thống tới trấn Nam Quan, bèn tôi mới lục tục kéo đến. Vua từ tạ Sĩ Nghị rằng: Xã tắc bị mất, được ngài thương yêu, vâng lệnh đến cứu viện, thật là cảm kích vô hạn. Nay ngài lại bỏ đi, chưa dám nghĩ bao giờ lại được gặp. Cúi mong ngài về triều được hai chữ “vạn phúc”. Cô nguyện trở lại đất nước, thu thập dân binh để mưu tính việc khôi phục. Mong mỗi được dựa vào uy thanh, may ra nên việc thì cũng là do ngài ban cho. Nếu việc không thành, sẽ lại đến nơi ngài cầu xin.

Nghị lấy ngón tay viết vào ván rằng: “Không giết được Quang Bình thì không thôi”(Quang Bình là tên giả của Tây Sơn). Nghị lại nói: “Đã dâng biểu tâu về xin thêm

¹¹⁹ Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển XIII, tr. 9

¹²⁰ Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển XIII, tr. 6

¹²¹ Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển XIII, tr. 8

¹²² Lịch Triều Tạp Ký (1995), tr. 589

*quân, không đầy một tháng thì viện binh sẽ đến. Chốn này gần kề bọn giặc, không tiện cho việc đóng quân, tích lương thảo, nên tạm về Nam Ninh nghỉ ngơi để đợi chiếu chỉ của triều đình. Vua bèn cùng Sĩ Nghị về Nam Ninh.*¹²³

Những chi tiết trên cũng không chắc đã xảy ra nhất là việc Tôn Sĩ Nghị lấy tay viết vào ván đề cho Lê Duy Kỳ đọc vì hai người không cùng chạy một đường và nếu có gặp nhau thì cũng mãi về sau chứ không phải ở Nam Quan. Theo báo cáo của Tôn Sĩ Nghị thì:

Hôm trước thần ở bờ phía bắc sông Phú Lương [tức sông Nhĩ Hà], thấy thế giặc ở bờ bên kia quá dừng mãi, mà các tướng đề trần, chưa thấy về đến bờ sông, hay là đã thất bại rồi nên không triệt hồi được. Vì thế mới tự tay viết một mảnh giấy, sai di nhân [tức người Việt] đem đến bên sông giao lại cho đầu mục của giặc như sau:

*Lần này bản bộ đường phụng mệnh đại hoàng đế, thống lĩnh binh sĩ xuất quan, nguyên chỉ có ý khôi phục kinh đô, để phong vương cho Lê Duy Kỳ. Hiện nay Lê Duy Kỳ đã sợ giặc mà trốn mất rồi. Người đó uỷ mị không có chí khí, không thể tiếp tục giúp đỡ nữa, nên đã triệt binh trở về quan ải. Nếu như Nguyễn Huệ dám giết một quan binh nào chưa kịp xuất quan, thử nghĩ thiên triều có để cho người phạm tội lần nữa mà bỏ qua hay không? Đại hoàng đế sẽ phái đại thần, thống lĩnh vài chục vạn quan binh, bốn đường tiến bình tiểu trừ, không diết được người thì không thôi. Còn như người Nguyễn Huệ đem quan binh đưa trở ra, rồi tự trần tình hối tội các duyên cớ, ấy là biết lẽ thuận nghịch, may ra xin được khoan dung. Hoạ hay phúc cũng là do người tự chọn lấy. Việc đang lúc cấp bách, ta chỉ có mấy lời thôi.*¹²⁴

Như nội dung lá thư này [do Tôn Sĩ Nghị bịa đặt ra vì ông ta sợ truy binh chạy trốn rất gấp rút nên không thể có thì giờ viết thư gửi cho Nguyễn Huệ nên có nhiều điều vô lý] Tôn Sĩ Nghị đã đoán được vua Càn Long không muốn tái động binh nên cũng đã nhắc khéo về việc chấp thuận cầu hòa với Nguyễn Huệ như một chủ trương để dọ ý về một đường lối tiếp theo.

Xét theo tình hình, vua Lê và tông thần chạy qua Trung Hoa thì lý do cụ thể và gần gũi nhất là để được toàn mạng - theo một phản ứng rất bình thường là chạy ngược với phía quân địch tiến - chứ khi đó cũng chưa biết rồi sau này sẽ ra sao? Không phải họ không ý thức được việc người Tàu có những tính toán bất thiện nên trước đây chỉ nhờ nhà Thanh “*đem binh áp cảnh, lên tiếng thanh viện*” nghĩa là động binh ở sát biên giới dọa cho Nguyễn Huệ rút đi trả lại nước cho vua Lê. Những chi tiết này về sau bị lược bỏ không thấy nhắc đến.¹²⁵ Trong nhiều trường hợp, nhà Thanh tìm cách gài dối phương đưa ra những khản cầu hợp với ý của họ rồi điều chỉnh bằng văn thư để cho danh chính ngôn thuận. Trong bang giao với Tây Sơn họ cũng áp dụng những biện pháp tương tự và nếu không đối chiếu nhiều tài liệu khác nhau, chúng ta khó có thể biết được sự thực ẩn phía sau.

Cũng theo tài liệu của Việt Nam, Tôn Sĩ Nghị liền giữ vua Lê lại nói cứng là đang trình lên để xuất quân lần thứ hai. Những lời nói đó nếu có thực thì cũng chỉ là việc xoa dịu mặt ngoài cho qua chuyện, vì khi Tôn Sĩ Nghị thua chạy về, trong vai trò tổng đốc Lưỡng Quảng cũng như tiết chế binh mã, ông ta còn phải đối phó với rất nhiều vấn đề cấp bách như di chuyển số quân lính

¹²³ *Lê Quý Dật Sử* (1987), tr. 88

¹²⁴ *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển XIII, tr. 7

¹²⁵ Rất nhiều chi tiết ghi trong sử Việt được chép lại từ sử nhà Thanh, có lẽ vì Sử Quán nhà Nguyễn đã tham khảo một số sách vở của Trung Hoa, vốn dĩ đã bị san định theo chủ trương của họ.

sống sót, chuyên chở quân trang, khí giới về nước, kiểm điểm thiệt hại, bố trí phòng ngự... và nhất là e ngại con thịnh nộ của vua Càn Long đổ lên đầu một nguyên soái thất trận. Trong nhiều tháng liền, Tôn Sĩ Nghị, Phúc Khang An và các cấp phủ, bộ đều phải lo việc hậu chiến, còn vua tôi Lê Duy Kỳ thì được cung cấp một nơi sinh sống [từ ngữ nhà Thanh gọi là an tháp] chứ không hề được gặp quan lại nhà Thanh. Những điều người trong nước tường thuật về diễn biến cuộc đời lưu vong chỉ dựa theo suy đoán, tin đồn và tưởng tượng.

Về phía nhà Thanh, những gì địa phương báo cáo lên triều đình hoàn toàn có tính cách nội bộ, người ngoài không ai được biết. Chính vì thế chỗ nào đúng, chỗ nào sai cũng đều chỉ trong phạm vi riêng một phía. Chỉ có khi nào mà chúng ta có chứng cứ rõ ràng hơn mới có thể đối chiếu để vạch ra những điều thiếu chính xác nhưng việc đó không phải dễ dàng gì.

PHẦN V

BANG GIAO THANH – VIỆT HẬU CHIẾN

5.1. TRƯỚC KHI THANH TRIỀU CÔNG NHÂN TÂY SƠN

Trong khoảng hai tháng sau khi thua trận tại Thăng Long, Thanh triều tập trung giải quyết những vấn đề liên quan đến chiến dịch, đối ngoại chủ yếu là bảo vệ biên giới để phòng quân Tây Sơn đánh sang Trung Hoa, đối nội đặt trọng tâm vào việc tổng kết thiệt hại trong chiến dịch để báo cáo lên triều đình và cũng chưa đưa ra được một chủ trương cụ thể phải đối phó với triều đình Quang Trung như thế nào? Lý do dễ hiểu là vì tin báo về triều phải hạ tuần tháng Giêng mới tới tay vua Càn Long và thư trả lời cũng cần một thời gian nữa mới tới Quảng Tây. Quyết định đầu tiên của vua Thanh là điều động Phúc Khang An, khi đó đang là tổng đốc Mân – Triết sang làm tổng đốc Lưỡng Quảng thay Tôn Sĩ Nghị để lấy lại quân uy và chủ trì cách thức giải quyết.

Phúc Khang An rất khôn ngoan, biết rằng vua Càn Long có ý chủ hòa nên đưa ra một tiêu chí sáu chữ “*dưỡng quân uy, tôn quốc thể*” làm then chốt trong việc đàm phán để giúp vua Cao Tông có thể trút bỏ biện pháp quyết liệt vốn dĩ ông không mấy thiết tha, tuy vẫn nói cứng rằng “*quốc gia đang hồi toàn thịnh, trong ngân khố có đến 60 triệu lượng bạc, dù phải tiêu 30 triệu lượng để đánh An Nam thì cũng không ngại*”.¹²⁶

Trong thời điểm còn nhiều công tác qui mô và quan trọng hơn, đối với nhà Thanh nhóm vua Lê và bầy tôi chỉ là một chuyện phụ thuộc không đáng lưu tâm. Họ được cung cấp nơi ăn chốn ở nhưng chưa hẳn đã vì ưu đãi mà chỉ theo chính sách chung của Thanh triều và dự phòng dùng họ như một thứ con tin để điều đình với Tây Sơn hơn là vào mục tiêu tiến quân lần thứ hai như Lê Duy Kỳ mong đợi. Những tài liệu của nhà Thanh cho thấy vua Lê và người theo ông đã bị gạt ra ngoài ngay khi chiến tranh vừa chấm dứt.

5.1.2. ĐỐI VỚI TÂY SƠN

5.1.2.1. ĐÀM PHÁN SƠ KHỞI

Về tiến trình bang giao Thanh – Việt sau chiến tranh, sử triều Nguyễn chép:

... Kịp khi Tôn Sĩ Nghị nương nhau chạy về bắc, những sắc thư mang theo rơi bỏ ở dọc đường. Vua Quang-trung Nguyễn Huệ thu được, nói với Ngô Nhậm rằng: “Ta xem sắc thư của vua Thanh, chẳng qua hấn xem mạnh yếu mà binh bên này bên kia vậy. Việc bảo tồn nhà Lê không phải do bản tâm, hấn chuyên mượn đó làm danh nghĩa mà sự thật là mưu đồ tư lợi mà thôi. Nay sau một trận bại binh hấn ắt lấy đó làm nhục hấn là không chịu thôi nghỉ. Nhưng hai nước giao binh cũng không phải là cái phúc của nhân dân. Nay chỉ có khéo léo ở lời thù tiếp ngoại giao mới có thể dứt được mối binh đao. Việc đó phải được Khanh chủ trương.”

... Vừa lúc ấy quan Tả-giang binh bị đạo Thanh (Thang) Hùng Nghiệp gửi thơ đến, đại lược nói: “Lê Duy Kỳ bỏ nước mà trốn, Thiên triều quyết không đem nước An-nam cho y nữa. Hãy thừa lúc trước khi chưa vâng dụ chỉ, uỷ thác người gõ cửa quan kêu xin ngô hầu có thể ngưỡng cầu ân điển.”

¹²⁶ *Khâm Định An Nam Kỷ Lược*, quyển XV, tr. 19

*Vua Quang-trung Nguyễn Huệ được thơ, biết người nhà Thanh (Tàu) muốn giảng hoà thì lòng đã khinh dể họ, bèn sai tướng Hồ-hổ Hầu dâng biểu xin làm An-nam Quốc-vương.*¹²⁷

Có thể nói việc Nguyễn Huệ được phong làm An Nam quốc vương như vậy thật dễ dàng, tương tự như một trò đùa bỡn. Thực tế, trong lịch sử nước ta, việc được triều đình Trung Hoa công nhận thường trải qua nhiều thủ tục rắc rối, thử thách nhiều khi nên có khi mất hai ba năm trước khi được họ ban cho một danh hiệu và một quả ấn.

5.1.2.2. QUAN ĐIỂM PHÍA NHÀ THANH

Khi từ bỏ nhà Lê để công nhận Nguyễn Huệ, chính vua Càn Long cũng biết rằng nếu như họ cố gắng bằng mọi giá để tái lập vua Chiêu Thống thì bước đầu cũng có thể thành công nhưng việc duy trì một triều đình ở An Nam thì lại là chuyện khác. Dù không có một Nguyễn Huệ ngày hôm nay thì trong tương lai cũng sẽ lại có một hay nhiều Nguyễn Huệ nổi lên và sớm muộn nhà Lê cũng mất. Còn nếu như thừa cơ đánh chiếm nước ta làm quận huyện, thì việc duy trì một đạo quân viễn chinh thường trực và một bộ máy hành chính cai trị cũng phức tạp không kém, hao tiền tốn của mà rồi cũng sẽ bị đánh đuổi khiến thiệt hại về tài lực, vật lực sẽ còn cao hơn gấp bội.

Ngay từ đầu, Thanh triều biết rằng trước sau gì cũng phải công nhận một người làm chủ nước Nam nên họ tính toán thế nào để có lợi nhất. Kinh nghiệm Miến Điện cho thấy nếu đối phương tỏ thái độ bất cần, ngang ngược thì việc động binh cũng chẳng đi đến đâu. Ở An Nam, nhà Thanh có lợi thế hơn vì nước ta thần phục Trung Hoa trong nhiều triều đại, nhiều thế kỷ, lại chịu ảnh hưởng sâu rộng văn hóa và học thuật của người Tàu nên vốn sẵn có tập quán nội phụ vào phương bắc.

Bỏ đi những hình thức bề ngoài, đứng trước chọn lựa giữa hai đối tượng - Nguyễn Huệ và Lê Duy Kỳ - chúng ta thấy việc nhà Thanh chọn Nguyễn Huệ không phải là việc khó suy nghĩ. Điều quan trọng chính là làm sao để Nguyễn Huệ cũng đi đúng như con đường Thanh triều muốn Lê Duy Kỳ tuân thủ.

Ngay từ cuối tháng Giêng năm Kỷ Dậu – vua Càn Long đã mật dụ cho Phúc Khang An [người được bổ nhiệm làm tổng đốc Lưỡng Quảng thay Tôn Sĩ Nghị làm tổng đốc Lưỡng Quảng nhưng chưa tới nhiệm sở mới] trong đó có đoạn như sau:

¹²⁷ Nguyên văn *Liệt Truyện* quyển XXX như sau:

...及穀狼狽北走，所帶敕書遺棄于道。惠得之語吳壬曰：

我看清帝敕書不過視強弱為左右耳。存黎之舉非出本心，特假此為名而寔圖自利而已。今一敗之後必以為恥斷不干休，但兩國交兵亦非生民之福。今惟有善於辭令方能弭得兵端。此事須卿主之。

...適左江兵備道湯雄業移書略言黎維祁棄國而逃，天朝斷不復以安南畀之可趣此未奉諭旨之前委人叩關籲求庶可仰邀恩典。惠得書知清人欲講和，心易之乃使其將喀虎侯遞表求為安南國王。

(...Cập Nghị lang báo bắc tầu, sở dĩ sắc thư di khí vu đạo. Huệ đắc chỉ ngữ Ngô Nhâm viết:

Ngã khán Thanh đế sắc thư bất quá thị cường nhược vi tả hữu nhĩ. Tôn Lê chi cử phi xuất bản tâm, đặc giả thử vi danh nhi thực đồ tự lợi nhi dĩ. Kim nhất bại chi hậu tất dĩ vi sỉ, đoạn bất can hưu, dẫn lưỡng quốc giao binh diệc phi sinh dân chi phúc. Kim duy hữu thiện ư từ lệnh phương năng nhĩ đắc binh đoàn. Thử sự tu khanh chủ chi.

... Thích Tả giang binh bị đạo Thang Hùng Nghiệp di thư lược ngôn: “Lê Duy Kỳ khí quốc nhi đào, thiên triều đoán bất phục dĩ An Nam tí chi khả sấn thử vị phụng dụ chỉ chi tiền uỷ nhân khẩu quan dụ câu thứ khả ngưỡng yêu ân điển.” Huệ đắc thư tri Thanh nhân dục giảng hoà, tâm dị chi, nãi sử kỳ tướng Hồ Hổ Hầu đệ biểu cầu chi An Nam quốc vương. *Nhà Tây Sơn*, sđd., tr. 145-7

Lúc này bọn Nguyễn Huệ tự biết rằng làm tổn thương đến quan binh là đã gây nên tội cực lớn, [hẳn là] sợ thiên triều cử đại binh tiêu trừ, ắt sẽ sai người đến cửa quan chịu tội xin hàng. Phúc Khang An và Tôn Sĩ Nghị đều là phong cương đại thần [đại thần trấn nhậm nơi biên giới], vậy phải nên nghiêm khắc. Nếu [Nguyễn Huệ] nhiều lần sai người đến gõ cửa cầu khẩn với vẻ cung thuận thì đợi tới lúc đó hãy tâu lên, trăm sẽ tùy cơ mà hành sự.

Huống hồ hiện nay quốc gia đang toàn thịnh, Nguyễn Huệ chỉ là một thổ mục đất An Nam, nếu đem binh hội tiêu, đánh vào sào huyệt bắt lấy thủ lĩnh thật không khó gì. Thế nhưng xứ này vốn nhiều chương lệ, nếu thu nhập bản đồ [sáp nhập vào lãnh thổ của họ] như đã làm ở Tân Cương [tức là chiếm nước ta], thì phải phân phối rất đông viên chức trấn thủ, mà tiền thuế thu được ở xứ này chẳng đủ kinh phí.

Huống chi An Nam dân tình phản phúc, trước đây những nước thắng được họ [tức là các triều đại Hán, Minh...] lấy làm quận huyện, chẳng bao lâu cũng sinh biến cố, trong lịch sử đã có gương xe đổ rồi [nên bây giờ chẳng nên đi theo vết cũ].

Trẫm suy đi tính lại, không nên làm lớn chuyện mà nên mở cho họ một đường thoát, nếu như thành khẩn sợ tội thì không phải hao binh lực, việc xong mà mọi sự đều thành. Phúc Khang An không thể không biết ý đồ của trẫm.¹²⁸

Trong mấy tháng đầu tiên, Thanh đình đưa ra hai chủ trương, bề ngoài chỉ thị cho Tôn Sĩ Nghị tiếp tục cứng rắn để dò xét phản ứng của đối phương, bề trong chỉ thị cho Phúc Khang An chuẩn bị một biện pháp uy hiếp để chiếm lấy ưu thế trong thương lượng. Trong một thời gian ngắn, tại Quảng Tây có mặt cả Phúc Khang An lẫn Tôn Sĩ Nghị, thay phiên tung hứng để làm áp lực với triều đình Quang Trung. Vua Càn Long cũng ra lệnh cho các tỉnh dọc theo biên giới phía nam tăng cường canh phòng vừa để đối phó với một cuộc chiến vượt biên giới nhưng cũng bắn tiếng rằng việc họ chuẩn bị động binh là có thực.

Để xem thái độ Đại Việt, nhà Thanh làm như tức giận bác khước mọi đề nghị của nước ta bằng một thái độ trịch thượng, hống hách. Lần thứ nhất, ngày 20 tháng Giêng họ ném trả tờ biểu cầu hòa. Lần thứ hai, ngày mùng 9 tháng Hai, họ hoạnh hộc sao chưa trả tù binh, lại hăm dọa đang chuẩn bị đem quân sang lần nữa. Sau khi xem biểu văn, Thang Hùng Nghiệp đưa ra điều kiện họ chỉ chuyển lên vua Càn Long khi số tù binh được trả về. Lần thứ ba, ngày 21 tháng Hai, vua Quang Trung cho người mang biểu văn và ngày 22 tháng Hai đưa lên Nam Quan 500 tù binh, bao gồm 300 binh lính và 200 phu dịch.¹²⁹ Trong suốt thời kỳ đàm phán sơ khởi này, hai sứ thần nước ta là Nguyễn Hữu Trù và Vũ Huy Phác [Tân] đã phải chạy đi, chạy lại từ Thăng Long đến Lạng Sơn bảy lần mới đạt được kết quả.

Tuy bên ngoài như thế, một trong những tiêu điểm của trao đổi là ép vua Quang Trung bằng lòng sang tham dự lễ bát tuần khánh thọ của vua Càn Long vào năm sau. Hàng năm nhà Thanh vẫn thường tiếp đón những phái đoàn phiên thuộc và các vương công, thái cát như Mông Cổ, Tân Cương, Tây Tạng... nhưng trong kỷ đại lễ vô tiền khoáng hậu này, vua Thanh khao khát muốn có một quốc vương ngoại phiên tham dự. Trước đây, khi lập Lê Duy Kỳ lên làm An Nam quốc vương, vua Lê đã tự nguyện sang triều cận nhưng nay không còn là Lê Duy Kỳ nữa nên quan lại nhà Thanh phải tìm đủ cách để vua Quang Trung sẽ thay thế vị trí của vua Chiêu Thống.

¹²⁸ *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển XIV, tr. 1-2, dụ ngày 27 tháng Giêng năm Kỷ Dậu

¹²⁹ *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển XVI, tr. 13

5.1.2.3. PHẢN ỨNG PHÍA ĐẠI VIỆT

Có thể nói vua Quang Trung đã chủ trương cầu hòa với nhà Thanh rất sớm, sớm hơn mọi dự liệu mà dân Bắc Hà có thể tưởng tượng được. Ngày 20 tháng Giêng năm Kỷ Dậu [14-2-1789], triều đình Tây Sơn sai người đến Nam Quan dò ý nhà Thanh về việc tình nguyện nạp cống và thông báo cho đối phương biết về tình hình những quan binh của họ bị bắt hiện đang giam giữ tại Thăng Long.¹³⁰

Việc xúc tiến giảng hòa một cách gấp rút và đơn phương có nhiều nguyên nhân phức tạp. Trước hết, vua Quang Trung cần có một vị thế trong mô hình chính trị thiên triều – phiên thuộc mà người Việt đã tuân thủ hàng nghìn năm qua. Bất cứ một ông vua nào của nước ta cũng cần sự công nhận của Trung Hoa để được coi như một dòng chính thống. Đối với những vị vua sáng nghiệp, mở nước, việc cầu phong lại càng quan trọng nhất là sau khi có chiến tranh để lấy lại nước [từ chính Trung Hoa] như nhà Lê, nhà Tây Sơn. Chính vì thế, tuy là phía chiến bại, Thanh triều vẫn có lợi điểm “*nước lớn*” để khai thác trong việc đàm phán. Và lại, vua Quang Trung cũng có những khó khăn phải giải quyết nên việc cầu hòa là thông lộ quan yếu nhất để hóa giải những mâu chốt phải vượt qua.

Thứ nhất, tuy đánh bại quân Thanh trong một cuộc chiến ngắn ngủi, vua Quang Trung cũng nhận ra rằng ngoài những kẻ thù đã có sẵn – kẻ cả anh ông là Nguyễn Nhạc – nay ông lại phải đối diện với một cường địch rất lớn về vật chất cũng như tinh thần. Có thể nói Nguyễn Huệ rơi vào thế tứ bề thọ địch trong khi ông không có một đồng minh nào, ngoài một vương quốc Bắc Hà tan hoang còn nhiều vấn đề thực tế phải giải quyết.

Để tìm kiếm hòa bình, Nguyễn Huệ đã kịp thời tận dụng được thành phần sĩ phu Bắc Hà, vốn có sở trường về văn mực, hiện lẩn trốn và còn đang hoang mang vì không biết số phận mình sẽ ra sao.

Ngay trong tháng Giêng năm Kỷ Dậu, Nguyễn Huệ đã tập trung, mời gọi - theo lối trọng đãi nhân tài cũng có mà ngậm cường bách cũng có - rất nhiều danh sĩ. Những nhà nho đó nếu không được Nguyễn Huệ biết tới thì tên tuổi cũng mai một như hàng trăm tiến sĩ, cử nhân khác trong lịch sử. Theo *Lịch Triều Tạp Ký*, những người đầu tiên được triệu dụng là Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thế Lịch, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn, Đào Xuân Lãng...¹³¹

Chỉ nửa tháng sau khi trận đánh kết thúc, phái đoàn giảng hòa đã có mặt ở Trấn Nam Quan với ba sứ thần Nguyễn Hữu Trù, Vũ Huy Phác [Tấn], Nguyễn Ninh Trực trong một thái độ hết sức mềm dẻo¹³². Chính vì được sử dụng đúng sở trường của họ, những danh nho miền Bắc đã có dịp chứng tỏ khả năng “*lấy ngọc lụa thanh cho gương giáo*” và làm nổi bật niềm tự hào mà sau này chính vua Càn Long đã phải khen ngợi nước ta là “*văn hiến chi bang*”. Hiện nay, trong văn khố nhà Thanh và rải rác các sử liệu, chúng ta còn tìm thấy nhiều văn kiện đặc sắc trong khuôn mẫu ngoại giao thời Tây Sơn.

Thứ hai, Nguyễn Huệ biết rằng muốn làm nguôi nổi nước ở trên bếp, việc đầu tiên là phải rút bớt củi ra. Do đó, ông đã đề ra một chính sách đối xử rất nhân đạo đối với những thương binh, tù binh bị bắt. Ông lại tự ý trả những người bị bắt trước khi nhà Thanh có những yêu sách và vô

¹³⁰ *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển XIV, tr. 11

¹³¹ *Lịch Triều Tạp Ký* (1995), tr. 591

¹³² Nếu có mặt ở Nam Quan vào hạ tuần tháng Giêng, việc chuẩn bị về đường lối ngoại giao chắc phải được xúc tiến rất sớm, trước hay ngay sau trận đánh ở Thăng Long.

hành trung, những tù binh đó lại trở thành những sứ giả hòa bình khi họ ca tụng lòng nhân đạo và thái độ rộng rãi của nước Nam, khác hẳn với lối tàn sát lương dân vô cơ của Tôn Sĩ Nghị. Tuy phía Thanh triều luôn luôn đề cao sự thần phục của nước ta là do tự nguyện nhưng trong các văn thư bán chính thức, nhiều vấn đề gai góc từ phía Đại Việt không khỏi khiến cho quan lại nhà Thanh hoảng hốt.

Vua Quang Trung cũng chấp thuận những đề nghị mang tính “*rửa mặt*” cho nhà Thanh, vừa nêu cao tính độ lượng, vừa xoa dịu tự ái để đánh đổi lấy những đặc quyền to lớn hơn. Hai trong số công tác đó là lập trai đàn để tế các tướng sĩ trận vong mà các bài văn tế (chữ Hán và chữ Nôm) nay còn lưu giữ được. Ông cũng cho xây một đền thờ các tướng nhà Thanh tử trận trong đó bao gồm đề đốc Hứa Thế Hanh, hai tổng binh Thượng Duy Thắng và Trương Triều Long.¹³³

5.1.3. BƯỚC NGOẶT TRONG CHÍNH SÁCH THANH TRIỀU

Khi Phúc Khang An đáo nhậm tổng đốc Lưỡng Quảng thay Tôn Sĩ Nghị [giữa tháng Ba năm Kỷ Dậu], ông ta đã nắm vững chủ trương của vua Càn Long nên tiếp tục đường lối dọa nạt của Tôn Sĩ Nghị. Ngoài ra, Phúc Khang An còn đi xa hơn trong việc kiềm chế cả phe Lê Duy Kỳ lẫn phe đối địch là vua Quang Trung. Tuy bề trong chủ hòa, bên ngoài Phúc Khang An vẫn gióng tiếng rằng sẽ điều bốn lộ binh sang đánh nước ta. Trong công tác chiến tranh tâm lý đó, vua Lê và những người chạy theo vẫn tưởng rằng họ còn một vai trò khi nhà Thanh đi bước kế tiếp.

Đọc lại một số thơ văn của những người theo vua Lê sang Tàu thời đó ta thấy họ vẫn lạc quan, tin rằng nếu Thanh triều không thương một dòng họ thần phục lâu năm thì cũng sẽ hưng binh văn tội, rửa nhục bại binh.

Tháng Năm năm Kỷ Dậu, Phúc Khang An sai một người anh họ [biểu huynh] của Lê Quýnh là Lê Trình¹³⁴ bí mật về nước tìm Lê Quýnh dụ họ sang Trung Hoa nói rằng họ Phúc muốn gặp để “*bàn quốc sự*”. Trong tình hình đang mong chờ Thanh triều cứu viện lần thứ hai, Lê Quýnh cho rằng “*bàn quốc sự*” đồng nghĩa với tính toán việc quân cơ nên đã cùng 28 đồng chí phẫn khởi lên đường. Khi nhóm người này vượt biên giới sang đất Thanh, họ được cho tạm trú, sống biệt lập nhưng không có cơ hội nào để gặp Phúc Khang An như dự tính. Việc câu lưu được nhóm Lê Quýnh khiến cho lực lượng phù Lê ở trong nước tạm thời nằm im đái biến lại cũng là một uy hiếp ngầm triều đình Tây Sơn rằng một lực lượng lưu vong mưu tính phục quốc đang ở nội địa là có thực.

5.1.3.1. CẦU PHONG

Những diễn tiến thuận lợi đó không những làm dịu đi tình hình căng thẳng và xóa dần hiểm họa chiến tranh mà lại đóng góp tích cực vào việc ổn định chính trị của Bắc Hà. Nhà Thanh không những công khai khẳng định việc từ bỏ ủng hộ các tông vong nhà Lê mà trong một số trường hợp còn giúp cho Nguyễn Huệ loại trừ được những nguy cơ bạo loạn mà không phải đổ máu. Việc đối xử với vua Chiêu Thống theo từng bước khác nhau tùy thuộc vào những biến chuyển trong chính sách ngoại giao nhưng vì không biết được điều đó nên người ngoài vẫn coi là một việc “*đánh lừa*” hay ngẫu nhiên xảy đến.

¹³³ Việc này có thực vì chính sứ thần sang phong vương cho vua Quang Trung là Thành Lâm đã đến đây chủ tế trước khi về nước có đại tư mã Ngô Văn Sở và một số quan viên tham dự.

¹³⁴ *Khâm Định An Nam Ký Lược* quyển XXV, tr. 8 viết là Lê Huy Giản [黎輝琰]

Đối với Thanh triều, vấn đề An Nam không phải chỉ là chuyện tùy tiện làm theo cảm hứng nhất thời. Điều cốt lõi là xây dựng một tương quan của chính sách thiên triều – phiên thuộc nên họ Lê hay họ Nguyễn làm chủ nước chỉ là bề mặt. Công nhận vua Quang Trung giúp Thanh triều không phải tái động binh trong một cuộc chiến tốn phí mà vẫn có một phen giàu ổn định.

Trong thời điểm ấy, việc quan trọng nhất không phải là những đòi hỏi có tính rửa mặt như trao trả tù binh, lập miếu thờ tướng nhà Thanh tử trận hay khấu đầu xưng thần mà làm sao ép được vua Quang Trung đi theo bước chân vua Chiêu Thống: đích thân sang Bắc Kinh dự lễ bát tuần khánh thọ năm Canh Tuất. Để đạt được mục tiêu đó, vua Càn Long ra lệnh cho Phúc Khang An thi hành đúng theo chính sách “*ki mĩ*”, vừa cương vừa nhu, nằm trong sáu chữ “*dưỡng quân uy, tôn quốc thể*”.

Việc thương lượng đó qua lại khá lâu tuy không hẳn đã xuôi chèo mát mái như nhà Thanh miêu tả là Nguyễn Huệ vui vẻ nhận lời ngay từ đầu¹³⁵. Dưới áp lực ngoại giao, hai bên đã ngầm đồng ý là phải có một phái đoàn mang tính cách dò đường trước nên Nguyễn Huệ đã sai cháu là Nguyễn Quang Hiến – trong vai trò một sứ giả đem biểu cầu phong lên kinh đô.

5.1.3.2. PHÁI BỘ NGUYỄN QUANG HIẾN

Việc đưa một phái bộ sang cầu phong và nhận sắc ấn là một trường hợp đặc biệt trong lịch sử bang giao Trung Hoa – Việt Nam. Phái bộ Nguyễn Quang Hiến được tiếp đón bằng một nghi thức khác thường. Ông không phải chỉ là một sứ thần mà là một đại diện chính thức của vua Quang Trung – nói theo ngôn ngữ ngoại giao của nhà Thanh là “*tuy đại do thân*” [雖代猶親] (tuy thay mặt nhưng cũng như chính mình vậy). Theo như lời khai, Nguyễn Quang Hiến là đích trưởng diệt [cháu lớn nhất dòng chính], con của anh cả vua Quang Trung là Nguyễn Quang Hoa đã mất sớm nên cũng không khác gì con trưởng của Nguyễn Huệ.

Nhà Thanh cũng sắp xếp nghi lễ để khi Nguyễn Quang Hiến sang Nam Quan “*thay mặt vua Quang Trung đến dâng biểu cầu hàng*” rồi sau đó sẽ “*đích thân lên kinh đô để chứng tỏ sự thành tâm qui phục*”. Chính việc này cũng khiến cho vua Thanh tự hào là việc các triều đại trước phải “*đưa người vàng thay mặt*” [đại thân kim nhân] thật đáng khinh bỉ [vì chỉ là hình thức giả dối] không phải như Nguyễn Huệ qui phục một cách thành tâm. Theo *Khâm Định An Nam Kỷ Lục*:

Đến giờ Dần ngày hôm đó [19 tháng Tư năm Kỷ Dậu], bọn thần ra lệnh cho tướng sĩ ở cửa quan bày thành đội ngũ, cấm cờ xí, lại cung thiết hương án ở Chiêu Đức Đài, chuẩn bị hành lễ. Khi đó Nguyễn Quang Hiến dẫn tùy tùng vài trăm người đã chờ sẵn ở quan ngoại. Bọn thần Phúc Khang An ra lệnh cho Thang Hùng Nghiệp truyền lệnh cho Nguyễn Quang Hiến đem theo 6 người di quan, một người thông sự và 60 tùy tùng tiến quan. Những người còn lại đều phải chờ ở ngoài quan.

Đến giờ Thìn, Thang Hùng Nghiệp đưa Nguyễn Quang Hiến tiến vào, di quan bưng tờ biểu đi trước. Khi đến Chiêu Đức Đài, Nguyễn Quang Hiến dẫn các di quan hướng về phương bắc hành tam qui cửu khấu lễ. Bọn thần ở đằng sau Chiêu Đức Đài tiếp nhận biểu văn, bọn Nguyễn Quang Hiến vào trong đình hành nhất qui tam khấu lễ, rồi khom lưng đứng sang một bên...

Nguyễn Quang Hiến nghe thế quì mọp xuống, nói rằng tôi là đích trưởng diệt [cháu lớn nhất thuộc dòng chính], Nguyễn Huệ nuôi dạy như con. Cha tôi là Nguyễn Quang Hoa

¹³⁵ Xem thêm bản dịch “Đại Việt Quốc Thư” của Nguyễn Duy Chính.

[阮光華] *mất sớm, chú thứ hai là Quang Nhạc [光岳], hiện ở Quảng Nam, chú thứ ba là Quang Bình [光平] tức Nguyễn Huệ, chú thứ tư là Quang Thái [光泰] cũng sống ở Quảng Nam, trên núi Tây Sơn.*

Chú tôi Quang Bình vốn có liên hệ hôn nhân với họ Lê chứ thực không có phận vua tôi. Chỉ vì Lê Duy Kỳ vô đạo đến nỗi làm nhục đến thiên binh. Chú tôi gặp lúc rủi ro, gặp chuyện như thế đành phải kháng cự quan binh, chuyện rành rành có nói mấy cũng không xong nên từ tháng Giêng năm nay ở Lê thành, ăn ngủ không yên, tác lòng không thể nào chỉ tâu lên mà biện bạch được...

Khi ra đi, chú tôi bảo tôi thay mặt bẩm lên, dặn đi dặn lại với tôi rằng. Người nước nhỏ chúng ta ai ai cũng biết kính trời, mà đại hoàng đế tức là trời vậy. Nếu ai đắc tội với trời thì họa sẽ đến thân, lây đến cả nước. Khi người gặp đốc phủ hãy lập tức xin được tiến kinh chiêm cận thiên nhan đại hoàng đế. Những vàng bạc phương vật đem tiến mang theo không phải là cống phẩm mà chỉ để tiêu biểu mà thôi.

Nếu như lần này tấm lòng thành thực hối tội được đại hoàng đế chấp thuận cho đầu hàng thì ơn chẳng khác gì tái tạo, sẽ kính cẩn giữ lệ chức cống, được dự vào cuối bảng phiên phong. Đợi đến khi nào trong nước mọi việc đã tạm yên sẽ hối hả lên kinh khuyết, rập đầu trước đại hoàng đế xin tha cho cái tội vô cùng, ban cho cái phúc vô cùng để đời đời con cháu mãi mãi được dự vào vương hội thì thật không gì vinh hạnh bằng.¹³⁶

Sau khi đem biểu sang, Phúc Khang An liền cho dịch trạm hỏa tốc đưa lên kinh để vua Càn Long chính thức chấp nhận cầu phong của Nguyễn Huệ đồng thời cho phép Nguyễn Quang Hiển lên kinh đô nhận sắc và ấn đem về.

5.1.1. ĐỐI VỚI NHÀ LÊ

5.1.1.1. THU NHẬN NHỮNG NGƯỜI CHẠY QUA

Chỉ sau khi việc bang giao với nước ta được định hình, Thanh triều mới bắt đầu đề cập đến những người nhà Lê chạy được sang Trung Hoa. Trước đó họ chỉ được cung cấp một chỗ ăn ở nhưng không có những chi tiết cụ thể – hay đúng hơn – chính sách đối với họ còn bỏ ngõ. Nói chung hầu như trong những tháng đầu, những ai chạy sang Trung Hoa đều được tạm thu nhận, sau đó mới phân loại và xử trí tùy theo thành phần, tùy theo trường hợp. Binh lính và phu phen nhà Thanh dĩ nhiên được ưu tiên nhưng ngoài ra cũng có cả dân chúng, xưởng dân [người Thanh trốn sang làm nghề khai mỏ ở nước ta] và một số thổ hào. Những người chạy theo vua Lê hay từng giúp đỡ cho quân Thanh sợ bị trả thù cũng đều được cho vào để tránh sự truy sát của Tây Sơn.

Một số đông trong thành phần này về sau thấy sống ở Trung Hoa không thoải mái, nhất là những người bị đưa đi khá xa nơi những vùng hoang vu, lạnh lẽo đều xin trở về nước khi nhà Thanh thỏa hiệp với vua Quang Trung cho phép họ trở về mà không bị bắt tội. Việc “*vượt biên*” sang Trung Hoa còn kéo dài đến tận đời vua Cảnh Thịnh tuy rằng càng về sau càng thưa thớt dần và mỗi người lại có những lý do riêng.

¹³⁶ Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển XIX, tr. 15-7

Theo tổng kết sơ khởi, nhóm nhà Lê đầu tiên chạy được sang Trung Hoa vào khoảng hơn 20 người¹³⁷ [nhưng chưa có mẹ và con vua Lê].

Cuối tháng Giêng, số người sang được Quảng Tây bao gồm:

- Mẹ và con vua Chiêu Thống (Nguyễn thị Ngọc Tố và Lê Duy Thuyên)
- Hoàng Ích Hiểu, phiên mục Cao Bằng, tước Định Quận Công
- Nguyễn Quốc Đống, người xã Tì Bà, huyện Lang Tài [anh của vương phi Nguyễn Thị Kim]
- Phạm Như Tùng, người Thư Trì, đề lĩnh
- Lê Hân, người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường
- Phạm Đình Thiện, người xã Bác Trạch, huyện Chân Định
- Lê Văn Trương, người xã Nghĩa Đồng, huyện Nam Đường
- Lê Quý Thích, người xã Đồng Bằng, huyện Yên Định¹³⁸

Đến tháng Ba, báo cáo nhà Thanh ghi nhận thêm những tên sau đây:

- Phan Khải Đức
- Nguyễn Đình Bái
- Hoàng Đình Cầu
- Nguyễn Đình Liên
- Nguyễn Hiền

Đến tháng Tư, Phúc Khang An lại tâu lên có thêm những người sau đây:

- Lê Duy Án (con út vua Hiến Tông, chú của Lê Duy Kỳ) tước Trung Quận Công
- Lê Duy Trọng (thân tộc nhà Lê)
- Lê Duy Doanh (thân tộc nhà Lê)
- Trần Đắc Bôi
- Nguyễn Đình Hoa
- Đặng Kim Huân
- Nguyễn Đình Dung
- Vũ Xuân Bình
- Phan Khải Tích
- Phan Mạnh Hiền...

Theo báo cáo của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh thì số người qua tị nạn được tạm trú ở Quế Lâm là 376 người.¹³⁹

¹³⁷ *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển XIII, tr. 9

¹³⁸ *Lịch Triều Tạp Ký* (1995), tr. 589

5.1.1.2. BỐ TRÍ SINH SỐNG

Những người sang được Trung Hoa không được ở gần nhau mà chia ra nhiều địa phương mỗi nơi một ít. Tuy nhiên, những người có họ hàng, thân thiết thì được ở gần nhau. Một số người đầu tiên theo vua Lê lên Bắc Kinh nhưng về sau cùng nhau đồng mưu xin được can thiệp để Nguyễn Huệ nhường cho một mảnh đất ở biên giới làm chỗ dung thân nên bị Thanh triều trừng phạt, vua Lê bị tước hết chức vụ, lương bổng, bọn Hoàng Ích Hiểu bị đày đi xa.

Riêng nhóm Lê Quýnh vì không chịu cắt tóc thay áo nên bị giam trong ngục của bộ Hình, đến khi vua Gia Khánh chính thức cầm quyền mới được thả ra.

5.1.2. THỂ PHÁT CẢI PHỤC

Trong thời gian chờ đợi đó, nhà Thanh công khai cho nhóm nhà Lê biết họ không còn vai trò gì nữa. Nếu họ sống ở Trung Hoa thì phải áp dụng qui tắc “*làm dân thiên triều thì phải theo luật thiên triều*” nghĩa là cắt tóc thay áo như người Thanh. Việc áp đặt triệt để và gấp rút đó đã khiến cho vua tôi Chiêu Thống rất uất ức, nhất là lại được đưa ra “*trình diện*” phái đoàn Tây Sơn khi họ đi ngang qua Quê Lâm.

Trước đây, chi tiết về việc hai bên gặp nhau hầu như không ai nói đến, có lẽ những người theo vua Lê khi trở về cũng không muốn đề cập làm gì cho khỏi làm mất phẩm giá một ông vua vong quốc, nên câu chuyện người Thanh đánh lừa được thay vào cho qua.

Theo tài liệu của nhà Thanh, việc công nhận Tây Sơn không giữ bí mật và họ cũng chẳng cần dấu nhóm nhà Lê. Có điều lúc đầu có lẽ việc ép buộc chưa gắt gao lắm cho đến khi vua Càn Long ra lệnh cho Phúc Khang An đưa phái đoàn Nguyễn Quang Hiển đến gặp Lê Duy Kỳ để xác định họ đã thành dân nhà Thanh thì không người nào còn có thể cưỡng lại nữa. Những người nhà Lê chỉ bị bắt buộc thay đổi y phục từ tháng Năm năm Kỷ Dậu, tính ra 4 tháng đầu tiên họ chưa được coi như dân thiên triều, phù hợp với tiến trình bang giao và khi nhà Tây Sơn được công nhận là triều đại chính thống thì mọi việc ngã ngũ, không còn hồ nghi gì nữa.

Riêng trường hợp Lê Quýnh, nhóm người này sang Trung Hoa không phải vì lý do “*tị nạn*” mà do Phúc Khang An triệu sang nên họ không bằng lòng nhập cư mà xin về nước. Đòi hỏi này nếu được chấp thuận sẽ trở thành một chướng ngại cho bang giao Thanh - Tây Sơn, dễ gây ngộ nhận là Thanh triều ám trợ việc nổi dậy và vua Quang Trung sẽ không chịu sang dự lễ Bát Tuần Khánh Thọ. Chính vì thế, sau những lần thúc ép, Phúc Khang An đã tâu với vua Thanh đày bọn Lê Quýnh sang Y Lê nhưng không thành công.

5.1.2.1. CẮT TÓC ĐỔI ÁO LÀ GÌ?

Khi người Mãn Châu chiếm được trung nguyên, họ tiến hành một chính sách cải biến văn hóa [cultural assimilation] một cách triệt để với chủ đích là trấn áp người Hán và tiêu diệt những ai chống lại họ. Henry McAleavy đã viết như sau:

Việc đầu tiên mà người Mãn Châu làm [trong việc đồng hóa] là thay đổi diện mạo quốc gia bằng cách bắt buộc tất cả đàn ông phải cạo bỏ phần tóc ở phía trước và tết tóc thành đuôi sam. Y phục chính thức không còn theo kiểu Trung Hoa nữa, vốn lụng thụng như áo kimono của người Nhật và vạt áo gấp ở đằng trước thành kiểu áo dài Tartar [tức người Mông Cổ] có cổ cao, gài khuy bên hông và mũ chỏm [skullcap].

¹³⁹ Khâm Định An Nam Ký Lược, quyển XXV, tr. 6

Trong một hai năm đầu vừa thống trị, nhất là tại trung điểm của văn hóa truyền thống Trung Hoa, lưu vực sông Dương Tử, việc chống đối chính sách này rất mãnh liệt và hàng ngàn người ở mọi thành phần thà chết hơn là phải chấp nhận biểu trưng phục tùng này. Một nam nhân có thể tránh bằng cách tham gia vào hàng tăng lữ, vào chùa tu cạo đầu hoàn toàn không để đuôi sam hay thành một đạo sĩ, tết tóc thành một búi ở trên đỉnh đầu kiểu Tàu.¹⁴⁰

Thế nhưng cũng lạ đời, chỉ vài chục năm sau người ta lại coi cái đuôi sam như một biểu tượng của văn minh Trung Hoa và đến cuối thế kỷ XIX, khi có những phong trào cắt tóc ngắn, chuyên sang Âu phục thì cũng không ít người chống đối. Một số các bang hội khởi thủy dưới mục tiêu Phản Thanh phục Minh thì sau này lại chạy theo triều đình trong những công tác bài Tây phương.

Ngày Tân Dậu mùng 5 tháng Năm (29-5-1789), vua Càn Long giáng chỉ dụ cho Phúc Khang An như sau:

Lê Duy Kỳ vì không có khả năng nên mất nước, bỏ ấn chạy trốn. Nay khoan hồng cho tội thất thủ phiên phong an tháp ở tỉnh thành Quế Lâm, chước cấp để cho sinh sống như mọi người dân thường.

Có nghe rằng nhiều kẻ còn giữ tóc theo tục cũ, y phục dùng theo y quan nước họ, khác với nhân dân nội địa, như thế không hợp với thể chế.

Vậy truyền dụ cho các đốc phủ lập tức ra lệnh cho Lê Duy Kỳ cùng tất cả các tùy tùng đều phải cắt tóc [theo tục Mãn Thanh], đổi sang phục sức thiên triều. Trong tương lai khi Nguyễn Quang Hiến đi qua Quế Lâm gặp mặt Lê Duy Kỳ, thấy họ đã cạo đầu, đổi cách ăn mặc, sẽ thấy rằng họ không thể về nước được nữa.

Cũng ra lệnh cho Nguyễn Quang Hiến sai người về nước, báo tin cho Nguyễn Huệ để cho y hết nghi kỵ, sợ hãi.¹⁴¹

Ngày 11 tháng Năm [nhuận] (3-7-1789), Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh gọi nhóm vua Lê tất cả 54 người đến phủ đường truyền lệnh phải đổi sang y phục Trung Hoa.

Ở đây chúng tôi xin mở ngoặc để nhìn lại sách vở nước ta viết về đời sống những người nhà Lê chạy sang Trung Hoa tưởng như lúc nào họ cũng kề cận bên vua quan nhà Thanh sẵn sàng bàn thảo, trao đổi ý kiến. Hãy xem một đoạn “*dật sử*” của người Việt:

Tháng 5 [năm Kỷ Dậu], Phúc Long An [đúng ra là Phúc Khang An] nhà Thanh trở về Quế Lâm, bãi hết binh mã các tỉnh, mở yến tiệc, ca nhạc linh đình. Chiêu Thống ngạc nhiên hỏi, Long An nói: “Mùa hạ nóng nực, đi đánh phương nam không lợi, đợi đến mùa thu mát mẻ mới điều động quân đi”. Long An lại mời vua Chiêu Thống yến tiệc say sưa, thông thả nói rằng: “Thời kỳ ra quân không còn xa nữa, vương nên đích thân dẫn các liêu thuộc đi trước dẫn đường. Nhưng lối trang phục của An Nam vốn bị Tây Sơn coi khinh. Ngày trước Tôn tổng đốc bị bại trận, cái hại chính là chỗ ấy. Nếu cạo đầu tết tóc, thay đổi quần áo như Trung Quốc, khiến quân giặc trông thấy không thể phân biệt được chỉ thấy màu quần áo của thiên triều thì hồn bay phách lạc, như vậy công việc lớn mới

¹⁴⁰ *The Modern History of China* (New York: Frederick A. Praeger, Inc., 1967), tr. 23

¹⁴¹ *Khâm Định An Nam Kỷ Lục*, q. XX, tr. 1

*hoàn thành được. Đợi khi đã khôi phục đất nước, sẽ lại theo phong tục nước mình, việc quân phải dùng những kế quỷ quyệt, vương sao chẳng nghĩ tới. Vua tin là thật, đáp rằng: “Để mất nước, mất nhà nhờ được thiên triều cứu viện thì dù bắt cả nước ăn mặc theo lối phương bắc cũng tuân mệnh. Việc đó có hề gì”. Do đấy vua tôi cạo đầu tết tóc thay đổi cách ăn mặc, hăm hở mong trở về nam. Long An mừng vì đạt được mưu kế, biếu tặng tiền bạc rất hậu, tiếp đãi tử tế và mật tâu với [vua] Thanh rằng: “Vua Lê tự nguyện yên tâm ở đất Trung Quốc, không có ý cầu viện nữa nên đã cạo đầu tết tóc, thay đổi cách ăn mặc”.*¹⁴²

Miêu tả trên hoàn toàn sai lạc nhưng trước đây vì không có các thông tin khác nên vẫn thường được coi như thực tế lịch sử và cho rằng việc vua Chiêu Thống thay đổi y phục là vì bị đánh lừa một cách dễ dãi. Việc này cũng mâu thuẫn với sự cương quyết không từ bỏ y phục bản quốc của nhóm Lê Quýnh nhưng không ai đặt thành vấn đề.

Thực tế, họ đều được an táp ở những nơi tương đối hẻo lánh, có thể thỉnh thoảng gặp nhau, vẫn thơ xướng họa cho khuây khỏa nhưng hoàn toàn biệt lập sống tách rời khỏi sinh hoạt chính trị của Trung Hoa. Những điều ở trên tác giả chỉ dựa trên suy đoán, nghe ngóng và tưởng tượng, không phải là sự thực.

5.1.2.2. NGUYỄN QUANG HIỂN GẶP VUA CHIÊU THỐNG

Ngày 18 tháng đó [10-7-1789) khi Thang Hùng Nghiệp đưa phái bộ Nguyễn Quang Hiến đến tỉnh, Phúc Khang An tâu lên như sau:

Đến ngày 18, bọn Tả Giang đạo Thang Hùng Nghiệp hộ tống Nguyễn Quang Hiến đến tỉnh. Bọn thần ra lệnh cho họ đến quán xá để nghỉ tạm, một mặt truyền gọi Lê Duy Kỳ cùng những cựu thần có tên tuổi như bọn Hoàng Ích Hiểu vài ba người, đến công quán của thần Phúc Khang An chờ sẵn, sau đó ra lệnh cho Thang Hùng Nghiệp đưa bọn Nguyễn Quang Hiến đến gặp. Bọn họ vọng về cung khuyết hành lễ tạ ân tam quý cửu khấu xong, lại quay sang thần hành lễ nhất quý tam khấu.

Thần ra lệnh cho họ ngồi một bên rồi cho họ biết rằng chú của người Nguyễn Quang Bình trước đây đã tiến biểu văn, mong được thánh chúa trông xuống xét cho việc chú người và họ Lê vốn không có phận quân thần, khi đại binh tiến thảo, vốn không dám có bụng kháng cự.

Nay đã được hoàng thượng ân chuẩn cho đầu thành, lại thương mến ban cho sắc thư, thưởng cho vòng trân châu. Cái ơn trời cao đất dày kia, chú của người Quang Bình có nằm mơ cũng không dám nghĩ đến. Còn Lê Duy Kỳ hiện nay đã được thu lưu ở nội địa, đại hoàng đế đã ra lệnh cho họ thể phát cải phục, xếp vào hạng dân thường, không thể nào còn trở về An Nam được nữa nên đặc biệt ra lệnh cho các người được gặp nhau.

Nguyễn Quang Hiến nghe thần nói như thế bèn rời chỗ ngồi khấu đầu, vẻ mặt vui sướng nói rằng chú tôi là Quang Bình vốn là kẻ áo vải đất Tây Sơn, chưa từng giao thông với Trung Quốc, nhân vì việc tranh chấp với họ Lê mà phải nhọc đến đại binh để đến nỗi còn lưu lại vết tích kháng cự nên trong lòng áy náy, ngày đêm không yên. Chú tôi đã hiểu dụ mọi người trong nước, phàm gặp quan binh lạc đường rơi lại phía sau đều phải cấp cho họ quần áo giày dép lộ phí cơm ăn, hộ tống tiến quan. Tháng Giêng năm nay ở bờ sông

¹⁴² Lê Quý Dật Sử, (1987), tr. 91-2

nơi các vị đại nhân trận vong đã lập đàn cúng tế, quả là lòng thành hối tội úy thiên từ gan ruột.¹⁴³ Nay được đại hoàng đế khoan ân vượt mức, thật còn hơn trời bể. Chú tôi Quang Bình khi nhận được sắc thư và đồ quý, ắt rất là vui sướng hân hoan gửi tạ biểu ngay.

Bọn thần nghĩ Nguyễn Huệ lúc này mới vừa lập quốc, nếu như không được phong tước của thiên triều thì không thể nào là hùng trưởng được, thành thử sẽ phải gấp gáp cầu phong, ân cần bức thiết xuất tự chí thành.

Bọn thần sau đó lại tuân chỉ gọi Lê Duy Kỳ, ra lệnh cho gặp Nguyễn Quang Hiến. Y nói rằng tôi nay đã là dân thiên triều rồi, không còn điều gì phải nói với y nữa, còn bọn cựu thần Hoàng Ích Hiếu tuy có vẻ căm hận nhưng vì đồng người dân áp nên cũng không dám tỏ thái độ gì. Còn bọn Nguyễn Quang Hiến vừa thấy Lê Duy Kỳ thì vẻ mặt hân hoan, dường như bao nhiêu nghi ngại đều nhẹ nhõm.¹⁴⁴

5.1.2.3. TIẾP ĐÓN NGUYỄN QUANG HIẾN

Việc phái bộ Nguyễn Quang Hiến gặp Lê Duy Kỳ không ngoài mục tiêu để phái đoàn báo lại về hiện trạng của vua tôi nhà Lê ở Trung Hoa, khiến vua Quang Trung biết chắc rằng nhà Thanh đã hoàn toàn chấm dứt việc ủng hộ cựu triều mà vui vẻ sang chúc thọ vua Cao Tông.

Hơn nữa, tuy trên danh nghĩa Nguyễn Quang Hiến chỉ là người trung gian mang thư nhưng nhà Thanh đã tiếp đãi như một “phó vương” với nhiều ưu đãi.¹⁴⁵ Theo *Khâm Định An Nam Kỳ Lược* quyển XXIV thì:

... Bọn Nguyễn Quang Hiến đi thuyền được đón trên đường đi xin được yết kiến, thần liên truyền cho vào gặp, hỏi thăm các người lần này tiến kinh, chiêm ngưỡng thiên nhan, được rất nhiều ân điển của đại hoàng đế, trong dạ có vui thích không?

Họ nói rằng chúng tôi vào tháng Bảy đến Nhiệt Hà liền được vào quì gặp hoàng đế, trong lòng lúc đầu quả là sợ lắm. Đến khi đại hoàng đế hỏi xuống thật là trù mến, dần dần định tâm. Trong hai tuần mấy lần được gần gũi ân quang, đôi phen ban thưởng.

Đến tháng Tám nhằm lúc vạn thọ thánh誕 của đại hoàng đế nên đứng vào hàng cuối của các vương công thái cát [tức là một dạng vương tước hạng cuối cùng, trên các đại thần nhà Thanh] cùng được tứ yến, thưởng khán hí kịch, lại được thấy đại hoàng đế cười tuần mã, lễ Phật, và ra lệnh cho đại thần dẫn chúng tôi đi chiêm ngưỡng các nơi đền đài miếu mạo, thật là trang nghiêm tráng lệ, khó mà hình dung.

¹⁴³ Hiện nay, trong các tài liệu của Việt Nam chúng tôi còn tìm được hai bản văn tể tướng sĩ trận vong, một bản chữ Hán nhan đề “Phụng Soạn Tôn Tế Bắc Lai Trận Vong Chư Tướng Văn” [奉撰尊祭北來陣亡諸將文] do Vũ Huy Tấn soạn. Xem nguyên tác trong *Hoa Nguyên Tùy Bộ Tập* [華原隨步集], *Việt Nam Hán Văn Yên Hành Văn Hiến Tập Thành*, tập VI (2010), tr. 337-9. và một bản chữ Nôm nhan đề “Thiên Triều Văn” do Nguyễn thị Lâm (Viện Nghiên Cứu Hán Nôm) sưu tầm và phiên dịch từ sách *Cung Văn Tập Lục*. “Một Bài Văn Tế Tướng Sĩ Nhà Thanh Từ Trận”. *Thông Báo Hán Nôm Học* năm 2005 (Hà Nội: KHXH, 2006), tr. 373-8

¹⁴⁴ *Khâm Định An Nam Kỳ Lược*, quyển XXI, tr. 13-4

¹⁴⁵ Theo một chỉ dụ của vua Càn Long thì phái đoàn Nguyễn Quang Hiến được cung ứng gặp đôi phái đoàn sứ thần bình thường. Nguyễn Quang Hiến được giải thích như người thay mặt cho Nguyễn Quang Bình sang nhận sắc ấn An Nam quốc vương. *Khâm Định An Nam Kỳ Lược*, XXIII, tr. 22-3

Chúng tôi lại được ân thưởng thịt nai tươi do chính tay hoàng đế dùng súng điều thương săn được, là món chưa từng nếm, chưa từng thấy bao giờ. Nhân dịp đó, đại hoàng đế lại ban cho quốc vương đồ quý, chúng tôi cũng mỗi người được ân thưởng, tự hỏi có phúc chùng nào mới được vinh dự như vậy.

Sau tiết trung thu chúng tôi quì tiễn đại hoàng đế khải loan [về trở lại kinh thành] tiến tiêu¹⁴⁶ được nhà vua dùng lại hỏi han phủ dụ, lại ra lệnh khi về nước gửi lời thăm quốc vương.

Sau đó chúng tôi gói ghém hành trang để về kinh sư, được xem cung khuyết nguy nga, hoàng đô tráng lệ rồi lãnh sắc ấn ở điện Thái Hòa, quả là chí hạnh chí vinh, nằm mơ cũng không nghĩ đến.

Khi chúng tôi ở Nhiệt Hà được các ngự tiền đại nhân ban thưởng cho nhiều món đồ quý lại được dự nhiều buổi lễ. Còn đường đi từ Quảng Tây đến kinh sư thì nơi nào cũng được dự tiệc ăn uống đủ thấy ân lễ của bồi thần thiên triều thật là chan hòa, thấm nhuần tận xương tủy, không biết nói sao cho hết.

Sự hoan hỉ cảm kích của họ thật không lời nào có thể hình dung. Bọn thần nói rằng người chỉ là cháu của quốc vương, phen này nhập cận thiên nhan đã được đại hoàng đế gia ân như vậy. Sang năm chủ người đích thân tiến kinh, ban ân còn ưu hậu gấp bội...¹⁴⁷

5.1.2.4. CÂU LƯU LÊ QUỲNH

Không chỉ hậu đãi các sứ bộ Tây Sơn, nhà Thanh còn tích cực yểm trợ triều đình Quang Trung tái lập an ninh, loại trừ những thành phần chưa hàng phục. Cùng với việc quản thúc và giám sát triều đình lưu vong của vua Lê ở Trung Hoa, họ cũng muốn vô hiệu hóa cả những thành phần “cản vương” còn ở trong nước để dọn sạch những chướng ngại cho một “tiểu bang tân tạo”. Tháng Năm năm Kỷ Dậu, Phúc Khang An sai người về mời Lê Quýnh sang Trung Hoa “bàn quốc sự” nhưng khi đó ông đang bệnh chưa khỏi nên đến tháng Bảy mới lên Nam Quan.

Tháng Tám năm Kỷ Dậu, Lê Quýnh cùng bọn Đoàn Vượng cả thảy 29 người theo ngả Ải Diêm, châu Ninh Minh để vào nội địa, tuy không nói ra nhưng họ rất lạc quan. Việc đi chung một nhóm gần 30 người cho thấy Lê Quýnh có ý đưa cả bộ tham mưu của mình để biểu dương uy thế, mong rằng thành phần này sẽ đóng vai trò mạc tân [người khách ngồi trong màn góp ý] trong lần động binh thứ hai sang đánh Tây Sơn.

Lúc đầu cả bọn Lê Quýnh bị giữ tại Ninh Minh, một khu vực gần biên giới, nửa tạm trú, nửa giam lỏng. Ngày 15 tháng Tám, bọn Lê Quýnh nghe được vua Lê đang ở Quế Lâm và có lẽ khi đó đã cảm thấy có điều không được như dự kiến.

Tháng Chín năm đó, Tả Giang Đạo Tổng Văn Hình đến yêu cầu cả bọn cắt tóc đổi y phục, tạm thời sinh sống ở Trung Hoa. Lê Quýnh biện bạch là họ qua đây không phải xin ở lại mà chỉ để đợi lệnh của Phúc Khang An. Đến khi Phúc Khang An cho bọn Lê Quýnh gặp, họ biết rằng

¹⁴⁶ 進哨:

進入獵場。清吳振棧《養吉齋叢錄》卷十四：“曩時，歲行秋獮，中秋後一日始，由山莊啟蹕進哨。”
清吳振棧《養吉齋叢錄》卷十六：“進哨行圍，大駕親禦弓矢，殪猛獸。”

Tiến vào vùng săn bắn là thời gian nhà vua đi săn [sau tiết Trung Thu một ngày]

¹⁴⁷ Tấu thư của Phúc Khang An và Tôn Vĩnh Thanh ngày Ất Mão, mùng 4 tháng Chạp năm Kỷ Dậu. *Khâm Định An Nam Ký Lược*, quyển XXIX, tr. 9-12 [bản dịch Nguyễn Duy Chính]

không còn trông mong vào nhà Thanh được nữa nên xin về nước và nhất định không chịu đổi sang y phục Trung Hoa. Câu nói nổi tiếng còn truyền lại của ông là:

Đầu tôi có thể chặt nhưng tóc không thể cắt, da tôi có thể lột nhưng áo không thể đổi.

Sau nhiều lần dọa nạt và hạch hỏi, Lê Quýnh và đồng bọn vẫn khăng khăng đòi về tính chuyện khôi phục nên đã bị Phúc Khang An tâu lên vua Càn Long xin đày họ đi Tân Cương.¹⁴⁸ Tuy nhiên vua Càn Long nhận thấy có điều không minh bạch trong tấu thư của Phúc Khang An nên đã hạ chỉ đưa nhóm Lê Quýnh lên kinh đô. Chính nhờ vậy, nhóm Lê Quýnh không bị phát vãng đi xa và tuy còn trong cảnh giam cầm nhưng cũng có dịp ở gần vua Lê và những người khác.

Theo dụ của vua Thanh ngày Bính Tuất mùng 6 tháng Ba năm Canh Tuất [19-4-1790] thì vua Càn Long cho giải bọn Lê Quýnh đến hành tại, truyền cho quân cơ đại thần tra hỏi, nếu họ chịu cắt tóc thay áo sẽ được đưa lên Yên Kinh sống chung với nhóm nhà Lê [khi ấy đang trên đường đi lên kinh đô] cho thỏa nguyện. Thế nhưng bọn Lê Quýnh khăng khăng nói rằng họ tính chuyện phục quốc chứ không phải sang đây sống nhờ, chỉ mong được về nước có chết cũng cam.¹⁴⁹ Vua Càn Long thấy họ trung nghĩa, không nỡ giao lại cho Nguyễn Quang Bình [tức vua Quang Trung] nên sai giam ở bộ Hình, mãi hơn 10 năm sau, đến khi có những biến chuyển ở Trung Hoa cũng như ở An Nam mới được thả. Việc này Lê Quýnh cũng có thuật trong Bắc Hành Tùng Ký đúng như ghi chép trong Khâm Định An Nam Kỷ Lục.¹⁵⁰

5.2.1. PHÁI BỘ THÀNH LÂM SANG PHONG VƯƠNG

Trong khi phái đoàn Nguyễn Quang Hiển lên kinh đô đưa biểu cầu phong và làm lễ nhận sắc ấn thì vua Càn Long đã chỉ thị cho Phúc Khang An cử Lễ bộ viên ngoại Thành Lâm (成林) sang Thăng Long phong vương cho Nguyễn Quang Bình. Thủ tục nhanh chóng và bất thường đó là một sự kiện không hề xảy ra trong lịch sử bang giao.

Ngày 12 tháng Chín, vua Quang Trung sai đề đốc Lê Xuân Tài (黎春材) đem 1000 phu dịch và 100 con ngựa cùng 500 vệ sĩ lên Trấn Nam Quan nghinh đón sắc dụ và ngự thi của vua nhà Thanh.

Theo tờ bẩm của Thành Lâm thì “ dân nước đó xa gần đều đến trước công quán để xem long đình, rất nhiều người lay lục hò reo. Lại có hai viên mục tên là Đinh Phụ Tế, Cẩn Danh Văn, tuổi đã ngoài 80, khi nghe tin sắc mệnh đến nơi, cũng không quản đường xa mấy trăm dặm đi tới, khấu đầu chúc mừng. Còn trấn mục Ngô Văn Sở, tức Ngô Sơ, và Ngô Thời Nhâm (Nhiệm) thì sớm tối đều đến thăm, hết sức ân cần”.¹⁵¹

¹⁴⁸ Theo luật nhà Thanh, việc phát vãng đi Tân Cương chỉ đứng sau tử hình và thường là có liên quan đến chính trị (political offense). Tân Cương ở cực tây Trung Hoa cách Bắc Kinh hơn 3000 dặm, ngăn cách bởi sa mạc Gobi và người bị đày thường không có ngày về. Xin xem Joanna Waley-Cohen, *Exile in Mid-Qing China: Banishment to Xinjiang 1758-1820* (New Haven & London: Yale University Press, 1991)

¹⁴⁹ Khâm Định An Nam Kỷ Lục, quyển XXVII, tr. 16

¹⁵⁰ Lê Quýnh “Bắc Hành Tùng Ký”. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II (1998), tr. 889

¹⁵¹ nguyên văn: 該國遠近夷民，至公廡前，遙望龍亭，歡呼叩頭者凡數起。又有員目丁輔宰，艮名聞二人，年俱八十餘歲，欣聞敕命臨境，於數百里外跋涉前來，恭詣龍亭前，叩頭稱慶。其鎮目吳文楚即吳初及吳時壬等早晚謁見，甚為浹洽 (cai quốc viễn cận di dân, chí công giải tiền, dao vọng long đình, hoan hô khấu đầu giả phàm sở khởi. Hựu hữu viên mục Đinh Phụ Tế, Cẩn Danh Văn nhị nhân, niên câu bát thập dư tuế, hân văn sách mệnh lâm cảnh, ư sở bách lý ngoại bạt thiệp tiền lai, cung nghê long đình tiền, khấu đầu xưng khánh. Kỳ trấn mục Ngô Văn Sở tức Ngô Sơ cập Ngô Thời Nhâm (Nhiệm) đẳng tảo văn yết kiến, thậm vi tiếp hợp)

Tuy có một số trở ngại ban đầu khiến việc cử hành đại lễ bị hoãn lại, sau cùng đêm 14 tháng Mười, Nguyễn Quang Bình đến Thăng Long, ngày hôm sau Thành Lâm tuyên chỉ phong làm An Nam quốc vương.¹⁵²

Việc Nguyễn Quang Bình hứa hẹn sẽ đích thân sang chúc thọ vua Càn Long cũng là một điều kiện cốt lõi để tái lập việc thông hiếu và công tác đàm phán trở nên thuận lợi hơn bao giờ hết. Nhân dịp này vua Quang Trung gửi thư lên Thanh triều yêu cầu bãi bỏ những lệnh cấm đoán, để việc buôn bán qua lại giữa hai bên được dễ dàng. Vua Càn Long bèn giáng chỉ cho các quan nhà Thanh bình thường hoá mọi sinh hoạt giữa hai nước.

5.2.2. PHÁI BỘ QUANG TRUNG

Ngày 29 tháng Ba năm Canh Tuất (1790), vua Quang Trung mang theo con thứ là Nguyễn Quang Thuý (阮光垂), cùng các bày tôi là Ngô Văn Sở (吳文楚), Đặng Văn Chân (鄧文真) cả thảy 150 người¹⁵³ từ Nghệ An lên đường sang Bắc Kinh, tiếng là chúc thọ nhưng thực ra là một phái bộ quốc gia, được tiếp đãi long trọng nhất trong suốt triều đại nhà Thanh.

Ngày 11 tháng Bảy, vua Quang Trung cùng các bồi thần gặp bọn tuyên úy ti Mộc Bình (Kim Xuyên) là Giáp Lặc Tham Nạp (甲勒參納) hơn 30 người, em của Hàng Hoà Trác (杭和卓) là Trác Lặc Tề (卓勒齊) một bọn 5 người tất cả ba phái đoàn cùng nhập cận (vào triều kiến vua, tiếng khiêm cung đời xưa).

Riêng vua Quang Trung được vua Cao Tông hành đại lễ “*bảo kiến thỉnh an*” là tục lệ vốn dĩ là của người Mông Cổ khi Đại Hãn đón các đại tướng thắng trận trở về được cải biến để thành một trọng lễ dành riêng cho khách quý trong trường hợp đặc biệt.¹⁵⁴

Chính vua Cao Tông trong bài dụ gửi vua Quang Trung khi nhà vua đến tỉnh Hồ Bắc cũng đã nói là “*đại hoàng đế tiết thứ ban cho rất là ưu hậu, các nước phiên ở ngoài, từ thiên cổ cho đến bây giờ, chưa từng được như thế*”.¹⁵⁵ Chuyến đi lịch sử này cũng tạo nên những xúc động tâm lý rất lớn cho Lê Duy Kỳ và những người theo ông đang ở Bắc Kinh.

5.3. AN THÁP

5.3.1. Quảng Tây (đầu năm Kỷ Dậu đến đầu năm Canh Tuất)

Trước đây, khi còn định sử dụng họ Lê như một lá bài chính trị, nhà Thanh cho họ ở ngay Quảng Tây cho gần gũi, tiện lợi liên lạc di chuyển. Đến khi thấy việc đó không còn cần thiết nữa, vua Cao Tông đã ra lệnh đưa mấy trăm người chạy sang Trung Hoa định cư [an tháp] ở các tỉnh khác xa hơn và cho nhập tịch “*làm dân thiên triều*”, gióc tóc đuôi sam và mặc quần áo theo kiểu nhà Thanh.

Để giúp họ hội nhập với đời sống mới, vua tôi nhà Lê được phối trí vào những kỳ binh tại địa phương – một hình thức công ăn việc làm được trả lương vì binh lính nhà Thanh không chỉ thuần

¹⁵² Chi tiết này ghi trong tấu văn của Tôn Vĩnh Thanh, đệ ngày 24 tháng Mười năm Càn Long thứ 54, hiện còn tàng trữ trong Cung Trung Đáng, hòm số 2727, quyển 234, số hiệu 58601 (Trang Cát Phát, sdd, tr. 395)

¹⁵³ theo sử ta thì có Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lộc, Đỗ Văn Công... và cả một đoàn nhạc công.

¹⁵⁴ hiện nay một số lãnh tụ gặp nhau cũng ôm hôn tương tự như kiểu này, có lẽ cũng bắt nguồn từ dân du mục miền Tây Bá Lợi Á.

¹⁵⁵ Quang Trung Nguyễn Huệ. *Đại Việt Quốc Thư* (Đình Thụ Hoàng Văn Hòe dịch). (1973), tr. 301

túy lo việc quân sự mà là công sai, có một số đất đai để canh tác. Việc phân chia ra mỗi nơi một ít vừa dễ dàng cho địa phương giải quyết, vừa để họ không tập trung tại một nơi có thể gây khó khăn cho Thanh triều. Những người liên hệ trực tiếp đến hoàng tộc nhà Lê sẽ được đưa lên kinh đô, một hình thức ưu đãi nhưng cũng tiện việc giám sát. Số còn lại chia ra các tỉnh Giang Nam, Chiết Giang, Tứ Xuyên an táp, nếu ai chống lại sẽ bị chém đầu.¹⁵⁶

Theo tài liệu nhà Thanh, số đưa lên kinh đô là 165 người trong đó gia đình và thân quyến vua Lê là 61 người, 104 người khác là những bầy tôi thân tín được chia thành 4 nhóm. Nhóm thứ nhất gồm vua Lê và 61 người khác đi từ Quế Lâm ngày 2 tháng Hai [17-3-1790]. Nhóm thứ hai là gia đình Đình Nhạ Hành 27 người lên đường ngày 6 tháng Hai [21-3-1790]. Nhóm thứ ba gia đình Phan Khải Đức 24 người lên đường ngày 10 tháng Hai [25-3-1790]. Nhóm thứ tư gia đình Nguyễn Đình Bái 56 người lên đường ngày 15 tháng Hai [30-3-1790].

Các gia đình khác gồm có Bể Nguyễn Cung 71 người đi Giang Nam, Hoàng Đức Đặng 68 người đi Chiết Giang, Bể Nguyễn Cửu, Đoàn Vượng 63 người đi Tứ Xuyên.¹⁵⁷ Những người trên đây chấp nhận lưu vong để thành người Trung Hoa. Ngoài ra còn một nhóm khác cứng đầu không chịu cắt tóc, đổi y phục là 4 người Lê Quýnh, Lý Bình Đạo, Trịnh Hiến, Lê Trị thì bị tù như đã nói ở trên.

Hậu nhân khi đọc về những người lưu vong thường ít khi cảm xúc nhưng những ai đã từng phải đứng giữa nhiều lựa chọn, việc cương quyết giữ cho mình một thái độ chuyên nhất không phải dễ dàng, nhất là đối diện với sự hành hạ, đói khổ, chết chóc.

5.3.2. Yên Kinh (Canh Tuất đến Quý Sửu)

Cũng giống như hàng nghìn người Việt sang định cư ở Trung Hoa khi nhà Minh diệt nhà Hồ (1400-1406), những người lưu vong cuối đời Lê không được sử sách đề cập đến ngoài một số chi tiết liên quan đến việc an táp họ.¹⁵⁸ Trong cuộc đầu bể đến đây họ đã thành ngoài lề và những gì hậu nhân biết được phần nhiều do thơ văn và lời tường thuật sau khi xin về nước. Những sinh hoạt đó không còn liên quan gì đến vận mệnh chính trị nhưng cũng nên biết đến.

Theo một số tài liệu, gia đình Lê Duy Kỳ đến Yên Kinh vào ngày mùng 5 tháng Năm năm Canh Tuất, chỉ hai tháng trước khi phái bộ Quang Trung đến tham dự lễ thượng thọ vua Cao Tông. Họ được an trí ở Chính Dương Môn, còn gọi là An Nam doanh. Gia đình vua Lê sống trong một con đường nhỏ [hồ đồng] ở Quốc Tử Giám, Tây Định Môn hay Tây An Nam doanh. Một năm trước Lê Duy Kỳ và Nguyễn Quang Bình còn ở thế lưỡng vương tranh nhất quốc, ngày nay một người là quốc khách của Thanh triều, một người chỉ là một võ quan cấp thấp, sống nghèo khổ ở một xóm nhỏ tại kinh đô.

Thoạt đầu, vua Lê và tông thân chỉ được coi như dân thường – nghĩa là bạch đinh – nhưng về sau, vua Càn Long thương tình trước đã từng thụ phong vương tước nên lập một tá lãnh, cho vua Lê đứng đầu, dưới quyền giám sát và chỉ huy trực tiếp của đô thống Kim Giản.

¹⁵⁶ Dụ của vua Càn Long ngày 9 tháng Giêng năm Canh Tuất, *Khâm Định An Nam Kỷ Lược*, q. XXVI, tr. 14-6.

¹⁵⁷ Lời tâu của Tôn Vĩnh Thanh ngày 15 tháng Hai năm Canh Tuất [1790] *Khâm Định An Nam Kỷ Lược*, q. XXVII, tr. 9-10.

¹⁵⁸ Vua Chiêu Thống và bầy tôi còn được nhiều tài liệu nhắc đến vì triều đại Tây Sơn rất ngắn và sau này một số những người qua Trung Hoa đã trở về. Đời Tự Đức, triều Nguyễn đã lập một đền thờ tên là Lê Mạt Tiết Nghĩa Từ ở Hà Nội nên cũng có những điều tra tương đối đầy đủ về sinh hoạt của họ khi còn ở Bắc Kinh.

Ngay khi vừa đến kinh đô, vua Thanh thấy Lê Duy Kỳ nếu chỉ sống bằng bổng lộc chức tá lãnh có phần thiếu thốn nên đặc dụ cho thêm 200 lượng bạc để chi dụng, đồng thời nâng lên hàm tam phẩm.¹⁵⁹

Năm 1924, trên tạp chí Nam Phong [khởi đầu từ số 84] Sở Cuồng [楚狂] Lê Dư có đăng một du ký [nguyên tác chữ Hán] của ông nhan đề *Vạn Lý Viễn Chinh Ký* [萬里遠征記] trong đó có một số đoạn ông truy tìm di tích của nhóm lưu vong của vua Lê ở Viên Minh Viên:

...Nhân dịp đi qua Viên Minh Viên, tôi nhớ lại việc cũ về người dắt ngựa Nguyễn Văn Quyền nên định rằng sau khi du ngoạn Di Hòa Viên xong rồi sẽ đi tìm di chỉ nơi ở cũ của vua tôi xuất đế nhà Lê ở trong và ngoài thành để tỏ mối cảm hoài.

Sau ngày đi thăm vườn xong tôi liền đi tìm các dấu vết nên hỏi một ông già rành rẽ đường sá để tìm đến Quốc Tử Giám hồ đồng. Ngõ hẻm này trước đây vốn là nơi ở của vua Lê và thái hậu, người đời thường gọi là Tây An Nam Doanh. Nơi đây các phòng ốc đều kiến trúc theo lối cổ, tường xiêu mái lở, quá nửa là rêu xanh, cột mục rèm nát trông thật cũ kỹ. Quốc Tử Giám nay cũng hoang phế, chỉ có ánh tà dương lấp lánh và tiếng chim từ qui [tức chim đỗ quyên] kêu buổi chiều, trông như Lê đế thấy có người từ nước cũ đến nên hiện về than thở, để tỏ nỗi bất bình năm nao.

Ký giả [tức tác giả Sở Cuồng] tìm những người già cả hỏi thăm về gốc gác cựu doanh nhưng chẳng một ai biết cả. Chỉ nói rằng An Nam Doanh là nơi ở của vua nước An Nam hồi trước. Ký giả lại qua bên con hẻm nuôi dê ở Đông Trục Môn để tìm Đông An Nam Doanh là nơi các bầy tôi tông vong ở thì cũng chẳng thấy đâu.

*Than ôi! Vật đổi sao dời, phong cảnh còn đâu. Gió thổi mưa sâu, nói chẳng nên lời. Lòng tôi bồi hồi không muốn dời chân...*¹⁶⁰

Thực ra vua Lê và tông vong được an táp ở kinh đô chứ không phải ở Viên Minh Viên [ngoại ô tây bắc kinh thành] nên Sở Cuồng tiên sinh không tìm ra được. Sai lầm đó có lẽ vì tác giả dựa vào những chi tiết trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*. An Nam Doanh mà tác giả đến có lẽ là nơi vua tôi Hồ Quý Ly được nhà Minh an trí khi bị bắt về Yên Kinh hơn 400 năm trước, không phải nơi ở của vua Lê đầu thế kỷ XIX gần đây.

Một cách tổng quát, sau khi đã giốc tóc, đổi y phục đời sống của Lê Duy Kỳ và những người theo ông đã trở thành “*người dân nội địa*”, với mọi quyền lợi và nhiệm vụ bình thường, có khác chăng là họ được ban cho một số chức vụ – tuy nhỏ – nhưng có lương bổng để sinh sống ngoại trừ nhóm Lê Quýnh bị giam trong ngục Bắc sở. Những người ở ngoài đi lại không bị giới hạn gì cả.

5.4. ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ BỘ QUANG TRUNG ĐI YÊN KINH

Việc vua Quang Trung đưa một phái đoàn sang Trung Hoa đã làm thay đổi hoàn toàn vai trò và đường lối ngoại giao của nước ta trong quan hệ phiên thuộc – thiên triều. Chuyến công du đó dĩ nhiên cũng tạo nên chua chát đắng cay cho những người thất thế. Phản ứng của họ nặng phần uất ức và thất vọng nên biến đổi tùy trường hợp.

¹⁵⁹ Theo cấp bậc, chức tá lãnh là tứ phẩm nhưng vì khi đó Phan Khải Đức được ban chức đô ti cũng tứ phẩm nên Lê Duy Kỳ được thăng lên một bậc cho ra phận trên dưới.

¹⁶⁰ Sở Cuồng, *Vạn Lý Viễn Chinh Ký*, Nam Phong tạp chí, năm thứ 9, số 91 (1925) [phần Hán Văn], tr. 13-4 (NDC dịch)

5.4.1. PHẢN ỨNG CỦA NHÓM NHÀ LÊ

Việc Nguyễn Quang Bình được công nhận có thể là xúc động tâm lý lớn nhất đối với họ, phần vì kỳ vọng rằng nhà Thanh sẽ đem binh sang đánh hoàn toàn tiêu tan, phần khác đời sống lưu vong tẻ nhạt trở thành một nỗi sợ triền miên, không bao giờ có cơ hội trở về cố quốc. Tin tức loan truyền về việc vua Quang Trung đích thân đưa một phái đoàn sang chúc thọ càng làm cho họ thêm hoang mang. Chính nhà Thanh muốn phô trương việc một phiên vương sang châu nên không riêng gì ở Bắc Kinh nhận nhiệm vụ tổ chức đại lễ mà ở các tỉnh cũng ăn mừng.

Khi biết chắc đó là tin thật thì phản ứng của họ càng thêm phức tạp. Việc phái bộ Quang Trung được đón tiếp rất long trọng khiến ảo tưởng của vua tôi nhà Lê cũng tan biến khi không thấy thái độ gì chứng tỏ nhà Thanh giao thiệp với Tây Sơn chỉ là bề ngoài.

Ở kinh đô, triều đình nhà Thanh ra lệnh cho Kim Giản [khi đó đang làm tổng quản Nội Vụ Phủ] đặc biệt bảo vệ những người trong phái đoàn Quang Trung phải ở lại Bắc Kinh [vì không đủ chỗ ở nên một số đông phái đoàn An Nam không được theo Nguyễn Quang Bình đến Nhiệt Hà], đừng để hai bên gặp nhau gây rắc rối.¹⁶¹ Tuy nhiên theo ghi nhận của phái đoàn Triều Tiên có mặt ở đây trong thời gian đó thì nhóm của nhà Lê cũng đi tìm và buông lời thóa mạ những người trong phái đoàn Tây Sơn.¹⁶²

Việc nghe và thấy phái bộ Quang Trung sang Bắc Kinh đã đưa đến nhiều phản ứng khác nhau:

- Một số tông thần nhà Lê suy đoán rằng việc nhà Thanh “mời” vua Quang Trung sang Trung Hoa là kế “điệu hổ ly sơn” nhằm mục đích bắt giữ để trị tội ông đã dám đánh bại Tôn Sĩ Nghị. Những tin tức [đúng hơn là giả thuyết] về chuyến đi này đã đưa đến một số nghi án còn tồn tại đến tận hôm nay.
- Phản ứng tiêu cực hơn là gây sự với người trong phái đoàn Tây Sơn và tìm cách nói xấu họ. Những chi tiết đó được phái đoàn Triều Tiên ghi nhận vì phù hợp với mặc cảm bị lép vế trong đại lễ này.
- Một số người khác – nhất là những người bị đưa đi tới những nơi hẻo lánh – khi được hỏi ý kiến đã nhân cơ hội xin hồi cư về An Nam. Việc nhà Thanh công nhận tân vương là một minh chứng rằng triều đại mới đã được chính thống hóa và vì thế họ xin được về sống ở quê nhà nếu không bị quấy rầy hay làm hại.

Những phản ứng đó hầu như bình thường trong mọi hoàn cảnh tương tự, xưa cũng như nay. Và đây là một điểm quan trọng trong chính sách của triều đình Quang Trung – không phải chỉ đối với người đã bỏ nước ra đi rồi quay lại mà ngay cả những người còn ở trong nước nhưng không cộng tác, hoặc chống đối tiêu cực, cũng không bị bách hại.¹⁶³

Nó cũng cho chúng ta thấy tâm lý thụ động của người dân lúc đó, tuy vẫn hoài vọng nhà Lê nhưng một khi tân triều đã được Trung Hoa công nhận thì họ cũng tin rằng mệnh trời đã đổi và bằng lòng với chúa mới, ai còn sĩ khí thì không cộng tác, sống ẩn dật, chỉ một số ít là toan tính việc lấy lại nước mà thôi.

¹⁶¹ *Khâm Định An Nam Ký Lược*, q. XXIX, tr. 16

¹⁶² Xem thêm *Cuộc gặp gỡ giữa phái đoàn Triều Tiên và Đại Việt ở triều đình nhà Thanh năm Canh Tuất (1790)*, biên khảo của Nguyễn Duy Chính.

¹⁶³ Việc này được minh chứng trong lời khai của Lê Duy Trị khi chạy sang Trung Hoa năm Giáp Dần [1794]. Xem thêm bản dịch An Nam Đẳng (NDC)

Tháng 9 năm Canh Tuất (1790), vua Càn Long thương tình Lê Duy Kỳ sống cô độc ở kinh đô (khi ấy đã đến Bắc Kinh, nhận chức tá lãnh trong Hán kỳ nhà Thanh) thể thiếp còn lưu lạc ở quê nhà nên có cho phép ông tìm trong số những đàn bà đi theo lấy một, hai người làm vợ kế nhưng ông tâu lên là những người đi theo ông cũng bị thất lạc thân nhân, trong cảnh hoạn nạn, không nữ nào vui sướng một mình.¹⁶⁴

5.4.2. CHÍNH SÁCH HỒI HƯƠNG VÀ ĐOÀN TỤ

Ngay khi phái bộ vua Quang Trung đang trên đường về nước thì các tỉnh có người An Nam an táp nhất loạt thực hiện những xét hỏi xem ai muốn về, ai muốn ở. Chính sách “hồi hương” và chương trình “đoàn tụ thân nhân” của người lưu vong muốn sống ở Trung Hoa lại càng khiến cho những người ra đi thêm phần tuyệt vọng. Theo *Lê Quý Dật Sử*:

... Tháng 8, vua nhà Thanh về Yên Kinh, Kim Giản vâng lệnh vua Thanh đến thăm hỏi [vua Chiêu Thống].

Cho Phan Khải Đức làm Kiêu kỵ hiệu úy, Đinh Nhạ Hành, Phạm Trần Thiện làm Lãnh thôi. Ngoài ra còn cấp cho mỗi người khẩu phần lương thực bằng ba người, mỗi tháng 3 lạng bạc. Sau Khải Đức vô lễ, bị tội với vua, sai Đinh Nhạ Hành làm Kiêu kỵ hiệu úy thay Đức.

Theo tấu thư của Kim Giản đề ngày 19 tháng Mười năm Càn Long 55 [Canh Tuất] thì khi vua Càn Long nghĩ ý muốn vua Quang Trung tìm thân quyến của Lê Duy Kỳ đưa sang đoàn tụ với vua Lê, Nguyễn Quang Bình cũng đề nghị cho tìm luôn cả thân nhân những người đi theo đưa sang luôn thể. Ngược lại những người đã sang Trung Hoa nếu muốn trở về nước thì cũng được chấp thuận. Chính vì thế Kim Giản đã đến gặp vua Lê và tông vong để xác định chính sách và thông báo cho họ về chương trình đang được xúc tiến ở khắp nơi. Theo danh sách của Kim Giản những người vua Lê yêu cầu nhà Tây Sơn tìm để đưa sang gồm có:

Quyền thuộc của Lê Duy Kỳ:

- Em trai: Lê Duy Chi
- Em gái: 3 người [chỉ đề Lê thị, không đề tên]
- Vợ: Nguyễn thị [Kim]

¹⁶⁴ Nguyên văn:

...前因黎維祁失國內投，念其祖宗世守藩封職貢百有餘年不忍致今廢絕。是以降旨加恩，令其來京編入漢軍世襲佐領。今黎維祁到京供職後頗屬謹慎守法，因念伊妻未曾隨同進關，令於隨從女子中挑擇一二人以為側室而黎維祁以跟隨屬下人等妻孥俱已散失，伊不忍一人獨有家室...

Tiền nhân Lê Duy Kỳ thất quốc nội đầu, niệm kỳ tổ tông thế thủ, phiên phong chức công bách hữu dư niên bất nhẫn chí kim phế tuyệt. Thị dĩ giáng chỉ gia ân, lệnh kỳ lai kinh biên nhập Hán quân thế tập tá lãnh. Kim Lê Duy Kỳ đáo kinh cung chức hậu phả thuộc cẩn thận thủ pháp, nhân niệm y thể vị tăng tủy đồng tiên quan, lệnh ư tủy đồng nữ tử trung khiêu trạch nhất nhị nhân dĩ vi trác thất. Nhi Lê Duy Kỳ dĩ ngân tủy thuộc hạ nhân đẳng thể nô [noa] câu dĩ tán thất, y bất nhẫn nhất nhân độc hữu gia thất...

...Trước đây Lê Duy Kỳ mất nước chạy sang nội địa, nghĩ đến tổ tông y nhiều đời được phong làm phiên thuộc triều cống hơn 100 năm nên trẫm không nỡ để cho đến nay bị diệt nên đã giáng chỉ gia ơn ra lệnh cho đến kinh đô nhập vào Hán quân chức tá lãnh thế tập. Nay Lê Duy Kỳ đã đến kinh nhận chức cẩn thận giữ phép nước, cũng nghĩ đến vợ y không đi theo tiên quan được nên ra lệnh cho chọn lấy một hai người đàn bà trong số đi theo lấy làm vợ kế. Thế nhưng Lê Duy Kỳ trình rằng thuộc hạ đi theo cũng đều vợ con thất lạc, y không nỡ một mình lại có gia đình ...

Thượng dụ ngày Quý Mùi, tháng Chín năm Càn Long 55. *Thanh Thực Lục*, quyển 1362, tr. 263

- Thiếp: 2 người, Lê thị và Nguyễn thị [không có tên]
- Tớ gái: 3 người, Phan thị, Trần thị và Trương thị [không có tên]
- Tớ trai: 2 người, Nguyễn Võ và Nguyễn Văn [không có tên]

Quyển thuộc của người đi theo vua Lê:

Lê Hân:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Con trai: 1 người, Lê Thận
- Con gái: 2 người, Lê thị [không có tên]

Phạm Trần Thiện:

- Mẹ vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Vợ: Trịnh thị [không có tên]
- Con trai: Phạm Đình Tự, Phạm Đình Trị, Phạm Đình Khản
- Thiếp: Dương thị [không có tên]
- Diệt: 3 người, Phạm Đình Thê, Phạm Đình Truyền, Phạm Đình Đệ
- Em gái: Phạm thị [không có tên]
- Diệt nữ: Phạm thị [không có tên]
- Nhũ mẫu: Trần thị [không có tên]

Nguyễn Viết Triệu:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Con gái: 2 người, Nguyễn thị [không có tên]
- Con nuôi: Nguyễn Hữu Thanh
- Diệt: Nguyễn Viết Thịnh
- Nhũ mẫu: Nguyễn thị [không có tên]

Lê Văn Trương:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Con trai: 2 người, Lê Văn Suru, Lê Văn Siêu
- Con gái: Lê thị [không có tên]
- Thiếp: Nguyễn thị [không có tên]
- Diệt: 2 người, Lê Văn Đắc, Lê Văn Liên
- Diệt nữ: 2 người, Lê thị [không có tên]

Lê Quý Thích:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Em trai: 2 người, Lê Quý Thì, Lê Quý Nghi
- Em gái: Lê thị [không có tên]

Nguyễn Hữu Vọng:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]

Lê Thúc:

- Vợ: Lê thị, Trần thị [không có tên]
- Con trai: Lê Văn

Lê Quang Duệ:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]
- Em gái: Lê thị [không có tên]

Nguyễn Văn Lương:

- Vợ: Phan thị [không có tên]
- Em gái: Nguyễn thị [không có tên]
- Diệt: Nguyễn Khả Gia

Nguyễn Văn Quyên:

- Vợ: Phạm thị [không có tên]
- Em trai: 2 người, Nguyễn Hữu Trí, Nguyễn Hữu Tín

Trần Văn Đối:

- Vợ: Đào thị [không có tên]
- Em trai: Trần Văn Đức

Đào Trọng Quang:

- Thiếp: Nguyễn thị [không có tên]
- Diệt: Đào Văn Toàn

Nguyễn Thế Đăng:

- Vợ: Nguyễn thị [không có tên]¹⁶⁵

Về những người tự nguyện xin về, chúng ta có thể ghi nhận như sau:

- Ở Tứ Xuyên, nhóm Cao Xuân Vượng cùng xin về, ngoại trừ một người con trai nhỏ của Lê Quỳnh là Lê Doãn Toàn [Thuyền] mới 12 và 6 gia nhân được đưa lên Bắc Kinh sống chung với gia đình Lê Duy Kỳ để được ở gần cha [đang bị giam].

¹⁶⁵ *Cần Long Triều Thượng Dụ Đáng*, tập XV (1991) tr. 4-5

- Ở Bắc Kinh, nhóm Nguyễn Đình Bái và thân quyến tổng cộng 81 người nhờ Kim Giản tâu lên để cho về nước.
- Ở Chiết Giang, nhóm Nguyễn Đình Liễn 59 người xin về nước.
- Ở Tô Châu, nhóm Lương Đình Hiệu và thuộc hạ xin về nước.
- Ở An Huy, gia đình Nguyễn Hiền 4 người xin về nước.

Những tin tức đó được Thanh triều báo cho vua Quang Trung [khi đó còn đang trên đường trở về] và vua Quang Trung đã gửi thư về nước để các quan tiến hành việc tìm kiếm. Vua Quang Trung trên đường đi cũng trả lời Phúc Khang An ngay và đề nghị họ Phúc viết vài trăm tờ hịch có đóng dấu nhà Thanh để truyền bá trong dân chúng ngõ hầu tông tộc và cựu thần nhà Lê yên tâm ra đầu thú. Tờ thư đó nay còn lưu lại trong *Dụ Am Văn Tập* [quyển III] như sau:

... Tiểu phiên từ khi từ biệt hoàng đế lên đường về nước đến nay, trong lòng lúc nào cũng canh cánh, lưu luyến vô cùng. Đại hoàng đế nghĩ xuống đường sá xa xôi rong ruổi, trước đây theo dịch trạm gửi ban cho một hộp bánh sữa [妳餅], một hộp mút trái cây khô và một cuộn tranh vẽ dung nhan quê mùa của kẻ hèn này [陋容小照一軸].

Ơn thiên tử ló ló như thế khiến cho tôi tự thấy xấu hổ, không biết tu như thế nào mà được vậy. Lại nhận được dụ chỉ bảo đưa em trai em gái Lê Duy Kỳ và quyến thuộc hộ tống đến cửa quan.

Tôi được đội ơn rộng rãi của hoàng thượng, đối đãi chẳng khác gì cha con trong nhà nên ngài đã tính toán sâu xa, trước là để cho vẹn tình nghĩa với họ Lê, sau là để tuyệt hậu hoạ cho bản quốc. Lòng thể niệm chu đáo như thế thật quả là không chỗ nhỏ nhoi nào không tính đến.

Tiểu phiên bưng lên đọc mấy lần, hết sức cảm kích. Từ khi tôi được giao cho trị nước thay họ Lê đến nay mọi điều khu xử, nhất nhất sự tình không gì không thấu đáo, truyền chỉ đến nơi đến chốn, từ đầu đến cuối khiến cho ai ai cũng ngưỡng phục.

Tiểu phiên nhận được ân phong truyền đời giữ đất phương nam, không nỡ để cho tông miếu họ Lê một sớm suy sụp nên đã chọn con vua Lê cũ là Lê Duy Cận ban cho tước thượng công, đời đời cúng tế. Những tông tộc còn lại cũng đều cấp cho lộc ăn, người người đều yên ổn.

Đến như cựu thần nhà Lê thì cũng tùy theo tài năng mà thu dùng, ai không ra làm quan thì cho về quê sinh sống, người nào cũng an định cả. Chỉ có em trai Duy Kỳ là Duy Chỉ thì từ khi Duy Kỳ chạy rồi vẫn còn nghi ngại sợ hãi nên trốn ở Bảo Lạc¹⁶⁶ thuộc về Tuyên Quang, tụ tập những bọn bất sính, thỉnh thoảng lên ra. Tôi nghĩ y chỉ là một đứa trẻ con, sống thừa nơi rừng núi nên chẳng nỡ dùng binh tiêu diệt. Còn như ba cô em của y thì lưu lạc ở trong dân chúng, không biết tung tích ở đâu mà tôi cũng chưa có lúc nào rảnh rỗi để tuân theo ân chỉ truy tầm, cho người lùng sục tìm kiếm để dẫn họ đến cửa quan đưa lên kinh đô trên làm sáng cái đức nhân trời biển, che chở sinh thành của thánh thiên tử, dưới là để tỏ lộ cái nghĩa từ ái tuất cô của bản quốc thì thật là hay.

¹⁶⁶ Trong nguyên tác viết nhầm là Dư Lạc [餘樂]

Thế nhưng có lẽ bọn họ chạy trốn mong giữ chút hơi tàn, thấy cây cong cũng sợ nên lại càng cố ăn náu cho sâu, không chịu xuất đầu, tiểu phiến không thể ứng mệnh được nhưng cũng không thể biện bạch.

Tôi trộm nghĩ bọn họ đã nghi ngại rồi thì cần phải có gì làm tin, thực tình khai dụ mới khiến không còn ngờ vực. Vậy mong đại hoàng đế xét cho lời khẩn cầu của Duy Kỳ, nếu muốn cho một nhà đoàn tụ thì ra lệnh cho công trung đường [tức Phúc Khang An] khâm chỉ gửi dụ xuống truyền cho bản quốc một hiệu văn đến tiểu phiến để tuyên bố khắp nơi. Bọn họ một khi nghe được quả thực là lòng nhân chí nghĩa tận của đại hoàng đế, đứng là tiểu phiến tuân phụng thánh chỉ chứ không có bụng dạ nào khác mới mong hết nghi ngờ mà tự đến xin được đưa sang.

Khi đó tôi sẽ cung cấp quần áo, lương thực, sai người hộ tống xuất quan, giao cho phủ đài Quảng Tây, chuyển đưa lên kinh sinh sống.

Còn quyền thuộc của thủ hạ Duy Kỳ còn ở bản quốc nếu muốn đi cùng luôn thể thì tôi cũng sẽ tùy theo tình hình mà trình báo, hết sức đưa lên, không dám che giấu. Những việc trình bày ở trên cũng đều do lòng trung thành mong ngài thể lượng soi xét cho mà thay mặt tâu lên.

Tiểu phiến một lòng cung cần thành thực, mong được ơn cao dày chiếu xuống, ấy là đại nguyện vậy.

Một thời gian sau, khi thấy công việc chưa được trình báo, vua Càn Long lại gửi dụ tra hỏi, khi đó triều đình Tây Sơn trả lời có đoạn như sau:

Ngay khi về đến Hồ Nam tôi đã sức cho các viên mục bản quốc lưu thủ ở Thăng Long hãy hiểu dụ trước để cho thân quyến Lê Duy Kỳ các nơi đều kịp biết. Đến tháng Chạp, tôi vừa về đến quốc thành lập tức dụ ra khắp nơi để thần dân mọi nhà mọi người đều biết rằng thánh thiên tử có lòng tài bồi cho đạo tôn vong, kèm theo danh sách em trai, em gái, thê thiếp đầy tớ của Lê Duy Kỳ cùng quyền thuộc bọn tông nhân Lê Hân. Tôi cũng đem một trăm tờ cáo thị trong đó nói rõ tấm lòng truân thiết của thánh thượng, có đóng dấu của phủ bộ viện [tức tuần phủ tỉnh Quảng Tây], kèm theo danh sách tra tìm đem treo khắp những nơi rừng sâu xa vắng, không nơi nào không đến.

Cứ theo lời của em gái thứ Lê Duy Kỳ là Lê thị Ngọc Diệp đến trình thì y và chị thứ hai đều đã lấy chồng nên không muốn đưa sang, nay đã đưa giấy viết tay để chuyển sang cho Duy Kỳ biết. Còn người nhà của bọn Lê Hân cũng liên tiếp đến nơi, người thì nói là mình đang bị bệnh, người thì bảo rằng đã an cư, ai ai cũng viết thư để chuyển đi.

Xem như thế thì Lê Duy Kỳ mất nước chạy sang nội địa, quyền thuộc của y và những người đi theo lênh đênh lưu lạc [瑣尾流離] phiến đến thánh thượng phải thương xót. Thế nhưng những ai có chút kiến văn cũng phải nghĩ rằng không phải chỉ mình y ở trong hoàn cảnh thất tán dẫu xưa kia nước Sở mất con vượn¹⁶⁷ tình thế cũng không thay đổi được. Trừ những người đã chết rồi thì không tìm thấy, những người còn sống đều vui bề gia thất, sống nghiệp canh cửi.

¹⁶⁷北齊·杜弼《為東魏檄蜀文》：“但恐楚國亡猿，禍延林木；城門失火，殃及池魚。”

Nước Sở mất con vượn, hoả lây đến cả cánh rừng, trong thành lửa cháy, tai ương đến cả cá trong ao [tát nước chữa cháy nên cá không còn nước để sống].

Bản quốc thể theo đức nhân của hoàng đế nên vỗ về để cho mọi người tùy ý, ai nấy đều đã yên ổn. Chung qui ai cũng sợ đường xa, tuy với Lê Duy Kỳ vạn dặm chia lìa, nhưng trong khoảng trời che đất chỗ không vật gì không có chỗ dung, nay họ gửi thư trần tình rõ ràng nên chúng tôi cũng không có thể bắt ép họ phải ra đi được.

Chúng tôi còn đang sợ hãi không biết xử trí vụ án này thế nào thì nhận được ân luân của thánh thượng giáo huấn đến cả những điều nhỏ nhặt còn dụ của thượng hiến nói rằng để vỗ yên những người lưu vong nhưng sao đến nay chưa thấy một ai đưa sang, quả thực xấu hổ, bần hoàng còn dám nói hay sao được.

Nay xin gửi sang năm lá thư của bọn Lê thị Ngọc Diệp để làm bằng xin chuyển giao cho Lê Duy Kỳ tiếp nhận. Ngoài ra xin soi xét cho mọi việc nguyên do uẩn khúc để xin tâu lên rằng bản quốc đã khâm tuân, mong xét để miễn việc phải đưa họ qua.¹⁶⁸

Xem như thế trong ba cô em gái của vua Lê chỉ có một cô đi sang với anh, hai cô khác đã lấy chồng xin ở lại. Chúng ta hình dung được tới lúc này tình hình tương đối ổn định và miền Bắc cũng không còn bao nhiêu người mưu toan việc khôi phục như toan tính hay mơ tưởng của nhóm cự thần luyện cũ.

5.4.3. NỖ LỰC PHỤC QUỐC

5.4.3.1. ĐỜI SỐNG LƯU VONG

Việc một số đông người xin về nước đã khiến cho những người khác hoang mang đưa đến việc vua Lê cùng vài người tông vong cắt máu ăn thề sẽ một lòng không bỏ cuộc.

Khi phái bộ Quang Trung qua Bắc Kinh trở về rồi, vua Lê và tùy tùng biết rằng việc xin nhà Thanh giúp đỡ phục quốc không còn hi vọng gì nữa nên họ đành tính một kế hoạch nhỏ hơn. *Lê Quý Dật Sử* viết:

Tháng 10 [năm Canh Tuất, 1790], biết không thể trông cậy vào người nhà Thanh, vua Chiêu Thống cùng bề tôi đồng tâm quyết chí mưu tính kế khác, lựa chọn 10 người bề tôi: Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viêt Triệu, Lê Văn Trương, Lê Quý Thích và Nguyễn Đình Cẩm (người Từ Liêm), Lê Tùng (người Tây Đàm), Lê Thức (người Hoằng Hóa) cùng uống máu ăn thề, thảo tờ biểu...¹⁶⁹

Tuy không nói rõ là tờ biểu xin điều gì nhưng theo tài liệu nhà Thanh thì họ xin với vua Càn Long can thiệp để Nguyễn Quang Bình đem một trong bốn tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hoá cắt cho nhà Lê để phụng thờ tông miếu.

... Mùa đông năm ngoái [tức năm Canh Tuất 1790] bỗng bắt với đô thống cai quản Kim Giản khẩn khoản xin trở về An Nam, lại xin cấp cho một trong bốn xứ Cao Bình, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa để ở, ngu xuẩn hão huyền đến thế. Cứ theo đô thống Kim Giản tâu lên Lê Duy Kỳ tâm thương vô năng, nghe lời bọn Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân xúi bẩy nên vọng thỉnh chuyện đó. Còn bọn Lê Quang Duệ 20 người thì cũng không chịu lãnh lương cùng xin theo về đều là bọn gây chuyện nên đã xin phát vãng bốn tên đó [tức Hoàng Ích Hiểu, Phạm Như Tùng, Nguyễn

¹⁶⁸ *Dụ Am Văn Tập*, quyển IV [A.604/2]

¹⁶⁹ *Lê Quý Dật Sử* (1987), tr. 99-100

Quốc Đống, Lê Hân] ra Y Lê làm lính ăn lương, còn bọn Lê Quang Duệ thì đưa đi Giang Ninh an táp.¹⁷⁰

Nói đúng ra, việc xin một khu vực để dung thân không phải là chưa từng có trong lịch sử nước ta. Trước đây, khi con cháu nhà Mạc bị đánh bại chạy sang đầu hàng nhà Thanh, năm Khang Hy thứ 8 [Kỷ Dậu, 1669], vua Khang Hy cũng đã sai sứ sang bắt vua Lê Huyền Tông đem bốn châu thuộc Cao Bằng cho Mạc Kính Vũ (tức Mạc Nguyên Thanh theo sử nhà Thanh). *Khâm Định Việt Sử*, quyển XXXIII, tr 25-6 viết:

Tháng Giêng, năm ấy [tức năm Kỷ Dậu 1669] sứ nhà Thanh đến Thăng Long, triều đình nhà Lê dùng lý lẽ biện bác bắt bẻ, kéo dài đến hơn 10 ngày mới tuyên bố sắc văn, rồi lại bàn cho họ Mạc được giữ một châu Thạch Lâm, nhưng Lý Tiên Căn cũng cố giữ lễ, không nghe, thành ra giằng co đến hơn 40 ngày. Sau Tạc [chúa Trịnh Tạc] lấy cớ rằng “thờ nước lớn cần phải cung kính theo mệnh lệnh”, mới tâu với vua gượng gạo theo lời. Triều đình bèn bỏ đất bốn châu thuộc Cao Bằng cho Kính Vũ...¹⁷¹

Nay việc vua Chiêu Thống và tông thân xin một mảnh đất dung thân cũng không có gì trái lẽ. Tuy nhiên Thanh triều khi ấy đang có những liên hệ tốt với vua Quang Trung, không muốn làm điều gì bất lợi cho sự ổn định của An Nam nên không chấp thuận yêu cầu đó. Không những thế, những người chủ trương còn bị trừng phạt, Hoàng Đình Cầu, Bế Nguyễn Cung 49 người bị an trí tại Giang Ninh, cấp đất cho làm ruộng sinh sống, bọn Hoàng Ích Hiệu bị phát vãng sang tận Y Lê (Tân Cương)¹⁷², bọn Phạm Như Tụng thì bị đày lên Hắc Long Giang, Nguyễn Quốc Đống bị đưa qua Cát Lâm, Lê Hân (黎忭) bị đày đi Phụng Thiên, Lê Quang Duệ (黎光睿) cả bọn 20 người bị đày đi Nhiệt Hà, giao cho quan lại địa phương quản thúc để không còn có thể liên lạc với nhau.¹⁷³

Cũng theo tờ dụ ngày Giáp Tí [20] tháng Tư năm Càn Long 56 [1791], bọn Hoàng Ích Hiệu dù đã bị đi đày làm lính thú cũng chỉ được hưởng một nửa lương. Tấu thư của Kim Giản cùng với châu phê của vua Càn Long được gửi cho Nguyễn Quang Bình xem, vua Càn Long ra lệnh thân quyền người nào tìm được thì đưa sang, nếu chưa tìm được thì đình lại.

Vì việc này, bọn Lê Quýnh đang bị giam trong ngục cũng bị cô lập, không còn liên lạc được với vua Lê nữa. Vua Càn Long cũng ra lệnh cho Kim Giản quản thúc riêng một nơi [nguyên văn cấm cố] một số người [bao gồm thủ hạ của Đình Nhạ Hành, Phan Khải Đức, Lê Quýnh] không được tiếp xúc với bên ngoài.¹⁷⁴ Vua Chiêu Thống cũng bị cắt hết bổng lộc, chức tước nên đời sống càng thêm cơ cực.

5.4.3.2. VỤ ÁN PHỤC QUỐC

Nhân vật quan trọng nhất có thể gây khó khăn cho triều đình Tây Sơn là hoàng đệ Lê Duy Chỉ vẫn còn được một số dân thiểu số khu vực thượng du ủng hộ. Cuối năm Tân Hợi (1791), Nguyễn

¹⁷⁰ *Cao Tông thực lục*, quyển 1377, thượng dụ ngày Giáp Tí [20] tháng Tư năm Càn Long 56 [1791], Vương Tiên Khiêm, [Càn Long Triều] *Đông Hoa Tục Lục*, quyển 45, thượng dụ gửi Nguyễn Quang Bình ngày 20 tháng Tư, Càn Long 56, *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng*, tập XVI [1991] tr. 248

¹⁷¹ *Khâm Định Việt Sử*, tập II, bản dịch Viện Sử Học (1998), tr. 321

¹⁷² theo tài liệu nhà Thanh, Hoàng Ích Hiệu khi đến Tân Cương có vợ một con trai, sau có thêm một con gái. Con trai ông ta sau lấy vợ có một con gái.

¹⁷³ theo báo cáo của bộ Binh và Minh Thanh sử liệu.

¹⁷⁴ *Ngô Thì Nhậm tác phẩm I*, tr. 449

Quang Bình tiến hành hai chiến dịch, một mặt đích thân đem quân tiêu trừ các nhóm người Lào ở tây nam giáp với Nghệ An, một mặt sai quân lên đánh Lê Duy Chỉ, khi đó đang dựa vào bọn thổ tù là Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng hoạt động ở khu vực Tuyên Quang, Thái Nguyên.¹⁷⁵

Tuy hai chiến dịch ở hai xa hàng nghìn dặm, triều đình Tây Sơn khi gửi thư báo tiếp cho vua Càn Long lại tâu rằng những người trở về đã bí mật liên lạc với Lê Duy Chỉ, nhân danh vua Chiêu Thống để kêu gọi cần vương, liên kết với Tiêm La, Vạn Tượng toan đánh úp kinh đô Nghệ An. Chúng ta có thể ngờ rằng khi làm việc này, Nguyễn Quang Bình chỉ nhằm mượn tay nhà Thanh tiêu diệt luôn cả những người đang ở bên ngoài cho hết hậu hoạn.

Ngoài việc tâu với vua Thanh là Lê Duy Kỳ mạo chỉ bảo Lê Duy Chỉ tụ tập cất quân đón vua Chiêu Thống về nước, Nguyễn Quang Bình lại tạ ơn vua Thanh về việc giúp đỡ để trừ Lê Duy Chỉ [ông Hoàng Ba], có lẽ muốn nhắc đến việc nhà Thanh cho mượn đường Vân Nam để bắt được Lê Duy Chỉ đem về Thăng Long giết đi.¹⁷⁶ Việc giả mạo chiếu chỉ vua Thanh sau này không thấy các bầy tôi nhà Lê nhắc đến nên chúng ta ngờ rằng cũng chỉ là một việc bịa đặt để vu cáo vua Chiêu Thống.

Tuy nhiên, vua Càn Long không phải vì thế mà tin ngay nên Thanh triều đã cho điều tra khá kỹ lưỡng để tìm hiểu sự việc đưa đến một số hậu quả bất lợi khiến hao cảm của nhà Thanh với vua Quang Trung bị suy giảm khá nhiều.

Theo lời tâu của Quân Cơ đại thần điều tra cáo giác của triều đình Quang Trung về việc Lê Duy Kỳ âm thông với Lê Duy Chỉ để nổi loạn thì:

Ngày mồng 2 tháng Năm năm Càn Long 57 [1792]

Cứ như tờ biểu khai rằng những quyến thuộc của Lê Duy Kỳ ở nội địa được trả về [An Nam] an táp gồm hơn 80 người trong đó có thủ hạ của Đinh Nhạ Hành, Lê Quynh, Phan Khải Đức được Lê Duy Kỳ bí mật dẫn dò thông tin cho Lê Duy Chỉ trước đây ở biên giới thuộc Bảo Lạc,¹⁷⁷ dụ dỗ hào mục các xứ để khởi binh, lấy danh nghĩa đưa Lê Duy Kỳ về nước. Hai tù trưởng nước Vạn Tượng là Thủy và Hỏa cũng là đồng đảng của y, nổi lên ở Hoan Diên làm thế ý giốc. Các xứ Trấn Ninh, Trịnh Cao, Qui Hợp và Tiêm La cũng đồng thời nổi lên định đánh lấy kinh đô Nghệ An. Vậy nay xin thánh thượng như

¹⁷⁵ Thực ra, chiến dịch Vạn Tượng còn có những lý do khác, liên quan đến việc một số tiểu quốc muốn thoát ra khỏi sự kiềm chế của Xiêm La và sự bành trướng thế lực của Tây Sơn để kiểm soát khu vực trung-nam Lào ngăn chặn việc chúa Nguyễn cầu kết với Xiêm La tạo thành một gọng kìm ở phía tây vương quốc An Nam. Cũng nên thêm rằng tuy vua Quang Trung đích thân cầm quân nhưng một trận dịch về đường ruột – như các tài liệu bên ngoài ghi nhận – đã khiến quân Tây Sơn phải rút về và kế hoạch không thể tiến hành đến rốt ráo. Chính bản thân Nguyễn Huệ cũng bị nhiễm bệnh và việc ông thân chinh trong chiến dịch này với cái chết hết sức đột ngột vào mùa thu năm đó có thể có liên quan. Xem thêm “Chiến Dịch Sau Cùng của vua Quang Trung” [dựa vào tài liệu trong The Lao-Tayson Alliance, 1792-1793 của Kennon Breazeale], (bản dịch NDC)

¹⁷⁶ Trong tờ biểu Nguyễn Huệ gửi vua Càn Long có câu:

臣仰見聖天子明見萬里，不是於形迹間見之，寔是察他心術，聖主為臣志善者。

Thần ngưỡng kiến thánh thiên tử minh kiến vạn lý, bất thị ư hình tích gian kiến chi, thực thị sát tha tâm thuật, thánh chúa vi thần chí thiện giả. *Thần ngẩng lên thấy thánh thiên tử nhìn xa vạn dặm, không chỉ thấy hình tích bên ngoài mà còn biết rõ cả tâm thuật của y nữa nên thánh chúa đã vì thần mà làm cho chí của thần được thành tựu.* Ngô Thi Nhậm tác phẩm I (2001), tr. 826

¹⁷⁷ Bảo Lạc dưới thời Lê là một châu thuộc đạo Tuyên Quang, nay thuộc Cao Bằng. Xem thêm Đỗ Tuân, “Tuyên Quang, tên gọi một vùng đất”, Xưa & Nay, số 339 (9-2009), tr. 30-1

lòng trông xuống ra lệnh cho các ti phân xử mình bạch tội trạng của bọn Lê Duy Kỳ, Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức.

Bọn thân lập tức tra xét Lê Duy Kỳ:

Làm cách nào có thể ám thông tin tức với những người được đưa về An Nam? Viết thư thế nào? Giao phó cho ai? Dẫn Lê Duy Chỉ cầu kết ra làm sao? Lôi kéo tụ tập ở đâu?

Những việc đó tra hỏi thật là gắt gao.

Lê Duy Kỳ khai rằng:

Duy Kỳ từ khi đến kinh đô, được ơn trời của đại hoàng đế, cho gia nhập vào kỳ binh, cho chức vụ bổng lộc. Duy Kỳ vì nhầm lẫn nghe lời Hoàng Ích Hiểu xin được an táp ở Cao Bằng, Lạng Sơn các nơi đó đến nỗi bị cách cả chòm mũ và đai [tức chức tước của nhà Thanh, phân biệt theo chòm mũ và màu đai] cùng bổng lộc, bị cấm cố không cho đi đâu, do đó thống của chúng tôi [Lê Duy Kỳ bị nhập vào kỳ binh dưới quyền của đô thống] là Kim đại nhân [Kim Giản] quản thúc cực kỳ nghiêm mật.

Những người được trả về An Nam đều khởi hành cách biệt, Duy Kỳ chưa từng được gặp họ bao giờ, cũng chẳng được biết việc họ được trở về An Nam thì làm thế nào mà lén lút dận dò họ đưa tin về.

Đến như năm trước Duy Kỳ vì một lúc hồ đồ nên nghe lời Hoàng Ích Hiểu mạo muội trình xin, tới nay hối hận không kịp thì đâu còn dám vọng tưởng gì nữa. Việc Duy Kỳ ám thông tin tức hoàn toàn không có thật, chỉ mong mình sát cho.

Bọn thân sau đó lại cho gọi bọn đang bị gông xích trong ngục là Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức chia ra từng người tra hỏi.

Đinh Nhạ Hành khai rằng:

Những người dưới quyền quản lãnh của Nhạ Hành đều là phụ nữ, trẻ con. Trong số hơn 80 người đưa trở về An Nam không có ai là thủ hạ của Nhạ Hành mà khi họ được đưa về cũng không được gặp lần nào nên không thể dận dò gì cả. Còn gia quyến thân thuộc của Nhạ Hành đều ở kinh thành, chỉ sợ phạm tội liên hệ đến người thân nên không thể có chuyện thông tin, mà cũng chẳng có bụng thông tin nữa. Chỉ mong xét rõ sự tình cho.

Phan Khải Đức khai rằng:

Trong số hơn 80 người về nước có 24 thủ hạ của Phan Khải Đức, trước đây tuy có gặp nhưng nhưng lúc đó chưa có tin gì là sẽ về An Nam. Vậy thì Khải Đức làm sao đoán trước được rằng họ sẽ trở về để mà dận dò.

Kể từ năm ngoái bắt giam Khải Đức đến nay, Kim đại nhân cai quản rất nghiêm ngặt, không cho gặp họ bao giờ thì làm sao dận dò thế nào được. Quả thực không có chuyện nhử nhử gì cả.

Lê Quýnh khai rằng:

Trước đây Quýnh gõ cửa quan xin binh cứu viện thì lập tức được Phúc công gia gọi vào. Sự tình gấp rút, không kịp dận dò một người nào. Về sau khi giải lên kinh đô, Quýnh vì không chịu cắt tóc, đổi y phục nên bị giam tại đề lao hạng nặng ở bộ Hình. Nơi đây giám sát, quản thúc gắt gao, đến như Lê Duy Kỳ cũng chưa từng được gặp lần nào. Những

người An Nam đến kinh cũng chưa gặp một ai cả. Họ ở kinh thành hay họ về An Nam Quýnh đều không hề biết gì hết thành ra không thể thông tin cho ai. Đó là tình thực.

Bọn thần lại đem các can phạm này hỏi qua hỏi lại nhưng đều khẳng khái một lời như vậy không thay đổi. Tra năm trước nhóm Nguyễn Đình Bái hơn tám mươi người thì đô thống Kim Giản vừa nhận được dụ chỉ lập tức áp tống lên đường ngay, sự việc trong khoảnh khắc, lời khai của bọn Lê Duy Kỳ nói rằng không biết tin và không hề gặp nhau có thể tin được nên không thể xin gia tăng tội lên.

Nay theo biểu văn của quốc vương Nguyễn Quang Bình nói rằng có chứng cứ bọn thủ hạ của Đinh Nhạ Hành, Lê Quýnh, Phan Khải Đức được Lê Duy Kỳ lén lút dẫn dò thông tin với Lê Duy Chỉ để cầu kết hẹn ước khởi binh [châu phê: Người này có thực]. Vì thế không thể theo lời khai một bên của Lê Duy Kỳ để mà bỏ qua không tính đến. Vậy xin hoàng thượng hạ sắc cho quốc vương Nguyễn Quang Bình tra xét rõ ràng xem số hơn 80 người đưa trở về nước thì người đưa thư thuộc nhóm nào, lá thư ấy hiện nay ở đâu, người đưa thư tên là gì cần phải tìm ra cho xác thực.

Sau đó quốc vương sẽ đem lá thư và người đưa thư đó sai quan đưa đến Trấn Nam Quan giao cho tuần phủ Quảng Tây Trần Dụng Phu cử người xích lại áp giải lên kinh. Khi đó bọn thần sẽ đưa các phạm nhân ra đối chất tận mặt, bọn Lê Duy Kỳ sẽ không còn nói quanh co được nữa.

Nếu như quả thật có lén lút dẫn dò người về thông tin, bằng cứ rõ ràng thì bọn thần sẽ lập tức xin định nghị lại bọn Lê Duy Kỳ, tội danh xin bệ hạ giáng chỉ biện lý cho xứng đáng với hiến điển để làm gương cho mọi người.

Bọn thần đem duyên do thăm vấn kính cẩn cung triệp tâu lên, sai đúng thể nào xin đợi hoàng thượng ra lệnh xuống cho bọn thần theo đó mà làm, còn tuần phủ Quảng Tây chuyển cho quốc vương khâm tuân biện lý.¹⁷⁸

5.4.3.3. VUA LÊ QUA ĐỜI

Kể từ sau vụ án “ám thông tin tức”, sự tuyệt vọng cũng đưa đến những hành động làm liều – đa phần vì uất ức hơn là chống đối. Một hôm vua Chiêu Thống đến phủ đệ của Kim Giản để giải bày bị quân gác cửa lôi kéo nên người dắt ngựa cho ông là Nguyễn Văn Quyên¹⁷⁹ lên tiếng chửi bới, bị chúng xúm vào đánh trọng thương, về ốm chết. Vua Thanh ban cho hai chữ Mã Đồng [người hầu ngựa] và hai hàng chữ “Lâm Nạn Bất Cầu, Tuân Tiết Cô Trung” [臨難不苟，殉節孤忠] nghĩa là khi gặp nạn không cầu an, cô trung nên tuân tiết. Khi di hài Nguyễn Văn Quyên đưa về nước, Nguyễn Huy Túc có làm một bài ca ngợi tên là “Mã đồng hãn quân lụy”, đặt tên cho Quyên là “Trung Tráng Công” và một bài thơ để phúng điếu.¹⁸⁰

Vua Lê càng buồn rầu vì tình thế nhất là cũng vào khoảng thời gian đó, ngày 20 tháng Năm năm Nhâm Tý (1792), con trai [duy nhất] là Lê Duy Thuyên lên đàu qua đời.

¹⁷⁸ Văn Hiến Tùng Biên “An Nam Đáng” (Đài Bắc: Quốc Phong, 1964), tr. 412-3 (NDC dịch)

¹⁷⁹ Người làng Bồ Vệ, tỉnh Thanh Hoa.

¹⁸⁰ Phan Thúc Trực, Quốc Sử Di Biên (bản dịch Hồng Liên Lê Xuân Giáo) tập thượng (1973) trang 162-9

Đến tháng Chín năm Quý Sửu (1793), vua Lê bị bệnh nặng, các bầy tôi ở các tỉnh biết tin đều viết thư thăm hỏi. Gia đồng của Phạm Như Tùng là Lê Huy Vượng ở cạnh vua hầu hạ thuốc thang, vua cho đổi tên là Duy Khang, nhận làm con nuôi để sau này cúng tế và hầu thái hậu.

Tháng Mười năm ấy, bệnh vua Lê nặng thêm nên gọi các bầy tôi lại di mệnh rằng:

Gặp khi vận nhà suy kém, không thể liều chết để giữ xã tắc, phải chạy sang đất người để mưu đồ khôi phục. Không ngờ lại bị người lừa dối, để đến nỗi như thế này, không còn biết làm sao được. Ngày sau các người trở về nước nhà được, nhất thiết phải mang nắm xương tàn của ta về chôn ở nước nhà để làm cho chí của ta được tỏ.¹⁸¹

Vua Chiêu Thống mất ngày 16 tháng Mười năm Quý Sửu (1793) thọ 27 tuổi (1866-1793), được mai táng theo nghi thức tước Công tại ngoài cửa Đông Trực [東直], phía bắc Tân Trang, con nuôi Lê Duy Khang thế tập.

Bảy năm sau, Gia Khánh thứ 5 [1800],¹⁸² Thanh triều mới phóng thích bọn Lê Quýnh, cho an táp ở xưởng Lam Điện [藍靛] bên ngoài Hỏa Khí Doanh. Họ được cấp lương thực, đầu tóc, y phục được tự do [không bị bắt buộc phải theo tục nhà Thanh] và họ được đi lại như những người khác mặc dù vẫn bị giám sát. Theo bài “Cầm Tác” của Lê Quýnh thì cứ bốn ngày ông lại đi thăm mộ vua Lê một lần, lần nào cũng có binh mã của Hỏa Khí Doanh đi theo.

5.5. TÌNH HÌNH TẠI TRONG NƯỚC

Giữa năm Nhâm Tý (1792), sau khi thắng trận ở Nam Lào, [tuy chưa hoàn toàn thành công] vua Quang Trung rút quân về Nghệ An. Việc ông triệt binh khá đột ngột khiến chúng ta liên kết với việc quân Tây Sơn bị nạn dịch trong khi hành quân [như Kennon Breazeale ghi nhận]. Chính bản thân ông cũng bị bệnh - có thể thuộc loại thương hàn ngã nước là căn bệnh tối nguy hiểm ở khu vực rừng núi tây Trường Sơn - đưa đến cái chết khá đột ngột vào mùa thu năm đó. [Nhâm Tý, 1792].

Vì việc rút quân không tiên liệu, nhiều *mường châu* [tù trưởng thiểu số] vẫn tiếp tục đưa người sang liên lạc để phối hợp hành quân, có lẽ vẫn nghĩ rằng sở dĩ Tây Sơn chưa động binh vì thời khắc không thuận lợi. Cuối năm đó, sau khi vua Quang Trung qua đời, vua Cảnh Thịnh nổi ngôi, triều đình Tây Sơn tiếp tục gửi một vài sứ bộ sang để điều tra tình hình nhưng có lẽ chỉ nhằm đánh lạc hướng sự dò thám của đối thủ hơn là thực sự còn muốn đi nốt chiến dịch này.

Việc Nguyễn Quang Bình bị bệnh cũng có thể được triều đình Tây Sơn giữ kín một thời gian như một vài giả thuyết của một số nhà nghiên cứu gần đây.¹⁸³ Sau khi Nguyễn Quang Bình mất, dư đảng nhà Lê lại nhân cơ hội nổi lên. Sử triều Nguyễn chép:

... Trước là ở Bắc Hà nghe tin giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ chết, nơi nơi đều nổi dậy, cùng suy tôn Lê Duy Vạn (con Lê Hiến tông) lên làm minh chủ. Duy Vạn bèn sai thuộc hạ là bọn Cai cơ Chấn bày người đưa thư hẹn ta cử binh để trong ngoài ứng nhau. Chấn

¹⁸¹ *Lê Quý Dật Sử* (1987), tr. 110-1

¹⁸² sau khi vua Càn Long là thái thượng hoàng qua đời

¹⁸³ Xem Hoàng Xuân Hãn, *La Sơn Phu Tử* (1952) phụ lục “Ngày Giở Quang Trung Mất”, tr. 156-160 (trích từ báo Dư-luận, Hà Nội 1946, số 28, tr. 5)

*mượn đường thượng đạo đi sang Xiêm, người Xiêm đưa sang ta, giữa đường bị giặc biển Chà Và bắt đem bán ở Hạ Châu (Singapore).*¹⁸⁴

Theo tình hình mà xét, những người từ Trung Hoa về nước mang theo tin vua Chiêu Thống và một số bầy tôi đang ở Bắc Kinh đưa đến một số phỏng đoán khiến nhóm hoài Lê toan tính hành động ở nhiều nơi nhưng chỉ mượn danh nghĩa Lê Duy Kỳ chứ chưa hẳn hai bên đã có những liên lạc cụ thể. Nhóm Nguyễn Huy Túc và hoàng phi Nguyễn Thị Kim cũng tính đường sang Trung Hoa tìm vua Lê nhưng không thực hiện được.

Tuy nhiên, ảnh hưởng quan trọng nhất có lẽ về tinh thần hơn là vật chất. Tin vua Lê còn sống đưa đến những tin tưởng lạc quan, những hi vọng về một triều đình ở bên ngoài. Niềm tin hào huyền cũng có thể chính là đầu mối những chuyện được dựng lên về sự trá ngụy của Nguyễn Huệ, của Nguyễn Quang Toản và những mâu thuẫn [tưởng tượng] giữa hai triều đình Thanh – Việt. Đến khi việc cầu viện nhà Thanh đã nguội lạnh, sĩ phu Bắc Hà lại trông ngóng chúa Nguyễn từ trong nam ra. Không có thực lực thường dễ đi đến việc mong đợi một cơ duyên ở bên ngoài nên thời đó nhiều người đã chạy trốn sự thật bằng những buổi cầu tiên [đồng thiếp] hay sấm vĩ huyền hoặc.

Trong suốt thời kỳ Nguyễn Ánh và nhà Tây Sơn còn đang tranh chấp, các di thần nhà Lê vẫn tin tưởng rằng một khi chúa Nguyễn đánh bại triều đình Cảnh Thịnh, khu vực miền Bắc sẽ được giao trả cho con cháu nhà Lê. Cuối năm Tân Dậu (1801), Lê Huy Dao còn tự đặt ra một bài hịch nhan đề “*Dụ Bắc Thành Trung Nghĩa Hào Kiệt*”, thác danh chúa Nguyễn kêu gọi những nhóm phù Lê miền Bắc nổi lên chống lại nhà Tây Sơn.¹⁸⁵ Chỉ đến khi vua Gia Long lên ngôi và cho người sang Tàu cầu phong, những mong đợi của họ mới hoàn toàn nguội lạnh.

5.6. SAU KHI NHÀ TÂY SƠN BỊ DIỆT

1. Chính sách của tân triều

Khi chúa Nguyễn Ánh kéo quân ra bắc, các phần tử nhà Lê cũ khắp nơi hưởng ứng. Ngày mùng một tháng Hai năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Quang Toản sai Nguyễn Đăng Sở sang nhà Thanh cầu viện. Sứ thần Tây Sơn đi đến Thông Nguyên thì vua Thanh nhận được tấu văn của tri phủ Thái Bình:

“Nguyễn Quang Toản nước Nam đã gây cuộc binh đao với quốc trưởng Nông Nại, thành Thăng Long sắp sửa thất thủ đến nơi”.

Vua Gia Khánh bèn ra lệnh cho sứ Tây Sơn trở lại Quảng Tây, về Nam Quan dừng lên Bắc Kinh nữa. Nguyễn Đăng Sở ngậm ngùi quay về. Trong tình thế nguy cấp đó, hào kiệt các nơi nổi lên. Ngày 25 tháng Hai, Trương Chí và đồng bọn đốt hơn một nghìn nóc nhà, đập phá dinh tư mã Dũng. Trương Chí bị bắt và bị giết, gia sản bị tịch thu.

Ngày mùng 7 tháng Ba, Nguyễn Trọng Tổng dấy binh đánh Phao Sơn bị thua. Tháng Năm năm Nhâm Tuất, chúa Nguyễn lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu Gia Long rồi đem quân đánh Nghệ An, Nguyễn Trọng Tổng tới xin nhận chịu quyền tiết chế của triều đình.

¹⁸⁴ *Đại Nam Thực Lục*, đệ Nhất kỷ, quyển VI, tr. 292

¹⁸⁵ Hoàng Xuân Hãn “Phe Chống Đảng Tây Sơn ở Bắc với tập Lữ Trung Ngâm” *Tập San Sử Địa* 21 (Saigon, 1-3 1971) tr. 15

Tháng Sáu, vua Gia Long tiến đánh Thanh Hoa, con cháu nhà Lê là Lê Duy Đạt nổi binh hưởng ứng, được giao cho giữ Trấn Ninh. Nguyễn Quang Toàn chạy đi Lạng Giang [Kinh Bắc, giáp giới Lạng Sơn] nhưng đến Thọ Xương thì cầu đã bị dân phá nên phải cưỡi voi qua sông. Nguyễn Quang Thùy chạy đến Trụ Hữu (Bào Lộc) thì tự tử. Dân chúng bắt được Nguyễn Quang Toàn và em là Nguyễn Quang Thiệu đưa về Thăng Long.

Tháng Chín năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long nguyên niên, vua Thế Tổ nhà Nguyễn (Nguyễn Ánh) cho tìm dòng dõi nhà Lê. Phiên thần Thái Nguyên Ma Thế Cổ tâu là Lê Duy Hoán [con trai của Duy Chỉ, cháu gọi vua Chiêu Thống bằng bác ruột] còn ẩn nấp ở đây. Vua Gia Long phong cho Lê Duy Hoán làm Diên Tự Công, thế tập tước vị và 10,000 mẫu tư điền để thờ cúng lăng miếu.¹⁸⁶

2. Xin đưa hài cốt về quê quán

Sang đời Gia Khánh, nhất là từ khi Thái Thượng Hoàng Cao Tông qua đời, vấn đề nước ta không còn được quan tâm như trước. Ác cảm với nhà Tây Sơn khiến cho Thanh triều tỏ thái độ lạnh nhạt, trong nhiều trường hợp còn vu hãm cho triều đình An Nam những việc không có thật, đổ tội cho Nguyễn Quang Toàn dung chứa giặc bể mà thực ra là quan lại nhà Thanh bắt tài.

Những người theo vua Lê sang Trung Hoa tuy không còn bị quản thúc nhưng việc nước non cũng tạm lắng xuống. Theo *Quốc Sử Di Biên* thì:

... Nguyên trước kia, vua tôi nhà Lê cư ngụ ở bên nhà Thanh [từ năm Tân Hợi, 1791] lên đêngh lưu lạc, chỉ còn sống sót được vài chục người. Phần nhiều những người theo hầu hạ nhà vua ngày trước đã lấy vợ người Tàu và sanh con. Các ông Doãn-Hữu [tức Lê Quýnh] bị cầm chân ở đất Tàu quá lâu ngày, chỉ còn một cái mào rách mang theo đã hơn 10 năm.

Năm Canh-thân (1800), vua Gia-khánh nhà Thanh được sách lập lên nối ngôi.¹⁸⁷ Các ông Doãn Hữu may được vua Thanh cho tại ngoại, mới nghe nói tang lễ vua Lê đã thành phục...¹⁸⁸

Khi nghe tin nhà Tây Sơn bị diệt vong, nhóm Lê Quýnh tìm cách xin đem hài cốt vua Chiêu Thống, thái hậu và nguyên tử về nước nhưng Thanh đình không trả lời vì chưa có sự thỏa hiệp với nước ta.

Đến khi sứ thần nhà Nguyễn sang cầu phong, trong phái bộ có con của Lê Quýnh là Doãn Trác [允倬]. Theo tài liệu của nhà Thanh, Lê Quýnh lấy cớ là đi thăm mộ vua Lê có lên đi Trác Châu [涿州] để hỏi tin con, nhờ phái bộ xin với vua Gia Long để đưa di hài vua Lê về an táng. Vua Gia Long bằng lòng nên nhà Thanh cũng phóng thích tất cả những tông vong nhà Lê, ai muốn trở về đều được chấp thuận.

5.6.1. HỒI QUI CỐ QUỐC

Năm Giáp Tý (1804), quan tài Lê Duy Kỳ từ Trung Hoa được đem về nước. Sau 15 năm lưu lạc, một số lớn đã xin hồi hương khi phái đoàn Quang Trung sang Trung Hoa dự lễ khánh thọ của

¹⁸⁶ *Đại Nam Thực Lục*, đệ nhất kỷ, quyển XVIII, trang 524-5

¹⁸⁷ Thực ra vua Gia Khánh lên ngôi từ năm Bính Thìn [1796] nhưng vì còn Thái Thượng Hoàng nên không tự quyết được nhiều điều, đến năm Kỷ Mùi [1799] vua cha Càn Long mất, mới thực sự thu tóm quyền hành.

¹⁸⁸ *Quốc Sử Di Biên* (1973), tr. 138

vua Cao Tông, những người khác đã ổn định, số người còn sống theo linh cữu vua Lê chỉ chừng vài mươi người.

Ngày 24 tháng Ba [năm Giáp Tý] bọn Lê Quýnh khâm liệm di cốt của vua Lê, quốc mẫu [thái hậu], nguyên tử và những người đi theo đã qua đời, tất cả 18 cỗ quan tài. Những người về nước lại được chia thành ba nhóm do quan nhà Thanh hộ tống về Nam Quan.¹⁸⁹

Tháng Bảy năm đó, Lê Quýnh và mọi người về đến Nam Quan rồi vào trấn Lạng Sơn. Tông thần đặt hương án vua Lê ở ngoài thành, hiệp trấn Lạng Sơn Nguyễn Duy Thán cùng các cựu thần đến khóc trước linh cữu. Vì chưa được phép của triều đình, tất cả 18 cỗ quan tài phải để tại đây để Lê Quýnh về Thăng Long trình báo với tổng trấn Nguyễn Văn Thành và tán lý Đặng Trần Thường.

Giữa tháng Tám, Lê Quýnh lên đường vào kinh đô Huế để xin được phép đem di hài vua Lê về táng ở làng Bồ Vệ. Cuối tháng Chín, khi việc phép tắc đã xong, Nguyễn Văn Thành cho lính và đình phu lên Lạng Sơn đưa quan tài về Thăng Long, đặt tại nhà Diên Tự Công Lê Duy Hoán. Cựu thần nhà Lê mặc đồ tang đến viếng vua Lê, còn thi hài những người tông vong thì được thân nhân nhận về an táng.

Có lẽ những di thần nhà Lê cũng nghĩ rằng vua Gia Long là hậu duệ của chúa Nguyễn ắt vẫn còn tình nghĩa với cựu triều và sẽ cho hưởng một số ân huệ nhưng mọi đòi hỏi đều không thành công và các ưu đãi chỉ đến thế. Những ai mưu tính xa xôi hơn hay không yên phận về sau cũng đều bị trừng trị. Chính vì thế ngay từ đầu triều đình nhà Nguyễn cũng đã dứt khoát không để việc đi xa hơn. *Đại Nam Thực Lục* chép lời của triều thần bàn về việc tang lễ vua Lê:

- Hoàng thượng ra ơn với triều trước, kẻ còn người mất đều được nhờ, rất là nhân vậy. Nay quan tài vua Lê đã đưa về, nhờ lượng thánh đoái thương, nhưng nên cấp cho tiền gạo để tỏ hậu đạo, chứ nếu lấy lễ khách mà đãi, sai quan đến viếng thì về nghĩa e chưa được ổn. Lại nếu họ Lê có xin đặt thủy, bọn thân thấy đã không đúng nghĩa thì không nói được, vậy không nên cho hiệu là phải.

Vua Gia Long cho 700 quan tiền, 500 phương gạo và dùng binh thuyền hộ tống về táng ở Thanh Hoa.¹⁹⁰

5.6.2. LỄ MẬT TIẾT NGHĨA TỪ (黎末節義祠)

Đến đời Tự Đức, theo lời tâu của đình thần, vua Dục Tông cho sưu tầm lại tên tuổi, công nghiệp và tính cách của những người tiết nghĩa cuối đời Lê để xây đền thờ gọi là Lê Mật Tiết Nghĩa Từ (黎末節義祠) ở Hà Nội.

Theo lời tâu của bộ Công và bộ Lễ thì ngôi đền này thờ chính giữa là Lê Quýnh, bên trái 11 người, bên phải 11 người thêm hai điện nhỏ đông tây mỗi bên 5 người, tất cả 33 người. Trong số này, một số theo vua Lê chạy sang Trung Hoa, một số khác đã chết khi chống với nhà Tây Sơn. Những người đã theo vua Lê nhưng sau lại xin về thì không được đề cập đến.

Việc lập từ này thực ra không nhằm mục đích tôn vinh triều Lê mà muốn nêu gương trung nghĩa cho người sau, khuyến khích dân chúng cũng trung thành với triều Nguyễn như vậy.

¹⁸⁹ Nhóm thứ nhất gồm vợ con, gia đình các vong thần, nhóm thứ hai gồm những người phụ trách việc đưa di hài về nước, nhóm thứ ba bao gồm những người còn lại. *Quốc Sử Di Biên* (1973), tr. 141

¹⁹⁰ *Đại Nam Thực Lục*, Đề Nhất Kỷ, quyển XXV, bản dịch Viện Sử Học, tập Một (2002), tr. 615

PHẦN VI

NHÂN CÁCH VÀ TÀI NĂNG

Hầu hết người ta khi nhắc đến Lê Chiêu Thống thường kèm theo những lời trách cứ, nhẹ nhất cũng kết án ông là phường bán nước. Tội danh đó tùy theo sự nhận định của mỗi người nhưng hầu hết chỉ làm công việc lập lại một định kiến có sẵn. Cũng nên thêm, việc kết án này chỉ mới xuất hiện gần đây, trong những tài liệu vào đầu thế kỷ XX, các sử gia đề cập đến vua Lê thường tỏ ra thương cảm hơn là kết án.

Trong phần này, chúng tôi thử đánh giá lại ông qua những gì chúng ta còn có được.

6.1. TỘI DANH

6.1.1. VỤ ÁN SÁT THÚC, DÂM MUỘI

Trong những tội danh mà nhà Tây Sơn gán cho ông, có bốn chữ “*sát thúc, dâm muội*”. Những tội ác này được nhắc đến nhưng không thấy đưa ra một chứng cứ rõ rệt. Về việc dâm muội thì chúng ta biết ông có một vợ [họ Nguyễn] và hai người thiếp [họ Lê, họ Nguyễn].¹⁹¹ Có lẽ vợ ông là Nguyễn Thị Kim, người làng Tì Bà, [em của Nguyễn Quốc Đống] cũng là bản quán của thái hậu (mẹ ông) nên có thể có liên hệ họ hàng xa. Hai người có một người con là Lê Duy Thuyên, cũng mất sớm. Lê Duy Kỳ khi sang Trung Hoa không lấy vợ khác, bà Nguyễn Thị Kim thủ tiết rồi tự tử khi di thể của chồng được đưa về. Ngoài vợ cả là vương phi họ Nguyễn xuất hiện khi quan tài vua Lê về nước rồi tự tử chết theo, hai người vợ lẽ họ Lê và họ Nguyễn, không biết về sau ra sao.

Còn chuyện sát thúc thì được nhắc lại trong sử triều Nguyễn cho rằng hành vi trả thù này được thi hành khi ông đang ở Thăng Long dưới sự bảo hộ của quân Thanh. *Khâm Định Việt Sử* chép như sau:

*... Nhà vua có tính hẹp hòi, khắc nghiệt. Trong họ tôn thất có người phụ nữ lấy tướng giặc, đang có mang cũng bị nhà vua sai mổ bụng chết. Lại sai chặt chân ba người hoàng thúc, quăng ra chợ cùng (chợ ở trong cung). Lòng người dần dần ngò vức, không nhất trí.*¹⁹²

Những chi tiết về tội ác đó cũng được lập lại trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí:

*...Ngoài ra, có ba người chú vua liên lạc với Tây Sơn, lại gả con gái cho họ, đều bị vua ngầm sai người bắt đem chặt chân, rồi vứt xuống cái giếng ở trong cung.*¹⁹³

Thực ra, như trong lá thư của Lê Duy Cẩn gửi Tôn Sĩ Nghị từ trước khi quân Thanh tiến binh đã nhắc đến vụ án này xảy ra khi Nguyễn Hữu Chỉnh cầm quyền mà chúng ta còn biết được tên ba người này là Lê Duy Lữ, Lê Duy Lân, Lê Duy Hội. Như vậy sự việc xảy ra không biết chính xác lúc nào và cũng không rõ nguyên ủy, do tranh chấp quyền hành hay vì ở trong một âm mưu của họ Lê chống lại Công Chính. Phía Tây Sơn cũng còn nhắc đến những việc “*sát hại công thần*”, chẳng hạn vụ Dương Trọng Tế [tức Khiêm] nhưng theo nhiều tài liệu cùng thời, họ Dương tuy có học [đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất 1754] nhưng tâm địa phản trắc, một trong những thành phần muốn đưa họ Trịnh trở lại nắm quyền nên khi thua trận bị dân bắt giải đến kinh đô.¹⁹⁴

¹⁹¹ Trung Quốc Đế Nhất Lịch Sử Đáng Án Quán, *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng*, tập XVI (Canh Tuất, 1790) [Bắc Kinh: Đáng Án, 1991] tr. 4-5

¹⁹² *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 844

¹⁹³ *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (2002), tr. 365

¹⁹⁴ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 812

Việc vua Lê mở bụng đàn bà có mang vì đã có thai với tướng Tây Sơn cũng không có chứng cứ gì. Đáng để ý nhất là khi Tôn Sĩ Nghị muốn đưa Lê Duy Cận về Trung Hoa để bày biệt xử, chính Lê Duy Kỳ đã không chịu và xin cho ông này ở lại nước cho thấy ông không phải là người tàn ác.

Tội lỗi của vua Chiêu Thống còn được kẻ thù ghét dùng ngay mẹ ông để tô điểm và nhấn mạnh:

...Kịp khi ấy, Thái hậu ở Cao Bằng¹⁹⁵ về, vừa tới Kinh, thấy vua chỉ thích làm những việc báo ân báo oán trái với phép thường như vậy, bèn nổi giận nói:

- Ta phải trèo đèo lội suối khó nhọc vất vả mới xin được quân sang đây... Phỏng chừng nhà nước chịu được mấy phen ơn, thù phá hoại như thế? Nếu cứ cách ấy mà làm thì trị sao được thiên hạ? Gái già này lại đến làm đũa lưu vong mất thôi!

Rồi Thái hậu gào khóc, không chịu vào cung.¹⁹⁶

Thực ra, mãi đến đêm Trừ Tịch (30 tháng Chạp) Tết năm Kỷ Dậu, thái hậu và những người tòng vong mới về đến bờ sông Nhị Hà, vào đến nơi là Tết Nguyên Đán. Hôm sau mùng Hai đã nghe tin quân Tây Sơn đánh ở phía Nam, anh em vua Lê lo việc đốc thúc quân Cần Vương lập phòng tuyến trấn thủ. Những việc kể lại trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* về việc quân Thanh và vua Lê ở Thăng Long phần nhiều là bịa đặt mặc dù có thể có một số bày tỏ lợi dụng thời cơ để dèn on trả oán.

Chính những chi tiết lấp lửng với dụng ý cho rằng vua Lê cậy thế quân Thanh để làm những điều bất nghĩa đã khiến cho hậu nhân tin chắc Lê Duy Kỳ là một hôn quân, tàn nhẫn.

6.1.2. CẦU VIỆN NHÀ THANH

Việc cầu viện nhà Thanh trước đây sử nước ta vẫn đồ rìet cho mẹ con vua Chiêu Thống thực ra còn nhiều uẩn khúc, bề ngoài lấy tiếng là cứu giúp một triều đại đã thần phục hơn trăm năm nhưng bề trong do Thanh triều, cả chính sách chung lẫn tham vọng riêng. Những gì có tính hình thức chỉ để hợp thức hóa tham vọng của họ.

Chính vì thế, khi thấy đối tượng không còn phù hợp với nhu cầu nữa, nhà Thanh lập tức thay đổi kế hoạch để quay sang công nhận Nguyễn Quang Bình, mặc dù dư âm cuộc chiến khốc liệt còn vang vọng. Trong thế cuộc “đuối hươu tranh đỉnh”, dù triều đại nào của nước ta thì cũng phải thần phục Trung Hoa, tư thế còn tùy theo từng lúc, từng khi nhưng tương quan giữa hai nước không suy suyển.

Một điều ít ai nhắc đến là chính Nguyễn Quang Bình đã tự ý xin được đổi hạn kỳ triều cống từ ba năm lên hai năm một lần và việc này đã trở thành thông lệ cho tới khi người Pháp chiếm Đông Dương, nước ta không còn là thuộc quốc của Trung Hoa.

Khi chệch bại việc cầu viện Trung Hoa, chúng ta cũng đừng quên rằng Nguyễn Quang Toản và các em ông khi thất thế cũng cho người sang Tàu cầu cứu [nhưng bị cự tuyệt], và khi người Pháp đánh Bắc Kỳ thì vua Tự Đức cũng xin nhà Thanh trợ giúp. Tuy Thanh triều chỉ điều động một số thổ phỉ ở thượng du, hậu quả cũng đưa đến việc chúng ta bị mất một số đất dọc theo biên giới [cho Trung Hoa] theo thỏa ước mà người Pháp ký với Thanh triều.

¹⁹⁵ Đúng ra là ở Nam Ninh về nước theo đường Lạng Sơn, qua cửa Nam Quan.

¹⁹⁶ *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (2002), tr. 365

6.2. CAI TRI VÀ NHÂN CÁCH

6.2.1. VĂN CHƯƠNG

Theo *Khâm Định Việt Sử*, vua Chiêu Thống rất yêu chuộng văn học, sáu ngày một lần cho giảng sách ở tòa Kinh Diên, ngày một lần giảng sách ở viện Nội Hàn. Nhà vua cũng thường vời cung phụng Bùi Dương Lịch vào bàn luận văn chương.¹⁹⁷

Có lẽ ông cũng làm nhiều thơ văn nhưng hầu hết thất truyền. Trong nỗ lực của chúng tôi đến nay chỉ tìm được hai lá thư gửi Tôn Sĩ Nghị để xin cứu viện đã dẫn ở trên cùng với bài tự tiễn Trần Danh Án lúc lên đường. Những tờ biếu đó có thể được hợp soạn cùng với tòng thần đang ở chung với ông, cũng có thể người khác làm thay theo thói bình thường nên không lấy gì làm chắc chắn ông là tác giả. Ngoài ra, ông cũng còn để lại một vài bài thơ trong những trường hợp riêng lẻ.

Tháng Ba năm Tân Hợi (1791) khi nghe tin nhóm Lê Quýnh vì không chịu cắt tóc nên bị bắt giải lên kinh và giam ở ngục phía bắc bộ Hình, vua Lê đã sai Nguyễn Quốc Đống mang trà và bạc tới ủy lạo họ. Cai ngục không cho nhận quà nhưng có chuyển lá thư ông gửi trong đó có ba bài thơ. Rất tiếc chúng tôi chỉ tìm thấy hai bài nguyên thi của vua Lê, thất lạc một bài và còn được ba bài họa của từng người trong nhóm Lê Quýnh, Trịnh Hiến, Lê Trị và Lý Bình Đạo nên bài thơ thứ ba của vua Lê chỉ biết được những vần ông gieo chứ không thể đi xa hơn.¹⁹⁸

Tuy văn thơ không nói được nhiều nhưng chúng ta cũng hiểu được đôi phần tâm sự của họ, trong hoàn cảnh khó khăn vẫn giữ vững tinh thần để mơ một ngày phục quốc. Lời văn tuy bị phần nhưng không có ý oán trách, chỉ nâng đỡ tinh thần nhau mà thôi.

Bài 1:

故鄉迢遞信音杳，一賦旄丘百感招。
霜雪那堪非故國，風波誰與共今朝。
不須對泣增惆悵，且識登樓慰寂寥。
早識翻雲多不測，可將踪跡混漁樵。

Dịch âm

Cổ hương thiêu đệ tín âm yêu,
Nhất phú Mao Khuru¹⁹⁹ bách cảm chiêu.
Sương tuyết na kham phi cổ quốc,
Phong ba thù dĩ cộg kim triều.
Bất tu đối khắp²⁰⁰ tăng trừ trưởng,

¹⁹⁷ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử Học, tập II (1998), tr. 808

¹⁹⁸ Những tài liệu này đăng trong tạp chí Nam Phong và tập Nam Thiên Trung Nghĩa Thực Lục.

¹⁹⁹ Mao Khuru trong Kinh Thi [Bội Phong] nguyên là bài thơ của nước Lê thỉnh cầu nước Vệ đem binh cứu viện nhưng không được việc gì.

²⁰⁰ Tích Vương Chương [Tây Hán] khi còn hàn vi bệnh tật phải nằm ổ rơm mà khóc bị vợ trách rằng: “Trong triều hiện nay đâu có ai hơn anh, hà tất phải chán nản”. Sau có câu thành ngữ “ngưu y đối khắp” [牛衣對泣].

Thả chí đăng lâu²⁰¹ ủy tịch liêu.
Tảo thức phiên vân đa bất trắc,
Khả tương tung tích hỗn ngư tiêu.

Dịch nghĩa

Tin tức từ quê nhà thật là mù mịt
Một bài phú Mao Khuru dâng lên trăm nỗi buồn
Sương tuyết này đâu có phải là nước cũ
Sóng gió hôm nay liệu có ai chia xẻ cùng
Than thở với nhau chỉ càng thêm nỗi buồn
Mới hay lên lâu cũng chẳng hết vắng vẻ
Nếu biết qua đây nhiều điều không lường được
Thì đã ǎn tránh làm kẻ đi câu, hái củi rồi

Dịch thơ

*Quê cũ tin đâu luống mịt mù
Day dứt Mao Khuru nỗi hận xưa
Sương tuyết ấy nào đâu nước cũ
Phong ba ai kẻ xẻ chia ư?
Than thở chỉ thêm lòng áo nã
Lên lâu nào đã bớt tru tư
Nếu biết một đi thêm cảm cảnh
Đi câu, hái củi sớm ngao du.*

Bài 2:

一腔心事有誰知，鬱氣空懷渙斗箕。
身世嘆如潮蕩漾，行藏笑似柳離披。
勸君且酒新亭淚，待我還吟中露詩。
此去好憑三尺劍，肯教他氏獨鞭屍。

Dịch âm

Nhất xoang tâm sự hữu thùy tri,

²⁰¹ Đăng Lâu là bài thơ của Đỗ Phủ, đại ý nói lên lâu thường hoa nhưng không lòng dạ nào vì nghĩ đến rợ Hung Nô xâm lấn. Bài thơ có hai câu: 北極朝廷終不改，西山寇盜莫相侵。(Bắc cực triều đình chung bất cải, Tây sơn khấu đạo mạc tương xâm) rất ý nghĩa vì vừa nói lên chỗ vô tình của triều đình nhà Thanh vừa nói lên được sự khao khát được giúp đỡ để đánh Tây Sơn. Đối khớp, đăng lâu là hai từ bình thường nhưng vua Chiêu Thống đã lồng vào hai điển cố rất hay.

Uất khí không hoài hoán đầu ky.
Thân thể thán như triều dâng dạng,
Hành tàng tiểu tự liễu ly phi.
Khuyến quân thả tửu Tân Đình lệ,
Đãi ngã hoàn ngâm trung lộ thi.
Thử khứ hảo bằng tam xích kiếm,
Khẳng giao tha thị độc tiên thi.

Dịch nghĩa

Một mảnh tâm sự ai là người biết được?
Uất khí ở trong lòng bốc lên tan cả sao Đầu, sao Cờ.
Thân thể thật lênh đênh như sóng biển,
Vận mệnh thì chia lìa như cành liễu.
Khuyến các ông hãy uống chén rượu nhỏ nước mắt ở Tân Đình,²⁰²
Đợi tôi ngâm xong bài thơ Trung Lộ.
Nếu như lần này có thể dùng ba thước gươm,
Thì cũng mong được dùng roi đánh vào cái xác của kẻ kia.

Dịch thơ

*Một mảnh lòng con tỏ với ai,
U uất xông lên khí ngập trời.
Thân thể nhấp nhô theo sóng cả,
Hành tàng tan tác lá cây rơi.
Uống đi một chén cho vui lệ,
Ngâm một vần thơ tỏ chí thôi.
Bao giờ gươm giáo thay nghiên bút,
Quật xác quân thù một chiếc roi.*

Lần thứ hai, vào khoảng tháng Tư cùng năm, vua Lê lại gửi thư an ủi những người trong ngục, nay còn bài họa lại của Lê Quýnh.²⁰³

²⁰² Khi nhà Đông Tấn sắp mất phải chạy xuống miền Nam, các cự thần họp nhau uống rượu ở Tân Đình. Chu Khải nói: “Phong cảnh vẫn thế, non sông không còn như xưa”. Vương Đạo nói: “Chúng ta phải hết sức phò tá nhà vua lấy lại nước, việc gì phải bắt chước người tù nước Sở, nhìn nhau mà khóc phỏng có ích gì?”. Về sau có câu ngạn ngữ “Tân Đình đối khắp”. Tân đình còn có nghĩa là nơi ở mới ám chỉ nhà ngục mà nhóm Lê Quýnh mới bị giam hay nơi ở của Lê Duy Kỳ ở Yên Kinh.

²⁰³ Trần Khánh Hạo & Vương Tam Khánh (chủ biên) *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* (quyển VI) (Paris-Taipei: École française d’Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986), tr. 79-80

Bài 3:

霧鎖塵遮又暑侵，居諸傳驛送愁吟。
風雲不測仍嘗膽，雷雨當亨且誓心。
謀脫虎關雞唱早，虔裝劍課石痕深。
一成可發重興迹，直到時來濶我襟。

Dịch âm

Vụ tỏa trần già hựu thử xâm,
Cư chư truyền dịch tống sàu ngâm.
Phong vân bất trắc nhưng thường phủ,²⁰⁴
Lôi vũ đương hanh thả thệ tâm.
Muru thoát hổ quan kê xướng tảo,
Kiền trang kiếm khóa thạch ngân thâm.
Nhất thành khả phát trùng hưng tích,
Trục đảo thời lai khoát ngã khâm.

Dịch nghĩa

Tuy mây mù che phủ khắp nơi nhưng rồi cũng có lúc trời nắng
Cho nên gửi thư để cho bớt nỗi sầu
Tuy gió mây không lường được nhưng vẫn nếm mật
Sấm sét chỉ trui rèn thêm tấm lòng son sắt
Toan tính chuyện ra khỏi hang hùm nên chờ tiếng gà gáy sớm
Giữ cho bền chặt để chém xuống đá vết sâu thêm
Một khi việc xong thì có thể khôi phục được cơ nghiệp cũ
Khi đó chúng ta lại được mặc áo rộng rồi²⁰⁵

Dịch thơ

*U ám qua rồi nắng sẽ lên,
Thư qua xua đuổi mối sầu chen.
Gió mây khó đoán càng nung chí,
Sấm sét trui rèn vượt lúc đen.*

²⁰⁴ Chữ này theo chúng tôi phải là thường đảm [嘗膽] (nếm mật) nhưng có lẽ vua Lê muốn tránh đi để quân canh khỏi đề ý và ngăn chặn. Theo nội dung hai bài thơ, có lẽ bài này gửi riêng cho Lê Quýnh để khen ngợi tiết tháo nên trong bài thơ họa lại, Lê Quýnh cũng khiêm tốn không dám nhận.

²⁰⁵ Tay áo của Mãn Thanh hẹp để tiện cho việc cưỡi ngựa, bắn cung khác với lối áo rộng thùng thình của quan lại nước ta. Ý nói được trở lại phong tục và y phục trong nước.

*Ra khỏi hang hùm gà sắp báo,
Cho bền vết chém để sâu thêm.
Một mai cơ nghiệp đã khôi phục,
Áo rộng ta rồi xúng xính lên.*

LÊ QUÝNH HỌA LẠI

風塵颺起滿空侵，觸影撩愁枉浪吟。
恨破詩囚衝黑地，怨穿節窖涌丹心。
驥程早趁情彌篤，龜玉重昌望轉深。
向日顧身慚對影，屢蒙過獎敢披襟。

Dịch âm

Phong trần biểu khởi mẫn không xâm,
Xúc ảnh liêu sấu uổng lãng ngâm.
Hận phá thi tù xung hắc địa,
Oán xuyên tiết khát dũng đan tâm.
Ký trình tảo sần tình di độc,
Qui ngọc trùng xương vọng chuyển thâm.
Hương nhật cố thân tầm đối ảnh,
Lũ mông quá tướng cảm phi khâm.

Dịch nghĩa

Một cơn gió bụi nổi lên thì sẽ lan ra khắp trời
Gặp nhau ngâm thơ xuông chỉ thêm sầu
Hận rằng không thể làm thơ để thoát ra khỏi nhà tù
Oán xuyên qua tiết tháo để lòng son lộ ra
Vó ngựa chạy theo đã tỏ được tấm lòng chuyên nhất rồi
Ngọc rửa càng sáng thêm không bao giờ thay đổi
Mặt trời soi xuông quay lại thêm thẹn với bóng của mình
Mấy lần khen ngợi như vậy đâu dám mong mặc áo nữa

Dịch thơ

*Gió bụi lan ra khắp bốn phương,
Thơ xuông vui được nổi sầu vương.*

*Thì từ khó nổi ra từ ngục,
Lòng son bày tỏ oán càng nương.
Vó ngựa theo qua lòng một tiết,
Ngọc rùa sáng mãi chẳng mờ gương.
Bóng dương chiếu xuống lòng thêm thẹn,
Lẽ đâu còn áo rộng xênh xang.*

6.2.2. ĐỐI XỬ

Về nhân cách của Lê Duy Kỳ, phần lớn các sử gia phán đoán theo những chi tiết mà *Khâm Định Việt Sử*, *Liệt Truyện* hay *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* miêu tả.

Thực ra, khi lên ngôi, vua Chiêu Thống cũng hết sức làm những gì mình có thể làm nhưng ngoài một số văn quan trời gà không chặt, một số lính hầu trong cung, các thế lực ở bên ngoài không ở trong tầm tay. Những người có binh lực, dù không đáng kể cũng bắt ép đủ điều, từ Trịnh Lệ, Trịnh Bồng đến Đinh Tích Nhưỡng, Nguyễn Cảnh Thuộc, Hoàng Phùng Cơ... đều nay về mai phản. Đó là chưa kể Tây Sơn ở phía nam luôn luôn đe dọa và phá tan những gì vừa mới hình thành.

Khác với miêu tả trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, theo *Lê Quý Kỳ Sử*, khi thiêm đô ngự sử Nguyễn Đình Lượng dâng biểu đàn hặc những người chạy theo giặc, nhà vua nói:

*Nào ai có thích theo giặc đâu, chẳng qua người vì tình nhà, kẻ vì bố mẹ nên mới không tránh khỏi mối liên quan đến giặc thôi. Và lại, ta không giữ nổi nước nhà, thì sao nên còn nghiêm trách tôi con nữa?*²⁰⁶

Chi tiết này ngược lại hẳn với những tin đồn về việc ông đền ơn trả oán.

Tình nghĩa với người đi theo cũng đáng ghi nhận. Nhiều lần ông cho người đem quà và gửi thư cho những người bị giam trong ngục ở Bắc Kinh. Trong văn chương để lại, chúng ta thấy những tông thần vẫn trung thành và kính trọng đến khi ông qua đời, không hề thấy điều gì tỏ ra coi thường chúa cũ. Lê Quýnh khi ra khỏi ngục luôn luôn đến viếng mộ ông và sau này tìm đủ mọi cách để thực hiện di mệnh đưa nắm xương tàn của ông về quê cũ. Cũng nên nhấn mạnh rằng khi lên làm vua, ông mới 19 tuổi và khi chạy sang Trung Hoa ông cũng chỉ mới 23. Khí độ như thế, chúng ta thấy tư chất ông không tầm thường mặc dù theo sử sách thì việc học của ông cũng rất hạn hẹp, không phải vì lười biếng mà vì thời thế tạo nên.

Nhìn lại những tài liệu của nhiều phía, chúng ta thấy có sự đồng tình của cả Thanh triều lẫn Tây Sơn muốn dựng ông trên cùng một mẫu số, bất tài, nhút nhát, không có chí tiến thủ... và được lập lại dưới ngòi bút của sử thần triều Nguyễn. Nếu bỏ đi những thêm bớt mà thiên hạ thêm bớt để nhân dáng ông thích hợp hơn với mô hình ngụy tạo này, ông vua cuối triều kia quả là đáng thương hơn đáng ghét.

²⁰⁶ *Lê Quý Kỳ Sử* (1974), tr. 119

KẾT LUẬN

Trong hầu hết sách vở Việt Nam, việc nhà Thanh bãi binh không đánh An Nam lần thứ hai vẫn được ghi nhận là do Ngô Thì Nhậm làm trung gian đút lót để Phúc Khang An hết sức khuyên Thanh để từ bỏ việc xâm lăng. Như đã trình bày, chính sách của triều đình Trung Hoa được thực hiện trên một qui mô lớn, mỗi quyết định đều được thảo luận và nghiên cứu kỹ càng, xét theo đủ mọi tình huống không phải là chuyện đơn giản và trẻ con như thế.

Việc công thủ của họ đều có những lý do bao gồm những tính toán lợi hại, về điều động quân đội, vận chuyển lương thực đến thời tiết, lực lượng, nói theo kiểu Trung Hoa là thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Trong chiến tranh với nước ta, nhà Thanh không thấy có hi vọng chiến thắng và duy trì ưu thế nên không tiếp tục động binh. Xét cho cùng, mục tiêu tối hậu của họ là có một nước phiên thuộc tiếp tục thần phục và triều cống thì dù Lê Duy Kỳ, Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh làm chủ nước Nam cũng không khác gì. Việc cứu giúp chỉ là cái tiếng ở bên ngoài và nếu thành công thì họ có thể can thiệp sâu hơn vào nội tình nước ta mà thôi.

Điều khúc mắc trong việc công nhận triều đình Tây Sơn là làm sao thi hành một giao ước trước đây Tôn Sĩ Nghị đã đạt được: quốc vương An Nam đích thân sang triều cận trong lễ bát tuần vạn thọ của vua Cao Tông năm Canh Tuất. Khi tái lập Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương, trong hoàn cảnh chết đi sống lại nên vua Lê đã sốt sắng tình nguyện làm việc này. Nay việc đưa Lê Duy Kỳ trở lại ngai vàng là một việc khó khăn và tốn kém, việc công nhận một vua mới dễ dàng hơn nhưng làm sao để tân vương cũng chấp nhận điều kiện đó lại là một việc không đơn giản.

Chính vì thế, công tác chính yếu của Phúc Khang An khi được điều sang làm tổng đốc Lương Quảng không phải là việc giảng hòa [vì chính vua Quang Trung đã gửi thư lên Thanh đình đề cầu phong rất sớm và vua Càn Long cũng thuận theo]. Vua Càn Long đã mật dụ cho Phúc Khang An ngay từ trước khi ông này đảm nhiệm sở là “*không cần phải làm lớn chuyện*” với hậu ý là dùng việc phong vương như một điều kiện trao đổi để Nguyễn Quang Bình phải chính thức tình nguyện sang Bắc Kinh vào năm sau.

Phúc Khang An cũng rất khôn khéo, tâu vua Càn Long rằng mình sẽ làm hết sức để “*dưỡng quân uy, tồn quốc thể*”. Chính sáu chữ này là xương sống của cả chính sách của Thanh triều bao gồm hai mục tiêu chính: 1/ dưỡng quân uy nhằm vào việc bãi binh mà không mang tiếng là khiếp nhục, 2/ tồn quốc thể là làm sao để An Nam quốc vương bằng lòng sang dự lễ ở Bắc Kinh để phô trương sự thịnh trị với chung quanh. Trong tiến trình nghị hòa, để đạt được những thỏa hiệp theo ý họ, Thanh triều đã dùng nhiều phương tiện, khi dọa nạt, khi vỗ về, lúc buông lúc nắm rất có bài bản.

Khi chép về một giai đoạn lịch sử đã trở thành “*hồng hoang*” như thời đại Tây Sơn, không những chúng ta phải xét lại nhiều vấn đề, nhiều nhân vật mà chúng ta cũng cần tìm hiểu những âm mưu đã ngụy tạo tài liệu để hướng dẫn quần chúng.

Sử thần nhà Nguyễn tuy không tuyệt đối nâng cao sự chính thống của triều đại một cách lộ liễu nhưng việc hạ thấp các thế lực khác là một điều bắt buộc. Đối với kẻ thù dĩ nhiên việc bôi bác có chiều triệt để hơn nhưng ngay cả với những thế lực “*bạn*” như Xiêm La, Pháp cũng bị phủ nhận một cách khéo léo nhằm chứng minh cho quốc dân biết rằng công lao chính yếu trong việc khôi phục giang sơn vẫn là của chúa Nguyễn, sự giúp đỡ nếu có chỉ rất nhỏ nhoi.

Nhà Lê tuy không phải là một thế lực tranh bá đồ vương với họ Nguyễn nhưng vẫn còn nhiều ảnh hưởng với quần chúng Bắc Hà, người dân vẫn ghi nhớ công lao của vua Thái Tổ đuổi quân Minh và những thời kỳ thịnh trị kế tiếp. Vương triều họ Lê cũng đã một thời chúa Nguyễn ở trong Nam phải thần phục không phải một đời mà kéo dài đến hơn 200 năm. Chính vì thế, vị vua cuối cùng của nhà Lê và những người theo ông đã bị nhấn mạnh trong nỗ lực “*rước voi về dãy mả*” cũng không ngoài mục đích truất đi cái thiên mệnh của họ, xoá nốt những dư hưởng của một triều đại chính thống. Cho đến những ngày cuối cùng khi chúa Nguyễn sắp sửa hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước và tiêu diệt toàn bộ đối phương, ông vẫn khôn khéo nhân danh nhà Lê, và sử dụng chiêu bài tôn Lê như miếng mồi như sĩ phu Bắc Hà để họ tích cực trong việc ủng hộ ông, hay ít nhất giữ thái độ chống đối nhà Tây Sơn dù chỉ tiêu cực:

... Cho tới bấy giờ [1802, ghi chú của người viết] chúa Nguyễn vẫn công nhận họ Lê là dòng chính thống, hễ có làm việc gì cũng là nhân danh Lê triều và chỉ xưng là Tổng trấn, chiến đấu nhân danh vua Lê và cố gắng phục hưng vương tộc đã bị giặc Tây Sơn cướp hết quyền. Chỉ theo quan điểm ấy thì khắp nơi dân chúng mới sốt sắng giúp dập chũa và tất cả nhân dân Đàng Ngoài ngả (sic) về phe chúa. Tóm lại, ngay khi chắc chắn hoàn thành cuộc chinh phục giang sơn, vị chúa ấy đòi hỏi việc suy tôn vương hiệu và đối với các hậu duệ họ Lê chỉ tỏ lòng trắc ẩn và coi như không xứng đáng với đế vị...²⁰⁷

Chính vì có nhiệm vụ nêu cao sự chính thống của nhà Nguyễn và nhấn mạnh vào sự “*đánh mất thiên mệnh*” của nhà Lê nên cuộc đời của Lê Duy Kỳ bị xuyên tạc ở nhiều điểm, thêm bớt cũng có mà bóp méo với ác ý cũng có. Các sử thần nhà Nguyễn cố tình miêu tả triều đại cuối cùng của nhà Lê như một nhóm người hèn yếu chủ trương nhờ cậy người ngoài, mất hết chủ quyền và hoàn toàn lệ thuộc vào quân địch. Trong khi đó, Thanh triều lại nhấn mạnh vào cái thể chính nghĩa của họ và đổ cho Lê Duy Kỳ vô tài “*bị trời ghét bỏ*” nên phải chấm dứt sự yểm trợ và chuyển sang việc công nhận một họ khác.

Một cách thẳng thắn, không phải con người của Lê Duy Kỳ không có những điểm đáng ghi nhận. Tuy suốt thời kỳ thơ ấu ông bị giam trong ngục, chỉ được sống vài năm gọi là thoải mái khi vua Hiến Tông còn sống nhưng qua thơ văn, hành trạng, chúng ta thấy ông không phải là một hôn quân. Những nỗ lực cải cách để nắm thực quyền của ông không có cơ hội thực hiện, phần vì triều đình đơn bạc, phần vì các sứ quân cát cứ không khuông phò, những người có đôi chút thực lực thì lại chỉ muốn lợi dụng thời cơ để thay quyền chúa Trịnh mà không đoái tưởng đến việc phù Lê.

Lê Duy Kỳ bị vướng mắc trong một hoàn cảnh rất khó giải quyết, những thế lực muốn lôi kéo ông đều không ngoài mục tiêu lợi dụng cái thể chính thống của một triều đại trị vì gần 400 năm. Việc quân Thanh kéo sang nước ta là một biến cố bất ngờ ông không dám nghĩ đến, cũng không phải do chủ ý ông muốn cầu ngoại bang đến giúp. Khi quân Thanh đại bại, mẹ con ông cùng một số di thần chạy được sang Trung Hoa chỉ để cho khỏi chết chứ không phải muốn làm dân “*nội địa*”. Đến khi không có thể trở về được nữa, ông và những người đi theo đành chấp nhận đời sống lưu vong như người dân mất quê hương ở mọi thời đại, đông cũng như tây, kim cũng như cổ.

²⁰⁷ Nguyễn Ngọc Cư (dịch) “Những ngày tàn của Tây Sơn dưới mắt các giáo sĩ Tây phương” [tài liệu Hội Truyền Giáo Nước Ngoài tại Paris] *Tập San Sử Địa* 21 (1-3 1971), tr. 151-2 [thư của Giáo sĩ Ph. Sérard gửi cho Giáo sĩ Blandin]

Dầu sao chẳng nữa, nhóm người nhỏ bé đó cũng nêu cao được khí tiết, không làm điều gì gọi là nhục cho nước Nam. Một Lê Quýnh với câu nói: “*Đầu có thể đứt, tóc không thể cắt*”²⁰⁸ đáng được ghi vào thanh sử. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, vua tôi nhà Lê tuy chỉ có thể có những phản kháng tiêu cực và lẻ tẻ, nhưng dầu sao chẳng nữa, tình cảnh của một ông vua thất thế cũng nói lên sự chua chát của cuộc đời:

*Năm Giáp Tí (1804), niên hiệu Gia Long thứ 3 (Thanh năm Gia Khánh thứ 9), vua Thanh cho phép đưa linh cữu vua Lê, thái hậu và nguyên tử về nước. Tháng Hai, mở quan ván ra, thì thấy: vua Lê, da thịt đều tiêu cả, chỉ riêng có quả tim vẫn không nát, hãy còn róm máu tươi đỏ như lúc sống. Ai trông thấy cũng phải xót xa, kinh ngạc...*²⁰⁹

Sự kiện này tuy có chỗ còn đáng ngờ, có thể do bịa đặt để làm cho hoàn cảnh vua Lê thêm bi phần nhưng cũng đáng cho chúng ta phải nhìn lại vấn đề một cách nhân bản hơn.²¹⁰

Lúc đầu vua Gia Long có hậu đãi con cháu nhà Lê nhưng chủ yếu là để trấn an dân tình miền Bắc. Tuy nhiên, khi có cơ hội, ông vẫn không tha dù âm mưu bội phản rất mờ hồ. Tháng Một năm Bính Tí (1816), Gia Long thứ 15, Diên Tự Công Lê Duy Hoán mưu phản nên bị bắt, toàn gia bị xử tử. *Quốc Sử Di Biên* chép rằng:

Diên tự công Lê Duy Hoán có tội, bị giết.

*Năm Quý Dậu trước, Hoán có tội bị tước bổng, thường uất ức không vui, ngầm nuôi sư Hà Liễu, làm án đồng giả. Việc phát giác, Hoán cùng vợ con bị giải vào Kinh, phải tội lăng trì, thân ném xuống Bạng Hồ; gia đồng 13 người đều bị xử tử. Con nhỏ là Duy Lương trốn vào núi. Chiếu rằng: “Đã phong tước thượng công, lại hậu cấp lương bổng, xét vào lý, thì lấy oán báo đức; trách vào lòng, thì là lấy tội thờ vua. Trẫm vẫn không muốn trị tội, nhưng đình thần bàn khép vào pháp luật...”*²¹¹

Đến đời Minh Mạng, một số người Lào cũng bị nghi là hậu duệ nhà Lê nên bị bắt và bị xử tử.²¹²

Việc tìm lại chân diện mục của vua Lê trở nên khó khăn hơn khi ông là nạn nhân của cả ba thế lực nổi bật thời đó – Thanh triều là thế lực lúc đầu ủng hộ, về sau ruồng rẫy ông, Tây Sơn là kẻ thù trong những giai đoạn khó khăn nhất cố tình đuổi tận giết tuyệt, và triều Nguyễn là đao phủ sau cùng để chặt nốt những di sản mà họ e ngại rằng còn rơi rớt trong tâm tư người dân đất bắc.

Thế nhưng cá nhân ông không đến nỗi tệ hại dù rằng bất cứ một vị vua sau cùng của một triều đại đều bị qui trách tội lỗi làm mất nước. Người ta không tìm thấy chứng cứ ông đam mê tử sắc, tin dùng nịnh thần nên cũng bịa ra một số tội trạng mờ hồ như “*sát thúc, dâm muội*”, chỉ lo trả oán như mổ bụng đàn bà chữa, chặt chân chú vút xuống giếng... mặc dù không có chứng cứ cụ thể nào, xem ra chỉ là những vu cáo có ác ý. Sử quan cũng gán cho mẹ ông chủ mưu sang Long

²⁰⁸ 吾輩頭可斷，髮不可斷。Ngô bối đầu khả đoạn, phát bất khả đoạn. Trong *Khiếu Đình Tập Lục* (嘯亭雜錄) [Chiêu Liên] (昭槤) đời Thanh có khen ngợi bốn người nhóm Lê Quýnh là “*tuần kiệt chi sĩ*”.

²⁰⁹ *Khâm Định Việt Sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử Học (1998), tr. 854

²¹⁰ Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đoán rằng có thể là “*tâm miêu*” (artère aorte) mà ông dịch là “*cuống tim*” Hoàng Xuân Hãn: “*Bắc Hành Tùng Ký*”, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, Tập II (1998), tr. 928. Theo chúng tôi, tâm miêu ở đây chính là quả tim theo nghĩa rộng thời đó. Nếu chỉ là một cuống tim chắc không mấy ai để ý. *Hán Ngữ đại từ điển* (1986), quyển VII, tr. 376 định nghĩa tâm miêu với nhiều thí dụ: 1/ tâm, nội tâm 2/ tâm ý, tâm tư.

²¹¹ *Quốc Sử Di Biên*, bản dịch Viện Sử Học (2009), tr.145

²¹² M.L. Manich Jumsai, *History of Laos* (2nd Ed.) (Bangkok: Chalermnit 1-2 Erawan Arcade, 1971), tr. 121

Châu vào sân tổng đốc “*gào khóc xin cứu viện*” lại can thiệp vào triều chính, theo mẫu hình Từ Hi, Võ Hậu còn cận thần là Lê Quýnh thì “*chỉ lo đền ơn trả oán và công nhiên ăn của đút lót*”. Biến chuyển trong 28 năm cuộc đời Lê Duy Kỳ là những mốc quan trọng nếu chúng ta lần theo đó để nhìn lại toàn bộ tương quan chằng chịt làm nền tảng cho chính sách ngoại giao của Trung Hoa với phiên thuộc.

Vua Lê, nếu chỉ xét trong một giai đoạn ngắn như sử sách thường nhấn mạnh – từ lúc vong thân nhà Lê chạy qua Long Châu đến khi quân Thanh kéo sang để rồi bị đánh cho tan tác khiến cho vua tôi lại lếch thếch chạy sang Tàu nương nhờ đến cuối đời - là một mẫu người nếu không đáng trách thì cũng chẳng có gì đáng khen. Thế nhưng khi một số chi tiết khả tín khác được bạch hoá, chúng ta mới thấy rằng sự thật chưa hẳn đã hoàn toàn như những gì chúng ta từng biết.

Tháng 11, 2011

TÀI LIỆU THAM KHẢO

HÁN VĂN

1. Bá, Dương (柏楊). *Trung Quốc Nhân Sử Cương* (中國人史綱) (thượng và hạ, tu đính bản). Đài Bắc: Tinh Quang xuất bản xã, 1996.
2. Đinh, Lệnh Uy (丁令威). *Tang Thương Lệ Sử* (桑滄淚史). Tạp Chí Nam Phong (phần Hán Văn) quyển 23 (Hà Nội, 1928)
3. Lại, Phúc Thuận (賴福順). *Cần Long Trọng Yếu Chiến Tranh Chi Quân Nhu Nghiên Cứu* 乾隆重要戰爭之軍需研究. Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1984.
4. Lam, Ngọc Xuân (藍玉春). *Trung Quốc Ngoại Giao Sử - Bản Chất dữ Sự Kiện, Xung Kích dữ Hồi Ứng* (中國外交史- 本質與事件, 衝擊與回應). Đài Bắc: Tam Dân thư cục, 2007.
5. Lê, Quynh (黎囡). *Bắc Hành Lược Ký* (北行略記). Nam Phong tạp chí (125-131)
6. Lưu, Ngạn (劉彥). *Trung Quốc Ngoại Giao Sử* (中國外交史). Đài Bắc: Tam Dân thư cục, 1990 (in lần thứ tư).
7. Phan, Huy Ích [潘輝益]. *Dụ Am Văn Tập* [裕庵文集]. Bản chép tay Viện Hán Nôm Hà Nội (A.604/1-3)
8. Phan, Thúc Trực (潘叔直). *Quốc Sử Di Biên* (國史遺編). Hương Cảng: Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á, 1965
9. Phó, Khải Học (傅啟學). *Trung Quốc Ngoại Giao Sử* (中國外交史) [thượng-hạ] Đài Bắc: Đài Loan thương vụ, 1972.
10. Phương Lược Quán Triều Thanh (方略館). *Khâm Định An Nam Kỷ Lược* (欽定安南紀略). Hồ Nam: Hải Nam, 2000. (chụp lại nguyên bản từ Ngự Thư Phòng vua Gia Khánh, hiện tàng trữ tại Cổ Cung Bác Vật Viện Bắc Kinh)
11. Quách, Chấn Phong (郭振鋒) và Trương Tiểu Mai (張笑梅) (chủ biên). *Việt Nam Thông Sử* (越南通史). Bắc Kinh: Trung Quốc Nhân Dân đại học xb xã, 2001.
12. Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện [國立故宮博物院]. *Cung Trung Đáng Cần Long Triều Tấu Triếp* [宮中檔乾隆朝奏摺]. Quyển 68-72. Đài Bắc: Quốc Lập Cổ Cung Bác Vật Viện, 1988.
13. Thanh Thực Lục (清實錄): *Cao Tông Thuần Hoàng Đế Thực Lục* (高宗純皇帝實錄). Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1986
14. Trần, Khánh Hạo (陳慶浩) chủ biên. *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* (越南漢文小說叢刊)(đệ lục tập) [7 quyển] Paris-Taipei: École française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986

15. Trần, Khánh Hạo (陳慶浩) chủ biên. *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* (越南漢文小說叢刊) [7 volumes] Paris-Taipei: École française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986.
16. Trần, Khánh Hạo (陳慶浩) chủ biên. *Việt Nam Hán Văn Tiểu Thuyết Tùng San* (越南漢文小說叢刊) [5 volumes] Paris-Taipei: École française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1992.
17. Trần, Trọng Kim. *Việt Nam Sử Lược* (q. 1 và 2). California: Đại Nam, không đề năm. (chụp lại bản in năm 1971 của Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục Saigon)
18. Trang, Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究). Đài Loan: Cổ Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982.
19. Trung Quốc Đế Nhất Lịch Sử Đáng Ấn Quán. *Càn Long Triều Thượng Dụ Đáng* (乾隆朝上諭檔). Bắc Kinh: Đáng Ấn Xuất Bản Xã, 1991.
20. Trung Quốc Nhân Dân Đại Học. *Thanh Sử Biên Niên* (清史編年) "Càn Long Triều" (乾隆朝), quyển VI. Bắc Kinh: Trung Quốc Nhân Dân Đại Học, 1991.
21. *Văn Hiến Tùng Biên* (文獻叢編) [thượng-hạ]. Đài Bắc: Quốc Phong, 1964.
22. Viện Hán Nôm Hà Nội (cộng tác với Phục Đán đại học Trung Quốc). *Việt Nam Hán Văn Yên Hành Văn Hiến Tập Thành* (越南漢文燕行文獻集成) (toàn bộ 25 quyển) Bắc Kinh: Phục Đán đại học xb, 2010.

VIỆT VĂN

23. Bùi, Dương Lịch. *Nghệ An Ký* (Nguyễn Thị Thảo dịch). Hà Nội: KHXH, 1993.
24. Hoa Bằng. *Quang Trung Nguyễn Huệ, Anh Hùng Dân Tộc 1788-1792*. California: Đại Nam (không đề năm). (in chụp lại theo bản lần thứ hai của Saigon: Thư Lãm Ấn Thư Quán, 1958).
25. Hoàng, Xuân Hãn. *La Sơn Phu Tử*. Saigon: Minh Tân, 1952.
26. Hoàng, Xuân Hãn. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, [ba tập]. Hữu Ngọc – Nguyễn Đức Hiền (sưu tập). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.
27. Lê Quý Đôn. *Đại Việt Thông Sử* (Tủ Sách Cổ Văn, bản dịch Trúc Viên Lê Mạnh Liêu). Saigon: Bộ VHGD và TN, 1973.
28. Ngô Gia Văn Phái. *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (bản dịch Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch) Hà Nội: Văn Học, 2002.
29. Ngô, Cao Lãng. *Lịch Triều Tạp Ký* (Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu dịch). Hà Nội: Khoa Học Xã Hội, 1995.
30. Nguyễn, Lương Bích. *Lược Sử Ngoại Giao Việt Nam Các Thời Trước*. Hà Nội: Quân Đội Nhân Dân, 1996.

31. Nguyễn, Trí Sơn. *Thư Mục về Tây Sơn – Nguyễn Huệ*. Nghĩa Bình: Thư Viện Khoa Học Tổng Hợp, 1988.
32. Phạm, Văn Thắm (dịch). *Lê Quý Dật Sử*. Hà Nội: Khoa Học Xã Hội, 1987.
33. Phan, Thúc Trực. *Quốc Sử Di Biên* (bản dịch Đỗ Mộng Khương, Viện Sử Học, Viện KHXHVN). Hà Nội: VH-TT, 2009.
34. Phan, Thúc Trực. *Quốc Sử Di Biên* (bản dịch Hồng Liên Lê Xuân Giáo). Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hoá, 1973.
35. Phan, Trần Chúc. *Cuộc Đời Trôi Nổi Và Đau Thương Của Vua Lê Chiêu Thống*. Hà Nội: Văn Hoá Thông Tin, 2001.
36. Quang Trung Nguyễn Huệ. *Đại Việt Quốc Thư* (Đình Thụ Hoàng Văn Hòe dịch). Saigon: Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục, 1973.
37. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Đại Nam Thực Lục, Tập Một* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2001.
38. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục (Hai Tập)* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998.
39. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Nhà Tây Sơn (Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện: Ngụy Tây)* (bản dịch Tạ Quang Phát) Saigon: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hoá, 1970.
40. Quốc Sử Quán Triều Thanh. *Cao Tông Thực Lục*, quyển hạ. Hồ, Bạch Thảo (dịch). New Jersey: Thư Ấn Quán, 2005.
41. Quốc Sử Quán Triều Thanh. *Cao Tông Thực Lục*, quyển thượng. Hồ, Bạch Thảo (dịch). New Jersey: Thư Ấn Quán, 2004.
42. Trần, Văn Giáp. *Tìm Hiểu Kho Sách Hán Nôm: Nguồn Tư Liệu Văn Học Sử Học Việt Nam* (tập I) in lần thứ hai. Hà Nội: Văn Hóa, 1984
43. Trần, Văn Giáp. *Tìm Hiểu Kho Sách Hán Nôm: Nguồn Tư Liệu Văn Học Sử Học Việt Nam* (tập II). Hà Nội: nxbKHXH, 1990.
44. Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia. *Tổng Tập Văn Học Việt Nam* (trọn bộ 42 tập). Hà Nội: KHXH, 2000.

PHÁP VĂN

45. Đặng Phương Nghi. *Les Institutions Publiques du Viet-Nam au XVIII^e Siècle*. Paris: École Française d'Extrême-Orient, 1969.
46. Maybon, Charles B. *Histoire Moderne du Pays d'Annam (1592-1820)*. Paris: Librairie Plon, 1920.
47. Maybon, Charles B. *La Relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mr de la Bissachère*. Paris: Librairie Ancienne Honoré Champion, 1919.

ANH VĂN

48. Chia, Ning. “The Lifanyuan and the Inner Asian Rituals in the early Qing (1644-1795)”. *Late Imperial China* Vol. 14, No. 1 (June 1993): 60-92
49. Dutton, George. *The Tây Sơn Uprising – Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*. Honolulu: University of Hawai’i Press, 2006.
50. Hummel, Arthur W. (chủ biên) *Eminent Chinese of the Ch’ing Period (1644-1912)* (清代名人傳略) Taipei: Ch’eng Wen Publishing Company, 1970. (in lại theo bản của chính phủ Mỹ, Washington 1943)
51. Lamb, Alastair. *British Missions to Cochin China: 1778-1822*. Kuala Lumpur: Printcraft Ltd., 1961. (Journal of the Malayan Branch Royal Asiatic Society – Vol. 34, Parts 3 & 4, No. 195-196)
52. Lamb, Alastair. *The Mandarin Road to Old Hué*. London: Chatto & Windus, 1970.
53. M.L. Manich Jumsai. *History of Laos* (2nd Ed.) Bangkok: Chalermnit 1-2 Erawan Arcade, 1971.
54. Mcaleavy, Henry. *The Modern History of China*. New York: Frederick A. Praeger, Inc., 1967.
55. Spence, Jonathan D. *The Search for Modern China*. New York: W.W. Norton & Co., 1990.

TỪ ĐIỂN

56. La Trúc Phong (罗竹风) chủ biên. *Hán Ngữ Đại Từ Điển* (漢語大詞典). Thượng Hải: Thượng Hải Từ Thư Xuất Bản Xã, 1986.
57. Nguyễn, Văn Tân. *Từ Điển Địa Danh Lịch Sử – Văn Hoá Việt Nam*. Hà Nội: Văn Hoá – Thông Tin, 1998.
58. Tang, Lê Hòa (臧勵穌) (chủ biên). *Trung Quốc Nhân Danh Đại Từ Điển* (中國人名大辭典). [bản tăng bổ lần thứ 2] Đài Bắc: Đài Loan Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1979.
59. Trần, Văn Chánh. *Ngữ Pháp Hán Ngữ - Cổ và Hiện Đại*. Tp. HCM: Trẻ, 2003.
60. Trần, Văn Chánh. *Từ Điển Hán Việt: Hán Ngữ Cổ Đại và Hiện Đại* (in lần thứ hai). tpHCM: Trẻ, 2001.

SỬ SÁCH	SỰ THẬT
Vua quan nhà Lê khi bị thua tại Thăng Long bèn chạy sang Tàu cầu cứu	Hoàng tộc nhà Lê bị truy đuổi vượt sông chạy qua Trung Hoa, lạc trong rừng nhiều ngày trước khi gặp quan quân đi tuần (BHTK và Tiêu Tương Tuấn Tiết Hành)
Thái hậu mẹ Lê Duy Kỳ gào khóc xin cứu viện ở dinh tổng đốc tại Nam Ninh	Đoàn người chạy để khỏi bị truy sát và khi thoát chết rồi cũng chỉ mong sao được can thiệp để có một vùng đất tự trị giống như trường hợp nhà Mạc ở Cao Bằng (theo lá thư của Nguyễn Huy Túc còn lưu trong văn khố nhà Thanh)
Nhà Thanh đem quân sang nước ta là do vua Lê cầu cứu	Lê Duy Kỳ hoàn toàn không biết gì về việc Tôn Sĩ Nghị chuẩn bị đem quân sang nước ta cho đến khi nhà Thanh muốn “ <i>chính nghĩa hoá</i> ” việc họ động binh nên cử người về liên lạc và thông báo. Nhận được tin bất ngờ này, Lê Duy Kỳ mới sai Lê Duy Đàm và Trần Danh Ấn “ <i>nón mê áo rách</i> ” sang Tàu với chủ đích xác nhận là mình còn sống (KDANKL)
Vua Lê cùng quần thần ra đón quân Thanh ở Kinh Bắc, mang trâu bò, rượu, thức ăn để khao quân (CM-XLVII, 34-5)	Hoàn toàn không ai biết tin tức vua Lê ở đâu cho tới khi quân Thanh đã chiếm lại Thăng Long. Trước đó Tôn Sĩ Nghị có sai Lê Quýnh đi kiểm nhưng chưa quay trở lại nên không biết Lê Duy Kỳ còn sống hay đã chết (ANKL)
Vua Lê mời quân giặc vào đóng trong thành Thăng Long nhưng Tôn Sĩ Nghị không đồng ý, đem quân ra đóng ở ngoài bờ sông (Hoàng Lê Nhất Thống Chí, 359-60)	Vua Lê cùng Lê Quýnh về đến nơi khi Tôn Sĩ Nghị đã yên ổn đầu vào đây và vào gặp họ Tôn giữa đêm khuya ở doanh trại họ Tôn tại bờ sông (ANKL). Ngay sáng hôm sau, Tôn Sĩ Nghị lập tức phong vương cho Lê Duy Kỳ để kịp thời tâu về vua Càn Long là công tác tái lập vương triều cho nhà Lê đã hoàn tất (ANKL, Cao Tông thực lục)
Thầy trò Lê Duy Kỳ/Lê Quýnh ngày ngày cưỡi ngựa sang dinh Tôn Sĩ Nghị để “ <i>xin chỉ thị</i> ”.	Lê Quýnh sốt rét phải về quê là làng Đại Mão (Kinh Bắc) chữa bệnh và đến khi bị tù tại Yên Kinh mới có dịp diện kiến vua Lê.
Thái hậu [mẹ Lê Duy Kỳ] là một người đàn bà xảo trá hay can thiệp vào việc triều chính, chủ động trong việc cầu cứu quân Thanh lẫn việc xúi bẩy việc tiến quân (HLNTC)	Chỉ sau khi Lê Duy Kỳ xuất hiện, Tôn Sĩ Nghị mới sai người sang Long Châu đón thân quyến nhà Lê và Nguyễn thái hậu về. Hai mẹ con gặp lại lần đầu vào đêm 30 Tết ở bờ sông [đến mùng 5 thì lại chạy lên Lạng Sơn để qua Trung Hoa] (ANKL)

Lê Duy Kỳ mượn thể quân Thanh đền ơn trả oán, trong đó có việc chặt chân ba hoàng thúc, mổ bụng đàn bà có mang ... khi trở về Thăng Long (Hoàng Lê Nhất Thống Chí và Cương Mục)	Vụ án ba hoàng thúc chưa biết rõ nguyên nhân nhưng đã xảy ra từ trước khi quân Thanh sang nước ta [rất có thể liên quan đến việc tranh đoạt ngai vàng giữa các con vua Hiến Tông và cháu nội] (lá thư của các di mục An Nam và Lê Duy Cẩn xin nhà Thanh bãi binh)
Lê Duy Kỳ dẫn mẹ chạy làm náo loạn lòng quân gây ra việc quân Thanh đại bại (sử Trung Hoa)	Tôn Sĩ Nghị bỏ mặc các tướng, chạy qua sông Phú Lương, chặt cầu phao khiến quân Thanh bị tàn sát (lá thư tự thú của Tôn Sĩ Nghị tâu lên vua Càn Long do Trang Cát Phát tìm thấy trong văn khố không chép trong ANKL)
Lê Duy Kỳ chạy theo Tôn Sĩ Nghị qua ải Nam Quan sang Trung Hoa (Hoàng Lê Nhất Thống Chí)	Tôn Sĩ Nghị cùng một số cận vệ chạy đường riêng, Lê Duy Kỳ và tông thất nhà Lê chạy một đường khác. Hai mẹ con qua được cửa ải vào hai ngày khác nhau. Chỉ có hoàng phi không chạy được nên lần trốn về quê ở làng Tì Bà (ANKL và BHTK)
Lê Duy Kỳ và tông vong bị đánh lừa, gióc tóc, thay áo (Hoàng Lê Nhất Thống Chí)	Lê Duy Kỳ và đồng bọn bị bắt buộc phải đổi theo y phục của họ [theo luật nhà Thanh ai muốn ở lại Trung Hoa đều phải gióc tóc và mặc quần áo theo kiểu Tàu] rồi áp tống về Bắc Kinh, sau đó chia ra mỗi người một nơi sáp nhập vào Hán quân của nhà Thanh. Những người không chịu hàng phục đều bị bắt giam (ANKL)
Lê Duy Kỳ bỏ mất ấn tín của nhà Thanh ban cho (Hoàng Lê Nhất Thống Chí)	Ấn An Nam quốc vương của Lê Duy Kỳ giao lại cho Lê Quýnh giữ nhưng không giao lại cho nhà Thanh, chỉ đưa ra một số giấy có đóng dấu trống để chứng minh là vẫn còn trong tay họ Lê. Vì thế nhà Thanh không thể truy tố Lê Duy Kỳ về tội làm mất con dấu An Nam Quốc Vương là một đại tội. (ANKL)

NIÊN BIỂU

ÂM LỊCH	LÊ TRIỀU	TÂY SƠN	THÁNG	DUƠNG LỊCH	TUỔI	GHI CHÚ
Bính Tuất	CH 27			1766		xuất sinh
Đinh Hợi	CH 28			1767	1	Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm nối nghiệp
					2	
Kỷ Sửu	CH 30			1769	3	Thái tử Duy Vĩ bị giam vào ngục
Canh Dần	CH 31			1770	4	
Tân Mão	CH 32			1771	5	Thái tử Duy Vĩ bị giết Ba anh em Duy Khiêm (Kỳ), Duy Trù, Duy Chi bị giam
Nhâm Thìn	CH33			1772	6	
Quý Tị	CH34			1773	7	
Giáp Ngọ	CH35			1774	8	
Ất Mùi	CH36			1775	9	
Bính Thân	CH37			1776	10	
Đinh Dậu	CH38			1777	11	
Mậu Tuất	CH39			1778	12	
Kỷ Hợi	CH40			1779	13	

Canh Tí	CH41			1780	14	
Tân Sửu	CH42			1781	15	
Nhâm Dần	CH 43			1782	16	Trịnh Sâm mất Quân tam phủ nổi loạn lập Trịnh Khải làm chúa
Quý Mão	CH 44			1783	17	Anh em Lê Duy Kỳ được thả ra khỏi ngục Lê Duy Kỳ lên làm hoàng thái tôn
Giáp Thìn	CH 45			1784	18	
Ất Tị	CH 46			1785	19	
Bính Ngọ	CH 47		5 26-6 26-6 27-6 11-7 17-7 7	1786	20	Nguyễn Huệ lấy Phú Xuân, Quận Tào Phạm Ngô Cầu bị giết Chúa Trịnh Khải chạy lên Sơn Tây Nguyễn Huệ vào Thăng Long Chúa Trịnh tự vẫn Nguyễn Huệ lấy công chúa Ngọc Hân Vua Hiến Tông mất Lê Duy Kỳ lên ngôi, niên hiệu Chiêu Thống
Đinh Mùi	CT 1		12 12	1787 1787 1787	21	Vũ Văn Nhậm ra Bắc, giết Nguyễn Hữu Chỉnh Lê Duy Kỳ chạy lên Kinh Bắc Gia quyến nhà Lê hơn 200 người do Hoàng Ích Hiếu, Phạm Đình Quyền bảo hộ chạy lên Lạng Sơn

Mậu Thân	CT2	QT1		1788	22	Nguyễn Huệ giết Vũ Văn Nhậm Lê Duy Kỳ lưu lạc từ Kinh Bắc sang Hải Dương, Thanh Hoa (NAK 337)
			4/5	1788		Gia quyến nhà Lê chạy được tới Bắc Niệm, biên giới Quảng Tây
						Quân Tây Sơn truy kích
						Lê quyền chạy được tới bờ sông bên kia là ải Đầu Áo, Thủy Khẩu quan
				1788		Quân Thanh sang nước ta
			4/8	1788		Tôn Sĩ Nghị sai Lê Quýnh về nước kiếm vua Lê để báo tin
			8/9	1788		Lê Quýnh gặp Lê Duy Kỳ ở Hải Dương
			15/9	1788		Lê Duy Kỳ sai Lê Quýnh cùng Lê Duy Đản và Trần Danh Ấn sang Trung Hoa tạ ơn và báo tin
						Lê Duy Kỳ và Lê Quýnh ra gặp Tôn Sĩ Nghị
						Lê Duy Kỳ được phong An Nam Quốc Vương
Kỷ Dậu	CT3	QT2		1789	23	Chạy sang Tàu
			5 N			Phúc Khang An bắt Lê Duy Kỳ cắt tóc đổi y phục [ANKL 21]
			18-5 N			Gặp Nguyễn Quang Hiến
Canh Tuất		QT3		1790	24	
			2-2	1790		bị giải lên Yên Kinh
			3			Lê Quýnh đến Yên Kinh bị tra hỏi ở bộ Hình

			23-3			Lê Quýnh đến ngục ở bộ Hình
			5-5	1790		vua Lê đến kinh đô
			3			gửi 10 lạng bạc, 2 cân trà và 3 bài thơ cho bọn Lê Quýnh (có họa lại)
			4			gửi 1 bài thơ cho Lê Quýnh (có họa lại)
Tân Hợi		QT4	6	1791	25	Quân Tây Sơn đánh Bảo Lạc bắt được Lê Duy Chi đem giết đi
Nhâm Tí		QT5		1792	26	Con trai Lê Duy Thuyên chết vì bệnh đậu
						Vua Quang Trung mất (9-Nhâm Tí)
Quý Sửu		CTh1		1793	27	Vua Chiêu Thống chết (16-10-Quý Sửu)
Giáp Dần		CTh2		1794		
Ất Mão		CTh3		1795		
Bính Thìn		CTh4		1796		
Đinh Tị		CTh5		1797		
Mậu Ngọ		CTh6		1798		
Kỷ Mùi		CTh7		1799		Thái hậu mất ở Tây Doanh (Trung Hoa)
				1799		Lê Quýnh và đồng bọn được thả

Canh Thân				1800		
Tân Dậu				1801		
Nhâm Tuất				1802		Tồng thần nhà Lê xin về nước
Nhâm Tuất			9	1802		Lê Duy Hoán, con Lê Duy Chi được phong làm Diên Tự Công, trông coi việc thừa tự nhà Lê
Giáp Tý			11	1804		Đưa linh cữu vua Lê về táng ở Bàn Thạch
Giáp Thân				1884		Vua Tự Đức đặt tên thụy là Mẫn Hoàng Đế [Mẫn Đế]

LÊ THẦN TÔNG VONG NHÂN VẬT CHÍ

HỌ TÊN		QUÊ QUÁN	CHỨC VỤ LÊ TRIỀU	CHỨC VỤ THANH TRIỀU	NGUỒN TÀI LIỆU	PHỤ CHÚ
Vũ Xuân Bình	武春昂					
Vũ Trinh	武楨	Lạng Tài, Bắc Ninh	Lan Trì Bá		Kho Sách Hán Nôm II (149)	
Võ Trọng Dật	武仲逸					Cháu rể Nguyễn Đình Viện
Trịnh Hiến	鄭憲	Sóc Sơn, Vĩnh Lộc			CM	
Trịnh Đức Bồi	鄭德培				BHTK	Vào thăm Lê Quýnh
Trần Trùng	陳澄					Cháu Trần Đình
Trần Quang Châu	陳光珠					
Trần Lang	陳琅					Em Trần Đình
Trần Huy Lâm	陳輝林	Nam Trục, Nam Chân	Nội hàm			Theo đường Nam Quan sang Trung Hoa
Trần Hạc	陳鶴					
Trần Đình	陳琰					
Trần Danh (Phuong) Bính	陳名昂					Không sang Trung Hoa
Trần Danh Án	陳名案		Định Nhạc Bá			Hàn Lâm Hiệu Lý Không sang Trung Hoa
Trần Dân	陳寅					Con nuôi em Nguyễn Đình Viện
Trần Đắc Bồi	陳得培					Bắc Hành Tùng Ký viết là Trịnh Đức Bồi
Trần Chính Trung	陳正忠					
Thiều Tôn Hợp	詔尊洽					Con rể Nguyễn Đình Viện
Phan Khải Đức	潘啟德	Nghệ An		kiêu kỵ hiệu uỷ	LQDS 99	Theo đường Nam Quan sang TH
Phạm Như Tùng	范如松	An Lão, Thư Trì	Đề lĩnh		CM 858	
Phạm Đình [Trần] Thiện		Bác Trạch, Chân Định		lãnh thôi		Con Viêm Quận Công Phạm Đình Sĩ
Phạm Viết Canh	范曰賡				BHTK	Vào thăm Lê Quýnh

HỌ TÊN		QUÊ QUÁN	CHỨC VỤ LÊ TRIỀU	CHỨC VỤ THANH TRIỀU	NGUỒN TÀI LIỆU	PHỤ CHÚ
Nguyễn Viết Triệu	阮曰肇	Thanh Thủy, Nam Đường			CM	
Nguyễn Văn Xuyên	阮文川					
Nguyễn Văn Quyên	阮文涓	Bố Vệ, Đông Sơn				Mã đồng, bị người Thanh đánh chết
Nguyễn Văn Kính	阮文敬					
Nguyễn Trọng Du	阮仲瑜					
Nguyễn thị Ngọc Tổ		Tì Bà, Lang Tài (Bắc Ninh)	Thái hậu			Mẹ vua Chiêu Thống
Nguyễn thị Kim [Ngọc Thụy]	阮氏金	Tì Bà, Lang Tài	Hoàng phi		CM 859	Vợ vua Chiêu Thống, không kịp chạy sang Trung Hoa với chồng
Nguyễn Quốc Đồng	阮國棟	Tì Bà, Lang Tài	Phượng Thái Hậu			Anh của hoàng phi Nguyễn Thị Kim VSCMTY, 622
Nguyễn Phú Tân	阮富埜					
Nguyễn Ngọc Triệu	阮玉肇					Con Nguyễn Đình Viện
Nguyễn Ngọc Liên	阮玉璉					Con Nguyễn Đình Viện
Nguyễn Ngọc Chân	阮玉振					Con Nguyễn Đình Viện
Nguyễn Huy Túc	阮輝宿					
Nguyễn Huy Trạc	阮輝濯					
Nguyễn Hùng Trung	阮雄忠	Bình An, Thư Trì				
Nguyễn Hiền	阮賢					
Nguyễn Doãn Tuấn	阮允俊					
Nguyễn Đình Viện	阮廷院					
Nguyễn Đình Mai	阮廷枚					
Nguyễn Đình		Hương				

HỌ TÊN		QUÊ QUÁN	CHỨC VỤ LÊ TRIỀU	CHỨC VỤ THANH TRIỀU	NGUỒN TÀI LIỆU	PHỤ CHÚ
Miên		Ngạnh, Từ Liêm				
Nguyễn Đình Luyện	阮廷練					
Nguyễn Đình Liên	阮廷璉					
Nguyễn Đình Hoa	阮廷花					
Nguyễn Đình Giản	阮廷簡					
Nguyễn Đình Dung	阮廷容					
Nguyễn Đình Cầm	阮廷錦					
Ngô Thu	吳舒				BHTK	Vào thăm Lê Quỳnh
Lý Thừa Nghiệp	李承鄴					
Lý Gia Du	李嘉猷	Thụy Lôi, Kim Bảng				
Lý Bình Đạo	李秉道					
Lê Văn Trương		Nghĩa Động, Nam Đường			CM	Coi tượng binh
Lê Tùng	黎松	Tây Tựu, Từ Liêm				
Lê Trọng Vĩ	黎仲偉					
Lê Thúc	黎式	Đáp Cầu, Hoàng Hóa				
Lê Quỳnh	黎炯	Đại Mão, Bắc Ninh	Trường Phái Hâu		BHTK	
Lê Quý Thích	黎貴適	Động Bàng, Yên Định			CM	Coi tứ bảo
Lê Nguyên		Đồng Trạch	Xuất nạp [can gián]		CM	Theo đường Nam Quan sang TH
Lê Hạo	黎灝	An Ấp, Hương Sơn	Quản hậu kinh cơ		CM	Theo đường Nam Quan sang TH

HỌ TÊN		QUÊ QUÁN	CHỨC VỤ LÊ TRIỀU	CHỨC VỤ THANH TRIỀU	NGUỒN TÀI LIỆU	PHỤ CHÚ
Lê Hân	黎昕					
Lê Duy Trợ	黎維助					
Lê Duy Thuyên	黎維詮					
Lê Duy Doanh	黎維贏					
Lê Duy Dân	黎輝東	Hương La, Bắc Ninh	Hương Phái Bá			Hàn Lâm Thị Độc Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775)
Lê Duy Án	黎維桉		Trung Quận Công		LQDS, 89	Hoàng thúc, chú vua Chiêu Thống theo đường Du Quan
Lê Doãn Tuấn	黎允俊					
Lê Doãn Trị	黎允值	Đại Mão, Siêu Loại			CM	Em họ Lê Quýnh
Lê Doãn		Đồng Trạch, Quỳnh Côi				
Lê Doãn Toàn	黎允全					Con Lê Quýnh
Lê Đình Định	黎廷定					Con Lê Trọng Vĩ
Hoàng Vinh An	黃榮安					
Hoàng Văn Hoàng	黃文潢					
Hoàng Văn Diễn	黃文衍					
Hoàng Văn Đề	黃文提					
Hoàng Ích Hiếu	黃益曉	Phong Năm, Thượng Lang [Cao Bằng]	Địch Quận Công			Phiên mục Cao Bằng
Giang Danh Quan	江名冠					
Đỗ Văn Thành	杜文城					
Đinh Nhạ Hành	丁迓衡	Hàm Giang		lãnh thôi	LQDS, 89, 99	Đi đường Long Môn sang TH
Đinh Lệnh Dân	丁令胤	Hàm Giang, Cầm Giàng			LQDS, 89	Đi đường Long Môn sang TH
Danh Khoan Triều	名寬朝					
Đặng Kinh Huân	鄧金薰					
Đàm Thận Xương	潭慎廠	Hương Mặc,			CM 859	

HỌ TÊN		QUÊ QUÁN	CHỨC VỤ LÊ TRIỀU	CHỨC VỤ THANH TRIỀU	NGUỒN TÀI LIỆU	PHỤ CHÚ
		Đông Ngàn				
Cao Xuân Vượng	高春旺					
Cao Quốc Liên	高國連					
Bế Nguyễn Cung					LQDS, 89	Đi đường Cao Bằng sang TH
Bế Nguyễn Doãn					LQDS, 89	Đi đường Cao Bằng sang TH
Lê Quang Duệ	黎光睿				DHTL, 1629	